



GIACOSÌ

TRANVIA

giáo sĩ.tập truyện ngắn.trần vũ

giáo sĩ. tập truyện ngắn. trần vũ

bìa: ***Midway Press***

trình bày: ***Midway Press***, tranh bìa **internet**

sưu nhật từ <http://tranvu.free.fr/baiviet/index.html>

ấn hành: ***Anywhere***

Copyright © 2014 by Trần Vũ

giáo sĩ
tập truyện ngắn
trần vũ



Nhà văn Trần Vũ (đứng, phải sang), Nguyễn Hữu Hồng Minh, nhà phê bình Thụy Khuê, nhà văn Cổ Ngư tại Paris. Ảnh: Trần Thiện-Đạo

M

ục lục

9	bản mặt trăng vũ qua thụ khuê
21	bên trong pháo đài
40	buổi sáng sinh phần
72	cánh đồng mùa gặt khô
86	giấc mơ thổ
122	giáo sĩ
180	gia phả
195	mùa mưa gai sắc
221	ngôi nhà sau lưng văn miếu
239	táo mỳ và những nhụy cúc
254	nhã nam
264	sàigòn, ngày lạ mặt
271	dấu hỏi sorrente
285	vĩ diên
297	pháo thuyền trên dòng yang-tsé
319	vĩnh yên 1973
350	phép tính của một nho sĩ

Bản mặt trần vũ qua thụy khuê

Cần phải nhắc lại với người viết truyện rằng: không phải tác giả viết nên tác phẩm mà tác phẩm tự xác định qua người viết, và cho dù sáng suốt đến đâu người viết cũng trải qua một kinh nghiệm vượt quá sức mình.

Maurice Blanchot

Một câu hỏi thường hay đến với người đọc: Truyện là gì? Viết như thế nào? Đối với những nhà nghiên cứu văn học thì văn chương, ngoài tiểu luận, có hai thể loại chính: Hư cấu và thơ. Todorov đã có dịp trình bày một

cách khoa học những định nghĩa và phân loại này trong *Les genres du discours* (Thể loại văn bản). Nguyễn Công Hoan thiết thực và bình dân, tuyên bố: “*Tiểu thuyết là một truyện bịa y như thật. Nhà tiểu thuyết là người biết bịa truyện*”¹. Làm thế nào để bịa y như thật? Nguyễn Công Hoan cho thêm bí quyết: muốn bịa y như thật thì phải bịa bằng sự thật, nghĩa là, viết gì thì viết nhưng tất yếu phải dựa trên kinh nghiệm sống thực, kinh nghiệm đã trải qua. Đường như không chỉ một Nguyễn Công Hoan nghĩ như thế, mà hầu như nhà văn nào cũng dựng truyện xoay quanh “chân lý” đó. Trần Vũ là một trường hợp: *Bịa không giống thực* và phải nói ngay: anh thành công trong cái “sự bịa đặt hoàn toàn” ấy.

*

Trần Vũ sinh ngày 2/10/1962 tại Sài Gòn. Vượt biển sang Pháp từ năm 1979, hiện sống tại Paris. Tác giả hai tập truyện ngắn: *Ngôi Nhà Sau Lung Văn Miếu* do Thời Văn xuất bản năm 1990 và *Cái Chết Sau Quá Khứ* do Hồng Lĩnh xuất bản năm 1992, cũng tại California, Hoa Kỳ. *Ngôi Nhà Sau Lung Văn Miếu* mới là bước đầu tìm kiếm. *Cái Chết Sau Quá Khứ*, bước thứ nhì, xác định một phong cách, một giá trị. *Cái Chết Sau Quá Khứ* gồm chín truyện ngắn với những thể dạng khác nhau: *Mùa Mưa Gai Sắc*, viết về Nguyễn Huệ và Ngọc Hân. *Gia Phả*: Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị và Trần Thủ Độ. Cả hai thuộc loại giả sử. Giả sử chứ không phải dã sử. *Cánh Đồng Mùa Gặt Khô*, hồi ức, tâm ký. *Những Bông Cắm Chướng Đại*: Đòi giang hồ. *Pháo*

¹ *Đời Viết Văn Của Tôi*, Nguyễn Công Hoan, NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1994.

Thuyền Trên Dòng Yang-Tsé: loạn luân. *Benhur và Messela*: vấn đề hồi hương và hội nhập xứ sở. *Buổi Sáng Sinh Phần*: người nói chuyện với ma - đối thoại cảm giữa hai miền Nam-Bắc. *Phố Cổ Hội An* và *Cái Chết Sau Quá Khứ*: ám ảnh dục tình, tội ác, ảo giác, quá khứ đè lên hiện tại.

Trong toàn tập chỉ có *Cánh Đồng Mùa Gặt Khô* dựa trên thực tại, phần còn lại hoàn toàn hư cấu. *Cánh Đồng Mùa Gặt Khô* là một tâm kỷ rất hay, cái hay cổ điển, hay với phần đông mọi người. Các truyện khác, còn tùy quan niệm đạo đức, chưa chắc đã hay, nhưng mạo hiểm và có chất sáng tạo.

*

Trần Vũ dùng kỹ thuật làm sở trường, gạt bỏ phần cảm tính, bút pháp khô, lạnh, plastique và ác. Nhịp văn nhanh và lời cuốn. Trực tiếp đi vào tác phẩm, chúng ta có thể đọc một vài trích đoạn. Về Ngọc Hàn công chúa, Trần Vũ viết:

“Những ngón tay tí mi kẻ viền mắt, đánh thật sắc khoe mắt vốn đã sắc lẹm bén như nước lam, nhìn ai thường hóp hóp người đó [...] Ngọc Hàn sai thị tỳ cùng nô tài khiêng kiệu đưa nàng ra cửa Tuyên Vũ xem bêu xác Trịnh Khải [...] đầu mắc một nơi, xác phanh một góc [...] từ cặp mắt trợn ngược, nốt ruồi du mà lúc sinh tiền Khải thường hay vân vê, đến lỗ dao sâu hoắm ở cổ họng và những sợi gân còn vương mắc đọng đưa lòng thông bên dưới. Ngọc Hàn cảm thấy hả dạ, cúi xuống lần lần khăn san cầm ở tay ra về xúc động nhưng kỳ thực là để che nụ cười thỏa mãn, cực sung sướng. Lần đầu tiên nàng khám phá ra hiệu quả của những xác chết có thể giải bày mọi uất ức trong người mình” (trang 13-17)

Và đây là chân dung Nguyễn Huệ:

“Huệ chỉ nghĩ tới việc giết người để lấy phần của người chết [...] Vai to bè hơn vai tê giác, mặt vuông vắn gỗ. Huệ cất tiếng nói. Giọng ô ồ vỗ ra như tiếng thác đổ vào giữa khuya [...] Khắc nhỏ, lăm bằm chửi rửa, đóng mạnh rương, rồi trở ra bàn gục mặt vào thau rượu. Huệ uống tới lúc ngủ quên trong thau.” (trang 11-26)

Cảnh chào đời của Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị, vợ Trần Thủ Độ:

“Cuống rốn nắm trong tay mẹ đỏ hiệu được số mệnh, vùng vẫy, cựa quậy, tháo thân, cuống rốn như con rắn nước liều linh kháng cự trước lúc bị chặt đứt. Miếng chai xấn xuống, cửa mãi, cửa mãi, thịt rách, gân đứt, máu phụt, vợ Trần Lý căng, đập, hét la oàn oại gào trong mất mát [...] Máu tiếp tục phun. Nước mắt tôi chảy cho Trần Thị: Vào đời giữa máu mê hung bạo.” (trang 118)

Cái Chết Sau Quá Khứ không chỉ chứa chất những trang bạo lực máu mê, mà còn có những đoạn ngoạn mục như tiếng nước chảy:

“Tiếng nước rỏ xuống sâu, nghe văng âm hắt dội giữa trưa vắng tịch mịch, chợt vang vang thành bước chân của những tên khổng lồ đuổi bắt thời gian.” (trang 119)

Quái gở như cảnh Trần Thủ Độ phi ngựa:

“Chiều đó, bầu trời bẩn lấm [...] Độ thúc ngựa như điên như dại. Nắng ruối theo sau, hót hải [...] Lúc vó ngựa của Độ rầm rập dẫm vào trong sân thì mặt trời đã trở nên cực hung hãn, mặt trời như có đúc vàng đặc cứng chặt căng trên da mặt Độ phùng phùng lửa giận.” (trang 123)

Trong sáng như đôi mắt của u già:

“Đôi mắt u buồn lắm. Đôi mắt u nhìn kỹ trong veo như đáy sông Thao.” (trang 132)

Chúng ta có thể nhân lên những ví dụ tương tự. Những trích đoạn trên đây lạ lùng và không phản ánh hiện thực. Kể cả hình ảnh sống động như *“cuồng rồn vùng vẫy, cựa quậy, tháo thân”* đến thơ mộng như *“mắt u già trong veo như đáy sông Thao”* đều không dựa trên một thực tại bình thường. Nếu nói là bịa thì đúng là bịa: Ngọc Hân công chúa làm gì biết vẽ mắt? Ai biết diện mạo tính tình Nguyễn Huệ? Nước sông Thao làm sao mà trong được?

Sông Thao nước đục người đen

(ca dao)

Sông Thao nước đỏ như son

Người đi có nhớ nước non quê mình

(ca dao)

Ai không biết sông Thao thì hỏi sách, sách mách: *“Sông Thao, dòng trên Nhị Hà, chở nặng phù sa nên màu nước đục, đỏ như màu son”* (Địa Chí Vĩnh Phú). Vậy thì có bịa. Biết rằng bịa nhưng những câu văn kia vẫn lôi cuốn chúng ta bởi lối viết chặt chẽ, cục đoạn, có nghệ thuật, có chất thơ nhờ những ẩn dụ hung dữ phóng ra bất ngờ “thổi hồn” -chữ của Hoàng Ngọc Hiến- vào cái cuồng rồn, mặt trời, tia nắng, giọt nước... bắt chúng đầu thai làm người với một tâm hồn mãnh liệt, một sức sống cuồng nhiệt. Cái mãnh liệt, cái cuồng nhiệt đó, có thực. Trần Vũ dùng chân dung giả tưởng của Ngọc Hân, Nguyễn Huệ để diễn tả một hiện thực không giả: sự bạo tàn trong chiến tranh, trong các nhân vật lịch sử, trong thiên nhiên, vạn vật và con người.

Trần Vũ là hợp kim một thế giới giả tưởng. Văn chương Trần Vũ có bóng ma Marquez vánh vắt với kỹ thuật hỗn hợp sách hình, phim chuông, khoa học giả tưởng, hoạt họa và máy vi điện toán... để sáng chế ra cái gọi là *tout est possible* -gì cũng làm được- kể cả việc *chết sau quá khứ*, nhị hóa nhân cách (*dédoublement du personnage*). Nhưng “cái bịa” của Trần Vũ không phải là thứ bịa đặt tầm thường mà là bịa có tâm hồn, có ý thức sáng tạo và nghệ thuật, ngoài tác dụng ảo hóa và thi hóa văn phong, còn làm tăng nồng độ ma quái trong lòng người.

*

Trần Vũ rời xa đất nước lúc 17 tuổi. Ngôn ngữ của anh là tiếng Việt, nhưng tiếng mẹ đẻ ấy, Trần Vũ không được xài cho đã. Trong công việc hàng ngày, 80% sử dụng tiếng Pháp, tiếng Việt may lắm chiếm 20% thời gian còn lại nói với người thân, còn thì chỉ dùng trong giấc ngủ, trong độc thoại với chính mình. Ngôn ngữ của Trần Vũ là thứ tiếng “giả tưởng”, tiếng tưởng mình nói, nhưng thật ra mình chỉ tưởng tượng đang nói.

Trần Vũ kể: *“không viết được những gì đang sống vì đi làm với Tây, có gì mà viết!”* Vậy là không hội nhập. Không hội nhập đồng nghĩa với từ chối thực tại -thực tại đời sống- để cấu tạo một thực tại khác, “thực tại bịa” của riêng mình.

Tuổi trẻ của Trần Vũ nhìn những diễn biến trên đất nước trong hai, ba thập niên vừa qua khác với những người làm nên giai đoạn lịch sử đó, ở cả đôi bờ. Những giá trị mà thế hệ già dùng sinh mạng để mua hay chuộc, đối với thế hệ trẻ chúng vô nghĩa, giả trá, đáng ngờ. Do đó, có sự từ chối lịch sử, từ chối đạo đức rút ra từ lịch sử, để viết nên “giả sử”, bộ mặt trái của sử thật và sự thật.

*

Nếu hư cấu là khía cạnh thứ nhất trong văn chương Trần Vũ, thì bạo lực và dục tính là bộ mặt thứ nhì trong tác phẩm Trần Vũ. Muốn giải thể khía cạnh này, có lẽ cần phải tìm hiểu bản chất và tương quan giữa bạo lực và dục tính trong đời sống con người.

Bạo lực và dục tính kết hợp với nhau trong thể liên hoàn: Sade là một trường hợp mà Blanchot cho là thành quả của niềm cô đơn tuyệt đối. Thống kê Kinsey cung cấp những con số: trong giới anh chị (la pègre, underworld): 49,4% cần thỏa mãn thể xác cao độ (haute fréquence), tỷ lệ này giảm hẳn đối với người lao động bình thường. Giới trí thức, mộ đạo còn giảm hơn nữa. Phân tích sâu hơn tương quan giữa dục tính, bạo lực, thể quyền, sức lao động, sự sống và sự chết, Jean Baudrillard và Georges Bataille² dùng hai luận điểm:

Điểm thứ nhất: Quyền lực xây dựng trên sức lao động của con người, tức là xây dựng trên cái chết chậm (mort lente). Làm việc là đem sinh lực của mình để đổi lấy đồng tiền, nói khác đi, đồng lương mỗi tháng chúng ta lãnh được chẳng qua chỉ là giá bán sinh lực của mình để tiến dần đến cái chết. Lao động đối lập hai khái niệm chết dần (mort lente) và chết bất đắc kỳ tử (mort violente). Từ xã hội du mục đến bây giờ, dưới hình thức này hay hình thức khác, các thể quyền luôn luôn dùng bạo lực cưỡng bách con người lao động để sinh sống: tức là ngăn chặn sự chết

² Jean Baudrillard, *L'Echange symbolique et la Mort*, Ed. Gallimard, 1989.
Georges Bataille, *L'Erotisme*, Editions Minuit, 1992.

ngay bằng sự *chết chậm*. Vậy bạo lực và cái chết nằm trong sự sống.

Điểm thứ nhì: Dục tính được phân biệt dưới hai khía cạnh: khía cạnh tận hưởng khoái lạc và khía cạnh sinh sản. Khía cạnh sinh sản lại diễn biến trên hai đẳng độ: Sự kết hợp giữa trứng và tinh trùng tạo nên một sinh thể mới, đồng thời kéo theo sự hủy diệt hàng hà sa số tinh trùng khác.

Vậy phần đất của dục tính cũng là địa hạt giao tranh khốc liệt giữa các tinh trùng, là lãnh vực của bạo lực (violence) và xâm lấn (violation). “Anh hùng” chẳng qua chỉ là một tinh trùng đã tiêu diệt được các tinh trùng khác để chiếm hữu đối tượng trứng và trở thành kẻ chiến thắng.

Nguyễn Văn Trung đưa ra một luận điểm khác: Bản chất con người là chinh phục thiên nhiên để sống còn. Chinh phục cũng là sáng tạo. Bạo lực là một hình thức sáng tạo; bạo lực nằm trong sáng tạo³

Chúng ta sinh ra là những thực thể cá biệt, chia cắt nhau, gián đoạn nhau, và chết đi trong cô đơn, không chia sẻ. Động tác dục tính -cơ nguyên của sinh sản- giết chết cô đơn, gián đoạn, cho chúng ta cảm giác liên tục (trong chốc lát) qua sự hợp kết hai thể xác, hai linh hồn, gấn bó hai tế bào: tinh trùng và trứng -tự hủy- để tác thành một sinh vật mới. Con người vào đời trong bối cảnh máu me hung bạo: sinh con người mẹ phải đón đau, xuất huyết, đôi khi phải bước qua cửa tử. Vì sự chết, và từ sự chết mà thoát thai sự sống, nhưng khát vọng giết người làm đảo lộn tất cả các hình thái xã hội dựa trên lao động và lẽ phải. Từ đó

³ Nguyễn Văn Trung, *Ca Tụng Thân Xác*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn, 1967.

nảy sinh những cấm kỵ (interdit) và đồng thời những vi phạm cấm kỵ (transgression): chiến tranh, săn bắn, loạn luân, cuồng ảm (orgie), tế thần... đều thuộc vào lãnh địa vi phạm cấm điều.

Chúa dạy “đừng giết người” (tu ne tueras point). Phật dạy “tù bi hỷ xả” nhưng xưa nay chiến tranh tôn giáo là những chiến tranh tàn bạo nhất. Nguyên tắc “tử vi đạo” giải thích những cái chết rừng rợn nhất: Tự thiêu bên cạnh những “Phật tử” bình tâm tụng kinh chứng kiến, trợ giúp, quay phim và chụp ảnh ở những nước “có văn hóa” thật ra chỉ là hình thức biến dạng của sát sinh tế thần nơi những bộ lạc dã man “vô văn hóa”.

Thế liên kết, liên hoàn giữa bạo lực và dục tình, bạo lực và tín điều, bạo lực và cấm kỵ, bạo lực và sáng tạo, xuất hiện thường xuyên trong tác phẩm Trần Vũ. Tại sao?

*

Viết lại những vi phạm cấm điều của con người, Trần Vũ là một trường hợp phức loạn tri năng (anarchiste), chống lại mọi tính cách bài bản của đạo đức xã hội. Trần Vũ bày ra những hình ảnh, ẩn dụ, chữ nghĩa “giết người”:

“Mắt chị không nhìn ai mà cũng như lấy dao lia tú phía.” (trang 63)

“Yêu nước không vụ lợi, bán mình cho tổ quốc không lấy tiền.” (trang 61)

“Lừa té tát lên mặt, lừa đồ kè hai con mắt lão, lừa phà cả vào mồm vào miệng lão, bắt lấy hơi rượu cay lão đương tộp lấy tộp để, tu uống ừng ực như con vắt thềm máu.” (trang 195)

“Đội cho tất cả dã man ngấm hết vào mình Loan.” (trang 181)

“Thịt da lão đã mọc trở lại. Thịt mọc trên xương, mỡ bao lấy thịt, da bao lấy mỡ.” (trang 211)

“Giọng cười khé khắt hăng hắc như nước sôi quá độ, tiếng cười luộc bóng tim tôi.” (trang 203)

Những hình ảnh trên đây làm sùng sốt quần chúng bình thường, được viết bằng ngòi bút lạnh lùng ráo hoảnh, tán tậm lương tâm, bất bình thường. Có gì cắt, cứa, khiêu, khích, châm, chích, gai, sắc, hoắt, nhọn trong bút pháp ấy: bạo lực không chỉ đến qua những xen bạo tàn mô tả, qua lối sắp ngửa trình thám, qua bố cục dồn dập xen kẽ dục tình và tội ác, biến thiên những bất ngờ cực kỳ thác loạn. Mà còn ngằm trong chữ nghĩa, thấm vào chúng ta như độc được uống nhằm khiến *“tất cả đã man ngấm hết vào mình”*. Khảo sát ngôn ngữ nhà văn, người đọc có thể cho rằng Trần Vũ bị bạo lực ám ảnh, nhưng không ngờ rằng chính cái văn phong bạt mạng, ma quái ấy *“hóp hồn”* chúng ta -phản ứng giao thoa- hai chiều.

Bản chất hiền lành, nhút nhát, không làm nát một con ruồi, Trần Vũ chống trả những độc ác của cuộc đời bằng những fantasmes, tựa như Sade, chống lại sự cô đơn tuyệt đối trong ngục tù, oan ức trọn đời bằng ý niệm bạo dâm, hoang tưởng, triệt hạ tất cả đối tượng không phải là mình, ngoài mình.

*

Nhiều người cho rằng Trần Vũ bắt chước Nguyễn Huy Thiệp. Rất có thể. Mà lại không chắc đúng. Trần Vũ và Nguyễn Huy Thiệp không giống nhau, ngoại trừ việc dùng lịch sử làm tay sai cho những điều muốn nói. Ngoài sự khác nhau về tài năng, bản sắc, chỉ riêng việc dùng lịch sử họ cũng đã khác nhau. Nguyễn Huy Thiệp đánh đổ

thần tượng quá khứ để duyệt y bù nhìn hiện tại, dùng chối quá khứ để quét hiện tại và dọn tương lai. Nguyễn Huy Thiệp dùng lịch sử với chủ đích nhân bản, cải tiến xã hội. Nguyễn Huy Thiệp tin vào con người.

Trần Vũ không có chủ đích đó và không tin vào con người. Anh dùng lịch sử vì bản năng đập phá của mình, muốn tiêu diệt những ảo tưởng tốt đẹp về con người: ảo tưởng về nhân vật lịch sử, ảo tưởng về một thứ phụ nữ nét na, hiền hậu, đẹp và sang, phục vụ tổ quốc như Ngọc Hân công chúa... Làm gì có thể? Đằng sau bộ mặt đẹp, hẳn phải có một “thú tính” nào đó - hoặc đanh ác, chua ngoa, hoặc lừa lọc, dâm dăng - nếu không xuất đầu lộ diện trong cách xử sự, thì cũng sống ngầm trong tiềm thức, trong vô thức. Cái vô thức ấy, Trần Vũ đẩy cho nó lộ ra và tư chất của Ngọc Hân, của Nguyễn Huệ mà Trần Vũ mô tả là cái ác, bị dồn ép, cấm kỵ, nhưng vẫn nằm chờ trong vô thức của con người. Trần Vũ chỉ tẩy máy xi cho nó thoát thai thành nhân vật tiểu thuyết.

*

Trần Vũ mô tả bộ mặt ngầm ấy để làm gì? Anh viết để đập phá cái phi nghĩa của chính nghĩa, của đạo đức, của tôn giáo... do con người đặt ra để che dấu phần ác ngầm của chính mình. Mà cũng có thể anh chỉ viết để chơi thôi. Dù sao lá bài của Trần Vũ cũng là con dao hai lưỡi: Khơi bộ mặt bạo tàn có thể quậy lên động lực thúc đẩy bạo tàn. Trong môi trường đông đặc vi trùng, một xúc tác có thể khơi động muôn vàn ô nhiễm..

Ngoài ra, việc sử dụng lịch sử trong văn học là chuyện rất bình thường. Có nhiều thái độ sử dụng lịch sử: có thể dùng lịch sử để viết tiểu thuyết ly kỳ, có thể dùng lịch sử để tuyên truyền cho một chính nghĩa nào đó, có thể dùng

lịch sử để rút tĩa bài học quá khứ cho hiện tại, và còn có thể dùng lịch sử để đập phá ảo tưởng thực tại như trường hợp Trần Vũ. Dùng cách nào chăng nữa, khi người viết đạt được trình độ nghệ thuật chín chắn, thì có thành công.

Chuyện bôi nhọ lịch sử là một cách nói dễ, nói vội. Bởi lịch sử của một dân tộc, ở đâu, và trong thời điểm nào -không cần bôi- cũng đã nhọ nhem, phản trắc và đầy tội ác. Hamlet, Le Cid... những anh hùng ca lớn của nhân loại chỉ phản ánh sự bạo tàn của con người trong tình cha con huyết thống, trong oán thù truyền kiếp: giết nhau nhân danh tình yêu, danh dự, tổ quốc... Lịch sử nước ta: nhà Trần lấy việc loạn luân làm quốc sách, tôn thất nhà Nguyễn dùng cách giết vua làm thượng sách. Nguyễn Huệ, cha đẻ những chiến công oanh liệt và Nguyễn Ánh tác giả kỳ công thống nhất đất nước còn là thủ phạm những cực hình phanh thây xé xác (Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm...), xử giáo, voi dày (Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân...), đây là những cái chết có danh, “có tội”. Ngoài ra, họ còn là tác giả của bao nhiêu cái chết vô danh, vô tội?

Diện mạo anh hùng của các nhân vật lịch sử mà người ta thần tượng hóa, tiếc rằng chỉ mới có một nửa: Phơi ra áo gấm trạng nguyên rực rỡ huy hoàng và cất đi bộ mặt sát nhân tàn ác. Lịch sử còn quên nhìn kỹ hậu trường, đến bản chất của chiến tranh: một dịch vụ giết người có tổ chức, được chính thức công nhận, tổ quốc ghi ơn. Điều đó đúng cho cả người chinh phục -tức kẻ ngoại xâm- lẫn người chống chinh phục - là những vị anh hùng dân tộc.

Ai viết nên bộ mặt tàn bạo ấy, tức là đã đi xa hơn lịch sử, để xâm nhập vào lãnh vực con người.

*Paris 18/10/1993, **Thụy Khuê***

bên trong pháo đài

Cuộc sống của đám con gái trở nên khó khăn hơn từ khi chúng tôi chuyển sang công tác hầm Mười Một. Cuộc sống? Nếu có thể gọi hai mươi bốn tiếng đồng hồ chui rúc dưới lòng đất của lũ con gái là cuộc sống. Thế kỷ này thật lạ. Ngày xưa chỉ có những kẻ chết rồi mới vào nằm trong đất. Ngày nay những thầy ma tranh nhau dành phơi mình trên đất nóng mùi lửa. Bọn sống sót còn thở chúng tôi, còn mang những gân máu dữ dội trong hố mắt, thì bò trườn lê lết trong những đường hầm hun hút thậm thụt. Thế giới đảo lộn từ khi thần chết biết bay, xuống bắt người

từ những đám mây xanh an bình, tường hiền lành mà bất thần thả lao nổi chết vỡ vụn. Bọn con gái, những khi rãnh rỗi, ngồi kiểm điểm trao đổi những kinh nghiệm bản thân đã trải qua. Kinh nghiệm? Nếu gọi là kinh nghiệm cảnh tượng tất tả chạy chối chết bằng đồng về điểm núp, bàn tay tê liệt không cầm nổi súng trong thứ âm thanh lạnh lạnh của đạn đại liên từ máy bay lên thẳng xối ào xuống ruộng. Tôi dường đã đánh mất từ khi chui xuống hầm Mười Một, cái cảm giác nóng bỏng của giọt nắng vờ òa trên da thịt sợ hãi cháy phỏng lửa xăng. Không phải tôi không biết sợ mỗi khi máy bay địch tập kích. Mỗi khi trần tăng xê của hầm Mười Một vụt rung chuyển, lắc lư bần bật, thuốc đạn, bụi đất tung mù không khí và hơi nóng dồn xuống muốn nung chín mọi người co quắp run rẩy chịu đựng. Những khi ấy dĩ nhiên là tôi biết sợ. Nhưng là nỗi sợ hãi trong bóng tối có màu đất đen quánh ngọt ngọt, không phải sự sợ hãi bình thường của một con người đang chạy trốn, bị đe dọa nhưng còn trông thấy mặt trời và tin tưởng vào sức sống của cỏ cây, vạn vật chung quanh. Ở đây – dưới hầm Mười Một – không có cây, không có lá, không có mặt trời, không có mây và không có cả sự tự do chạy trốn. Chỉ có một đám người tê cứng tứ chi thụ động chờ thân chết đem đi. Trong số những chiến sĩ du kích của tỉnh đội Củ Chi sống chui rúc dưới lòng đất, trốn những trận mưa bom không ngớt, liên liên, có bốn đứa con gái là Nhu, Phấn, Huệ và tôi.

*

Hôm đầu tiên về công tác ở hầm Mười Một, tôi nhớ bọn con gái đã được chào đón hân hoan bằng nhiều khuôn mặt hồ hởi của các đồng chí nằm hầm bao lâu nay. Sự hồ hởi của bọn họ hiện rõ trong tiếng cười khan khan gằn như

không thoát ra nổi khỏi hàm răng luôn luôn nghiền chặt kim hàm nổi xúc động thường trực, thường bùng nổ đột ngột ở mỗi trận bom. Lục - người cán bộ chỉ đạo của Mặt Trận- cũng có giọng cười sần sệt co rút các cơ hàm khi bố trí chỗ ăn ngủ và chỉ định các khâu công tác cho chúng tôi. Hầm Mười Một quả là điểm nóng của tuyến đường ngầm 916B. Bọn con gái đã chịu thử thách ngay những giờ nằm điểm đầu tiên. Thoạt tiên là còi báo động. Thử âm thanh gần giống với chuông báo thức thoát ra từ cái đài bán dẫn, được khuếch đại vang lên trong tất bật của cả nhóm người nhón nháo. Tiếng bom reo trong lòng đất kể đến mới thật kinh dị. Bọn chúng tôi nghe rõ mồn một thứ tiếng động mạnh của nhiều vật nặng xuyên xoáy vào lòng đất. Rồi tiếng nổ chát chúa ù tai dây chuyển trong lúc người văng đi, thân thể tung bắn lên trần hầm. Kinh nhất là sức ép trong lòng đất. Tám lá phổi của bốn đứa con gái như bị bóp dẹp, vò nát rách buồm từng mảnh. Những trận bom có thể bất chợt trong nhiều phút với tiếng nổ âm âm rồi kéo dài hàng giờ với tiếng vọng âm âm trong lòng đất, nhiều khi từ một nơi thật xa truyền lại còn giữ nguyên sức rung địa chấn. Chúng tôi co quắp ôm chặt nhau những khi ấy, với cảm tưởng thân chết đang bóp chặt lấy cổ họng, đùa bỡn. Đất đá từ trần rơi xuống lộp bộp, lấp đầy những cái miệng cổ mở lớn để thu vào chút dưỡng khí. Cả bọn chỉ nhận ra người mình phủ đầy cát và một dòng máu đỏ lôm đang rỉ ra từ cánh mũi đen xì cấu bẩn đất sau khi cuộc đánh bom qua đi. Đời sống ở hầm Mười Một quả là khủng khiếp, nếu còn có thể gọi là đời sống.

Nhưng rồi ở đâu thì con người cũng tìm cách thích nghi với môi trường mới. Chúng tôi quen dần với những

trận đánh bom. Quen với những luồng hơi nóng hùng hực của bom xăng đặc ném dội xuống hầm. Quen với những tuyến đường ngầm đào theo hình chữ L, sâu xuống thành hình chữ E và tẽ ra thành chữ K chạy zích zắc nối liền nhau bằng các hầm chắn an toàn đổ đầy than đá, vôi sống và sỏi cát để lọc hơi độc mà địch thường bom xuống từ một nắp hầm bị khám phá. Bốn đứa con gái quen với cả tính tình và vóc dáng những người du kích tinh đội. Hai ống chân ghè chốc của Tỉnh, khuôn mặt phù thũng của Lập, bệnh sốt rét kinh niên của Chiến hay vết sẹo dài sâu hoắm giữa lưng Lực... Chúng tôi học sống và chiến đấu dưới lòng đất. Nhu -đứa con gái mười bảy tuổi- được chỉ định làm giao liên, biết mò mẫm trườn bò di chuyển trong những lộ tuyến nhỏ bằng lỗ chó chui, biết luồn lách trong những khúc hầm nguy hiểm nhất và ngửi ra mùi khói ngạt mà bọn Mỹ không ngừng ném, phun, xịt vào lòng đất. Nhu thường buộc lại búi tóc trễ xuống vai, ném về chúng tôi cái nhìn triu mến trước khi biết mất vào trong bóng tối của những con đường hầm đen thẳm, để dẫn đưa hay đón người tới từ những hầm chung quanh. Chẳng thế mà tập thể đã bình bầu Nhu là chiến sĩ giao liên tiên tiến, tặng danh hiệu anh hùng làm vẻ vang cho cả bọn. Phần thì khác. Đứa con gái mười chín tuổi sinh đẻ ở Củ Chi, rành rẽ, sành sỏi, nhớ mặt từng tên Dân vệ trong vùng. Phần còn là tay bắn cừ khôi của hầm. Mỗi đêm Phần theo Lực và tổ du kích rời hầm đi đắp mô, khâu thuê và tấn kích một vài đồn bót Ngụy ven khu vực. So với Phần, Huệ mập mạp đầy đà, có nước da xanh nhợt, trắng bệch vì là đứa sống lâu nhất dưới mặt đất. Tuy thế Huệ công tác tốt ở khâu chùi nuôi. Và cả tôi nữa -đứa con gái tên Nhật- vào đời với may mắn

chưa bao giờ phải sống trong vùng tạm chiếm của Ngụy. Mỗi ngày tôi ngồi trước máy, phụ trách khâu hiệu thính điện đài, tháo dỡ, cắm rút mấy chục cái phích để liên lạc với các hầm số Chín, Mười Ba, Mười Lăm... báo cáo tình hình và hội thảo phương án chi viện cho một điểm nóng nào đó nếu cần. Tôi còn nghe ngóng đêm cũng như ngày, tắt cả những động tĩnh trên đường dây điện đàm của địch và trình cho Lục nắm những mẫu tin xếp loại A. Những khi tôi ngủ, tự động Phấn hoặc Nhu ngồi vào bàn thay thế. Chúng tôi sống với tuổi trẻ và chiến đấu bằng niềm tin mãnh liệt rằng ngày tổng công kích sắp đến...

*

Thế giới của côn trùng, của giun dế, tuy thế cũng có những ngày êm lảng và bình yên. Máy bay địch hay gà thần chết hiểm ác dường như không mấy thích bay lượn những ngày mưa. Mỗi bận nghe tiếng sấm rền vọng ngân trong lòng đất, Phấn cong môi mĩa mai rằng giặc lái sợ ướt bộ đồ bay đẹp của chúng khi phải ra sân bay dưới cơn mưa nặng hạt. Nhu thì nói dối những hôm trời tẩm tã thế này, thế nào cóc nhái và ếch ương cũng ra chào cô trong những đường hầm ngập nước. Huệ cầu nhàu than củi ướt quá, khó nhen lửa bắc lò. Và tôi -con Nhật hiệu thính- bộ tịch hờn mát trời gắm làm đường dây nghe không rõ. Ngoài miệng nói thế, nhưng trong thâm tâm lũ con gái mong mưa như đất hạn mong nước. Ai hiểu cho bọn con gái những khó khăn thầm kín, những vấn đề vệ sinh bản thân mà bốn ca nước tiêu chuẩn mỗi ngày không đủ thỏa mãn cung ứng. Chúng tôi túa đi, thi nhau hứng những giọt nước trong suốt rỉ nhiều từ những rễ cây mọc len lỏi trong đất. Tiếng động lộp bộp vui tai của giọt nước vỡ, đôi khi làm người

ta quên mất đang sống trong thế giới của loài trùng đất. Riêng tôi cứ tưởng đầu mình hãy còn dưới mái nhà lá đột phát pho của gia đình. Bốn đứa con gái vụt trở nên trẻ thơ, đùa giỡn tạt nước vào nhau từ cái vại nước hứng đầy. Bọn chúng tôi gọi đầu và chà mình trong góc hầm giăng bạt. Sau những buổi tranh thủ tắm đột xuất như thế, tóc Nhu óng ả mượt mà hẳn lên, thôi dính bết từng mảng bùn đỏ ké “thu hoạch” được trong những chuyến giao liên. Da thịt Huệ cũng hồi sinh, nuột nà bay mất mùi bếp và tro than. Tôi tìm cho mình cái thú ngồi tựa lưng vào vách hầm mát lạnh, thấm loang loáng nước mưa rỉ rả nghe Nhu thủ thi kể một mẩu chuyện góp nhặt từ các hầm khác. Đôi mắt của mọi người long lanh bị kích thích khi nghe Nhu kể một cảnh cứu đất xấp ở hầm Mười Bốn. Cả bọn nén tiếng thở chờ đợi Lục kể tiếp một vụ xử lý linh động thẳng trưởng ấp chiến lược bị Mặt Trận bắt được. Huệ luôn dãi cả hầm một ấm chè tươi với bánh đậu mà hậu phương lớn miền Bắc gửi vào khích lệ nhân dân Nam bộ, sau những lúc hàn huyên thân mật ấy.

Nhưng thời gian dưới mặt đất qua mới chậm. Giọng đùa cợt khúc khích của bọn con gái loi dẩn. Khuôn mặt của những người du kích trở lại lăm lè, lạnh đá. Đêm cũng như ngày chỉ có một ánh đèn dầu vàng lu, vắn nhỏ tim leo lét, soi loe hoe dăm cái bóng lúc chao nghiêng ngả, lúc đứng sững dán in lên vách. Những hào hức ban đầu của lũ con gái vừa khám phá ra mặt chìm của đời sống dưới lòng đất, qua nhanh như cuộc tắm mưa ngắn ngủi. Thời gian biến thành sự bồn chồn chờ đợi. Tai vểnh lên nghe ngóng rình rập một tiếng động lạ. Mười ngón tay bứt rứt cào sước trên mặt đất. Những kích thích tốt độ của một bản tin chiến thắng,

số máy bay Mỹ bị bắn rơi trong ngày. Sự lo lắng chu toàn khâu công tác của mỗi người, những chiếc võng treo hối hả trên vũng nước ngập lông bông của hầm ngày mưa bão và cả nỗi sợ hãi điếng người khi địch vãi bom cày xới mặt đất, cũng không đủ giúp thời gian trôi nhanh hơn. Ngày dưới hầm Mười Một là một khối lê thê, dài thậm thượt hun hút như con đường ngầm sâu hoắm, bất tận, nuốt chửng mọi sinh vật. Nhóm con gái chỉ phân biệt được đêm ngày ở cây kim đồng hồ đánh tích tách dưới trần hầm đen cứng. Ngày đến với tiếng khạc nhỏ của một du kích bị loét bao tử thúc sớm. Trưa là tiếng đằng hắng của Lục triệu tập phiên họp bồi dưỡng chính trị. Chiều xuống thêm một buổi học tập cách thức bám trụ, chống càn trong chiến tranh Giải Phóng. Đêm về, trả tiếng tra đạn lách cách của tổ du kích khi rời hầm đi hoạt động. Chùng ấy tiếng động tẻ lạnh, ngân ấy cử chỉ rời rạc của từng người diễn ra trong ánh đèn dầu vàng bùng màu nghệ. Một tuần, một tháng, một năm... tiếng cười trong vắt của Nhu đục dần, cũng trở nên khàn khàn kim hãm. Giọng hát cao vút của Phấn thấp đi, không còn chuyên chở hết lửa nhiệt tình của những bài ca tranh đấu của Mặt trận. Và tôi – ở trần hầm im phắc – tôi bắt đầu trông thấy những đốm thao thức lớn dần, loang loáng nhiều ý nghĩ lạ. Ngày tổng công kích vẫn chưa đến, nhưng những bồn chồn nóng nảy trong lòng mọi người chùng đã chín mùi ghê gớm lắm rồi. Hà Nội, hậu phương lớn – pháo đài của niềm tin – trong bản tin cuối cùng đang chịu những trận bom khốc liệt.

*

Những trận bom khốc liệt tiếp tục một năm, thêm một tuần, thêm một tháng, thêm nhiều tháng... trong

ngọt ngọt thường trực của căn hầm ngột hoi, thiếu dưỡng khí. Cảnh tù quần bít bùng chìm sâu dưới lòng đất dễ làm con người ta nếu không phát điên, cũng chẳng còn bình thường. Điều kỳ lạ là lớp vỏ bên ngoài của những con người nằm hầm, nếu có vẻ vượt qua được thử thách để sống sót trong một môi sinh khắc nghiệt, thì cái phần bên trong của con người ấy hoàn toàn bị hủy hoại. Tôi chứng kiến đầy đủ, gần như trọn vẹn sự thoái hóa của những du kích bị tước đoạt ánh mặt trời.

Chuyện tranh chấp giữa Huệ và Phấn khởi đi từ một ve dầu dừa con con. Một bận sau phiên trực máy, buông mình xuống mặt chiếu tìm giấc ngủ bồi dưỡng, đang lim dim, tôi chợt nghe tiếng Huệ vang lên chua và sắc.

- Góm sao tóc thơm mùi dầu dừa thế? Lại lấy trộm của tao đấy phỏng?

- Tôi không lấy trộm của ai!

- Thế ở đâu ra? Ăn cắp còn chưa nhận thì thôi!

Có lẽ chính những cặp mắt đổ dồn về làm Phấn tự ái. Đứa con gái được tập thể biểu dương có tính triệt để Cách Mạng trong công tác, vụt hung hãn như thể tìm thấy đích bắn lúc huoi nòng súng.

- Mà y bảo ai ăn cắp, con kia?

- Tao nói đứa đầu hôi như cú không dám cho trai ngửi!

Tiếng “bộc” khô khan từ nắm tay Phấn bất ngờ thoi vào mặt Huệ không kịp lường trước. Huệ ngã bật ngửa sòng soài ra bếp, nhưng trước tập thể, Huệ không muốn mình yếu thế vùng ngay dậy, tiện tay chụp thanh củi tạ phang mạnh vào người Phấn. Hai đứa con gái tru tréo the thé, chửi bới dào dạt, thóa mạ dòng họ lẫn nhau. Huệ và Phấn xô đẩy, đấm thụi, bút tóc, cào cấu găm rú trước mặt

đám đàn ông đứng đung như đang xem diễn tuồng. Lúc Lực can cả hai ra và lớn tiếng phê phán tác phong, đạo đức của hai người, thì Phấn và Huệ đã tả tơi, bầm dập mình mẩy. Huệ chui vào xó bếp lăm bầm chùi rửa. Phấn ôm đầu tóc rối bù với một bên má bầm tím ra ngời ở đầu hàm, mài lưỡi lê xoành xoạch bằng hai bàn tay nổi gân chai đá. Không khí ngột ngạt nghẹt thở. Tòì nằm im giả vờ ngủ. Nhóm đàn ông quay mặt lại làm như không thấy gì, nhưng trong ánh đèn dầu vàng lu, một vài khóe môi nhếch lên kỳ lạ. Thái độ chần chờ trước khi can thiệp của Lực cũng kỳ lạ. Đám ruồi xanh bay vo ve trên nền đất. Một con chuột xạ chạy vụt qua hầm. Tòì nhìn thấy ở trần nhà, dáng nằm thụ động của chính mình. Tại sao tòi không nhào vào can gián, giải hòa cho hai con bạn gái cùng tổ? Tại sao mấy anh du kích cười mỉm thích thú? Con chuột lại bò ra giữa hầm tha theo mẩu bánh, không ai buồn đuổi. Tiếng chuốt lưỡi lê của Phấn tiếp tục vọng lên, sắc nhọn, đều đều.

Từ ve dầu dừa còn con, sự giận hờn mau chóng biến thành mối thù truyền kiếp. Phấn và Huệ nói xấu công khai, trắng trợn, sau lưng nhau. Nhiều lần Phấn rình rập lén trút muối vào nồi canh, đổ thêm nước vào chảo com Huệ đang nấu. Bữa trưa, bát canh bí lưa thừa vài con tôm khô, trở thành mận chát. Chảo com gạo lứt nhão nhoẹt. Huệ sượng sùng, lăm lì cúi gằm mặt ngồi ăn giữa những anh du kích xếp bằng tròn cũng giận dữ, và từng đưa com vừa vào miệng. Chỉ hai lần như thế đủ để Huệ bị đưa ra kiểm điểm trước tập thể. Chỉ một miếng ăn không ngon mà Huệ bị những đồng chí còn coi nhau khăng khít hơn anh em hôm qua, đem ra phê phán gay gắt. Nhưng Huệ đủ khôn lanh để tìm ra ngay thủ phạm. Cái hôm mà mọi

người đi khuôn đạn bên hầm Mười Chín, chỉ còn hai đứa ở lại trực phiên, tôi bắt gặp Huệ chui rúc trong góc hầm đang mài miếng chai rắc vô bi đồng nước uống của Phấn. Ánh mắt Huệ đầy chết chóc và hiểm ác khi Huệ ngẩng lên trông thấy tôi đang đứng nhìn nó. Huệ nhìn tôi đằng đằng sát khí, như thể chỉ cần tôi lên tiếng, làm một cử động nhỏ là nó sẽ giết chết tôi ngay. Tiếng động cà rền rẹt từ hòn đá mài dao, mài miết không ngừng phát lên nơi bàn tay béo mập của Huệ. Tôi bị ánh mắt thôi miên của đứa con gái bầu chết trân tại chỗ cho đến khi nó làm xong, hoàn tất cái công việc ám hại có chủ đích.

- Quỷ tha ma bắt nó đi!

Huệ cà xong miếng chai, đến đứng trước mặt tôi chờ đợi một phản ứng. Khuôn mặt Huệ vẫn đầy vẻ đánh đá và hiểm ác khi thốt ra câu nguyên rủa độc địa.

- Màylà đồng chí của tao. Phấn, nó là một con quỷ!

Tôi đứng yên như một cái xác chết. Đứng yên vì sợ hãi cái hành động giết người của Huệ hay vì biểu đồng tình? Tôi cũng không biết rõ. Tôi chỉ biết mình ghét Huệ nhưng không đủ can đảm có một phản ứng nào cả, ngay cả một lời nói. Huệ gật gù tỏ vẻ hài lòng, đưa một bàn tay – cái bàn tay đã cầm cục đá mài khi nãy – đưa lên vuốt má tôi triu mến.

- Tao có tranh thủ cắt riêng tí đường, nấu bát chè mình cùng ăn.

Nói rồi Huệ quảy quả treo bi đồng nước lại chỗ cũ, bước ra xó bếp nhen lửa, bắc nước nấu chè. Với Huệ mối thù đã trả xong. Tôi nuốt chất lỏng ngọt với ý nghĩ mình vừa bán nhân phẩm để đổi lấy bát chè.

Sau hôm đó, thời gian đối với tôi càng trở nên dài hơn.

Tất cả ngưng lại, nặng chì ở cây kim giờ đứng yên, cây kim phút không di chuyển và kim giây đánh tích tách, tích tách liên hồi chùng vang xoáy muốn đâm thủng bốn vách hầm. Tim đèn dầu thường trực soi bất động thú ánh sáng vàng khè. Từng chập những tiếng thở ngắt quãng mệt nhọc của Chiến bị bệnh sốt rét hành hạ. Lâu lâu, tiếng chân dồn dập của bảy chuột xạ lại chạy rần rần vang trong khúc đường hầm không người ở. Phấn bắt đầu kêu đau bụng một buổi tối, rên rĩ kêu xót ruột và dạ dày. Tình trạng sức khỏe của Phấn nhanh chóng suy sụp, thường hay bị sốt liên miên và tiêu ra máu. Phấn không còn đi kích với những người du kích nữa, mà nằm liệt trên chiếc võng ny lông, đong đưa kéo kẹt hai mươi bốn tiếng. Lúc thức, lúc ngủ, Phấn rơi dần vào tình trạng hôn mê bất thường. Điều lạ lùng là cả hầm thụ động chứng kiến, không ai biết phải làm gì. Chỉ có Huệ vụt trở nên thành khẩn, hằng say chăm sóc cho người bệnh. Cặp mắt Huệ long lanh sung sướng mỗi khi được dứt cháo cho Phấn. Thái độ đóng kịch sở sàng của Huệ chỉ đem đến cho tôi những cơn ác mộng hãi hùng trong giấc ngủ. Tôi thường mơ thấy một bắp chân đứt lìa, một cánh tay lênh láng máu và tiếng thét của Phấn the the vang vang trong giấc mơ. A! Con Nhật, mày đồng lõa! Lần nào cũng vậy, tôi giật bắn mình choàng tỉnh, người tướt ướt mồ hôi. Căn hầm nóng ngột hơi đến tắt thở. Chiếc võng nơi Phấn nằm đu đưa như có bàn tay vô hình đẩy. Cây đèn dầu vẫn cháy thoi thóp. Cặp mắt Huệ luôn ở đó, rình mò theo dõi. Và nước ở đầu nhiều giọt lỏng tỏng, vang vang trong góc hầm. Tiếng động của giọt nước vỡ, được khuếch đại nặng nề như tiếng chân thân chết. Đêm hay ngày đều kéo lê sự hoang vắng rùng rợn của chính nó.

*

Nhưng Phấn không chết như Huệ mong muốn. Chỉ nằm đó, dật dờ oằn oại và lả đi trong bóng tối của căn hầm ngày càng nặng nề âm khí. Xuất sáng không rõ từ lúc nào, thường vọng lên tiếng chửi rủa giữa những người du kích với nhau. Những câu tục tằn, thô bạo gán ghép cho nhau chỉ vì một bi thuốc Lào, một xị rượu đế. Giấc trưa và chiều, những khuôn mặt gât gù hạ quyết tâm máy móc. Lực tiếp tục lập đi lập lại phương án chống càn mà chúng tôi đã thuộc nằm lòng. Phản kích, vây ép. Bám trụ, bám chắc. Đánh chậm, đánh tốt. Bắn trúng, bắn bồi. Kiên trì diệt Mỹ, giải phóng miền Nam. Nhân dân nhớ ơn, miền Bắc chi viện... Một buổi tối, tổ du kích trở về thiếu mất Lập và Tính. Lực lạnh lùng phát âm hai chữ “hy sinh” rồi thản nhiên ra lục com nguội. Tôi chợt nhớ có lần Phấn kể, khi công tác những người bị thương đều không được phép mang về hầm, phải linh động xử lý. Thứ nhất chúng tôi không đủ thuốc men để săn sóc người bị thương. Thứ nhì cảnh tượng hấp hối của một đồng chí có thể gây tác hại, giao động tinh thần cho hầm. Phấn đã kể chính tay Lực đã kê súng vào đầu Thọ, khi anh Thọ bị đạn vào đùi không chạy được nữa. Nhớ đến câu chuyện của Phấn, tự nhiên tôi nghĩ đến cảnh Lực linh động giải quyết Lập và Tính. Tôi rùng mình trong xó hầm đen tối. Bất giác tôi quay đầu nhìn về chiếc võng của Phấn, vẫn đu đưa im lìm. Bao giờ thì Lực mới quyết định giải quyết trường hợp của Phấn? Đứa con gái rõ ràng không còn khả năng chống Mỹ. Khoảng thời gian này, đột nhiên giặc loi ném bom. Đã lâu chúng tôi không còn sống cái cảm giác sợ hãi chờ thần chết đến bắt đi trong con địa chấn của lòng đất. Làm

như con người ta chỉ yêu thương nhau khi kẻ cận nổi chết. Từ lúc máy bay địch ít bay qua vùng, tự dung ở đầu bao tị hiềm nhỏ nhen vụt bật ra trong cảnh sống của hầm Mười Một. Miếng ăn, miếng uống, thư nhà, dè bĩu trong công tác trở thành nguyên do của sự xâu xé. Nhưng trăm trọng hơn là ánh mắt nhìn chằm chằm của đám du kích lên thân thể ba đứa con gái, mỗi khi tụi tôi giăng bạt tắm mưa. Sau lớp vải, bọn con gái chịu đựng âm thầm hàng chục đôi mắt đang nhìn chòng chọc về phía mình.

Chuyện xảy đến cho Nhu như một tiến trình tất yếu. Lần đó Nhu được chỉ định đi giao liên với Trọng. Lúc trở về người Nhu như mất hồn, đôi mắt khiếp đảm và vẻ mặt đau đớn. Chuyện gì đã xảy ra cho Nhu trong khúc đường hầm đen đặc ấy? Xác một “con chuột” – như bọn Mỹ vẫn gọi những du kích đường hầm – chết lâu ngày sinh thối bất ngờ ngã đè lên người Nhu? Hay Nhu bị bò cạp cắn? Tôi đỡ lấy Nhu, con bạn gái mà tôi thương yêu nhất, chú thỏ đất của tôi ngã rũ rụi ra chiếu, mắt nhìn nghiêng và đôi môi mím chặt. Nhu cương quyết dấu nhẹm câu chuyện kinh khủng đã xảy đến cho cô, trong tuyến đường ngầm với Trọng. Trọng cũng không giải thích điều gì, tảng lờ coi như không có chuyện. Sau hôm ấy ở Nhu không còn sự tinh anh, tươi tắn, trẻ trung yêu đời của tuổi mười tám. Nhu lảm lì không nói chuyện với ai, cảm như hén kể cả với tôi. Giống như Nhu không còn tha thiết với cuộc sống nữa, vì đã đánh mất cái phần quý giá nhất của một con người. Liên tiếp nhiều đêm sau đó, trong giấc ngủ tôi nghe tiếng thở của Nhu trăn trở, gằn như phiền não. Làm như trong tiếng thở có sự ản ứ, nhục nhã không nói nên lời. Rồi một đêm bất ngờ tôi thức giấc. Ở chiếc chiếu kế

bên, nơi Nhu nằm, tôi bắt gặp một bóng đen trườn tới, đè lên mình Nhu. Đứa con gái kháng cự yếu ớt, hai cánh tay của bóng đen săn chắc chống xuống mặt chiếu, một thân hình loang loáng mồ hôi lên xuống nhịp nhàng trên người Nhu. Tiếng thở của bóng đen dồn dập, hào hển. Tiếng thở của Nhu rên rỉ, đau đớn. Căn hầm tắt đèn tối om. Tiếng muỗi vo ve và tiếng cử động nhẹ của hai thân hình chập chờn trên mặt chiếu. Tôi không nhận rõ mặt người du kích, nhưng đoán là Trọng bởi cái lưng chắc khỏe, bả vai cuộn cuộn thịt. Tôi nhìn sững họ ở chỗ nằm. Lần đầu tiên tôi chứng kiến một cảnh tượng như thế. Độ năm mươi phút thì Trọng rời ra khỏi Nhu, bò về chỗ ngủ. Cái hình ảnh gian dối vụng trộm đó diễn ra hàng đêm, cho tới một hôm tôi chột khám phá ra không phải chỉ mình Trọng ăn nằm với Nhu, mà là cả nhóm du kích. Vết thẹo giặc chém sâu hoắm trên lưng Lực, nổi ửng một bên đen trong đêm. Tấm lưng trần xương xẩu của Lực cũng lấm tấm mồ hôi chảy nhiều xuống da thịt trắng tươi của Nhu, luôn luôn nằm thụ động chịu đựng. Đôi chân khảng khiu của Vương, đôi chân ban ngày có nhiều mụn ghẻ lở lổm đốm, ban đêm duỗi thẳng song song, làm đà chống cho thân hình Vương vồ vập lấy Nhu. Ngực tôi bị nghẹn, trái tim đập mạnh muốn vỡ tung lồng ngực. Tôi cùng chịu đựng với Nhu hoạt cảnh thô bỉ của mỗi đêm. Thời gian qua Nhu phờ phạc đi trông thấy. Mắt thâm quầng và mặt hốc hác, da xanh muốt. Trong một buổi kiểm thảo, Lực phê bình Nhu thiếu tích cực trong công tác. Nhu ngồi bó gối cúi mặt. Huệ lim dim thích thú và nép sát vào vách trốn tránh. Bầy ruồi đậu trên những bắp chân trần của đám du kích. Những bắp đùi hàng đêm chống trên mặt chiếu của Nhu. Tôi bỗng thấy

mình may mắn vì không có nhan sắc. Tôi cũng thấy mình ích kỷ vì không dám lên tiếng bào chữa cho Nhu. Tạm thời họ để yên tôi và Huệ, vì chúng tôi xấu, vì Nhu trẻ đẹp hơn, tất nhiên. Đêm đó Nhu thở khá lớn, chùng như để chúng tôi mình tích cực hơn trong công tác. Sáng hôm sau, Lực tỏ ra thỏa mãn, phần khởi thôi hẳn học và lần đầu tiên quyết định cho Phấn biên chế sang hầm bệnh xá, nghe đâu Phấn phải mổ một khúc ruột nhưng sống sót.

Từ lúc Phấn rời hầm, Nhu ít nói như người câm. Tính và Lập hy sinh, hầm Mười Một ảm đạm hơn một nhà mồ. Không ai còn hàn huyên với ai. Chỉ có những câu trao đổi ngắn vì nhiệm vụ, thật vô hồn. Dần dà mọi người biến thành những xác chết biết bò, trườn, chui, len lỏi trong lòng đất. Những cái xác chỉ thật sự sống vào bữa ăn, tranh nhau lừa cơm vào miệng, nuốt chửng khúc cá khô nhanh hơn một con thú. Bình thường trong ngày thì mọi người giam mình vào lớp áo quan riêng, khép kín, nhìn lên trần hầm bằng đôi con ngươi thiếu sự sống. Tôi trực máy nhiều hơn. Tôi xa lánh tập thể xung quanh, muốn nghe thấy một giọng nói khác, của một con người sống đúng nghĩa trên đường dây. Nhưng ở các hầm khác, những mẫu đối thoại rập khuôn tương tự cũng chỉ là những mẫu chết. Chỉ trên đường dây điện đàm của Ngụy là có sinh khí. Tôi thường say mê cảm những cái phích, nghe ngóng rình mò các đường dây liên lạc của Ngụy. Tôi thường hay bắt được cùng một tiếng nói của một người lính. Tiếng nói giọng thành phố còn trẻ, đùa giỡn trên máy. Tôi thích thú theo dõi giọng cười của người lính vang vang sáng khoái, anh ta kể những câu chuyện mà tôi chưa bao giờ được nghe. Người lính có vẻ nghệ sĩ, lâu lâu hát tặng bạn bè trong máy. Bản

nhạc lạ, có âm hưởng lúc vui tươi, khi buồn man mác xa vắng, nhưng tuyệt nhiên không có sắt thép và máu trong lời nhạc. Giọng người lính ấm, ngọt ngào bên tai. Đã từ lâu tôi không còn trình lên Lục những mẩu tin loại này, vì Lục đánh giá tầm phào, không có giá trị quân báo cao. Nhưng rõ ràng mỗi ngày tôi một say mê, trở nên thích thú gần như sung sướng được nghe trộm những câu chuyện trao đổi giữa họ. Một câu chuyện vui, có khi là một chuyện tình được kể với thương yêu bù ngùi và có khi chỉ là những tâm sự bàng khuâng thao thức của người lính. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng người lính đang ngồi ở ngay trên nóc hầm, mở máy truyền tin nói chuyện với bạn bè. Giọng anh ta rõ mồn một. Tôi có ý nghĩ kỳ cục là chỉ cần trổ nóc hầm là tôi có thể trông thấy mặt mũi người lính. Hôm nào trời mưa bão, đường dây bị sấm ù nghe không rõ, hay những hôm người lính lười biếng không lên máy, tôi cảm thấy thật thiếu thốn, bứt rứt chờ đợi trong lòng. Tôi quen giọng nói anh ta đến nỗi, chỉ cần nghe một câu vô thưởng vô phạt là tôi đoán ra được người nói chuyện, để tài sắp bàn đến. Thường thì người lính kể về thành phố anh ta sống, lớn lên trước khi gia nhập quân đội đánh thuê. Lâu lâu anh ta nhắc về một kỷ niệm cũ, ở góc quán cà phê thơ mộng, hay sau buổi xem hát dưới phố. Điều kỳ lạ là trong cái thành phố đó không hề có cảnh đàn áp, áp bức của chính quyền tay sai Mỹ. Cũng không bao giờ tôi nghe người lính nhắc về một cảnh bóc lột nhân dân lao động của thành phần thống trị tư bản. Người lính chỉ nhắc những vòng hoa giấy sặc sỡ màu sắc, một cổng trường trung học tung bùng phố xá hay về một người con gái nào đó mà tôi đoán là người yêu. Lần lần tôi khám phá ra họ không phải là những tên

đồ tể điên cuồng bắn giết như chúng tôi tưởng. Trong những mẩu chuyện của họ, có cái gì đó thật thơ mộng, đôi lúc lãng mạn mà không thể tìm thấy trong câu chuyện của những người du kích. Họ cũng biết chua xót đau đớn cho đất đai bị tàn phá. Tình cảm tôi dành cho người lính nhen nhúm, nảy sinh đến lúc nào không hay. Có khi tôi có cảm tưởng người lính biết tôi đang rình rập nghe lén anh ta và anh ta trả lời cho tôi nghe.

- Ông có hiểu vì sao chiến tranh không?

- Không, nhưng tôi mong chiến tranh chấm dứt, phe mình thắng rồi giải ngũ.

- Phe nào thắng cũng được, quan trọng là đừng hận thù nữa...

- Ủ, thôi hận thù, tôi chỉ muốn về dạy học.

- Ông nhớ cái đêm thằng Nghiêm chết không? Đưa ma rồi mình ra ngồi ở cái quán có không khí liêu trai, ông bảo tôi hát một bản nhạc vì ông đang nhớ ai đó...

- Ủ, đang nhớ héo hơn đây. Ông hát tôi nghe nữa đi.

- Bản gì?

- Gì cũng được.

- Ông nghe tôi hát nhạc Không Tên của Vũ Thành An chưa? Bài có câu đời con gái cũng cần dĩ vãng, mà em tôi chỉ còn tương lai đó?

- Chưa, hát đi.

Người lính của tôi cất tiếng hát. Giọng ấm rung thật truyền cảm. Khi ngân giọng hát khao khao, lúc xuống thấp buồn da diết. Tôi uống từng lời hát, nuốt từng nốt nhạc tây ban cầm. Chưa có ai hát cho riêng mình tôi nghe một bản nhạc trữ tình hay như thế. Thường thường các anh du kích hát tặng chúng tôi trước tập thể, nhưng đều là

những bài ca tranh đấu sôi sục, không hề có âm hưởng tha thiết và tình cảm như người lính đang hát. Giọng hát trầm ấm theo đường dây điện đài vào thẳng tim tôi và ngừng ở đó. Trong máy có khoảng im lặng một lúc, rồi người lính chuyện trò trở lại.

- Đánh nhau mãi, sao hai bên không thương thuyết hoà bình?

- Biết làm sao, mỗi miền một thân phận.

- Nay, ông đã trông thấy các cô du kích giao liên bao giờ chưa?

- Gì?

- Giao liên nữ, nghe nói không khác nữ sinh ngoài phố, tôi ước ao chuyện trò với họ một lần, để hiểu...

-...

Tiếng rè rè trên đường dây và mẩu nói chuyện ngưng ngang ở đó. Trở về manh chiếu của mình, tôi nằm xuống ngó lên trần và thấy ở đó một khuôn mặt. Tôi cố muờng tượng ra người lính Ngụy, không phải với hình ảnh ác ôn mà chúng tôi được học tập, nhưng bằng giọng hát khi nãy còn đeo đuổi bên tai. Đồi con gái cũng cần dĩ vãng, mà em tôi chỉ còn tương lai... Anh ta có biết tôi chưa hề có dĩ vãng? Còn tương lai? Tôi đâu nhận thấy gì ngoài cái trần hăm đen đui trên đầu mình. Tôi đã sống dưới lòng đất hai năm rồi. Hai năm của tuổi thanh xuân, để đến một lúc nào đó phải làm công tác như Nhu. Người lính có thực sự muốn gặp chúng tôi? Tôi sẽ bắn anh ấy? Và anh ta bắn tôi, ai là kẻ bắn trước?

*

Ý nghĩ hỗn độn trong đầu tôi. Tim đèn dầu vàng lu. Căn hầm tối thê lương. Đám du kích sống dật dờ. Một

đứa con gái chỉ chục sinh sự, một đứa con gái hiến thân cho Cách Mạng ở nghĩa đen và một đứa con gái chao đảo, tương tự một giọng hát. Không còn những trận bom ác liệt. Không còn những nóng nảy, bồn chồn chờ đợi ngày tổng công kích. Không còn chi hết. Chỉ còn tiếng chân chuột chạy và tiếng động của loài thú sống dưới mặt đất.

12/1987

buổi sáng sinh phần

Mưa vẫn còn rơi lai rai khi Diễm vào tới nghĩa trang. Hai ven đường mồ mả mọc đều hiu hắt men sau dãy tường thấp. Gió thổi bời ròi, phe phẩy dầm ba hột mưa ẩm đậm. Chàng trả tiền cho người phu xe dặn ngồi đợi. Diễm còn đau râm ran trong bụng, không đau xẻ ruột đứt gan và ói máu như lúc nằm viện, nhưng là cái đau dai dẳng chậm rãi âm ỉ. Chàng cố dỗ dành viên mụt nhọt thâm sâu trong dạ dày khi bước vào cổng. Bà cụ già ngồi bán nhang chào mời chàng với ham răng nhuộm. Diễm mua lấy một bó đến thắp ở miếu thổ thần. Mùi nhang đốt, hương đèn

xông nghi ngút, khói cay bỏng mắt đột ngột đưa chàng vào hần thế giới của người chết. Bó nhang chập một bén lửa cứ phụt lên làm Diễm phải vẩy mấy lần trước khi lâm râm khấn rồi cắm vào bát sành. Vài ngọn gió lửa tha theo nước mưa vào trong miếu làm chàng gây gây lạnh. Diễm lại thấy đau nhói trong phủ tạng, chàng chờ cho khỏe lại rồi mới đi quanh quất giữa những hàng mồ mả. Nghĩa trang hiu hắt, hoang vắng. Thế giới sau lưng con người chỉ phơ phất mấy đường mưa chảy lẩn rờng trên bia đá. Trời mưa ri ri suốt cả một buổi làm bầu trời xám ngắt như đã ngã về chiều dù chỉ mới quá trưa. Hai ba giọt nước lườn qua cổ áo khiến Diễm rung mình ớn lạnh.

Chung quanh miếu thổ thần mộ lập san sát nên Diễm chỉ nhìn lướt các kiểu bia xây. Nhiều tấm bằng đá hoa chạm đẹp, nhiều tấm cẩn xà cừ, và những tấm đá thạch đơn giản chỉ mài nhẵn. Những bia mộ làm Diễm xúc động. Những đôi mắt người chết nhìn chàng u uất trên dòng chữ khắc mặc niệm. *Vợ hiền lập mộ. Em và các con thương nhớ anh hoài. Bố mẹ thương con vô cùng...* Lắc rắc vài vòng hoa cuộm bằng nhựa lay lắt trên đầu mộ chí, người ta quên đem về đã phai nước sơn nhưng còn đọc được những chữ *Thành kính phân ưu. Đau xót chia buồn. Thương tiếc tiễn đưa...* Chàng buồn buồn đi rảo qua lối đi nhỏ, tiếng cò tranh lay chạm lào xào như có ai than. Thân phận kiếp người quá là mong manh. Sống gửi thác về, tro tàn bụi cát, hồn phách tiêu tán. Gió thổi nâng đong đưa vài miếng tro nơi đồng vàng mà ai đó vừa đi thăm mộ đốt xong. Phiến tro bay triu triu theo mùi nhang đưa từ ngôi mả mới cắm. Diễm đi sâu vào trong. Những người khuất mặt còn lưu trữ chút chân dung qua di ảnh vẫn theo dõi chàng. Có người mắt thật trẻ, hướng

duong hai mươi mốt tuổi, kẻ thất lạc ngoài tám mươi. Điềm đi tới cuối nghĩa trang chỗ có bức tường đổ xiêu trông qua mấy dãy nhà lợp tôn phía Tân Sơn Nhất. Mỏ mả đan kín không còn đất trống. Chàng phân vân nửa muốn trở ra sang khu nghĩa trang bên kia đường, nửa muốn đi tiếp sâu vào hướng ngược lại con đường dẫn ra miếu thổ thần. Điềm còn chần chừ thì nghe tiếng người gọi:

- Cậu kiếm mả ai?

Chàng giật mình quay lại, bắt gặp một cụ già đứng cách mấy hàng bia. Ông cụ đi giày tây nhưng vạt áo dài, chít khăn nhiễu và cặp ô đen. Trời gió thổi hai vạt áo the rung rung.

- Thưa cháu kiếm đất. Điềm trả lời.

- Cậu cũng người Bắc à?

Ông cụ lại hỏi, nét vui mừng mà phúc hậu.

- Dạ, cháu sinh quán Hải Dương.

- Quý hóa quá! Tôi là Chương, người huyện Tiên Sơn tỉnh Hà Bắc, hân hạnh biết cậu. Nhưng kiếm đất ở đây làm sao có, khu này họ xây choáng hết cả rồi. Nếu cậu không vội, theo tôi sang đằng này họa may.

- Dạ, cảm ơn cụ chỉ đường.

Ông cụ phát tay, chỉ về hướng tượng Quan Âm xây ở đằng xa, ra dấu bảo Điềm đi theo. Trời mưa lâm râm không nặng hạt nhưng ông cụ vẫn giăng ô, hai ống quần lụa giặt trắng phau. Chàng để ý thấy đôi giày tây của cụ Chương còn mới nguyên chưa mòn đế.

- Cậu kiếm đất cho ai? Cụ Chương bỗng hỏi.

- Dạ, không dấu gì cụ... cháu muốn mua sẵn một miếng đất cho mình.

Điềm hơi ngẩn ngại, nhưng rồi cái phong thái hớn

nhiên của cụ Chương giúp chàng nói thật. Chàng bỗng thấy mình khỏe hẳn sau khi nói ra mục đích đến nghĩa trang.

- Ối giời! Còn trẻ thế mà đã lo xa kia à? Xem như là chúng mình đồng bệnh tương lân rồi nhé! Cứ coi như ta đã là tri kỷ!

Cụ Chương bật cười lớn khoác vai chàng tương đắc. Diễm không hiểu gì khi thấy ông cụ đưa tay làm loa gọi những người khác. Cụ Chương tươi cười:

- Lâu lâu mới gặp một người còn trẻ mà đã cẩn thận biết lo chốn yên nghỉ của mình, chúng tôi quý lắm. Người xưa vẫn dạy cái phần mả bao giờ cũng là trọng, mà tuổi trẻ đời nay họ chỉ ham sống. Thật bụng chỗ đồng hương với nhau, gặp cậu tôi rất cảm kích, sẵn có vài người bạn đồng mả, nếu cậu cho phép xin được giới thiệu.

Diễm còn đang chần chừ do dự không biết tính sao, thì đã thấy mấy người từ dãy mộ phía trong đi ra. Cụ Chương vừa kéo tay chàng vừa vẫy họ.

- Các ông lại đây! Có anh bạn trẻ này hợp với chúng mình lắm!

Người đàn ông đi đầu tuổi trạc ngoài năm mươi, tóc chải kiểu hai thập niên trước, complet cà vạt ủi hồ thật thẳng. Trông ông ta như sắp đi dự đại tiệc. Người đàn ông nói:

- Tôi là Thanh, chủ hãng cửa Phúc Lợi, rất vui được biết cậu.

- Không dám làm phiền bác, cháu là Diễm vừa quen với cụ đây.

Chàng bắt tay ông Thanh. Ba người đi sau cũng vừa tới. Một cô gái mặc áo dài trắng tóc thả, một người lính trong bộ lễ phục sĩ quan Đà Lạt và một người thương phế

binh áo ngự trang bê bết bùn đất. Người thương binh cụt chân, Diễm nhìn sững họ quên cả chào, lúc này mà còn mặc áo lính Cộng Hòa thì phải có máu mặt.

- Chào anh bạn! Tôi là Trình Văn Khánh! Người thương phế binh phác tay chào Diễm theo cung cách quân đội cũ.

- Mừng anh ghé tham quan! Người sĩ quan võ bị vồn vã ôm hôn chàng, vừa vỗ vỗ vào lưng thân ái. Không quen với kiểu chào này nên Diễm ngượng đỏ mặt. Cô gái chỉ khẽ gật đầu nhìn chàng, không xưng tên, chỉ lẳng lặng đứng nép một bên mả.

- Tôi tên Thìn, sinh đẻ ở phố Kim Mã, quận Ba Đình châu thành Hà Nội, rất hân diện được đón tiếp anh hôm nay!

Người sĩ quan Đà Lạt bây giờ mới trịnh trọng tự giới thiệu. Chàng không hiểu gì ngớ người ra nghe.

- Thôi bây giờ là người nhà rồi cả nhé, không cần khách sáo nữa. Nếu cậu Diễm không bận thì ra ngồi mà uống với chúng tôi một ly, chả mấy hôm mới có được chút rượu đế. Ta đi nào!

Cụ Chương không chờ Diễm trả lời, thân mật nắm tay dẫn ra một chỗ mả tương đối sạch sẽ trống trải. Ông cụ vừa đi vừa kể cho mấy người kia nghe ý định tìm đất của chàng. Hai người lính bật cười ha hả còn ông Thanh thì khen ý hay, chỉ có cô gái vẫn không nói gì chỉ lẳng lặng theo sau. Trưa nghĩa trang gió buồn buồn đưa mưa qua những ngôi mộ vắng vẻ, có được vài người cùng đi kiểm đất chung thì cũng bớt cô đơn, nghĩ vậy Diễm mạnh dạn bước theo họ.

- Nhắm nháp qua loa rồi chúng tôi đưa cậu đi coi đất, trong này thì không có chỗ nào mà chúng tôi không

biết. Nhưng chọn đất là việc hệ trọng, cậu không nên hấp tấp, con cháu mai sau nhờ cả vào đó.

Sáu người ngồi dưới một tàn cây nhạc ngựa, chung quanh cỏ lau, mồ mả im lắng như tờ. Diễm trông thấy một hàng phượng nở hoa đỏ, giữa chiều mưa in hình lên nền trời ướt nước của lối đi chính mãi tận đầu nghĩa trang. Cụ Chương không biết lòi ở đâu mấy đĩa xôi gấc, loay hoay tháo bọc ny lông phủ mặt. Ông thanh cũng rỏ mấy bánh oản, lớp giấy bóng kính xanh đỏ đủ màu. Thìn rót nước trà ra tách, Khánh chuyển cho mỗi người một ly để. Cô gái ngồi im nhìn.

- Làm một ly anh bạn!

Khánh đưa rượu đến chàng, vui vẻ.

- Rượu trắng hơi nặng, nhưng trời lạnh uống vào nóng ran người, thích thật! Cụ Chương gật gù khẽ khà.

Diễm cũng đưa ly lên môi nhấp, rượu để rỏ tiền cay bỏng lưỡi lại nồng nặc mùi nhang, chắc tro tàn rơi vào ly. Chàng cố chiêu ngụm rượu, lẽ ra Diễm không được uống nhưng trước sau thêm vài tháng thì có khác gì đâu. Nghĩ vậy Diễm nhắm mắt uống cạn ly, chất lỏng nóng như sôi sục trong dạ dày Diễm. Chàng khà một tiếng lớn.

- Bạn chịu chơi lắm! Tôi phục bạn, ít người uống nổi thứ rượu đế này!

Khánh ngồi xuống cạnh Diễm có vẻ thích thú, anh ta nói tiếp:

- Tôi là hạ sĩ quan nhảy dù, tiểu đoàn 11 của Nguyễn Đình Bảo, bạn biết chứ? Trần Charlie tôi bị vào đây.

Khánh đưa tay đập đập vào phần đùi còn sót, rồi nói không tái thương được. Khánh nốc hết ly rượu một hơi, rồi phác một cử chỉ nửa đáng tiếc mà cũng bất cần.

- Sống khôn thác thiêng, sống hùng chết vinh, trúng đạn què chân, binh chủng hào hùng thì phải bỏ mạng sa trường, poncho gói thây. Bạn đồng ý không? Ai như thằng này!

Khánh nói một hơi trước khi đưa tay chỉ vào mặt Thìn.

- Cứ phát biểu linh tinh! Thế nào là sống hùng chết vinh? Đi lính thuê cho đế quốc ấy à?

Thìn, người mặc áo sĩ quan Đà Lạt, đeo kiếm và mang găng trắng như sắp đi duyệt binh ngày quốc khánh, đang ngồi chồm hổm trên một ngai mả bọc bọp trả lời. Anh ta gỡ cái nón kết lưỡi trai trên đầu xuống cầm tay quạt.

- Rắm thối nhà anh! Cứ có tí ruợu đổ vào là chết vinh hơn sống nhục!

Thìn nói thêm câu nữa, trước khi xúc miệng ồng ọc bằng trà. Chờ cho Thìn nhổ toẹt bãi nước xuống đất rồi Khánh mới dần mạnh ly.

- Đù mẹ mày! Đội đồ đi bộ từ Bắc vào Nam gia tài có mỗi đôi dép Bình Trị Thiên, bây giờ đeo găng, mặc kiếm, mang anh dũng bội tinh Việt Nam Cộng Hoà không biết xấu hổ! Giải phóng cái con mẹ mày!

Khánh chửi lại:

- Này, đừng có chạm vào thành quả đấu tranh của nhân dân Nam bộ! Việc tôi mặc áo sĩ quan đeo quân hàm ngụy thì không phải do tôi muốn. Người ta lộn, đem tôi về tắm rửa cho mặc áo lính ngụy đành chịu. Lúc đó ngoài Trung tình hình găng quá, thân nhân của cái thằng lộn không ra nhận được, chờ lâu họ phải hàn xì vì sợ xông mùi. Thật tình là như thế anh ạ!

Thìn quay lại phân bua với chàng. Điểm không hiểu

họ muốn nói gì, chàng cho là cả hai chóng say đắm ra dò hoi. Nhưng Khánh thì vẫn cứ hùng hổ:

- Đù mẹ! Cứ coi là mày bị cảm nhảm, nhưng đồ ăn của gia đình thằng bị lộn vào cúng mày cứ xoi là thế nào? Còn giấu ăn riêng thì quân đội giải phóng chúng mày tệt thật!

- Đói thì phải ăn! Chứ thân nhân có biết tôi ở đâu đâu mà thăm nuôi! Sự đời nó có nhiều cái oái oăm, không biết thằng lộn bây giờ nằm đâu. Hôm ấy tắm ở suối lên chậm một chút thì chưa chắc đến nổi, mình lại bò lên trước các đồng chí ấy, chưa kịp chòng cái áo thì bị biệt kích nó bắn. Đi không mang theo được một món kỷ niệm. Tiếc hoài cái áo trấn thủ anh Diễm à. Cái áo tự tay cô Miến may lấy cho tôi có thêu cả tên họ chữ lót của hai đứa. Tiếc quá. Bây giờ nước nhà thống nhất, người ta xum họp còn tôi không biết đến khi nào mới gặp lại...

Thìn thờ dài thườn thượt, nhìn đầm chiêu ra cổng nghĩa trang, nhưng lối ra bị mấy hàng tranh cao che khuất. Diễm lạ lùng theo dõi cuộc cãi vã giữa hai người lính, chàng ngỡ ngợ một chuyện gì mà chưa dám tin vội. Diễm thấy tay chân mình bủn rủn cả.

Từ nãy vẫn có vài người đàn bào đi tảo mộ ngang qua chỗ họ ngồi. Mỗi lần Diễm đều để ý thấy mấy người đàn bà chỉ nhìn một mình chàng. Mưa lâm râm gấm tạnh hẳn, mùi đất xông lên ngai ngái cả một khu mà dịu hiu thê thiết. Diễm cứ ớn lạnh từng chập, chàng nhìn mấy người ngồi quanh thấy họ tự nhiên nhu không. Chàng muốn bỏ đi mà không nhấc nổi chân. Ông Thanh bóc một bánh oản mời chàng.

- Cậu xoi miếng bánh! Còn hai anh kia thôi cho tôi can, nể mặt cậu Diễm với chứ. Xin lỗi cậu Diễm nhé, ngày

xưa họ đánh nhau chưa chán nên bây giờ cứ gặp nhau là kiếm chuyện thù oán.

- Nay ông Thanh! Không có bọn lính tráng tại này xả thân bảo vệ lãnh thổ cho ông làm ăn để tụi nó vào đặt chất nổ khủng bố, thì có mười trại của Phúc Lợi ông cũng không mở được. Đừng khi dễ bọn này chứ!

Khánh quay sang cãi nhau với ông Thanh. Ông chủ hãng Phúc Lợi chưa kịp có ý kiến thì Thìn đã chõ vào:

- Bảo vệ lãnh thổ? Nghe thôi!

- Thôi thôi! Tôi đã bảo hai anh thôi là thôi. Câu Điem đâu có vào đây nghe hai anh cãi nhau. Chuyện cũ qua rồi, tôi bây giờ cũng không còn điều khiển trại của nữa. Cậu thấy tôi nói có phải không cậu Điem? Họ hăng máu quá, cái thời trẻ của tôi đâu có như vậy, lúc ấy tôi chỉ nghĩ làm sao học một nghề kiếm ăn lương thiện có ích và hữu dụng, có vốn rồi mở một cơ xưởng để của cho con cháu nhờ... Suốt cuộc đời tôi chỉ ước vọng có bấy nhiêu, thế mà tôi không đạt được cậu Điem à, khi đau bệnh gan không làm việc được nữa, tôi để lại cho vợ con cả một cơ sở phồn thịnh. Vợ chồng thằng cả đưa nhau trốn ra nước ngoài bị bắt, cơ xưởng máy móc ván gỗ họ tịch biên hết, mẹ chúng nó vào đây than thở, nghe mà tôi cứ khóc ròng, bao nhiêu năm gầy dựng chớp mắt đổ đi.

- Chính sách nhà nước bao giờ cũng đúng đắn, để phương tư sản các anh lũng đoạn thị trường cạnh tranh vô tổ chức ấy à!

Thìn lại chõ vào câu chuyện, không nể nang. Điem tưởng ông Thanh sẽ trả lễ ngay, nhưng không ngờ ông ta chỉ nhỏ nhẹ đáp.

- Các anh cứ cho chúng tôi là giai cấp bóc lột, nhưng

thật sự nếu không có các cơ sở thương mại của chúng tôi, những hãng xưởng thủ công nghiệp mà các anh gọi là tư sản dân tộc, thì nhiều người dân mà các anh tự hào là chiến đấu cho quyền lợi của họ không có công ăn việc làm đâu. Kinh tế nước nhà cũng không phát triển vì thiếu vốn đầu tư. Xã hội nào, tầng lớp nào cũng có kẻ xấu người tốt, đừng nên vu đũa cả nắm thế. Tôi nói thế đúng không cậu Diễm?

- Dạ, cháu cũng nghĩ như bác.

Diễm trả lời, chàng bị hút vào các mẫu tranh luận của họ mà bấy lâu nằm bệnh chàng ít khi được tham dự. Chàng ngỡ ngợ họ không phải là người sống, một lúc chàng đã ớn lạnh khắp cả người, nhưng rồi Diễm lại thấy họ bình thường quá, thật quá, còn sống động hơn cả người thật. Có thể nào mấy người này đang đóng kịch để trêu chàng. Nghĩ kỹ rồi Diễm thấy không đúng, làm sao đóng kịch tài đến như thế. Nhưng nếu họ là ma thì Diễm lại thấy không có gì để sợ. Trời còn sáng, người phu xe còn đợi chàng ngoài cổng. Hơn nữa... chậm nhanh một vài tháng Diễm cũng vào nằm trong này. Làm bạn với họ trong một vài tháng, hay làm bạn bây giờ thì cũng thế. Nghĩ vậy chàng không còn thấy sợ.

Mấy người trong bọn chia nhau xới gác. Cũng loại xới bán để cúng. Phẩm đồ loét gặp mưa dính nhớp nháp ra tay. Bận ăn, hai anh lính thôi cãi nhau, ông Thanh cũng im lặng. Cụ Chương từ nãy không nói gì cứ lâu lâu nhìn chàng tủm tỉm cười. Cô gái thì ngồi xoa tóc, lâu lâu thu vén những giấy rác mấy người đàn ông bày bừa. Diễm thấy thiếu nữ trông mặn mòi, hai con mắt đen lầy, tóc óng ả như lụa. Chàng đang định bụng hỏi chuyện nàng thì nghe

tiếng xột xoạt ở mả bên. Tiếng cười con gái rúc rích. Tiếng vải quần tuột mau. Giọng đứa con gái nũng nịu rinh rích.

- Anh trả tiền em trước đi!
- Thì xong rồi đưa, có mất đi đâu.
- Thôi đưa tiền em liền đi, nghe!
- Ủ, thì đưa. Bộ em hay bị quýt lắm hả?
- Cũng có bị, nhưng có tiền trước em mới phấn khởi!
- Rồi đó. Bây giờ thì *phu với* cho ngon coi!

Giọng đàn ông cười hình hịch dâm đảng. Đứa con gái vẫn cứ cười rúc rích. Thấp thoáng sau mấy cành lau sau lưng mả Diễm trông rõ cái bụng trắng tươi của đứa con gái làng chơi. Cánh tay nó lúc đưa lên níu cổ gã đàn ông, khi buông để giữ vạt áo bà ba cho khỏi rớt xuống đùi làm vướng víu. Gã đàn ông làm hùng hục như trâu kéo cày. Diễm chợt thấy Khánh và Thìn nhảy leo lên nóc mộ chỗ cặp trai gái đang làm tình để nhìn. Thìn cười hô hố chỉ trỏ mỗi khi gã đàn ông đổi kiểu, còn Khánh huýt sáo khi nghe đứa con gái rên ư ử. Kỳ cục là họ đứng ngay trên mả ngay chỗ cặp trai gái đang chơi mà gã đàn ông với đứa con gái vẫn tiếp tục làm tình. Bất chợt đứa con gái ngẩng đầu ngược nhìn bốn phía, nó chợt thấy Diễm ngồi ở bên này.

- Chết rồi có người! Anh!
- Đâu? Ai?
- Dậy đi anh! Mặc đồ vô! Đi!

Gã đàn ông cũng vừa trông thấy chàng, hấn hối hả kéo quần dắt đứa con gái chạy đi. Khánh và Thìn cũng nhảy xuống đất chạy theo coi.

Đứa con gái chòng được cái quần lãnh đen nhưng còn chưa kịp cài nút áo tất tả chạy theo gã đàn ông. Đứa con gái vừa chạy vừa nói léo nhéo:

- Đùng vô miếu thổ thần tội lắm anh! Qua bên kia kia, mà coi như xong một cối rồi nghe anh! Phải trả em thêm đó!

- Xong cái gì! Người ta chưa ra mà! Sao em chơi đùa vậy?

- Chứ còn gì nữa, chẳng lẽ nầy giờ chùa sao!

Khánh và Thìn chạy đuổi theo sau cười nắc nẻ, nhưng cặp trai gái làm như không thấy hai người lính vẫn léo nhéo vừa chạy vừa mặc cả. Trời tạnh mưa, chút nắng muộn le lói soi khu nghĩa địa. Bốn người cùng chạy nhưng chỉ có hai cái bóng của cặp trai gái phoi trên lối đi đất. Cả bốn xa dần và khuất hẳn. Cụ Chương chờ cho tất cả trở lại yên tĩnh rồi mới lên tiếng.

- Tội nghiệp! Hai anh lính vào trong này giữa lúc đời họ còn sôi động quá. Còn dở dang tuổi trẻ nên họ ham vui, đôi lúc hiếu thắng, có lúc lại bất mãn tất cả. Tôi hiểu họ còn vương nhiều bụi trần chưa dứt được, nên hay theo khuyên bảo nói chuyện với họ. Cái phần số không do mình định đoạt, cũng không do thượng đế đâu, do ở cái tiền kiếp lúc trước ăn ở thế nào kiếp này chịu vậy. Thượng đế không có bắt công với ai, không có quýt làm cam chịu, mà ai làm người nấy nhận. Tôi ở trong này trên hai mươi năm rồi, gặp đủ hạng người, đủ khắp các thành phần nên tôi hiểu rõ con người ta lắm. Con người ta nhiều lúc đáng thương mà nhiều lúc cũng đáng ghét. Không biết ông bạn Thanh với cậu Diễm và cô Thủy nghĩ thế nào, nhưng tôi thì thấy con người ta là nạn nhân của chính mình mà lại thường đổ tội cho trời cao không có mắt.

- Thưa, cháu muốn hỏi cụ một điều không biết có nên chăng?

Điêm ngắt lời cụ Chương. Tự nhiên anh cảm thấy mẩn cái thần thái ung dung tự tại, phong cách chấp nhận cuộc đời, kiếp người ngay cả sau khi chết của ông cụ.

- Cậu cứ hỏi không việc gì mà ngại.

- Cụ vừa bảo nằm ở đây trên hai mươi năm, sao vong hồn không được siêu thoát?

- Trả lời cho cậu tôi cũng không biết nói thế nào, chuyện ấy ngoài thẩm quyền của chúng tôi, nhưng thời buổi nhiễu nhương của chúng mình bây giờ hồn âm khó mà siêu linh tịnh độ. Lũ chúng tôi ở đây không có ai được lên cõi niết bàn, mà đều chờ vào vòng luân hồi, chậm hay mau thì tùy thuộc vào ân đức của mình khi sống để lại. Lúc còn sinh tiền tôi không thấy mình có làm điều gì xấu, nhưng biết đâu! Có chuyện mình không cho là xấu mà nó vẫn cứ xấu, mà mình không nghĩ ra thôi. Nhưng cứ chờ mãi rồi mình đâm ra tin mình đã làm chuyện xấu, đành phải thay đổi cách nhìn chấp nhận ở đây vậy. Ở riết lại thấy trong này cũng vui vui cậu Điêm à. Chẳng hạn cái cảnh giang hồ vừa rồi, cái thời tôi còn ở vùng quê mình ngoài Bắc làm sao có. Lúc ấy trai gái gặp nhau thì chỉ hát quan họ. Cậu biết quả đồi Lim không? Chùa Lim, xã Lim bên cạnh sông Tiêu Tương, làng tôi là cái nôi quan họ cổ truyền đấy!

- Lúc di cư cháu chỉ trên mười tuổi nên bây giờ không nhớ gì, thưa cụ.

- Ối giờ ơi! Hát quan họ thì mê lắm lắm! Âm điệu của nó du dương tỏa khắp cả người mình. Cái giọng con gái Bắc Ninh mới chết!

Cụ Chương nói rồi liền cất giọng hát:

Em là con gái Bắc Ninh

*Em nghiêng vành nón mái đình nghiêng theo
 Tòa sen Phật muốn lặng thinh
 Nghe em ca bỗng thấy mình trên gian
 Quê em sóng, nhịp, gió, đàn
 Nắng thêu nên nhạc, trăng vờn nên thơ
 Tiêu Tương dấu cũ con đò
 Xuống sông nỗi nhớ, ngóng hò nỗi thương...*

- Mấy chục năm rồi mà tôi vẫn không quên mấy câu hát ấy, nó như ăn vào hồn mình. Trần Linh Quý làm bài hát ấy nổi tiếng cả vùng Bắc Ninh.

- Cậu Điềm rảnh rang thì vào đây nghe cụ Chương hát quan họ, kể chuyện hội Lim thú lắm.

Ông Thanh nói với chàng.

- Cụ Chương còn biết nhiều thắng cảnh miền Bắc, những đêm trăng bọn trẻ chúng em thường tụ tập nghe cụ kể chuyện đi chùa Hương, chùa Keo, viếng đền Kiếp Bạc, hồ Ba Bể thích lắm. Hôm nào không bận bịu anh Điềm ghé chơi nhé!

Cô gái tên Thủy này giờ mới lên tiếng. Điềm trông nàng duyên dáng quá. Đột nhiên chàng thấy vui vui, buổi trưa lúc vào nghĩa địa tìm cho mình miếng đất sinh phần, chàng đâu nghĩ có cuộc gặp gỡ kỳ lạ này. Nói chuyện miên man, băng quơ giữa kiếp người, cõi sống, cõi âm, làng quê đất tổ ngoài Bắc, cái lộn quốc cộng giữa hai người lính, kinh tế tư bản cá thể, kinh tế Mác xít quốc doanh, Điềm nhận thấy cõi âm cũng khác không bao xa với cõi người sống. Đời sống vẫn tiếp tục, kéo dài dù chỉ là những hệ lụy đem theo. Vài tháng nữa vào đây nằm, chàng không đánh mất gì nhiều, vẫn tiếp tục sống dù chỉ còn là linh hồn vất vưởng. Nghĩ thế Điềm thấy chàng

thật sáng khoải, không còn sợ hãi buồn chán cho số phận mình chẳng may ngắn ngủi.

- Thế nào tôi cũng trở lại thăm cô với bác và cụ.

Điểm trả lời cô gái. Chàng tiếp:

- Chắc cũng chẳng còn bao lâu thì tôi vào ở luôn, nếu may mắn tìm được miếng đất.

- Thế thì còn gì bằng. Ấy chết! Em nói bậy quá! ý em muốn nói là chắc bác và cụ đây đã có cảm tình với anh cũng mong gặp lại thường.

Thủy nói lỡ vội chữa, nàng cười xin lỗi câu nói gở khi nãy. Lúc cười, Thủy có hai lúm đồng tiền nho nhỏ và chiếc răng khểnh mà Điểm thấy có duyên lạ.

- Thôi, mình cũng sửa soạn đi tìm đất cho cậu Điểm đi bác Thanh nhỉ?

- Ừ, mình đi kéo muợn để cậu ấy còn về cho kịp, chiều hôm ở đây cũng ngại.

Ông Thanh đứng lên theo cụ Chương. Thủy cũng đứng dậy thu vén chỗ ngồi lẩn chót, nàng không quên liếc nhìn chàng và cứ cười tủm tỉm.

- Mình đi phía đằng này, tôi chắc còn một vài khoảnh trống. Tôi không rành khoa địa lý nên không biết đất tốt xấu thế nào, để tùy cậu định đoạt không dám ép. Mà cậu đã có đi xem ở chỗ nào khác chưa?

- Thưa cụ chưa. Trước khi vào đây cháu có định lên xem nghĩa trang Gò Vấp nữa đã rồi mới quyết định, nhưng bây giờ được biết cụ, bác Thanh và cô đây thì cháu nghĩ cũng là do ý trời xếp đặt, nếu được một miếng đất đủ nằm thì cháu mua ngay không lên Gò Vấp đâu. Trăm sự nhờ cụ và bác Thanh cho.

- Thôi được rồi, nếu cậu tha thiết như thế thì tôi chỉ

cho một miếng đất còn chưa, đứng ra thì họ đã đặt cọc nhưng mình có thể mua lại. Cậu đi xem rồi trở ra thành phố thương lượng với người ta. Mà này, sau này nằm có bị kiến với trùn, mối nhiều quá thì đừng có mắng vốn tôi đấy nhé!

Cụ Chương cười thật đôn hậu. Hai người đi trước, Thủy và ông Thanh đi sau. Cụ Chương ghé tai chàng nói nhỏ:

- Cô ấy ngoan lắm, con nhà đảng hoàng, tính tình hiền lành, lần đầu tiên tôi thấy cô ấy vui vẻ dạn dĩ với một người đàn ông là cậu đó. Nếu duyên định cô cậu gặp nhau dưới này cũng hay.

Điểm cười theo, chưa dám thổ lộ nhiều, chỉ mới lần đầu, biết Thủy xem chàng ở vai vị nào. Điểm thấy có nhiều đứa trẻ ở đâu chạy chơi trong khu nghĩa trang. Có đứa tụ nhau đánh đáo, bắn bi, có đứa chơi ô quan, và có một đứa chạy ngang khoanh tay chào cụ Chương. Chàng biết chúng là ma, nhưng có cảm tưởng chúng mới vừa ngủ trưa dậy ra sân chơi. Trông chúng cũng hồn nhiên không khác mấy những đứa trẻ trong trường học, chỉ có điều đứa nào cũng mặc đồ mới. Điểm đi xem đất và bằng lòng lắm. Khoanh đất mát mẻ, có bóng cây, không bị mộ nào lấn. Đất cứng không sợ bị xụp, chỉ xa lối vào nghĩa trang nhưng được cái ở gần chỗ Thủy nằm. Nghĩ mai mốt có thể qua lại chỗ Thủy, chàng đã vừa ý.

Điểm ra về sau khi cụ Chương cho chàng địa chỉ của người chủ đất. Lúc bước ra cổng, Điểm thấy bà già bán nhang đang ngủ gật. Người phu xe trông thấy chàng ngồi bật dậy, rời lòng xích lô dấy nẩy:

- Bắt đợi cả buổi như vậy ông phải tặng tiền cho tôi!

- Anh cầm lấy tất.

Điểm móc túi còn bao nhiêu tiền trao hết cho người phu xe. Trình giấy cho người bộ đội gác cổng ngoài rồi chàng bảo người phu đánh xe lên Phú Nhuận. Rồi Bắc Việt Nghĩa Trang, trên đường Chi Lăng Điểm lại phân vân nửa muốn về nhà báo tin mừng cho mẹ, nửa ngập ngừng nhớ cái không khí đưa đám ở nhà mình từ khi bác sĩ bảo bó tay. Suy nghĩ một chốc rồi chàng đổi ý, quay gọi người phu xe chở chàng đến thẳng cái địa chỉ cụ Chương vừa cho.

*

Điểm trở vào nghĩa trang tuần sau, nắng nóng chói chang trên mấy ngôi mộ, chứ không mưa lai rai ướt mặt người chết như hôm đầu. Cả khu mả thiêm thiếp giấc trưa, yên lặng không bóng người. Chàng cũng vào khẩn nơi miếu thổ thần, rồi đi rào tìm khoanh đất trống đã hẹn với người chủ cũ tù nữa đến xem lại và ký giấy thỏa thuận. Trưa nắng chang chang trên mấy lùm cỏ lau gai sắc, không có bóng mây chỉ có mỗi một chiếc bóng của Điểm duy nhất vón qua vón lại tìm lối đi. Cỏ mọc che kín nhiều chỗ mả rậm rạp, chàng loay hoay bung đồ cứng vạch lau lách. Quần hai ba vòng Điểm vẫn chưa tìm ra chỗ đất cụ Chương đã giết chàng tới, Những kiểu mả lập bảo tháp, long đình, xây uyng thành giồng giống nhau nên chàng không nhớ đã có đi qua hay không. Điểm đi tìm một hồi thì mệt, mồ hôi rũ ra ướt đầm sống lưng, con đau bụng lại trở lên hành hạ. Chàng ngồi vật xuống ven con đường đất thờ dốc, dạ dày như có ai lấy kim chích đau xon xót. Điểm cố cất tiếng gọi cụ Chương ra đón mình, nhưng tiếng kêu của chàng chạm những thành bia đá dội đi vang vang không có người trả lời. Điểm vượt mồ hôi chảy ướt cả cổ áo, rút khăn tay đắp

lên đầu che nắng, rồi lại gọi ba bốn lượt. *Cụ Chương ơi! Cụ Chương ơi! Có cháu đến tìm! Khánh ơi... Bác Thanh ơi! Cháu mang quà vào!* Điềm nghe tiếng chàng vọng vang dội trở về lập lại như có ai đùa. Chàng đứng lên dáo dác tìm rồi lại ngồi xuống thất vọng. Khu mả vắng vẻ quá, mộ lập chùng chùng biết đường nào mà tìm. Chàng tự trách mình hôm nọ đã không nhớ kỹ lối đi, lại để quên ở nhà tờ giấy người chủ đất ghi lô thú tự. Điềm đành ngồi đợi, lâu lâu chàng ngược mặt nhìn bắt gặp một vài nụ cười hóm hỉnh trên bia đá.

Có cái am chúng sinh gần đó. Điềm chợt nảy ra một ý. Chàng tháo giỏ đồ cúng, bày cau chè, xôi vịt với rượu bánh ra trước am. Điềm đốt ba nén hương khấn vái những âm hồn đi hoang. Không có gió, khói nhang bay dề trên mặt đất, di di buồn buồn lượn lờ theo bóng nắng. Chàng gấp giấy báo lại làm quạt, mấy luồng hơi gió làm Điềm dễ chịu, như đẩy được chút nắng ra xa. Làn gió cũng đẩy khói hương đi bốn phía.

- Này anh bạn! Sao đem đồ cúng ở đây!

Điềm giật mình quay về phía có tiếng nói, thấy Trình Văn Khánh đang nhảy lò cò với chiếc chân cụt, mặt hớt hơ hớt hải:

- Đẹp đi! Trời ơi! Đây là am chúng sinh, bạn cúng như vậy cô hồn các đảng tội nó ủa tới ăn sao cho đủ!

- Phải đấy! Cất ngay đi, khăn trương lên!

Chạy sau Khánh là Thìn, vẫn tuơng tất trong bộ lễ phục sĩ quan Đà Lạt. Cây kiếm mẫn khóa Võ Bị, Thìn đeo bên hông chạm vào chân kêu lanh canh.

- Cụ Chương có ra không? Chàng hỏi họ, vừa thương vừa tức cười.

- Có, ra liền bây giờ nhưng ông cụ đi chậm lắm. Phụ tôi khuôn ra đằng mà cô Thủy, có bấy nhiêu mà chia cho cả nghĩa địa thì mỗi người chỉ được một hột xôi!

Khánh quơ quào mấy đĩa đồ cúng, trong lúc Thìn nhanh tay tắt nhang, nhặt chai rượu. Đã có dăm mười bóng người từ mấy ngôi mà xa ùn ùn kéo ra, mặt mũi ai trông cũng phấn chấn!

- Phát chẩn chúng mày ơi!

- Chẩn cái củ thiêu biu! Không có hộ khẩu thì không được quyền nhận!

Thìn rút kiếm võ bị chống nhau với mấy người tha phương cầu thực. Điềm bị Khánh lôi bắn đi, chạy như ma đuổi.

- Lân sau anh bạn đừng có đại như vậy nữa nhé! Có hảo tâm cúng ai thì cúng một người đó thôi, nhân đạo chung chung như vậy vô bổ lắm!

Khánh lôi chàng phăng phăng băng qua mấy dãy mã liên. Thìn ở đằng sau múa máy đường kiếm rồi cũng chạy theo.

- Các cậu ơi! Chúng nó đeo mình căng quá!

- Quẳng cho họ mấy cái bánh! Khánh hét.

Thìn vừa chạy vừa ném ra sau mấy phong bánh đậu và buồng cau Điềm mua lúc sáng, chỉ giữ lại chai rượu để Hiệp Hòa với cây thuốc lá. Đám cô hồn giành nhau mấy thứ rơi rớt trên đất quên cả đuổi.

*

- Các anh làm gì mà la toáng lên thế? Lại đánh nhau nữa à?

Thủy từ sau mỏ của nàng bước ra hỏi. Điềm để ý thấy nàng hôm nay bôi tóc, xăn tay áo, để lộ cái cườm tay nhỏ

đeo hai chiếc vòng ngọc thạch và một ngấn cổ ngó sen. Hai má lúm đồng tiền vẫn duyên dáng như hôm nọ, còn có phần xinh hơn.

- Anh bạn Điềm đến dâng cau chạm ngõ cô em mà bị chúng nó lột rồi!

Khánh cười hềnh hếch đặc chí với câu pha trò của mình.

- Nói tầm bậy nào! Thủy nhìn chàng đỏ mặt, không quên liếc một cái sắc lẹm về phía Khánh.

Bốn người bày mấy món còn đem theo được trên mả Thủy.

- Xem nào, còn một con vịt luộc, hai đĩa xôi, cây thuốc và chai rượu, tốt chán! Chỉ mất có buồng cau, năm phong bánh với nải chuối để quên trong am. Cứ xem như thắng lợi về vang!

Thìn khoai trá đếm đi đếm lại mấy món đồ cúng, trịnh trọng rót rượu ra ly bày sẵn. Khánh vội vả mỗi thuốc rít từng hơi, ế sâu vào phổi rồi mới từ từ thở ra bằng lỗ mũi:

- Phê quá!

Người hạ sĩ quan Cộng Hòa tiểu đoàn 11 Dù ngồi tựa tấm bia của ngôi mả bên cạnh lim dim mắt. Thủy từ lúc nãy đến giờ vẫn đứng nhìn chàng ngượng ngùng, lên tiếng hỏi bâng quơ:

- Anh Điềm thết tiệc chuyện gì vậy?

- Hôm nay tôi ký giấy mua đất nên muốn ăn mừng với Thủy, cụ Chương, bác Thanh và hai anh Khánh, Thìn.

- Cứ coi như anh bạn đãi tân gia!

Khánh lại mở mắt pha trò.

- Vậy là nhập hội tương tế với bọn mình rồi nhá!

Thìn vui vẻ cười mở. Thủy cười ngặt nghèo với mấy câu đùa của hai người lính.

- Anh đã nhất quyết vào với chúng em?

Một lúc nàng chậm rãi hỏi.

- Tôi đã quyết định từ hôm đầu gặp cô.

Điểm nhìn nàng khi trả lời, chàng đọc thấy sự bối rối mà sung sướng ẩn trong đôi mắt Thủy đen láy. Chàng muốn nói đã yêu Thủy ngay hôm đầu nhưng không dám.

- Sao cụ Chương với bác Thanh lâu đến?

Thủy lắng chuyện, không dám ngó chàng nữa.

- Chúng tôi đây!

Bốn người quay ra, thấy cụ Chương và ông Thanh đang đi tới. Khánh cần nhằn:

- Chờ hai cụ cấp ô tới thì con người ta đói rã ruột!

- Anh em chúng tôi phải chiến đấu căng lắm mới bảo vệ được thành quả của nhân dân lao động là mấy món ăn này do anh Điểm đem vào.

Thìn kể công.

- Chúng tôi biết! Xin lỗi các bạn trẻ vậy. Nào ta dùng cỗ đi chứ, chắc cậu Điểm có mấy lời ngỏ đầu?

- Dạ, thật ra cũng không có gì trọng đại, hôm nay cháu mua được cái sinh phần cho mình hẹn với người ta đến ký giấy lát nữa, được như vậy cũng là do cụ, bác Thanh, hai anh Khánh, Thìn và Thủy đây giúp đỡ, nên cháu muốn báo tin vui cho tất cả, nhân thể có ít xôi rượu mời mọi người đánh chén.

Mọi người vỗ tay khi Điểm dứt lời, chàng cảm động thấy mọi người đều thành thật chia vui với mình. Họ ngồi bệt xuống đất, Thủy chặt vịt, ông Thanh bới xôi, Khánh và Thìn rót rượu tiếp mọi người. Cụ Chương châm điều thuốc hỏi chàng:

- Đã sắm cỗ hậu quan quách gì chưa?
- Dạ chưa, nhưng chắc cũng phải đi mua nay mai.

Điêm đáp.

- Ủ, liệu trước vẫn hay hơn, mua loại gỗ vàng tâm thì mới không sợ bị mục nước sau này.

- Sợ thời buổi khó khăn lúc này không tìm được thứ gỗ quý đó.

Ông Thanh vừa nhả xương vệt nói. Cụ Chương gạt gù đồng ý, bảo thôi thì gỗ lim cũng được.

- Anh đã chọn kiểu mộ chưa, anh Điêm?

Thủy hỏi thêm.

Chàng còn đương suy nghĩ, Khánh đã ồn ào:

- Mộ lập cho ngon thì phải xây ít ra cũng giống mộ cụ Chương với ông Thanh. Có bình phong, sân bái đường, hồ nước, hương án, thành mộ trồng hoa giấy, hoa dâm bụt, bên ngoài xây viên thành có cổng uốn. Người sống đi qua nhìn mới dễ nể!

- Trong Nam các anh cứ quen thói tư sản! Xây cho đẹp vào chỉ tốn tiền của thân nhân mình chứ ích gì. Ngoài Bắc lúc tôi lên đường cứu quốc năm 73, người ta chỉ đắp đất hình nấm, không có xây gạch xây gung như trong này.

Thìn, tương phản trong bộ lễ phục võ bị, vừa nhồm nhoàm ăn vừa phát biểu.

- Bị bắt lính thì nói bị bắt lính, lên đường cứu quốc! Nghe không giống ai!

Khánh ực một hơi cạn ly rượu, rót thêm rồi lại ực. Mặt người thương phế binh đã đỏ gay. Thìn bị nói móc, cũng buông cái chân vệt, tợp một ngụm rượu.

- Ủ, không giống ai mà chúng tôi chiến thắng các anh lấy lòng!

- Đù mẹ! Chớ táp phải ruồi! Bộ đội anh hùng, chỉ đạo đúng đắn, thi đua lập chiến công... tới Xuân Lộc chết như rạ!

- Ủ, chết đấy, nhưng nguy quân nguy quyền thì bị bắt sống cả bấy!

Thìn hất mặt thách thức. Khánh toan chồm lên phang chai rượu Hiệp Hòa vào đầu Thìn nhưng ông Thanh đã kịp thời can họ.

- Thôi thôi cho tôi xin, lại cãi nhau nữa. Cứ lần nào có rượu vào là các anh lại đánh nhau. Hai anh thôi nhau vì rượu chứ có phải vì chính nghĩa của hai bên đâu! Hôm nay là ngày vui của cậu Diễm, người ta làm tiệc đãi thì phải biết giữ tư cách một chút chứ. Các anh làm sao mang tiếng người chết chúng mình, không khéo cậu Diễm đổi ý không mua sinh phần ở đây nữa.

Ông Thanh bắt họ mỗi người ra ngồi một góc. Như hôm nọ, cụ Chương không nói gì chỉ tùm tùm cười. Ông Thanh chiêu ngụm rượu rồi mới lên tiếng nói về cách thức xây mộ.

- Lập mộ có nhiều kiểu, Bảo Châu, Bảo Tháp, Trúc Cách, Long Đình, đó là những kiểu đất tiền xưa chỉ có triều thần hoàng tộc hay các nhà quyền quý mới được xây. Sau này trong Nam ai có tiền, muốn xây sao thì làm. Nhưng những kiểu mộ đó đòi hỏi đất rộng, ít ra cũng rộng bằng cái âm phần của tôi hay của cụ Chương. Chỗ đất của cậu mua thì hơi chật, không làm được sân bái đường đâu. Tôi đề nghị cậu xây kiểu trúc cách tam cấp, có bình phong với một ao nước nhỏ trước mặt là đủ đẹp. Cậu Diễm thấy thế nào? Còn hoa giấy, hoa dâm bụt thì tùy người nhà mình giống, nhưng cũng chỉ được ít lâu rồi héo cả thôi mà.

- Dạ, cảm ơn bác đã chí tình chỉ bảo, nhưng đời sống bây giờ đắt đỏ quá, cháu không rõ gia đình có đủ tiền lập mộ khang trang như lúc trước hay không? Cháu đã định bụng xây kiểu mộ liếp thường, đơn giản mà cũng tươm tất.

Điểm nói với ông Thanh. Cụ Chương nghe thế thì chen vào câu chuyện.

- Ủ, cậu Điểm nói cũng đúng, tôi thấy từ sau bảy mươi năm mấy người vào đây mồ mả ai cũng xoàng xoàng, hẳn là vật liệu bây giờ đắt kinh lắm. Thôi thì cậu cứ xây theo khả năng của mình. Nhưng nếu vẫn thích tối tối ngồi sân bái đường, trông sao uống chè, ngắm hoa, ngắm trăng soi hồ nước thì lại đành tôi và ông bạn Thanh. Của mả chúng tôi lúc nào cũng mở rộng đón cậu.

- Cảm ơn cụ đã có lòng xem cháu như con cái.

- Nhưng tôi chắc anh bạn đây thích ngắm sao đêm với cô em Thủy hơn là với cụ!

- Thích mê đi chứ lì!

Khánh và Thìn đã thôi cãi nhau, mỗi người một câu đùa làm người thiếu nữ đỏ bừng mặt.

- Cấm hai anh không được nhắc đến em nữa! Sàm sỡ vừa vừa chứ!

Mọi người bật cười ròn. Cụ Chương trịnh trọng nâng ly mời:

- Nào, ta nâng ly chúc mừng cậu Điểm sắp xây kim tĩnh.

- Mừng anh bạn!

- Mừng anh!

*

Tàn tiệc, cụ Chương và ông Thanh cáo từ đi ngả lưng. Khánh và Thìn rủ nhau đi rình mấy cảnh bán tình

của những ả giang hồ làm ăn trong nghĩa địa. Chỉ còn lại một mình chàng và Thủy. Thủy dợm đứng lên đi dọn dẹp, nhưng Diễm kéo nàng ngồi xuống.

- Thư thả, lát nữa anh phụ Thủy một tay.

Thủy nhìn chàng do dự, rồi ngồi xuống kế bên không nói gì. Diễm nhìn cánh tay nặng ôm ngang khuỷu, lấp lánh trên những bia đá như có dát vàng. Yên tĩnh quá, không có tiếng trẻ nít đùa giỡn như hôm nào. Có lẽ chúng đang ngủ trưa. Thế giới trong nghĩa trang im vắng khác hẳn cái cuộc đời trần tục xô bồ ở ngoài thành phố, chỉ cách nhau có con đường lộ. Diễm phân vân tự hỏi, không hiểu Thủy có hay biết những thay đổi biến động kinh khủng của xã hội người sống? Chàng thậm mong là nàng không hay biết gì hết, vẫn giữ trong đầu những hình ảnh vui tươi của miền Nam trước đây. Diễm nhìn tấm bia khắc trên mộ nàng. Phạm Thị Thu Thủy, hưởng dương mười bảy tuổi, thương con lập mộ. Dưới tấm hình nàng là hai câu thơ của bố mẹ Thủy thương tiếc con: *Nụ cười đã tắt trên môi thắm, hình bóng con yêu đã khuất mờ*. Chàng thấy thương cô gái đang ngồi cạnh mình, nàng đã ở trong này mười mấy năm rồi, một thân, một mình cô độc lẻ loi. Trông Thủy không khác trong hình bao nhiêu, có lẽ âm hồn nàng giữ lại hình ảnh của thể phách lúc chết.

- Có thật anh quyết định mua sinh phần vì em?

Thủy bất ngờ hỏi, hơi cúi mặt không nhìn chàng. Diễm gật đầu.

- Tôi không hiểu vì sao, nhưng thấy mình có cảm tình nhiều với Thủy.

Chàng do dự rồi nắm lấy bàn tay nhỏ trắng nõn, mấy ngón tay thuần búp như những đọt măng non.

Thủy để yên không phản đối, hai người không nói tiếng nào nữa, nhưng họ xúc động lắm. Mãi Thủy mới dám ngừng mắt. Nàng bắt gặp khuôn mặt Diễm ở sát mình, nghiêng nghiêng cúi xuống gần ở ngang tầm môi.

- Có phải anh sắp hôn em?

Nàng đỡ khuôn mặt Diễm, hơi hốt hoảng. Chàng lại khẽ gạt đầu.

- Âm dương chạm nhau không tốt đâu, bây giờ anh còn xác phàm.

- Chẳng bao lâu nữa là anh vào đây rồi, tốt hay không tốt thì cũng như nhau.

Diễm nói và nâng cằm nàng. Thủy nhìn sâu trong mắt chàng thật lâu, Diễm đọc được trên khuôn mặt nàng tất cả băn khoăn lo lắng chen lẫn tình yêu bối rối. Nhưng rồi nàng nhắm nghiền mắt, ngửa mặt chờ đợi. Diễm cúi xuống đặt nụ hôn khẽ vào giữa đôi môi thơm thơm hồng. Cảm giác lạnh khô và nhạt nhạt. Người Thủy mềm nhũn đi, đôi tay cũng lạnh mát níu lấy vai chàng. Diễm thấy nàng lấy bầy run rẩy đánh rơi một chiếc guốc xuống đất. Chàng cũng đê mê sung sướng, người con gái hiền quá, ngoan quá, đẹp quá, ngần cổ thơm ngọc lan thoang thoang. Chàng hôn tiếp không muốn rời...

- Ê! Anh làm cái gì vậy? Tôi tìm anh từ này!

Chàng và Thủy lật đặt buông nhau ra. Người đàn ông mặc áo ôm vạt bầu, cổ luỡi mèo đứng nhìn chàng chăm chăm. Người chủ miếng đất trở mắt nhìn mấy đĩa đồ cúng lây lất trên mặt đất, rồi lại ngó chàng, hiển nhiên là ông ta không trông thấy cô gái.

- Một mình anh ăn hết chùng này à?

- Buổi sáng quên ăn sáng, nên hôm nay tôi đói quá!

Điễm lúng túng, không biết phải giải thích làm sao. Người đàn ông ngó vỏ chai rượu Hiệp Hòa mà Khánh vắt chổng trơ trên đất. Ông ta hất mặt.

- Uống nguyên lít để thế này, không ung thu dạ dày cũng uống! Nhưng sao lại ăn toàn đồ cứng không thể?

Người đàn ông nhìn quanh quất mấy ngôi mả bên cạnh như có ý nghi ngờ chàng lấy trộm thức ăn. Gã lấy chân đá mấy cái xương vụn rồi nói:

- Thôi đi xem đất nào, tôi còn phải về áp phe. Như vậy là anh đã thỏa thuận giá cả với vợ tôi?

- Bà ấy bảo tôi thương lượng với anh.

- Không thương lượng gì ráo, tôi có giá của tôi, anh không mua thì thôi. Tôi không thích mặc cả.

Gã đàn ông đi xăm xăm về khoảng đất trống còn chưa nằm cách mộ Thủy hai dãy. Điễm cùng bước với nàng theo sau người đàn ông. Ông ta mặc quần gin Mỹ, có thêu nhãn hiệu Levis, đôi dép sabot đế cao, đồng hồ vàng Oméga và tấm lác bụi lủng lẳng ở cườm tay. Gã đàn ông tỏ ra là dân làm áp phe chuyên nghiệp. Thủy đi theo Điễm, chốc chốc lại nhìn chàng lo lắng. Điễm chỉ biết ra dấu trấn an nàng và đối đáp cầm chừng với gã đàn ông. Đến chỗ ngôi đất, gã móc trong túi một sợi dây thước đo nói giọng chắc nịch.

- Hai thước ngang, hai thước dọc, vuông vức như vậy mới vừa đẹp. Năm bảy mươi tư tôi mua ngôi đất này ngót hai trăm năm chục ngàn tiền cũ, bây giờ thì giá lên gấp trăm. Giá thị trường sao thì tôi để anh vậy, không bớt, không tăng giá!

Điễm biết chàng gặp phải tay buôn chợ trời thứ thiệt. Sau bao kỳ đánh tư sản, truy quét tàn dư, dẹp chợ

trời mà gã vẫn ung dung sinh sống, phát phì mỡ màng như vậy, tay này hẳn phải có bản lĩnh hơn người. Và hiện giờ hẳn đang nắm đằng chuôi, chàng là người cần đất, hẳn không cần bán, trừ phi giá hời.

Gã đàn ông nhăn mặt nhìn đám tranh mọc rậm rạp kín mít ngôi đất.

- Tiên sư chúng nó, trả bao nhiêu tiền cũng không bao giờ chịu cắt cỏ. Tiên niên liêm hàng năm mình đóng cho hội không biết chúng vút đi đằng nào! Cỏ xanh um thế này thì có ỉa vào đấy cũng không ai thấy!

Gã đàn ông lấy chân đạp cỏ, càu nhàu, nhưng rồi như nghĩ ra chuyện gì có lợi, ngoảnh ngay mặt lại nhìn Diêm vênh vào:

- Người ta nói khi nào cỏ quanh mả khô héo chết hết, hay đất nứt thành đường thì con cháu phải cải táng. Cỏ chỗ này xanh tươi tức là đất tốt có sinh khí, xem này có nứt chỗ nào đâu! Lẽ ra tôi phải tăng giá, tìm được đất tốt không phải dễ, anh may mà không biết!

- Tôi ứng tiền trước cho anh một nửa, khi nào tôi qua đời người nhà sẽ trả nốt phần còn lại, anh bằng lòng không?

Diêm lên tiếng, chàng biết trận chiến mặc cả bắt đầu.

- Không đưa trước đưa sau gì ráo, biết chừng nào anh mới chết!

Gã đàn ông quay phắt lại, rõ ràng là phản ứng của gã trở nên quyết liệt gấp bội khi đụng tới tiền.

- Tôi chỉ còn sống nữa năm sáu tháng, anh không phải chờ lâu.

- Anh chết tuần sau mặc xác anh, tôi bán đất tiền trao cháo múc, sống nhờ bát cơm, chết nhờ đất cát, anh

chết anh cần đất, tôi sống tôi cần tiền. Không mua thầy kệ anh, tôi không vội bán.

- Được, tôi bằng lòng trả ngay bằng bạc mặt, nhưng anh phải bớt cho tôi một phần ba cái giá mà vợ anh đã nói với tôi. Cái giá đó anh đã nhận gấp đôi giá thị trường.

- Bớt? Trong tự điển Việt Nam quốc âm tự vị của tôi không có chữ này! Anh muốn mua đất rẻ thì đến mấy chỗ họ đào kinh thủy lợi mà mua, đất ở đó người ta xúc cho không, đổ đi không hết!

Gã đàn ông như bức tường thép, không tài nào lay chuyển. Thủy nhìn chàng lo ngại, Điềm thấy mình đã hơi quá vội vui mừng khi làm tiệc đãi mọi người lúc này. Chàng không dễ dàng mua được miếng đất mà không bị cửa cổ.

- Tôi tên là Thế, mua đất xây kim tinh cho mình nhưng mấy năm nay bận quá chưa có thì giờ làm. Bây giờ tôi có giấy bảo lãnh của ông anh ruột không cần nữa, tôi đi Pháp nay mai, nhưng nếu anh không đủ tiền trả thì tôi để lại cho người khác. Người chết bây giờ không thiếu!

Gã đàn ông tên Thế, tự giới thiệu rồi rút dây thước ra đo đạc. Điềm không hiểu tại sao gã chỉ mua đất để sẵn cho mình mà không mua cho vợ. Gã đàn ông vừa đo đất vừa nói như rao hàng.

- Dài hai thước đúng, không thiếu một phân. Tôi nói đâu có sai, tính ra rẻ chán, chỉ có mấy chục đồng một mi li mét!

Gã lại cầm cuí đo đạc chiều ngang, đến chân ngôi mà mới xây bên cạnh gã chột đứng dựng lên la bài hải:

- Thôi chết tôi rồi! Tiên nhân cái thằng nào xây lán qua đất của mình ba mươi cen ti mét! Sư cha nhà nó! Quân ăn cướp!

Gã Thế lồng lên, chồm người nhìn xuống ngôi mộ còn tương đối mới. Gã đọc lầm nhầm tên họ người chết, nhìn vào tấm bia trùng trùng như đang đối diện người lấy cắp đất của gã.

- Nguyễn Văn Nhâm... sinh 1761, một ngàn bảy trăm sáu mốt...! Chắc là khắc nhầm! Đồ đểu nhà nó, không biết dạy con cháu, xây lấn qua đất người khác!

Gã đàn ông văng tục, vừa chui tay vào đầu bức tai, vừa đá vào hông má mấy cái. Giận quá mất khôn gã đập luôn hai cái bình bông để trên mộ. Điềm chụp vội ngay cơ hội.

- Thiếu ba mươi phân đất, như vậy anh phải bớt cho tôi một phần ba giá.

- Cái gì? Tôi bán đưa đủ giấy tờ cho anh, anh lên mà kiện với công an quận, không thì cho người tới cào bố má nó lên. Đất này của mình, mình có quyền đào xới!

Chàng nhận ra gã đàn ông đã dùng chữ “đất của mình”. Điềm lắc đầu.

- Tôi không biết, việc kiện tụng là việc của anh, chỉ có một mét bảy ngang và hai mét dọc, anh không thể đòi giá cao được. Chật thế này, ai nằm cho vừa!

- Tôi gần đi Pháp, không muốn giấy tờ lòi thòi, nếu anh không muốn kiện thì thôi, nhưng tôi không thể bớt được.

- Tùy anh, tưởng đất rộng tôi mua, ai ngờ đất hẹp thì thôi, tôi lên nghĩa trang Gò Vấp vậy.

Điềm nhún vai. Mặt gã đàn ông đỏ gay, mồ hôi chảy nhót trên mặt. Gã thở phì phò mặt nhăn như táo bón.

- Thôi được, tôi bớt anh một phần ba giá.

- Bây giờ không phải một phần ba nữa mà là phần nửa!

Điễm thần nhiên, như việc xuống giá thật bình thường. Gã Thế hét lên:

- Anh bảo sao? Một nửa giá thôi ấy à? Anh cắt đi tôi không cần bán nữa!

- Anh có ông bà cụ thân sinh cũng chôn trong này phải không?

Chàng từ tốn hỏi, trong lúc gã Thế biến sắc.

- Ai nói với anh?

- Vợ anh có nói với tôi là cả gia tộc anh chôn trong này. Anh nghĩ sao nếu tôi nói với thân nhân của cụ Nguyễn Văn Nhâm nằm đây rằng anh đã đá vào sườn ông cụ và đập bể hai lọ hoa. Anh nghĩ họ sẽ phản ứng như thế nào, nếu tôi chỉ mả của ông bà thân sinh ra anh? Dĩ nhiên là tôi sẽ nói luôn là anh muốn chạy tiền công an cào mả ông cụ lên chắc họ không hài lòng đâu!

- Anh, anh... dám làm điều đó?

Gã Thế lặng người nhìn Điễm, mồ hôi chảy vồng trên mặt. Gã hung hãn bao nhiêu khi mới vào, lúc này xanh muốt hiển lành chẳng khác một kẻ buôn chui bị bắt.

- Dĩ nhiên là tôi không làm chuyện thất đức đó rồi, nếu anh chịu để cho tôi phân nửa cái giá chỗ đất này.

Điễm đưa tay chỉ chỗ mấy lùm cỏ um tùm. Chàng biết gã Thế đã giao động lắm và mình đã thắng cuộc mặc cả. Buổi chiều ồm nắng qua vòm nghĩa trang. Gió thổi hiu hiu những lọn tóc Thủy bay bay nhẹ đong đưa. Nàng nhìn Điễm mỉm cười ranh mãnh, đan năm ngón tay nhỏ vào tay chàng. Bầu trời vẫn xanh biếc không gợn mây, nhưng nghĩa trang đã mất đi cái âm u rờn rợn lạnh lẽo, thê lương của nơi cúng tế. Bên cạnh người yêu, Điễm có cảm tưởng chàng đang đứng trong một khu an phúc, nơi cuộc

đời tàn bạo là gã con buôn kia đã chịu thua. Chàng xiết tay Thủy tin tưởng. Nàng gật đầu khuyến khích. Điềm trông thấy thấp thoáng bóng của Khánh và Thìn đứng ngoài rình nghe. Điềm mạnh dạn lên tiếng:

- Anh suy nghĩ lẹ lên chứ! Chiều rồi tôi còn phải đi, nói tôi một tiếng anh có bằng lòng hay không? Bớt phân nửa giá, anh vẫn còn lời mà!

7-1991

cánh đồng mùa gặt khô

[ách đây không lâu, một lần tôi nhờ Tam đến nhà làm hộ bữa tiệc. Tam đi vượt biên từ miền Bắc, ngoài giọng nói phát âm nặng hơi của vùng núi đá vôi Ninh Bình, anh còn đem sang đất Pháp cả thuật nấu ăn kỳ diệu. Tài bếp núc của Tam không chỉ ngon ở miếng dồi tiết băm sả, lúc đem nướng tỏa bốc thơm ngào ngạt, hay trong món mồn ở bát canh cải có ngâm gừng, nổi xanh non nõn từng cọng cải tươi che giấu miếng giò gà trắng mịn. Cái khéo của Tam là ở chỗ làm cho thức ăn trở nên thật bắt mắt, quyến rũ, lôi

• *cho những bữa rượu sân si*

cuốn đến điên người. Quả tình có đứng ở bên cạnh, trông thấy anh làm bếp thì mới triệt thấu rõ hết những tài hoa điệu nghệ trở vuton đâm ra từ mười ngón tay phù thủy của Tam không ngớt vung vẩy, múa may thoăn thoắt, lúc anh nhồi vào thân mực ống nào thịt bằm, nắm hương, hành tỏi xắt vụn trộn với miến. Xong món mực ống là Tam bắt đầu thái thịt. Cả một đẻo thịt bò cứ thế lụn dần rồi biến mất. Con dao to bản tôi mua ở chợ Sắt được dịp hoa vụn vút. Trông xa Tam như người thuật sĩ đương múa kiếm. Chẳng vậy mà từ khi biết Tam, tôi vẫn thường có thói quen thích lượn lơ bên cạnh mỗi khi anh làm bếp, bởi tôi vốn có nhiều thiện cảm với món mực ống nhồi làm theo kiểu Hải Phòng, lẫn cảm mến đức tánh rất mực hiền hòa của Tam. Bữa đó, tôi nhớ có hỏi Tam: Vì sao anh hay làm các món ăn miền bể, mà ít khi chịu cho chúng tôi thưởng thức nghệ thuật bếp của quê hương anh? Ninh Bình chắc hẳn có nhiều món ngon vật lạ như trên khắp các miền đất nước? Hôm ấy tôi chỉ hỏi đùa, ai ngờ câu hỏi của tôi lại làm Tam mất hẳn sinh khí của một người đầu bếp đương hăng. Anh ngừng hẳn tay, thông cho lưỡi dao hươi xuống đất, dáng vẻ của Tam giống dáng dấp của một người viết văn bỗng nhiên khựng lại vì bị ai hỏi xoáy vào tận cùng chốn tư duy giấu kín. Bản dao chênh chếch, lóe chút sắc kim lạnh phản chiếu lên mặt, xuất nắng hiu hiu của Paris đầu hè càng làm cho vẻ mặt Tam thêm tiêm ẩn. Tôi nhớ lúc ấy, ánh kim loại bật lên làm mặt anh như bị chẻ đôi. Mà là thú vệt cắt từ trong ra ngoài. Cặp mắt Tam hấp háy, anh ngập ngừng chùi tay vào quần, rồi mới rút vội điều thuốc tôi mời. Tam rít vài ngậm khói, trước khi phả ra ngoài cửa sổ. Lẩn trong màn khói làm như cũng có chất suy tư nặng

sên sệt, dầy đặc len vào những bụi cây. Lần nào đến nhà tôi, hình như Tam cũng chỉ làm có ngần ấy cử chỉ: thái thịt, xắt hành, băm sả, nhồi mực, đánh vẩy cá, pha tiết, rồi thả cho khói bay qua ô vuông cửa. Đến lúc điều thuốc cháy gần hết, anh mới quay lại, giọng buồn buồn: Ninh Bình quê anh nghèo lắm, chỉ có vôi và núi đá. Núi, Vôi, Đất, Đá là quê hương, nhưng những thứ đó không ăn được. Muốn ăn ngon thì phải đi xa, thật xa, càng xa bao nhiêu thì vật lạ của ngon càng nhiều chừng ấy. Ở đời thường có nhiều chuyện ngược ngạo, chính những kẻ nghèo khó, không may mắn, cơ cực ở đời lại là những người dám bán mạng vì miếng ăn, là những kẻ khó ăn, sành ăn, và thích ăn. Tam nói là anh ở trong số những con người ấy. Tam bỏ Ninh Bình ra Hải Phòng vì những lưới cá tươi, cách hấp cá, làm bún, rang cua, nhồi mực của những phu phen ven bến cảng. Hải Phòng thì có gì mà đẹp. Thô lậu bỏ cha! Tam chắc lưỡi mĩa. Chỉ được nước bạo phổi, bạo ăn, bạo đàn đúm, chẳng thế mà phát sinh ra điệu hát Đúm Hải Phòng, tương tự như hát quan họ Bắc Ninh, nhưng giản dị và bình dân, ít ruộm rà, “nhộn” hơn nhiều. Nhưng cậu đừng tưởng bỏ là bọn Hải Phòng hiếu khách! Tam lên giọng bất chợt. Anh lấy cán dao gỗ gõ đập đập vào mặt bàn như muốn nhấn mạnh, hù dọa kẻ chưa bao giờ trông thấy miền Bắc là tôi. Hải Phòng là đất thảo khấu! Dân anh chị có, bọn buôn chui chém mươn có, đảng viên thoái hóa có, cán bộ nòng cốt đi đêm có, tàn dư phong kiến địa chủ tái sinh cũng có, tất cả mọi người hội tụ về chỗ điểm nóng ấy để giành nhau chút khoảng bể nhỏ neo cho tàu rời nước. Kỳ quặc là ở chỗ đó. Ở miền Bắc sau này ăn là lẽ sống, được ăn nhiều, uống nhiều... thoải mái, tức là có thực thi dân chủ! Dĩ nhiên cái

ngon ở Hải Phòng không thể nào sánh bằng miếng ngon Hà Nội. Bánh đúc, bánh tôm, cốm vòng, tiết canh vịt... từ thời Lý Công Uẩn cho tới đời Lê mạt ở Hà Nội thì vẫn tuyệt sắc. Nhưng ở Hà Nội, ăn giữa khung cảnh sừng sững của lịch sử, nhấm nháp bát bún chả mà cứ khổ não vì chung quanh chúng tích công đức của tiền nhân nhiều quá, công khó oai hùng ngày xưa nhiều quá, rục rờ là thế mà thời đại mình thì cứ tàn lụi, tâm thần ray rứt thì còn bụng dạ đâu mà thưởng thức. Bốn bề tiền nhân, văn hóa bao đời, từ cái cổng Văn Miếu, đến ngôi đền Quan Thánh, tượng Trần Võ... sao mà lắm! Của ngon có dâng đến miệng cũng chả nuốt được. Nghẹn! Phải nói là mình bị nghẹn!

Tam uống bia, lý giải cái phần tâm linh nhẫu nát trong anh những ngày còn ở quê nhà. Cách kể chuyện, lối so đo của Tam có vẻ hơi cường điệu, giống lối kể chuyện của những người Bắc vào Nam sau năm 75, khiến tôi đâm ngờ ngợ, nghĩ là anh nói quá. Ăn ở đâu thì ăn. Có gì phải sợ hãi lịch sử? Ngày trước tôi vẫn thường hay ăn dỗi chó bên hông Lăng Ông Bà Chiểu, mà có mặc cảm bao giờ đâu? Chừng như đoán ra được ý nghĩ trong đầu tôi, Tam chắc lưỡi: Cậu không tin thì cứ về du lịch nước mình một chuyến. Ra Hà Nội vào ăn chả cá ở quán Lã Vọng thì sẽ thấy, chan mắm tôm lên bún mà sao mùi mắm với mùi rau thì là cứ xông lên đến là bẽ bàng. Mỡ xối lên cá kêu xèo xèo cũng không đánh thức được những rạo rức trong bụng mình. Chỉ vì không khí, khung cảnh, con người, cuộc sống ở Hà Nội nó nhếch nhếch thế nào, không giống ở Hải Phòng.

- Nhưng ở Hải Phòng thì khác ra sao?

Tôi nóng nảy, bộp chộp hỏi.

- Khác chứ!

Tam chia ly cho tôi rót thêm bia. Những sóng bia vàng óng ánh, tưởng là sóng biển xanh ngoài vịnh Bắc Việt còn động trong mắt Tam lẫn tẩn. Khác lắm. Bát bún tàu xào cua bể ăn ở Hải Phòng không chỉ có nắm mè, thịt cua, hành ngò, mà còn trộn lẫn mây trắng, ước mơ của thuyền bè đến từ biển lớn. Sau này Hải Phòng là trung tâm xuất khẩu người đi Hồng Kông. Ăn ở Hải Phòng, là ăn với tâm trạng nắm bắt được tương lai trước mắt. Bát miến cuối, ngày mai đời nở hoa! Mình sống với ý nghĩ không còn vướng bận, trách nhiệm gì với 4000 năm lịch sử đang vây kín chung quanh mình nữa. Thoải mái ăn, tự do ăn, hạnh phúc dân chủ mớm được tới nơi...! Tam cười ha hả, giọng Bắc đậm đà hào sảng. Cười đã đời rồi anh vụt im lặng, trở lại làm bếp, như thể anh chẳng còn liên quan gì đến câu chuyện nữa. Tam nhẩn nại thái da heo ngâm vào nước nóng, rồi giã gừng lấy tinh chất, chế vào thau nước lạnh, cho thêm rượu trắng, thả bóng bóp nhẹ... Không trông thấy mặt, song tôi biết anh xúc động lắm, bởi cứ chỉ Tam không còn nhịp nhàng, đứt quãng, như anh phải thù người suy nghĩ để nhớ ra mình đang làm gì. Chén rượu trắng pha nước lã trong tay Tam cứ chao nghiêng ngả như chỉ chục đổ. Cách “hăm”, lối kèm chế những tình cảm vui buồn, thất vọng, khổ não, bất ngờ dậy dằng trong lòng Tam khiến tôi cũng buồn lây. Những thống khoái, há hê, tin tưởng vào cuộc đời ở những con người như Tam, sang đến trại Cấm Hồng Kông bỗng nhiên bị đập vỡ, đập vụn, tan thành từng mảnh. Có là con vật cũng phải chua xót.

Bữa tiệc chiều đó, tôi ăn không ngon, nuốt không vui. Miếng rượu cay cất mười hai năm trong chai đục, nút

có đóng sập, mua với giá một ngày lương mà rót vô miệng vẫn thấy đắng.

*

Hình như tôi có duyên với Tam. Tuổi rượu tôi thua tuổi rượu anh, thế giới của tôi khác xa thế giới của anh, tôi sinh trưởng trong một gia đình tiểu tư sản thành thị miền Nam, không biết thế nào là đói, khổ, là oằn oại nhào người. Song giữa tôi và Tam hình như còn có một cái gì khác, phải lâu lắm sau này tôi mới nhận ra trong anh là cái phần thẳng người miền Bắc trong tôi không được sống. Nó ở đó. Chờ đợi. Cầm nín và chờ đợi. Nhưng chờ đợi điều gì? Bao nhiêu đêm tôi thức trắng tự hỏi? Tôi cần gì? Kiếm gì? Và tìm gì ở cái đất nước này? Đất nước ba trăm sáu mươi lăm ngày thuế má. Đất nước đi rửa chén cũng phải có bằng. Đất nước ăn ngủ mỗi tình đầu không thấy người yêu nhỏ giọt nước mắt khóc cho phần trình tiết đánh mất.

Một lần khác, tôi rủ Tam đi dạo phố. Phố xá ở đây thì chỉ có hàng quán. Sang ra khu Khải Hoàn Môn, nghèo lắm lùi trong những con đường hầm ngun ngút mắt. Không có thành phố nào tồi tệ, sống chui rúc dưới đất bằng Paris. Mồ hôi, thuốc lá, son phấn, bộ rận chen chúc nhau trong những toa tàu cáu bẩn. Bên trên sự cáu bẩn đó là quán Fouquet. Trời mùa hè, nắng phơi bên trên những tầng dù lấp phấp. Tam gọi một ly để William Bon Père. Tôi kêu hai chope bia vàng ngay. Lúc tôi uống hết chope thứ nhất, một tên Ả Rập đi ngang, giọng hát nghìn lẻ một đêm vang từ máy cassette trên vai hằn đong đưa rên rỉ thiếu não chảy vào giữa dòng người cuộn cuộn khắp mặt lộ. Tiếng hát Ả Rập nghe trước quán Fouquet, đối diện tiệm nhảy Lido tương phản đến lạ lùng. Tôi có cảm tưởng phải nghe cái

luong trong Cafeteria Rex. Song Tam lại tỏ vẻ thích thú. Anh bảo tôi thằng này khá đấy. Ngày xưa có lần đi Tunisie, dẫm chân vào khu sa mạc cát vàng, tôi cũng có lần bắt gặp thú âm thanh ni non, rung nhiều ở đầu lưỡi, và “láy” bằng cổ họng vang vang trên mặt đất. Quả tình, chỉ có trên sa mạc, nhạc Ả Rập mới cất hết sức chuyên chở kỳ bí của nó. Âm thanh cứ kéo dài ra mãi. Nhạc Ả Rập lạ ở giọng ngân, một thứ ngân gần như khốn khổ đứt hơi, mà cứ phải ngân hoài hoài. Chuyến autocar bỏ chúng tôi xuống bách bộ, chỉ có một máy transitor nhỏ của người tài xế mà tiếng ngân như đi suốt sa mạc. Đi hết cả một nền trời đỏ cát lừng lừng nắng. Có tiếng nhạc mắc vòng trên đầu những trụ điện tồi tàn của Tunis, luồn lách trong chợ Souk, băng ngang cổng đền cấm đàn bà, và bám trên những mảng thịt cừu đỏ tươi treo bằng móc đen đặc ruồi bu, thì mới thấy hết cái hay của nhạc. Nhưng ở đây, trong khu Khải Hoàn Môn sang trọng, âm thanh trở nên lạc lõng kỳ dị, gần như một thứ quái thai. Vậy mà Tam lại bảo khá! Tôi nhìn Tam không mấy hiểu. Tam chiêu một hơi đế, hỏi ngược:

- Cậu có dám vác máy ra đây phát nhạc hồ quảng, cải lương không?

- Anh khùng à! Tây nó cười cho.

- Thế thì cậu thua thằng Ả Rập rồi. Niềm tự hào dân tộc của hần mạnh hơn cậu.

- Tự hào không đúng chỗ!

- Ừ, đúng. Tự hào không đúng chỗ. Nhưng vẫn cứ là tự hào.

Tam uống cạn ly đế. Không nói gì nữa. Như đã rời xa, trở về đất nước. Cái con người ham sống, thích ăn, thích uống ở anh như biến đâu mất. Cả cái kẻ làm bếp tài hoa

sống động cũng không còn ngồi đó nữa. Tam có lẽ đã trở về với những khoảng sân thượng chìm trong màu lam đục của buổi chiều tắt nắng Hà Nội. Tam có đôi mắt mệt mỏi, khuôn mặt mang nhiều vết tích cuộc đời, ở nhân dáng anh hình như chỉ đội chiếc mũ phớt là hợp nhất. Mà Tam có lẽ cũng chỉ hợp với vị trí anh hàng phở, tự hào về nổi nước gia truyền, về thế đứng chỗ đậu của chiếc xe kéo thơm lòng nước dùng. Nếu lùi được nửa thế kỷ, Tam sẽ là anh hàng phở Súc. Chậm nửa thế kỷ, anh ngồi đây, dưới chân Khải Hoàn Môn vĩ đại, nhưng vô dụng. Ngồi quán chán, tôi với Tam về nhà. Nắng sắp tắt, còn phải lo bữa chiều.

*

Tam mở chạn bếp, lấy vỉ sắt, bật ga cho nóng rồi mới thấy một chân giò heo lên trên. Đùi heo sẵn ngay lại, bắt đầu đen cháy. Bao giờ mùi thịt nướng cũng khơi dậy hình ảnh trong trí óc tôi. Miếng dồi chó tím lợt, hay miếng chả nướng bằng than tàu đỏ rực chảy nhều mỡ ròn ròn cứ ám ảnh đeo đuổi tôi hoài. Tôi mở tủ tìm rượu. Bản nhạc Ả Rập lúc này đã tan mất, chỉ còn mùi vị quê hương thơm lòng ngậy ngậy giữa gian bếp. Tam vừa già giềng, trộn với yaourt thay mỡ, vừa kể chuyện những năm sống dưới thảm bom B-52, chỉ có thịt cây là bán chạy nhất. Hình như ai cũng sợ chết trước khi kịp thưởng thức. Anh đương dở tay, nên nhờ tôi trở thịt. Cả một mảng đùi heo đen rần bốc ngào ngạt. Tam nhấp một ngụm Rhum, khà trong tiếng reo:

- Úi chà! Cái thằng Rhum này tuyệt! Hắn là cái thằng hay gắt gỏng, mà chịu nằm yên trôi lù lù qua cổ họng mình thì khá! Năm nào?

- Một chín bảy tám.

Tam ngừng vội nhìn tôi, vẻ mặt anh có nét sùng sờ. Tam nhấp thêm ngụm nữa rồi sang sang kể: Năm bảy tám cậu ở đâu? Ngoài Bắc chuẩn bị chiến tranh chống Bá Quyền, mình hùng hục đào hầm ở biên giới, ai ngờ bên này có thằng nấu rượu vô chai đợi mình sẵn... kỳ diệu! Quả thật đúng là kỳ diệu. Năm bảy tám gia đình tôi bị đánh tư sản, kiếm kê từ cây đình đến con ốc. Thuế siêu ngạch, nghĩa vụ quân sự rình rập. Mỗi tình đầu tan vỡ. Bằng phổ thông cấp ba hụt thi. Trốn chui trốn nhui sau những cồn cát Phan Thiết đợi đi chui... Chai Rhum voi bén đi quá nửa. Chết thì thôi, nhưng sống phải uống cho bằng hết cái thứ nước kỳ diệu này. Có chất đốt, tôi với Tam thi nhau nổ chuyện. Tam kể ở Hà Nội có thứ rượu sen cất ven hồ Tây, trời chiều mưa lạnh uống vào nóng ran mình mấy, mà hương sen còn đọng ở đầu lưỡi. Tôi không chịu kém, kể ở Củ Chi có thứ rượu hạ thổ chỉ mới người qua đã nóng bùng mặt. Tam cười ha hả, bảo cậu rời Việt Nam còn thơm sữa biết thế quái nào là hạ thổ! Sợ nhà thổ cậu cũng chưa biết?

- Ủ thì biết qua sách vở.

Tôi cứng lưỡi, chống chế. Tam càng cười lớn. Giọng cười của anh tôi để ý bình sinh ròn rã, chỉ có những lúc tuyệt vọng thì nghèn như cái kèn đồng bị đổ nước.

- Bây, bắt đi.

Cái kèn đồng chiều nay trơn tru, với tay lấy gói thuốc lão ba số 1, nhãn đề bán ở cửa hiệu Lý Thái Tổ, vo, se nhồi rồi đưa tôi đốt. Tôi bắt chước Tam tập hút từ hơn một năm nay. Từ khi “chạm” thuốc ta, tôi đam mê mẩn, hút thuốc điếu không còn thấy ngon. Đóm thuốc xòe lên, ngọn lửa vừa tắt thì gót chân tôi cũng tê rần. Trong cái bài hoài rã rời của tứ chi, mạch máu nở ra, tôi loáng thoáng

nghe tiếng riu rít như chim hót từ chiếc diều cày trên tay Tam. Tiếng kêu của diều cày nghe thật hay, khi buồn nghe như giọng thút thít của người con gái nức nở đêm tân hôn tấm tức khóc cho mối tình đầu, lúc vui vẻ nghe như con gà trống gân cổ gáy, khi giận thì chẳng khác mấy mụ nạ dòng đang rít qua kẽ răng. Thuốc Lào không chỉ là thuốc, mà là cả một nền văn minh! Tam mạnh mẽ phát biểu trong lúc tôi lơ đãng. Bao nhiêu sáng tạo, thử thách, kinh qua để rồi mới chiêm nghiệm phải châm bằng đóm mới ngon. Đốt thuốc Lào bằng quạt ga thì hỏng. Bằng diêm quạt cũng hỏng nốt. Châm bằng Zippo thì chẳng khác mọi rợ mán mừng. Đem thuốc ngoại, thuốc tẩu mà nhồi thì hút không thấy hơi, bã bèn bẹt chả ra đâu vào đâu. Bởi thuốc Lào sấy nắng, bao nhiêu gió' sương nắng nôi của đất nước làm thành.

- Cậu ế cả nắng gió quê nhà vào buồng phổi thì thấy, không có cái say nào bằng say quê hương!

Tam thở khói. Tôi gạt đầu, còn lơ đãng trên những cánh đồng ruộng lúa ở nơi đâu, chưa đứng dậy được. Tam đã giờ đui heo đem xuống cạo, chặt thái hình quân cờ, rồi bóp riêng mỡ mắm tôm. Nồi thịt tím ngắt hoa cà. Cậu đem hầm đi, mình chuẩn bị thức ăn chơi. Tam rửa tay, lại sục vào chạn bát. Tôi lễ mễ bung nồi thịt đặt lên bếp, lửa ga phùng phùng đến nóng mặt. Mười đầu ngón chân tôi hấy còn tê. Chỉ có một chút khói quê hương sao mà say.

Cái bàn sắt tôi với Tam khệ nệ khiêng ra sân sau. Đêm hè gió mát rượi làm khô những giọt mồ hôi chỉ mới rịn trên da vut tan ngay. Tôi đi đốt đèn dầu, không phải cúp điện, nhưng tôi với Tam vẫn ưa thứ ánh sáng từ mù vàng vô bằng khoáng, cháy èo uột của những đêm mưa,

hay những đêm ngoại ô bắc ghế đầu ngồi tán chuyện. Ánh đèn Hoa Kỳ hắt loang xuống thêm. Tôi khui rượu. Tam bày hai đĩa tiết mới đánh. Không có tiết vịt, đành đánh tiết heo. Tiết heo bán đông chai, một lít pha được không biết bao nhiêu đĩa. Tôi vắt chanh, ngắt rau thơm, cắn một miếng mề, nhai một quả ớt, rồi nhấm thêm một mẩu gan, bao nhiêu chất ngọt của tiết hòa vào mạch máu mát mẻ đến sáng khoái. Tôi rót rượu liền tay. Chiếc bóng của Tam ngả hẳng người ra bàn, mặt anh ửng đỏ trông như mặt Quan Công về hưu. Tam bắt đầu ngà. Ở Hà Nội lạ lắm. Mai mốt cậu về chơi sẽ thấy. Có những ngôi nhà cũ không tường tượng, rêu ẩm bám đen từ mặt trong ra mặt ngoài. Ngủ đêm cứ rờn rợn. Miền Nam mới quá, không dấu ấn của lịch sử. Nhưng ở Hà Nội, lắm lúc lịch sử cứ sờ sờ ra đó, bình thường mình không để ý, nhưng đêm nằm có lúc thảng thốt chợt nhận ra đầu ngõ là chỗ Chiêu Thống đón Tôn Sĩ Nghị chứ đâu xa, có khi cả cái nhà mình cũng là nhà của Nguyễn Hữu Chỉnh lúc trước. Nằm cứ toát mồ hôi. Mới hôm qua chứ bao lâu! Cái đất Thăng Long lạ. Đi xa như Nguyễn Hữu Chỉnh rồi cũng phải về chết ở đó. Mà chết tan xương nát thịt mới đau.

- Nguyễn Huệ không biết dùng người! Tự chặt tay chân mình thì sống với ai?

Tôi vét nốt đĩa tiết, tự nhiên thấy mình nóng nẩy vô lý. Tam đang đơm bún vào bát, ngắt rau húng, chan xâm xấp giả cây, ngừng nhìn tôi ngạc nhiên:

- Ai bảo cậu thế?

- Chẳng ai bảo, nhưng thảm kịch của đất nước là từ khi Nguyễn Huệ tự ý đại cử Bắc phạt đấy thôi? Nổi da xáo thịt tự đó mà ra.

Không phải!

Tam đập mạnh ly xuống mặt bàn, rượu sánh cả ra ngoài. Những vũng rượu vang đỏ thắm. Tôi cũng biết rượu vào lời ra nhưng không ngờ Tam cẩu kính đến thế. Anh nhai ớt ròn rột:

- Bi kịch của đất nước này xảy ra ở làng Hạ Lôi, cậu biết chưa? Cái làng ấy có tay Lý Trần Quán làm Thiêm Sai, lúc Chúa Trịnh chết thì tự chôn mình, chết ngu xuẩn thế mà người đời cứ xem như bậc nghĩa khí!

- Trung thế thôi anh còn đòi?

Tôi cần một miếng riêng, nhất quyết không chịu thua. Gì chứ chuyện lịch sử, tôi thuộc lâu lâu, lúc còn đi học trả bài bao giờ cũng được điểm cao. Trời sụp tối hẳn. Cái bàn sắt của hai chúng tôi nhô ra vườn trông như boong tàu thấp sáng lênh đênh trôi dập dềnh ngoài đêm. Mà chúng tôi cũng lênh đênh dập dềnh thật. Mấy tầng lá xum xuê trên đầu cứ ngả nghiêng chòn vòn, lắt phất đong đưa như chỉ chực rớt xuống bàn. Bữa rượu đã lên tới tột đỉnh. Tam ném vỏ chai vào một góc vườn, khật khuỵng khui thêm chai nữa. Năm tay anh xoay theo cái vịn quả quyết:

- Trung với ai, chứ với cái nhà chúa Trịnh thì mình ngò lăm!

Bọn viết sử khen chê không đúng chỗ! Sao không nhắc cái công tôn phò nhà Lê hai trăm năm? Bằng chứng: Chúa vong thì Lê mất!

-Ừ thì Lê mất. Nhưng Hiễn Tông, Chiêu Thống là cái gì? Nhà Tây Sơn mới là cuộc cách mạng đích thực! Tay Lý Trần Quán đồ tiến sĩ nhè. Mẹ chết thì ở nhà mỗ ba năm, không ăn thịt cá? Hắn làm thế để làm gì? Sao không

ra giúp Nguyễn Huệ lại tự chôn sống mình? Làm màu à? Thảm kịch của đất nước là bởi bọn “trung trinh tiết tháo” kiểu ấy. Cho ăn học phí đi! Hai trăm năm rồi mà ở Hà Nội lẫn Saigon cứ còn đường Lý Trần Quán, người ta theo tấm gương ấy đến độ đất nước lụn bại!

Tam nói một hơi. Chát rượu trong người anh bốc ra như giòng gió. Tôi cũng say lắm, miệng lúng búng bấn lẩn giả cây. Vài miếng măng thái, ít củ chuối, hai ba miếng da lợn cháy vàng nổi lên mặt bát. Tôi và cho hết chén, làm cạn ly rượu, rồi phản pháo:

- Thiết tha, trần trử cho bi kịch đất nước, thế sao anh còn qua đây làm gì?

Sắc màu hồng đỏ au trên da mặt Tam vụt trở nên xám lại. Tôi chỉ hỏi câu châm biếm, ai ngờ, ai ngờ cả thân mình anh cứng lại. Vai Tam nhô lên cao lắm, như thể anh muốn rứt đầu trốn tránh. Trông anh như bức tượng tội nghiệp hôm nào, và cái vết cắt trên da mặt – cái vết chém từ bên trong – Tôi đã trong thấy một lần ở sau bếp khi hỏi Tam về trại Cẩm Hồng Kông, cái vết chém đó như bất ngờ mọc ra trở lại, năm ngón tay Tam cũng cứng lại làm rơi đôi đũa. Tam ngồi bất động, như trớ lười, trông mắt anh vừa ngượng ngịu, nửa xấu hổ, nửa giận hờn tại sao tôi lại hỏi như vậy? Về mặt Tam lúc đó tôi không quên được, song tôi không dám ngó anh lâu, không khí đang hăng của bữa tiệc bỗng chùng hẫ xuống. Tam bất chợt cười ngúc ngắc, tiếng cười như khóc của cái loa kèn nghẽn nước.

- Qua thì sao? Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu cũng lưu vong mà?

- Các cụ có làm được gì đâu?

Tam im lặng. Biết anh không muốn trả lời, tôi lảng

chuyện bằng cách rót thêm rượu vào ly. Tam nạp liên tục như muốn khóa lấp. Một, hai, ba, rồi bốn, năm ly, chẳng mấy chốc anh đổ kênh ra ghế.

Tam “lật” rồi tôi mới thấy mình lạc lõng. Khu vườn rộng hân, dài mệnh mông gập bội. Một đồng vỏ chai, thau bún rỗng, nồi giả cây cạn, nhưng còn rượu. Giá tôi đừng hỏi điều ấy, chắc bữa rượu hãy còn vui. Lần đầu, tôi trông thấy tận mắt đau khổ của một kiếp người. Tôi khui hết những chai rượu còn sót. Uống một mình. Từ năm 78, tôi đã uống hết bao nhiêu chai rồi?

1988

giấc mơ thổ

[húng tôi hãy còn rất trẻ. Tuổi trẻ không trông thấy trên khuôn mặt, trong đôi mắt, nhưng ở những giấc mơ không bao giờ tắt. Tết Giáp Tuất. Tôi về sống ngôi nhà của Quý, phía nam phần lục địa. Trái đất xoay như thời đá cứng, những cạnh gai góc cắt vào chốn vô hình. Mỗi trưa, tôi với Quý và Chiến - cũng một người bạn ở nhờ - bày những tiệc rượu đón bắt những vô hình mà cả ba đều linh cảm rất rõ, theo sóng của cây rừng tràn đến tận thêm. Cả một triển núi lượn lướt tấp đến bàn rượu. Cơ ngơi của Quý to lớn sừng sững.

Quý bày ba cốc rượu hồi. Óng ánh. Bóng của cả năm

mươi gian nhà san sát đổ dồn vào trong đáy ly. Bất chợt. Dữ dần. Lần nào ngắm dinh cơ của Quý, tôi cũng nổi gai, rờn rợn. Không phải nhà mà là một thứ lăng, lâu đài, cũ kỹ, vĩ đại, chễm chệ trấn áp cả một rặng núi. Năm mươi gian nhà cất xây theo lối cổ, chống đỡ bởi những trụ trời xọc vào mây. Sân trước dựng chín đỉnh đồng. Sân sau Quý thuê đào một thứ đầm trông y hệt Ba Bể ở Mẫu Ninh. Để sợ. Không phải nhà ở của một con người.

Vợ Quý bung lên một mâm nhắm. Những lát tim luộc tái, lát mỏng, xâm cạnh những khoanh lòng tròn trắng, tươi mơn tựa đầu vú đàn bà. Vợ. Quý có nét lăng của phụ nữ Bắc, nụ cười bám theo chuôi mắt, rót vào đĩa nước chấm nổi nhon hai quả ớt xanh.

Quý vươn tay gấp một mẫu lòng, cắn vào chính giữa chỗ dai dai tựa đầu nắm vú. Anh kể Ngày xưa ăn miếng thịt rỗng ở miền Bắc là kinh lắm. Mổ rỗng là một thứ lễ nghi, tráng đình buột ghì lại, phải đợi tiên chỉ đọc điệu văn rồi mới thọc huyết. Bên này rỗng đông lạnh, rỗng làm sẵn, chỉ việc mua về xả nước đá, ăn bao nhiêu cũng có. Quý cười ha hả. Mấy ngón tay đánh đôi đùa di động uốn éo, trước khi xĩa xuống đĩa tim phượng đỏ chót. Tôi rợn.

- Ăn tim nhớ người!

Quý lại cười. Đạo mới quen Quý, lúc trước, tôi để ý thấy mặt anh cần cỗi, môi thâm, má hóp, chứng sốt rét rừng của thời kỳ đi B lâu lâu hoành hành. Nhưng kể từ lúc Quý tậu được năm mươi gian nhà, sắc mặt anh đổi hẳn. Mười năm vượt Trường Sơn nhọc nhằn chỉ còn lại hàng bạch đàn ngút ngát, trông tí tắp dọc bờ tường viên ngôi đất. Kỷ niệm thời trai trẻ của Quý ở Hà Nội thì mọc ở rặng hoa sữa trắng ngát.

Quý thấy tôi ngắm vườn, hiểu ý:

- Rắc cây Hà Nội. Đặt mua từ ở nhà, cái gốc sữa ở đầu hàng Gai cạnh xạp ốc nóng nhớ chưa?

- Mua được à?

Tôi chồm mình. Vợ Quý đang khom lưng bỏ đòi quả cật. Mấy ngón tay Quý mần mần lẩn lẩn miếng bầu dục bóng lưỡng nằm trây trên thót. Quý vuốt ve, âu yếm, hết trở qua rồi lật lại, lạng bỏ nhịp nhàng những gân hồi, rồi khía. Quý lấy nước ở hồ Ba Bể, ngâm bầu dục cho xả nhớt, rắc một chút húng liu, và ghép một lạng mỡ trước khi xiên. Xâu xong, Quý bỏ vào nhà trong nói đi lấy than để nướng. Quý không chú ý đến vợ, ngắt một lá húng, chắc lưỡi:

- Mua tất! Cái gì bây giờ cũng bán.

Quý rót thêm rượu hồi. Ngừa cổ. Rượu chảy xuống cần cổ như con rắn lục, trườn trườn qua yết hầu, động đậy, trước khi lặn vào gan. Tôi uống hết cốc rượu mời của Quý, thơm hực. Hồi nguyên chất đậm đặc. Nồng. Pha thêm nước lã thơm ngai ngái, vàng khói phất lên khứu giác ngắt ngưỡng. Cốc hồi tan vào máu làm thịt gân tôi nẩy giật. Nghe được cả những âm thanh của búp hồi nở ở gang bàn chân.

Chiến từ này giữ im lặng. Không phải Chiến ít nói, nhưng ở con người Chiến mang dấu ấn của thời đại. Thứ dấu đóng chết, bảo chúng một sự thật: Bị bôi xóa. Bị bỏ quên bởi thời cuộc. Lần nào ngồi gần Chiến tôi cũng để ý dáng vẻ kỳ quặc đó, toát ra ở người Chiến, tựa một thứ định mệnh sóng đôi hiện lên rõ mồn một ở khoé mắt, sống mũi, quai hàm, ở từng sợi tóc úa, bắp thịt nhão. Nhưng khủng khiếp nhất là lần lúc Chiến ngồi sò sò ra đó tôi cũng không trông thấy. Như thể anh hoàn toàn bị xóa bỏ. Sử sách lãng quên. Chỉ có quá khứ lâu lâu ở trong Chiến vụt trỗi lên va chạm với Quý.

- Cánh Bò. Đội Trinh Sát ưa uống hồi à?

- Ai bảo ?

Quý đang chặt rỗng. Vừa nhỏ những chiếc vẩy bạc, tiện tay nhón một mẩu bầu dục còn sống ở bìa thớt, chưa xiên, chưa nướng, bỏ tọt vào miệng.

- Hồi ở Việt Bắc hồi khảm! Cắt làm thuốc đau bụng, có được thế này đâu? Mà cũng chẳng còn. Cao Bằng, Lào Cay bây giờ mực độ cây xanh bình quân đầu người còn ít hơn Hà Nội.

- Tệ thế?

Tôi uống thêm một chén hồi bỏ đá. Phải công nhận cái thứ rượu này lạ. Càng uống càng mê, chẳng trách có một đạo lăm thổ dân hoá cuồng. Uống tới ly thứ tư, trong đầu tôi váng vất như có rụng một trận mưa hoa vàng, cánh hoa reo cùng với gió đằm xuống thịt da rồi lại trôi lên trở thành những rể hồi nhỏ, ngo ngoe, động đậy. Tôi cảm giác rõ rệt, những vô hình ngóng chờ lúc này đã hiện lên, lừng lừng đứng trong sân. Triền núi trước mặt đổ lao thăm thẳm xuống vực sâu. Và cây rừng cứ mỗi lúc một dày thêm, rậm rạp, phủ kín quanh chỗ tôi ngồi. Ấn tượng được hoà nhập với thiên nhiên, tan vào trong cây cỏ, đất đá, vỡ ra sáng khoái, lạ lùng. Tôi đưa tay quơ lấy chai rượu. Trong chất hồi cũng có dấu vết của thiên nhiên: Mặt trời, hùng hực, lúc chảy qua cổ họng.

Quý không ngó ai, khời một miếng óc lân lược, rắc muối tiêu, cắn một cọng răm trước khi nuốt:

- Mấy năm trước 79, Trung Quốc cử người sang Việt Nam mua rể hồi, mà mua với giá đắt, cả làng, cả tỉnh đón hồi bán. Hiếm!

- Người ta hiếm còn mình đại!

Chiến ăn hết nửa quả tim phượng, mĩa. Quý hơi lừ mắt, nhưng bỏ qua. Gạt thịt rồng vừa chặt vào thau, cạo thớt. Cử chỉ của anh gọn, sành sỏi, nhanh nhẹn như những người Hoa đi bán phá lấu. Chiến không nói gì thêm. Từ mấy tháng đổ lại, trừ những lúc căng, Chiến chấp nhận chính Quý mới là chiều mạnh của lịch sử. Sự im lặng của Chiến nửa bề bàng, nửa thua cuộc. Để quên, Chiến không ngót rót cho tôi và anh. Pha nước, gấp đá, rồi lại uống. Cứ thế ba bốn bận. Chai hồi chưa kịp vệt mồm lòng đã cạn.

Quý nhần nhần một miếng lòng dai, nhần mặt:

- Cái thứ rồng già ăn như thịt trâu!

Quý vớt một quả ớt, muốt đầu nhọn, chép chép ở đầu lưỡi. Tôi ngóng bóng Nữ vừa đi học về bước qua cổng Đại Môn. Kiến trúc của ngôi nhà trông như lăng vua. Mấy hàng cột trụ biểu trồng đều tăm tắp, xen giữa linh qui đội bia trước sảnh đường. Có lần Quý giải thích: Để sau này con cháu đổ đặt khắc tên vào văn bia như truyền thống của dân tộc nghìn xưa. Nữ đi qua bàn không chào. Quý gắt:

- Cái mả mẹ mày không biết phép tắc. Đã thừa gửi chưa?

- Je n'ai pas faim!

Nữ đi xoắt vào nhà trong. Quý thở dài, lồi ở gằm bàn một két gỗ. Chục chai vang tím sẫm. Quý vừa khui vừa nhần trán:

- Con gái bên này mất nết.

- Đánh bài đi!

Chiến nhấc. Hai bàn tay mang dấu vết chiến trường quảng ra bàn một xấp tiền giấy. Quý xào cổ bài rồi đưa tôi kinh, anh bắt đầu chia, mấy ngón tay cũng động đậy, thành thạo, uốn éo khéo léo như lúc này. Tôi vừa đón bài,

vừa nhìn vợ. Quý trở ra vườn. Quý bắt vôi, quạt than. Khói um lên tàn gốc điệp. Thấy cổ bài, vợ Quý đẩy:

- Đợi tôi chơi với.

- Đàn bà đánh gì!

Quý đang bực con, sẵn. Vợ Quý không vừa, sùng mặt:

- Đàn bà cũng là người!

Quý nhượng bộ chia đều bốn tụ. Giắc trưa nóng hầm than trên vỉ cật nướng cháy theo hơi quạt gió phàn phật ở tay Quý. Vợ Quý trở qua trở lại gấp gấp rồi hạ bếp. Miếng bầu dục chưa chín, nhưng chạm lửa sẵn cứng.

Chiến uống thêm mấy ly vang nữa rồi bắt đầu giao: Đánh thua không chạy. Tính chi. Một chi năm trăm quan. Rỗng ăn mười ba chi. Tú Quý, Thùng Phá Sảnh cũng mười ba chi. Nhưng Rỗng lớn hơn hết. Tôi mở bài. Bài máu. Đồng hoa. Chưa đánh tôi đã biết thắng. Bên cạnh Quý búng bài tanh tách. Hết xoè lại xếp. Cứ xong một nước Quý lại liếc ngang dọc, cặp môi đánh son chói chực mím lại, rồi nhòen ra. Tôi đã ngà say, thấy Quý đẹp sắc, nét đẹp chanh chua mà dữ tợn. Quý mặc áo mỏng. Vú hở ra nhể nhại những hột mồ hôi tròn trĩnh. Tôi ước ngủ với Quý chết mới mãn.

- Xong chưa? Có mười ba lá bài binh hết một ngày. Nhìn đây này!

Quý nóng nảy, chia ngay vào mặt Chiến cũng vừa xong. Chiến gạt:

- Zách Thú Sảnh ăn được thì ăn!

- Xám Chi đầu!

Quý hấp tấp, bỏ nháo xỏ bài. Nhưng rốt cuộc bài tôi ăn tất. Đánh thêm sáu ván, tôi được năm. Cứ hai ván Quý khui một chai rượu đỏ. Rượu Pomérol, château Rouget,

vụ 84. Quý nói: Mười năm chống Mỹ! Chiến chinh: Mười năm kháng Cộng. Quỳ rửa: Lắm lắm.

Uống hết chai thứ chín thì tôi hoa mắt. Cổ bài chạy lộn xộn. Màu vấy rượu đỏ như môi lưỡi Quỳ, uống vào cũng nở tròn trịa như bắp đùi đàn bà ở độ xuân, nhưng bốc lên đầu rần rần chẳng khác một bầy quạ đua nhau mổ vào thái dương. Tôi thấy người mình nhẹ lắm, mà tay chân thì không điều khiển được, như đã tách khỏi xác, cứ chao qua chao lại. Tôi gọi Quý:

- Tôi ngã mất.

- Thằng chạy!

Chiến chửi. Nhưng Quý đã đứng lên, vạch mắt tôi xem.

- Hồng kiều. Nó sắp chết. Chạy bắc nước, cho nó uống trà Thổ. Mau!

Bụng tôi chướng lên. Bao nhiêu thức ăn, phổi, rỗng, phượng, cật, óc, lân, gan, tim, mề chạy ngược lên cổ. Mắt tôi nổ đom đóm, loáng thoáng thấy Chiến, Quỳ, nửa bóng nửa hình chạy lẩn xấn, kẻ giữ tay, người đỡ gáy, còn Quý học tốc chạy vào nhà đem ra một hộp thiết. Mạch máu tôi vỡ hết. Tôi muốn nôn mửa nhưng Chiến đã chặn lại, bàn tay hộ pháp chặn ngang cổ họng, đề dứ lấy không cho nôn. Tôi quẫy. Vỗ chai trước mặt bể xoảng. Chiến dầm phải mảnh, máu chảy rờn rờn. Trong mảnh thủy tinh mặt tôi dùm dỏ, trộn lẫn với máu Chiến tím bầm. Chiến vẫn xem như không đề lên ngực tôi, hai tay nhồi xuống tim, mỗi cái nhấn làm tôi nảy bật lên. Guong mặt Quỳ gần sát to như đầu thúng. Tôi đẩy

- Uống nào!

Quỳ bóp má. Trút trà. Nước trà nóng bỏng cháy đại

luồi. Trà đặc, đắng chát miệng. Trà xuống tới đầu người tôi mù tới đó. Nắng buổi chiều gay gắt. Dữ dội. Tắt thẳng vào mặt. Cơ ngơi của Quý quái vật. Chính giữa con say làm như tôi còn trông thấy rõ một đuôi rồng hiện ra bất chợt, lượn uốn quanh ngôi đất nhà Quý. Hai chiếc vòi rồng thả vọc xuống mặt hồ Ba Bể rút nước. Mưa, dông, bão, sấm chớp, hay rồng hút nước tôi không biết, nhưng những vẩy hỏa rồng lập loè mê hoặc. Chiến công tôi lên buồng. Tiếng tri hô của Quý còn hô hoán dưới vườn trâm trở khen *con thú* đẹp.

*

Chúng tôi hãy còn rất trẻ. Tuổi trẻ trông thấy trên gương mặt, trong đôi mắt, và ở những giấc mơ không bao giờ tắt. Suốt bốn ngàn năm, cái chết của con người ở quê tôi hình thành do suy tàn của thể chất. Nhưng xuống tới thế hệ tôi, kỳ quặc, chính chúng tôi đi tìm cái chết: Thể xác vẫn nguyên vẹn.

Chúng tôi đứng ở bờ cồn trông ra cửa biển. Tôi run rẩy vì ý nghĩ mình sắp chết. Một cái chết đã man hung bạo. Nền trời mỗi lúc một xanh, bát ngát. Soi rõ đại dương và Phương Tây ở đằng xa. Tất cả, không ai rời mắt nỗi khoảng trời xanh ngát ngoài sức tưởng tượng -nền trời của biển Đông và Tây Phương- nơi chúng tôi sẽ chết. Ruột tôi quặn thắt vì sợ hãi lẫn ham muốn. Mâu thuẫn nhưng kích thích. Tiếng còi tàu rúc của ba chiếc thuyền táng cập vào bến. Những chiếc thuyền bít bùng giăng sẵn cườm, một thứ tàu nhà đòn mà tôi sẽ phải vào nằm bên trong với một ngàn hai trăm người khác. Ba chiếc tàu chở tử thi. Tay chân tôi lạnh muốt vì sợ. Mẹ tôi đứng ở kè bên. Tôi nghe được tiếng thở của bà. Tiếng thở đứt khúc, đứt đoạn, thấm đẫm tình

mẫu tử. Mẹ đi tiễn tôi sang thế giới bên kia. Sợ. Nhưng tôi vẫn không van bà giữ tôi lại. Con khát, giấc mơ, cả hai trộn lẫn, thúc đẩy. Tôi nửa muốn sống, nửa muốn chết. Kỳ lạ, chính mẹ cũng không giữ tôi. Dù tôi đọc rõ đau khổ trên gương mặt bà. Mẹ tôi đau nỗi đau của người đàn bà lúc lâm bồn. Xé thịt, banh da, rạch tử cung, xé buồng nhau, mất huyết. Biết đau đớn nhưng vẫn ham sanh. Tánh khổ dâm tôi thừa hưởng từ mẹ, và sắp sống những giây phút khoái lạc đón đầu đầu tiên. Bạn bè đứng trước tôi lần lượt tự sát. Được tử nạn ngay trong lòng tàu. Tôi trông thấy những bà mẹ lạc thần gặp người rụng xuống. Tôi trông thấy đôi mắt các bạn tôi mở trừng trừng sau khi chết. Những đôi mắt trẻ phút vĩnh quyết còn cố thu vào chút hình ảnh chót cùng của quê hương, gia đình. Đến phiên tôi, mẹ tôi gào khóc, vật vã thảm thiết, nhưng bà không làm cử chỉ bảo bọc xoè hai tay kéo tôi vào lòng; bà không làm cử chỉ thiêng liêng gìn giữ đứa con của tất cả các bà mẹ trên thế giới. Sau bốn ngàn năm, các bà mẹ ở quê tôi thay đổi, sẵn sàng chứng kiến con mình chết để đánh đổi những giấc mơ. Họ tổ chức cho con cái những cuộc tự sát tập thể. Mẹ tôi đồng lõa và chính tôi cũng đồng lõa. Tôi bước xuống tàu. Bàn chân run rẩy sợ sệt, chưa kịp quay lại để nhìn mẹ lần cuối, thì gã thủy thủ đã xộc tới dùng mã bô phập vào đầu tôi. Lưỡi rựa xấn ngập xuống óc hủy tức khát một phần trí nhớ. Máu tôi phun bắn ra sàn tàu. Máu đỏ gấc, tươi rói vô tội dưới ánh sáng mặt trời. Tôi ngã chúi trong vũng máu. Tôi bơi trong máu của mình. Của mẹ. Tôi chưa chết, nhưng máu trào ra khắp mặt. Tôi gào mẹ. Lão tài công xông tới phụ với gã thủy thủ đầu tiên, dùng kéo cắt kềm, cắt lưỡi không cho tôi gọi mẹ bằng tiếng mẹ đẻ. Tôi quấy. Cái chết

nào cũng đau đớn. Chủ tàu vừa quát gọi tài công nhổ neo, vừa lấy đinh chọc tiếp vào hai mắt khiến tôi mù loà không trông thấy quê nữa. Tôi rú lên. Thịt da tôi tan nát. Nhưng lưỡi đã bị cắt, chỉ phát ra những tiếng la khóc khoai, âm thâm, lẳng lặng, kêu vang cho chính mình. Không ai can thiệp. Không ai thương xót. Tất cả dừng đọng. Tàu đã tách bến. Không phải con người ở quê tôi không còn tình cảm. Nhưng họ đã chứng kiến quá nhiều, trông thấy cái chết quá nhiều. Giá trị vĩnh hằng là những giấc mơ. Đối với họ, chúng tôi là những tử thi sung sướng.

Đám thủy thủ lấy cưa xẻ xác từng người đã chết ra từng khúc để bán cho hải tặc. Tiếng cưa máy réo inh ỏi man dại như tiếng hú của những con vật ăn thịt. Những khúc ruột xổ ra, bấy hầy, bị vắt xuống biển, trôi theo nước cuốn về quê. Xương chúng tôi bị ném đi, rơi vào lòng đại dương mênh mông, dậy sóng, đầy đông tố, đá ngầm, san hô và những lỗ đen sâu hoắm mở ra chờ đợi. Tứ chi chúng tôi rơi không cưỡng lại được, không thể bám víu, gió phân phật... Nhưng lúc gã thủy thủ chẻ sọ thì tôi vùng dậy. Có ai chết mà muốn hài cốt mình chịu dày xéo, đừng nói cưa tiện. Tôi vùng vẫy, đầu ngắc qua ngắc lại để tránh lưỡi cưa đương tì xuống. Lưỡi thép rít rè rè kêu xoáy kè màng tang, tôi khóc lóc van xin nài nỉ, vật nài khẩn khoản lay lục xin tha, căn buồng nóng hơn một lò thiêu, chiếc giường chồng chênh chao đảo nghiêng ngã nhấp nhô giữa áp xuất hầm như ở xứ nhiệt đới. Trần nhà không ngót xoáy tròn, quay tựa một quả bông vụ ném vào khoảng không, xoay tít, mồ hôi tôi vũng vũng g chảy tháo ra ở hai bên nách, ở trũng lưng, ở cả bắp đùi nhóp nhóp. Mặt đẫm đầy nước. Nước mằn mặn lẫn rong rêu.

Biển tràn vào buồng, tôi bơi giữa biển mồ hôi bám tìm sự sống, đẩy vùng tìm lối thoát, co đạp đấm vào cạnh giường kêu mẹ, lẫn lộn tức tưởi tốc mền tốc chăn xé gối. Tôi giật tấm vải màn che cửa sổ, nắng ủa vào như thác nước sôi xối phồng da mặt ném bùng ra khỏi cơn mộng.

Giấc mơ khủng khiếp. Căn phòng ngột hơi. Tôi thở hỗn hển. Áp xuất ép làm những giọt mồ hôi nhỏ li ti vỡ ràn rụa. Ác mộng hãi hùng còn đeo bám in dấu trên mình tôi tím bầm, đầy dấu tay ấn của Chiến và những nhát búa tạ còn lồi lõm khắp ngực. Tôi nấc đứt quãng. Hoảng sợ. Chết đi sống lại. Giống vừa làm kinh. Máu mũi trong lúc trớ chảy đầy miệng.

Phải lâu lắm tôi mới hồi lại, rời cõi hoang vu để trở về với thực tại. Chung quanh lặng lẽ. Tất cả lặng lẽ. Tôi nhận ra mình đang nằm chính giữa căn buồng nhà Quý. Cánh quạt trần không biết Quý gắn từ bao giờ, ban sáng tôi vẫn còn chưa thấy, quay lò dò chậm chạp, không thổi được chút gió. Cánh quạt rình soi mới. Tôi sờ tay lên vách tường ẩm rêu. Căn phòng Quý cho tôi ở sát vách núi, chỉ cần mở cửa ra là chạm những khối đá tảng hoang vu xù xì. Tôi nghe được tiếng nước chảy ở đáy hồ Ba Bể, thường nhạt sâu lắng, lúc này âm ào kêu vang. Tiếng nước chỉ làm cho buổi trưa rộng thêm. Tôi không biết mình nằm trong buồng bao lâu, chỉ nghe rất rõ mọi tiếng động. Tiếng những ngọn cỏ mọc khắc khoải quanh nhà. Tiếng những cột gỗ trần trở vụn vẹo ngoài hành lang. Tiếng mỗi một bò trong các ngách gỗ. Thậm chí đến tiếng trứng gà vỡ trong góc chuồng tôi cũng nghe được. Những mảnh trứng vỡ rạo rạo, non nót xen kẽ tiếng động thật khê, yếu đuối của từng cánh cải cúc nhú mình cố vươn lên dưới gậm giường.

Gian buồng mọc đầy cải cúc. Nở rộ, tươi tốt. Một vùng ói nhơ nhóp hôi thối nhảy nhụa trên mặt thảm. Tôi nghe tiếng thất bốp của mạch máu, ở cườm tay, ở ngực, ở gân, ở não, ở dương vật của chính mình. Tiếng động của các tế bào sinh sôi nảy nở rồi chết đi liên tục, sôi động, hàng hàng lớp lớp, cứ hết mớ này đến mớ khác, cứ hết lớp này đến lớp khác, tái tạo hủy diệt, sinh tử đổi ngôi cho nhau nhịp nhàng đều đặn theo một thứ chu kỳ bất tận. Những tiếng động mê hoặc miên man không dứt, lấn át cả giấc mơ ban này

Trời mưa lúc nào tôi không rõ. Nắng quái của buổi chiều vụt biến, vụt tan, nhường cho màn sương mờ đục vây quanh nhà. Trận mưa mạnh, những hột mưa to, nặng, chậm, sâu như tiếng cốc đám thổ dân ven nhà Quý mỗi sáng bỏ vào lòng đất. Mưa xấn xuống bao lon phòng tôi, tưới ướt những chậu quất. Hơi mưa man mát lèn vào buồng kêu tí tách. Vách tường ẩm rêu chảy nhòe nước. Khối đá xù xì sát cửa sổ bắt đầu hồi sinh. Tôi nghe rõ chúng cựa mình tắm mưa. Trận mưa bất ngờ gội sạch những ám ảnh còn sót từ giấc mơ. Tôi trở nên tỉnh táo lạ lùng. Một thứ khoáng đạt nội tâm bất chợt. Giống trận mưa làm loãng ảnh hưởng của chén trà Thổ lúc nãy. Tôi nằm trên giường ngắm con dòng rã đều rầm rập xuống dinh cơ của Quý những nắp nước bạc. Tôi thấy cần đàn bà.

Quý hiện ra bất thành linh ở ngưỡng cửa.

- Trốn lên phòng đợi em phải không?

Quý cười khúc khích, thân mật. Ngồi thụp xuống bên giường, xoa người cần vào tai tôi hỏi khẽ:

- Đợi em lâu không? Lão Quý canh ngật mãi mới tìm được có vào nhà hỏi chuyện con Nữ. Nhớ lắm nhỉ?

Quỳ thủ thủ. Luồn tay vào ngực áo tôi xoa xoa, những đốt tay Quỳ dịu mát, lan tới đầu như búp hồi toả hương mật, kích thích. Quỳ đưa tay vuốt tóc, lau vài giọt nước mưa còn bám. Cử chỉ thật dịu dàng, không chanh chua dữ tợn như ở dưới vườn. Nhưng tôi hãy còn chưa dứt khoát, dầu gì Quỳ cũng là vợ của Quý. Tôi cố gỡ tay, Quỳ cười rữ.

- Nhất thế à?

Quỳ trườn người nắm tay tôi đặt lên đầu vú, bắt nắn se, mon mon, xoa xoa, di di, rồi lại cười rúc rích:

- Thích không? Lão Quý vừa giới thiệu anh là em thương ngay. Có thêm ngủ với em không? Sao lúc này em lặn bài không mách?

- Mách để làm gì?

Nghe tôi trả lời, Quỳ cười thành tiếng.

- Ngây thơ nhi? Thảo nào lão Quý chê anh trẻ người non dạ. Nhưng em thương là được.

Quỳ cởi áo, ném vào góc, ngực vú vun nỏ, trắng ngà, ưỡn ra quả quyết. Mắt Quỳ chột chạm phải vũng ói trên mặt thảm.

- Say thật à?

Không đợi tôi giải thích, Quỳ cúi gập người liếm vũng nôn. Dáng điệu mãi miết, say mê, Quỳ nuốt thật sự những thứ tôi vừa nôn ra. Lưỡi thoăn thoắt dọn sạch những mẩu thịt nát lợn cợn. Bãi ói voi dần đi, cho đến lúc sạch hẳn. Quỳ mút tay tiếc rữ. Từ lúc Quỳ bước vào buồng, nùng nịu, tôi đã kích thích. Nhưng trông thấy một người đàn bà đẹp, quỳ nuốt những thứ mình vừa nôn ra khiến tôi càng cực ham muốn. Tôi chưa trông thấy hình ảnh nào dâm đảng bằng cảnh Quỳ uống các chất chua thải từ bao tử mình trảy trên đất. Dương vật tôi sẵn cứng lại. Tôi

muốn ôm chầm lấy Quỳ, Quỳ cũng nhận ra, chồm lên, cắn nghiến lấy tôi.

- Em giống con thú không? Nhai lại thức ăn của anh!

Quỳ đang đưa ngực vú hôn tôi mê dại. Hai bắp tay nhể nhại nối những đầu ngón tay xoắn xít. Quỳ tháo thắt lưng hộ tôi. Tắm đệm còn tắm mồ hôi, tôi với Quỳ ôm nhau trong nước, bênh bồng lặn ngụp giữa thân xác. Tôi ham muốn kích ngứa, muốn vật ngã Quỳ, ấn đầu Quỳ, đè ngựa Quỳ, banh dạng cơ thể? Quỳ, hăm Quỳ ngay dưới chân giường, nhưng tay chân vẫn bãi hoài sau giấc mơ, nặng nề không sao cử động được. Quỳ nhìn tôi thiếu kiên nhẫn. Mấy ngón tay nóng nảy tháo vội cục.

- Anh còn say lắm để em giúp.

Đôi môi Quỳ chín rực, lên xuống, cuồng nhiệt. Quỳ mút khoẽ. Chắc. Hăm hờ. Vô vập. Lớp son mỡ bóng rầy đỏ rát. Súc vốc của người đàn bà chăm việc đồng án. Toàn thân xác tôi bỗng phủ kiến, những đàn kiến bò khắp châu thân, cắn, tiếm mật vào các thớ gân, cùng lúc người tôi như tách rời ra, bay qua những cách đồng, lướt gió, lơ lửng, mãi mê, những đám mây hoang lạ và núi rừng xuyên suốt qua người. Tôi nghe rõ mình kêu thất thanh giữa khoảng trống mênh mông vô tận, tôi bay theo hướng mây cuộn cuộn về phía mặt trời, không còn mưa, không còn bão, đã tắt đông, đã tắt nắng, nhưng vẫn sáng, thứ ánh sáng của tuổi thơ lấp lánh. Biển bày ra trước mắt. Xanh thẫm, rừng rợn. Phút chốc tôi nhận ra bãi biển của giấc mơ, kinh dị. Tôi hét gọi mẹ, bầu lấy đầu Quỳ muốn ngừng, nhưng Quỳ vẫn tiếp tục, ngậm chắc, mãi miết, nuốt trọn toàn thân tôi đang rơi trở lại vào đại dương của tuổi thơ tự sát. Tôi sống trở ngược cảm giác hoảng hốt,

hoảng sợ, mà cũng cực kích thích, ham muốn tìm cái chết, tự nguyện chịu hành xác. Tôi bay trở ngược chấp chùng qua biển lớn. Gió gào mang tai. Thịt da từ từ tươi trẻ, mất từ từ trong, tuổi trẻ nhập trở lại trong mình tôi đầy tràn sức sống. Tôi thấy lại bến cồn lúp xúp những ghe xuống chở người ra tàu lớn. Tôi thấy tôi đi trở lại qua lòng chợ. Quỳ vẫn không buông, mút lấy mút để, nuốt nhay hối hả, người tôi căn phồng như cánh diều no gió, bay lông lộn phản phật qua những mái nhà, chùa đình miếu chợ. Tôi thấy lại tất cả. Tôi muốn bước xuống, muốn trở về nhà, muốn ngã vào lòng mẹ, nhưng Quỳ không cho, mười ngón tay vẫn bầu chắc, hối thúc, siết mạnh, đẩy đến cực điểm. Quỳ như kẻ thả diều bắt tôi lên cao nữa, lên cao mãi, lên cao cho đến lúc nổ tung, cho đến lúc bước chân xuống tàu bị giết. Luỡi móc chém vào đầu, chém vào vai, xẻ óc, đổ thịt, tan xương, nát sọ, máu me nhầy nhụa. Tôi sợ. Gào. La. Thất thanh. Tiếng hét vang dội trong buồng, tiếng hét thào ruột thào gan trời tuột tuổi thọ, sinh lực bao nhiêu lâu chôn dấu, giữ trong mình, đè nén, kềm hãm, chất chứa, căng thốn thúc bách giống lần xuất tinh đầu tiên ào ạt mạnh mẽ mãnh liệt bắn phun xối xả tuôn tưới tắm đầm đìa khuôn mặt Quỳ ướt đầm.

Tôi thờ dốc. Hào hển. Co thắt. Rút giật. Người run bần bật. Mạch máu não chùng đứt. Dương vật là con rắn bị cắt tiết.

Quỳ giặt vài giường lau tóc, lau mặt, chùi những tinh trùng còn ngọ nguậy bám ở môi.

- Tối em qua buồng nhé.

Quỳ âu yếm, ranh mãnh. Mặc áo và biến mất. Tôi nhắm nghiêng mắt.

Tiếng Quý gọi Quỳnh vọng từ chốn nào xa vắng, xa xôi, xa lắm, vọng vắng vang vang, vắng vắng như ở kiếp nào, thế giới nào trôi ngang qua buông rồi đi khuất, mất hút.

*

Tết Giáp Tuất, chúng tôi hãy còn rất trẻ. Tuổi trẻ không trông thấy trên gương mặt, trong đôi mắt, ở làn da, nhưng hẳn những giấc mơ khắc ghi không bao giờ mất. Tết Giáp Tuất. Bất cứ ngày nào cũng là Tết Giáp Tuất. Chiều nào cũng là chiều hai mươi tám Tết. Sáng nào cũng là sáng mừng Một. Không có thời gian. Không có không gian. Không có khái niệm. Không có chuẩn mực nào để đo cuộc sống chúng tôi. Tôi về ở với Quý bao lâu, không ai biết. Chính tôi cũng không rõ. Chỉ thấy cơ ngơi Quý mỗi một ngày một quen thuộc. Chúng tôi đã sống nghìn năm dưới lớp mái vò cua, với những cột cái, cột quân, con chèn, cốn. Những cánh rừng phía sau nhà Quý rậm thêm, những giải núi mọc lẫn dần ra sát thêm lục địa, chân núi dẫm xuống biển, chống xuống vực sâu, mặt trời mọc ở hướng Bắc, mặt trăng lặn ở hướng Nam, trái đất có mười lục địa, con người có tuổi thọ một ngàn năm, chúng tôi không cần biết. Quý tiếp tục tiệc rượu ê hê thừa mùa. Chiến tiếp tục với cổ bài mê hoặc, và tôi xuất tinh lên gương mặt Quỳnh rạng rỡ.

Kỳ lạ. Thời gian không có, nhưng tôi sống với tình cảm hồn nhiên trong trắng. Tựa tuổi ấu thơ tìm trở về. Bất chợt. Đột ngột. Rộn rã. Tôi là đứa trẻ. Mười lăm, mười sáu, tuổi dậy thì. Thèm khát. Dâng trào. Hồn nhiên lẫn tìm kiếm. Hồn nhiên đến mức gặp Quý tôi không thấy ngượng, như thể tôi chưa ngủ với Quỳnh. Chưa hề xảy ra chuyện gì. Và bản năng của buổi sáng thức sớm, dọ dẫm, bước chân dẫn lên thang lầu đưa tôi vô tình đến xuống về

của Đình. Những tầng lầu ẩm mốc tỏa hơi mưa của cơn giông khuya khoắt còn bám những giọt nước rã ướt suốt hành lang hoang vắng.

Xưởng họa của Đình nằm trên tháp Bảo Nghiêm phía sau Phật điện phần chót của dinh cơ Quý. Tôi đi qua mấy dãy tường liền phủ đầy tranh. Khác với trước Tết, mỗi ngày những bức tranh trong xưởng vẽ của Đình đổi khác. Hàng trăm bức trắng toát. Từ buổi này sang buổi khác vẫn chỉ một lối vẽ: Những nét cọ trắng bay lượn chập chùng trên khung vải bố. Trắng ngẩn, trắng lạnh, tê tái đến nhứt nhối. Mỗi khi đứng trước những bức tranh của Đình, tôi luôn ấn tượng đứng trước vũ trụ yên lặng, mênh mông, bao gộp tất cả: Không bụi, không núi, không mây, không con người, chỉ bất tận những khoảng trống âm u. Sơn trắng không chỉ trắng mặt vải bố nhưng trắng ngát khắp gian phòng. Tường, thảm, bàn, ghế, trần, nen nhảy múa trôi lượn cháy cạnh những hình khối rối rắm bay ào ạt, hoảng loạn, tới tấp vào giữa không gian đục mờ, cùng lúc trong trẻo thứ ánh sáng nhạt tựa lụa thưa lơ lửng hoe vàng rã dọc những chiều thời gian đa chiều; và tôi cũng bay y hệt những khối loạn sắc không tài nào cưỡng, chống, kháng cự, hay chụp bắt, cảm giác cùng một lúc mọi vật, thế giới đều tản mát và tập trung quanh mình, ấn tượng thất lạc, thất tán tan vỡ phân tử tế bào trong cơ thể rã rã chìm đắm vào sự vật không ý thức, không hiểu, không thể kiểm chứng, khó phân tích, không thể chủ động lý giải hay làm chủ được bất kỳ một thứ gì trông thấy và không trung yên tĩnh hoang vu tĩnh mịch đến sợ. Tĩnh lặng. Im ắng. Trơ trọi. Cổ sơ. Hoang đại.

Đình kéo giật tôi ra khỏi tấm tranh. Tôi rút bật từ

tắm vãi bố xuống mặt ván. Đau điếng, váng người. Đau ê ẩm nổi đau của một kẻ bị giật kéo bức rời ra khỏi gia đình, khỏi người thân và những đồ vật thân thuộc của mình. Tôi bàng hoàng ngã ngửa vào một thế giới khác. Thế giới thật của xưởng vẽ lạnh lẽo vuông vức. Những gầm sơn rơi lả tả khắp mặt ván. Người tôi mù đi mấy phút. Không biết bao lâu sau tôi mới định thần đang ở xưởng vẽ trên tháp Bảo Nghiêm phía sau Phật Điện, bên kia hồ Ba Bể, phần cuối của cơ ngơi Quý. Hôm nay là thứ năm, sáng mừng Một Tết Giáp Tuất. Quý đang bắt ghé đốt nhang trầm trong cửu đình, hương nồng nặc. Giữa mùi khói nhang xông lên từ dưới vườn, Đình chuệnh choạng đỏ tôi dậy. Trông anh cũng mệt mỏi, sức vóc tiêu tụy. Vẽ mà như tra tấn, nát người. Những tấm bố vẫn trắng. Tường vách vẫn trắng. Chỉ có ấm trà sôi miên man từ nãy là không trắng. Ấm nước bốc khói chậm chạp. Đình rót trà, đặt lên tách, mấy ngón tay anh run se sẽ mời tôi trước khi hỏi:

- Thấy gì?

- Không biết, tất cả.

Nước trà đắng. Mùi trà Thổ ẩm mốc hôm kia phản phát. Tôi rùng mình, nhớ lại giấc mơ khủng khiếp bữa trước. Nhưng chén trà trôi tuột vào bụng không phản ứng. Hình như Đình pha loãng hơn Quý. Giọng anh xúc động.

- Mấy tháng nay không vẽ được nữa. Ý có nhiều mà tranh không lên hình.

- Vì sao?

- Con người muôn hình vạn trạng, không tài nào diễn tả được hết cái mình cảm, cái mình thấy. Không phải ngẫu nhiên mà vẽ truyền thần cho người chết dễ hơn họa chân

dung người sống. Một đàng là xác chết thuần vật chất; một đàng là sự sống với tâm tính, khát vọng, giấc mơ...

Đình giải thích rồi bỏ cọ ngăm trong lọ dầu. Anh biến mất, đột ngột. Đình bỏ đi bất thình lình như người họa sĩ xoá một bức vẽ. Phũ phàng. Cay độc. Giận dữ. Vết cọ trắng đậm nát mảng tường trước mắt. Tôi gọi anh, chạy níu kéo những ý tưởng hoảng loạn hãy còn vương vãi suốt hành lang. Bước chân Đình tắt tả trốn chạy mất hút. Tiếng u u của gió gọi thiết tha kéo tôi tới bao lơn mọc trở ra rặng núi đá. Khoảng bao lơn kỳ quặc mở ra một thế giới khác, treo rũ từng khối băng lớn nhọn hoắc tựa lưỡi kiếm của thượng đế cắm vào mặt đất. Tuyết trắng xoá nhức nhối trên những sườn vực ngã lao hun hút. Mãnh sân đá sau xương vẽ bơ vơ lơ lửng chẳng khác một ý nghĩ đè dưới vách núi chèn hăm. Khung cảnh làm tôi hoảng sợ. Mới hôm qua Quý dẫn tôi leo núi, hãy còn là núi rừng nhiệt đới, đầy muối vắt đĩa lúc nhúc. Quý còn kể với tôi lúc xưa vượt Trường Sơn cũng y hệt; mồ hôi tuôn nhem nhẹp ở mỗi bước chân dẫm xuống bùn sinh, cây mục, thèm khát một vũng nước trong. Đứng ơ? Trường Sơn trông xuống biển Nam Hải giống nhìn một ảo ảnh. Rõ ràng trông thấy biển, mây, trời, mặt nước nhưng không thể chạm vào. Bước ra khỏi rừng là chết, làm mồi cho máy bay Thần Sấm. Khỏi kẻ đã nhảy xuống vực để chết trong tự do tươi mát của biển cả. Mới hôm qua Quý hãy còn kể say sưa về quá khứ. Chỉ mới hôm qua, cũng ngọn núi trước mắt, tôi đã leo lên, dẫm chân lên lõi qua những rễ rừng dày cộm, đan kín, xanh ngắt màu xanh của lá, bây giờ phủ ngập tuyết lạnh lẽo. Không cây, không cỏ, chỉ những tảng băng lạnh lùng tàn nhẫn chông chênh chất bít kín

đại dương và chân trời. Khí lạnh thổi buốt rát. Lan can lạnh cóng. Tôi trốn trở lại vào trong xưởng vẽ. Một bầy doi trốn tuyết ủa vào bay theo toán loạn khắp buồng. Đàn doi bay rồ dại va vào trần nhà, húc vào các tấm bố đến toé máu. Từng đầu doi vỡ rộp, cả bầy doi đập cánh hỗn loạn tìm lối thoát. Những giấm sơn bê bết máu rơi rụng lả tả. Tôi chợt hiểu: Đàn doi mù loà và khả năng phát sóng định hướng của chúng bị hỏng. Tôi mở toang hết các cửa sổ cho chúng thoát. Suốt buổi chiều tôi dọn dẹp xưởng vẽ rồi viết mấy chữ để lại cho Đình: Tất cả những giấc mơ đều khởi đầu từ sự sống và kết thúc cùng cái chết.

*

Tết Giáp Tuất cơ ngơi của Quý đổi khác. Không phải một đổi khác mơ hồ nhưng rõ rệt. Mới đêm trước, tháp Bảo Nghiêm xây bên hồ Ba Bể, Phật Điện, Tô? Đường, Hữu Trường Lang, Ta? Trường Lang còn quái vật, khi bầy sẽ ríu rít và vật nặng tuổi thơ dịu dịu lấp lánh, lẩn lút soi vào buồng, năm mươi gian nhà của Quý trở nên quen thuộc. Chùng tôi đã sống nghìn năm với những đầu kẻ, giả thủ, vì kèo, đã sinh trưởng dưới lớp mái vồ cua, đã lớn khôn với từng cột cái, cột quân, con chèn, cốn. Tôi nhìn những khúc gỗ xúc động. Mặt mình in trên thớt gỗ, ở từng nét kẻ hoa văn cũng khắc tên mình. Buổi sáng trong ngần những giấc mơ ấu thơ, sáng rõ đẹp lạ thường. Giấc mơ thấm đẫm vào người; tôi sống trở lại những tình cảm tuổi thơ vô tội, lương tâm trong trắng hồn nhiên. Vô tội đến mức chạm mặt Quý, tôi hoàn toàn không thấy ngượng, làm như tôi chưa hề cướp vợ anh, chưa hề xuất tinh lên gương mặt Quỳnh rạng rỡ. Cảnh xuất tinh lên mặt Quỳnh chưa có. Quý cũng chưa nhận ra điều gì khác lạ.

Chủ Nhật lễ Chay. Tuyết vẫn vũ. Những sóng cây rừng gòn gợn, nhấp nhô, nhu hòm nọ trên lan can xường vè của Đình từng chập xô đẩy tựa biển băng kéo đến vây bủa đều đặn chắc chắn chín chung đình đồng Quý đang thả trầm đốt, khói hương mịt mờ.

Quý đứng ở Thượng Điện áo khoát lông Phượng. Tấm áo lông thú lấp lóa sắc sỡ trên da thịt mỡ màng. Chiến ngấm Quý mê dại. Quý nhờ Chiến chỏ lên thủ phủ của đám thổ dân để sấm sủa. Tôi bảo Để anh đưa. Nhưng Quý làm mặt lạnh. Tôi nghĩ Quý sợ. Quý ngò vực nên không ép. Chiếc Jeep quân đội của Chiến rồ ra khỏi nhà. Trong cơ ngơi đồ sộ chỉ còn tôi với Quý lẫn thần.

Quý bắt ghế đi từ chung đình này sang chung đình khác. Tiếng nhạc Rock âm ào đập trống thùng thùng không dứt vang vang trên buồng Nữ từ sáng. Gần trưa tiếng nhạc tắt phụt, con gái Quý đi biểu tình chống kỳ thị bước ra sân. Quý gọi giật:

- Nữ! Mày đi đâu?

- Ne m'appelle pas Nue! Mon nom est Marie!

Nữ quay phắt, sùng mặt. Con gái Quý giống Quý, đẹp sỗ sàng khiêu khích. Quý đang đứng trên ghế đầu, giận tím tái, mắng:

- Cái mả mẹ mày tao đập chết! Tao hỏi đi đâu ?

- Je vais où je veux. Je n'ai besoin de personne!

Da mặt Quý đỏ sần. Quý ngượng với khách, nhỏ vệt nan sắt khỏi tro rượt Nữ. Tôi chạy theo giữ kíp Quý lại. Quý găm:

- Đồ đĩ! Nuôi chi xấu hổ ông bà!

Quý mạnh lắm, xô tôi ngã, nhưng Nữ đã chạy ra khỏi cổng, thách thức:

- Comment m'adapter à un monde que je ne comprends pas?

- Mả mẹ mày!

Quý lông lên, nhưng xe bus đã trở tới. Bóng Nữ mất hút. Mắt Quý đỏ ngầu, tuyết rơi lất phất tan ngay trên nền đất. Quý bỏ vào nhà trong bật đài xem bóng đá. Trận World Cup của năm 66 ồn ào, nhốn nháo. Còn một mình tôi đi rảo qua Tả, Hữu Trường Lang. Những gian nhà lúc nhúc người ngòm. Họ hàng, gia đình Quý bảo lãnh sang đoàn tụ. Mỗi bận trông thấy họ, tôi cảm tưởng lạc vào sở thú. Đám anh em họ với Quý hùng hục nấu vàng giả, còn cô dì thím mợ của Quý may lậu, đập máy may kêu ầm ĩ. Tất cả hùng hục giữa đống đồ vĩ đại. Chi lâu lâu những kẻ hết xuất vào bếp vực mặt vào thau cám nuốt cạn rồi ợ, bỏ ra ngoài nằm xem phim tập. - nhà bên một đám cháu gái Quý vừa vắt sớ vừa hát Karaoke. Thầy Quý -cu. Cừ- ngồi vắt vẻo đu đưa như một con vượn già ngâm nga cổ vần:

- *Nhất biệt gia sơn cáp thập niên...*

Lần nào gặp thầy Quý tôi cũng ngỡ. Ông cụ tựa một con vật sót lại từ thời đại trước. Một con vật ua nước vối và phun phè phè ra thảm. Thấy tôi không hiểu, cu. Cừ quắc mắt:

- *Khách lý giang sơn chỉ thử tình. Uất uất thốn hoài vô nại xú!*

Tôi trở vội ra vườn vì biết cu. Cừ sắp lên con. Bóng nắng vút lên trên đầu gốc đại thụ đã già nua, còn thả buông nhều nhạo từng sợi giây đa bạc trắng.

Sau cơm trưa, Quý dẫn tôi ra vườn xem Phật Điện. Tiết ráo, anh hồ hởi trở lại, quên mất Nữ, rủ tôi chụp ảnh. Không phải ảnh nghệ thuật, nhưng là cách chụp của

những tay thợ đạo dọc bờ hồ Hoàn Kiếm. Vừa bấm ảnh, Quý chuyện vãn:

- Có thấy giống mái chùa Keo ở quê mình không?
- Tôi ngờ quê anh ở Mẫu Ninh?
- Đây là quê ngoại!

Quý gạt. Anh chụp hết cuộn phim Kodak, cất máy Leica, rồi bảo tôi vào bên trong. Chùa nhỏ nhưng đủ các công trình chính: Tam quan ngoại, tam quan nội, cung hộ pháp, cung tế khí, cung đại bái, điện thánh, và gác chuông. Quý thuê thợ xây hơn một năm.

- Trông y ở Thái Bình.

Tôi khen.

Quý hành diện, chết liệm đi, tay anh run run vuốt mắt Phật.

- Nhớ quá Vĩnh ạ. Ngày xưa cứ mỗi hội chùa Keo, ông cụ lại giắt mình đi, hai bố con bơi qua sông Trà Lý, vào trẩy hội. Bơi trái, bắt vịt, nấu cơm thi, lúc nào mình cũng được. Trước khi tàn hội ông cụ lên gác đánh chuông khấn. Có hai quả chuông to lắm, đúc từ thời Tây Sơn, còn Phương Tượng đập đời Mạc Mậu Hợp. Minh bắt chúng nấn lại hết.

Quý kéo vai, chỉ tôi xem. Xong anh lên gác đánh ba tiếng chuông gióng vào giữa núi rừng xao động. Tiếng chuông ngân nga đưa Quý đột xuất về quá khứ. Một phút anh xúc động cùng cực. Mỡ ở cằm rùng rùng động đậy. Cánh mũi phập phồng tóp, nở, theo tiếng khánh vọng giây lâu chưa dứt. Lạ lùng trong lúc toàn thân Quý run rẩy, những sóng cây rừng với núi đá sáng bùng, vuơn xa, trải rộng, như tỏa hào quang, được sơn son thếp vàng, phủ kín đại dương giát bạc. Phút sau, tiếng ngân tắt ngấm, tan giữa mặt hồ Ba Bể phẳng lặng. Cảnh sắc trở lại tịch mịch. Mặt Quý sa sầm.

Chúng tôi rời gác chuông.

- Anh về mỗi năm vẫn nhớ quê ?

Tôi hỏi, hoài nghi. Cây cột quân trồng giữa chánh điện vẽ ba chữ *Thần Quang Tự*. Quý đóng xập liếp cửa, nhỏ toẹt một bãi đờm xuống ván rồi lấy chân chà:

- Bắn bỏ cha! Ăn ỉa khắp. Su bắn mà tăng cũng bắn.

Quý cầu nhậu. Trờ vào nhà Chung rót rượu uống.

- Sao anh không đưa chị đi ?

- Đi đâu ?

- Lên phủ.

- Làm gì chỗ rọ. Đây không sướng à?

Quý cạn, rót thêm hai chén. Rượu Armagnac Marquis de Caussade, đóng chai năm 71. Tôi nâng bát. Chén rượu dậy sóng. Thơm. Mạnh đến tê lưỡi. Năm 71 tôi nhớ Chiến kể đóng căn cứ hoà lực ở? Ha. Lào, bây giờ lại cho? Quý đi, không được uống thứ rượu đổi bằng mạng sống chính mình. Tôi thương hại Chiến, thấy không phải ai sống sót cũng hưởng tất.

Chùng vất vô chai, tôi bắt đầu chéch choáng. Quý bốc máu, rú:

- Đêm qua có bảy sơn dương trên núi. Thế nào cũng sót lắm chú còn lần quần. Đi bắn về ăn!

Quý hùng hục lục trong rương đưa tôi một khẩu AK, hai bịch phá, còn anh vác thương liên 12 ly 7 với B40. Trời quang đảng, ngòi đất chan nắng. Quý vào nhà xe chất đạn. Chiếc Mercedes 500 SEL đời mới của anh bóng loá. Quý xoa mũi xe thoả mãn.

- Bộn bạc, nhưng chạy ác lắm!

Trông Quý ngồi trước tay lái, khó hình dung anh đã từng là chiến sĩ vượt Trường Sơn. Tất cả dấu vết cũ biến

mất. Đoạn đường từ nhà Quý lên núi thật hẹp, lác đác một cột điện, một buu trạm, dăm mốc bảng chỉ đường, rừng thông chót vót ngút ngàn. Còn đường treo vắt, đổ ầm ào qua những thác ghềnh. Một con rắn uốn khúc oằn qua những rặng núi khúc khuỷu. Quý châm lửa mỗi thuốc sau mỗi đoạn đèo

- Đánh bài với thằng Chiến thua đậm quá. Cái lúc cậu say lên buồng nằm, thằng Chiến không biết đào đâu ra, liền tiếp lên nước Rỗng, cứ như là rỗng ở trong người nó.

Xe vượt đèo mỗi lúc một cao. Những mồm đá bám tuyết chưa tan, lóng lánh, phản chiếu chói ngời lên kính. Hương tùng bách dậy mùi. Khí lạnh se sắt tỏa lan ở những đoạn đèo phủ cây. Quý lục trong hộc xe đưa tôi chai rượu Mít.

- Mua ở nhà. Thử đi.

Chai rượu cũ, nhưng mở nắp thơm mùi thịt da thiếu nữ. Chẳng trách gọi mít tố nữ. Tôi uống nửa chai, chất đường, chất men xủi tằm trong huyết quản. Đầu tôi căng nặng trĩu. Hai mắt chực đắm vào những vực sâu hun hút. Mỗi khúc quanh gấp, như có góc mít đổ rạp ngã xuống mình. Gai mít làm cồn cào bao tử. Quý không để ý, lái xe cắm mặt.

- Này! Uống cái trà Thổ hôm nọ thấy thế nào?

- Dễ sợ!

Tôi uống thêm một ngụm rượu, ợ, trả lời. Quý cười rống. Nhấn kèn đuổi một lão thổ dân tóc vàng đang xua cừu qua đường. Lão thổ dân lăm bằm văng tục. Quý thắng xe, hạ kiếng, chửi:

- Je t'emmerde!

Xe leo dốc tiếp. Quý trở lại câu chuyện.

- Trà quý mua tận bên Ankara Thổ Nhĩ Kỳ. Ngày xưa từ cải tạo ở Tây Bá Lợi Á ghiền nha phiến, đem nấu trà, một ký cho được một tách cũng say như ma túy. Trà Thổ công dụng cũng thế. Mà cường tráng lắm! Có thấy bơ vơ không?

Quý cười sắc súa. Uạ một hơi. Một mảng núi lở hiện ra lờm chờm trước mắt.

Kể từ phút giây này về sau, Quý hoàn toàn im lặng, keo kiệt lời nói đến mức ngọt ngạt. Chúng tôi như bước qua một thế giới khác. Một thế giới có hiểm nguy rình rập, mà tưởng Quý quen thuộc lắm. Anh phạt lau, nứa, đi cắm mạng hơn chạy, băng băng, chốc chốc mới quay lại ra hiệu cho tôi bám sát vượt bãi. Trước mỗi trảng trống Quý đều sợ hãi nhìn trời lo lắng phỏng đoán tai họa có thể đổ ập xuống. Người tôi mệt rũ, bao nhiêu gò đất, hốc núi vượt qua, con đường mòn cứ hun hút ngoằn ngoèo dưới tán rừng tua tủa Bạch Đàn. Gai góc, giây leo, chằng chịt như nghìn cánh tay mực bám víu. Tôi muốn gọi Quý nghỉ mệt, nhưng anh đã hỏi:

- Vận động vượt bãi!

Quý lao về phía trước, lưng khòm xuống, mặt ngửa nhìn trời, đùi và cả hai tay anh bơi sải cật lực vạch lau lách. Bốn tay chân Quý quơ quào tựa một con thú hổ hải tìm chỗ trú. Khoảng trảng trống xanh đậm mây trắng trôi cuộn cuộn đẹp khác thường. Giống một giòng sông hực nắng hoang dã chảy vắt ngang trời. Chúng tôi đã sang đến bên này bìa rừng mà Quý hãy còn giục:

- Khẩn trương lên giặc lái đến bây giờ!

Chúng hiện ra ngay khi ấy - ngay lúc Quý vừa dứt lời - chính giữa trảng. Đẹp vô ngần. Cả tôi và Quý sùng sốt. Choáng váng. Không phải vẻ đẹp thông thường mà là nét

đẹp huyền sử, truyền thống; nét đẹp cổ xưa đã có từ nghìn năm. Giống một bức vẽ truyền thần gia bảo. Giống một nét họa dân gian bảo lưu đã mấy ngàn đời. Từ ánh mắt cổ kính long lanh chan chứa, đến vóc dáng thần thoại óng chuốt màu sắc. Bầy rồng trăm con uốn lượn nhịp nhàng tựa trăm cô gái múa lụa. Chúng vừa cổ tích, vừa thật. Trăm con rồng đang quỳ xuống đứng lên uyển chuyển, nhảy múa vờn vờn nô giỡn chuyển nhau những trái cầu. Những trái hỏa long bay phấp phới, bóng bễnh nhẹ như trứng, mỏng như những búp hoa được gió nâng, lửa thổi. Đẹp mê ảo. Tôi vụt tìm thấy lại sự bình yên sâu thẳm bấy lâu đánh mất: Chúng hãy còn sống. Chúng chưa quên và theo tôi sang tận chốn này

Những cơn mưa ở đâu bắt chợt rưới rạt rào trời đất. Mưa thác lũ. Đứng rồi những trận mưa cũ, ấm, nóng. Tôi thấy lại mình chạy vui sướng qua những hẻm ngách. Nước vồn và thăm hỏi bốn bề. Nước reo hò. Mưa ngập đến gối. Đất trời là một ao hồ dậy sóng. Những vách tường bóng nhảy rêu loang loáng với vàng tẩm ướt cười nắc nẻ mở lối đưa tôi đến đứng trước thềm điện. Đền Hùng. Uy nghi. Lẫm liệt. Hoàn tráng như trong những bài thơ. Và chúng ở đó, đậu trên nóc. Uy vũ mà thân thiện. Tôi quen chúng từ thuở sơ sinh, còn nằm ẵm ngửa mẹ bỗng đến xin sầm. Bầy rồng vui vẻ vẫy đuôi gọi. Hoan hỉ đón mừng. - mỗi cột ngách chùa đều có một chú rồng con đợi tôi, ngoe nguẩy cụng râu, hơi hích mũi mồm cười. Tôi chuyện trò với chúng, thì thăm gọi tên những người bạn thiết: Hoàng ơi Thanh ơi Hòa ơi. Tôi đưa tay chào. Chúng lắc đuôi vẫy. Bao giờ chúng cũng sà xuống và đêm về theo tôi vào những giấc mộng. Có khi tôi vô tình mở cuốn vở lịch sử, chúng đã

hiện hình ngay trên trang giấy, nằm cuộn dưới chân. Suốt thời thơ ấu có bao giờ chúng tôi xa nhau. Mua ướt mặt, tắm mát ký ức, nhưng tôi thấy chúng khóc. Chúng đã hiện ra bằng xương thịt cho tôi trông rõ. Chúng cũng xúc động gặp lại tôi ở chốn này, muôn vàn xa cách. Tôi muốn gọi Quý, kể cho anh nghe mối tình của tôi với chúng chia cách mấy đại dương, nghìn trùng đã bao năm.

Nhưng Quý giờ cao sừng. Tôi hải hùng trông thấy những giây đàn chậm chậm chạy vào nòng thép. Hải hùng hét gọi. Hốt hoảng, thảng thốt. Tôi chạy níu lấy Quý, la, gào, dằn co cản trở, quỳ van vái tể lạy dưới chân anh, nhưng Quý đạp tôi ngã, huơ súng bắn xối xả vào bầy rỗng tán loạn. Tiếng súng của Quý nổ chát chúa. Xé trắng. Ghim vào bầy rỗng lỗ chỗ. Từng giây đàn 12 ly 7 toé lửa. Những tiếng rú đau đớn đỉnh tai. Những tiếng rú thảm khốc. Những tia máu phụt đỏ thẫm chan hoà chân trời. Những thây rỗng lăn lộn ngã quy xuống trắng. Những tiếng kêu rên áo nã trong lúc Quý tiếp tục tưới đạn. Tôi gào khóc, đau đớn, vật vờ, cấu xé, lao vào Quý bị đẩy bật ra rồi lại lao vào. Những bầy rỗng con ngã sông soài. Tôi trông rõ một đứa trẻ máu ứa ra ở mũi, ở lỗ tai, ôm chùm ruột cổ bò lết ra khỏi trắng. Vết máu trườn theo người nó đỏ bầm. Quý xô tôi, ném bộc phá, và bắn B40 kết thúc. Những gắp đạn vãi lên xác đứa bé còn hấp hối, tiện đứt cánh tay nó còn đang cố chìa ra phía trước khăn khăn. Đứa bé chết giữa đồng xanh mây trắng. Máu, xác, chân tay đầu bụng ngổ ngang.

Có thứ tội ác chỉ phạm một lần đủ hủy diệt con người. Nhưng có thứ tội ác nặng nề hơn nữa: Không biết mình tàn ác. Quý thuộc về tội ác thứ nhì. Còn tôi? Kẻ chứng kiến, tôi thuộc về tội ác thứ mấy?

*

Tôi còn đang tìm kiếm tên mình trên bảng phân loại tội ác, thì Đình chết vào buổi sáng Mừng Một Tết. Xác anh trần truồng nằm giữa tám bố bể thế lớn bằng nền nhà. Sơn trảy trét khắp xương vẽ. Tôi nghĩ Đình đã tắm sơn khắp mình mẩy rồi lăn lộn trên bố trước khi chết. Guồng mặt anh nhăn nhúm, rúm rỏ, nhưng ở hai tròng mắt khép hờ còn phản phát chút thanh thần của kẻ đã dứt khoát ra đi. Năm mươi gian nhà của Quý sau buổi sản rỗng buồn tẻ tái. Một nỗi buồn thê thiết không biết đến từ đâu; không hiểu do sao; vì sao -không phải gây ra bởi cái chết của Đình- phủ trùm lên khắp các phòng ốc. Lễ an táng, chôn cất Đình diễn ra trong thờ ơ tẻ nhạt. Quý mút những đốt xương rồng cuối cùng còn sót đã lên mốc. Chiến sào cổ bài, chán nản. Quỳ thêu mốc vô tình những kiểu áo lót rắm rối dưới góc điệp. Chỉ mình tôi đào cát, xúc những xẻng đất vàng -bằng vàng thật: thứ vàng bụi 18 mà chỉ ở lục địa này mới có- phủ lấp lên bụng Đình. Người anh quần hờ một manh bố trắng. Những tám bố trắng suốt đời Đình không sao vẽ hết. Tôi lập bia, kẻ nguếch ngoác mấy chữ hưởng dương tạ thế tiếc thương, rồi ra hồ Ba Bể rửa tay trở lại bàn. Nơi đã diễn ra những canh bài sát phạt, những tiệc rượu long trời lở đất, những tham vọng chất ngất, chỉ còn mỗi một thau sành đựng chan chứa nỗi buồn vu vơ, tẻ nguyền, uể oải chán chường vô phúc vô hình mà cũng có thật sánh ra ở từng bát canh cải không còn thịt. Không ai nói với ai một lời nào nữa. Tất cả dửng dưng gỗ đá.

Chúng tôi ngồi nhìn nhau. Quý đánh mất hăm hờ. Chiến hiện rõ thân xác của người lính già, hai mươi năm trận địa, một ngày bại trận, mười năm bị bắt, và thế kỷ

bôi xoa. Đến ca? Quỳ, người đàn bà quyến rũ nhất cũng đánh mất nét lẳng lơ dâm đãng. Thề xác ngồn ngộn chữ Tình, nhưng Quỳ lạnh lùng gỡ tay lúc tôi luồn dưới áo ngực ve vuốt.

- Mà còn sờ vú tao gọi lão Quý.

Quỳ rít lên đánh đá ghê lạnh. Tôi xấu hổ nhục nhã rút tay cúi gằm mặt chỉ dám liếc nhìn trộm Quý sợ hãi. Nhưng Quý cũng không phản ứng, dù nghe thấy, chỉ dõi mắt lên nền trời trống rỗng ngóng trông một biến cố, một con vật nào đó. Giống một kẻ đánh mất gia phả, Quý đau khổ trong lúc Chiến tháo giầy biểu dương đeo ở vai xuống chùi. Những sợi giầy chì mạ kền rỉ sét. Bộ đồ trang phục đại lễ thuở xưa Chiến dành mặc mỗi khi lên Vũ Đình Trường chật cứng đến nỗi không cài được cúc bụng. Quỳ thả mắt nhìn hồ hừng khoảng thịt mỡ béo phệ đang chảy nhão không thèm muốn. Tất cả nhu thần thờ tiếc nuôi bữa tiệc rỗng tối Giao Thừa trước Tết. Tối Ba Mươi, Chiến với Quỳ ở thủ phủ của đám thổ dân về mua ê hề dưa hấu, pháo đại, rượu mức. Quý lấy cua máy xẻo thịt rỗng. Con rỗng con đỏ hỏn vừa bắn về ban chiều tươi rói, khoe những thớ thịt trẻ thơ bụ bẫm. Ghê sợ. Nhưng tôi cũng không cưỡng lại được niềm phấn kích, hồ hởi, của cảm giác được ăn thịt tươi lần đầu không đông lạnh. Tôi phụ với Quý luộc thịt, gói bánh trắng, trong lúc Quỳ bằm xả, thái ớt, xây dưa làm mắm nêm. Chiến lấy dao phai chặt thịt đùi để nướng chả. Quỳ nướng bánh đa làm thêm mấy món đặc sản, lẩu, lòng, rửa mặn, một mâm gói bao tử trộn với buoi, một chén thịt đông, ba đĩa thận hấp. Quý còn cắt đầu rỗng nấu cháo đậu xanh để dành tối. Chúng tôi say sưa xong đất ăn nhậu thỏa thích trong xác pháo hồng đỏ rợp thêm năm mới.

Chỉ sáng Mừng Một mọi người mới khám phá ra nỗi buồn hoang vu u uất. Thứ nỗi buồn héo tim gan, chín thịt xương. Như một thứ mầm độc gieo trong lòng. Thế giới là một khoảng trống không vô nghĩa. Cuộc đời là những tuyệt vọng liên tiếp chờ đợi một hạnh phúc không bao giờ xảy đến. Ban đêm là những giấc ngủ khó khăn khô cạn mộng mị. Ban ngày là những buổi sáng thiếu vắng tương lai. Sống nhưng bị kết án. Tự trong thâm tâm chúng tôi hiểu đã phạm tội tổ tông và chờ đợi một hình phạt. Sự trừng phạt xảy ra buổi chiều con gái Quý đi biểu tình chống kỳ thị trở về.

Nữ đến đứng trước bàn thách thức:

- Je veux partir d'ici.

- Mà đi đâu?

Quý thúc giắc. Phẫn nộ.

- Je pars avec mon mec.

Mặt Nữ đanh lại vì bất mãn.

- Thằng nào?

Quý găm. Quý cũng chồm tới. Nữ chạy giật lùi tránh bàn tay của Quý vươn chụp tóc.

- Il est Turc. C'est un immigré comme vous. Il vit en Allemagne, je veux partager sa vie.

- Mà ở nhà! Tao cấm mà ngủ với bọn Thổ.

Quý nắm được tóc Nữ, vít lấy đầu và tới tấp. Nữ xoắn tóc tai gào khóc dẫy dụa, nhưng càng dẫy Quý càng đánh.

- Mà chết đi!

- Vous êtes dégueulasses. Vous aussi, vous êtes des immigrés. Des Turcs!

Nữ vùng vẫy, nhưng Quý phụ với Quý lấy giấy điện quất vào mặt Nữ không cho cãi. Quý trối lời con gái sênh

sết lên lầu khoá trái. Chiếc vòng ngọc Nữ đeo ở cổ tay nứt rớt trên mặt đất, tôi cúi lượm thấy vỏ giữa lòng bàn tay mình một nỗi ham muốn mới kỳ dị. Quý chìm đắm trở lại vào trong nỗi buồn tổ tông hiu quạnh, hạnh phúc hoài thai vì thiếu vắng bấy rộng quen thuộc. Chiến lo đặng với cổ bài đánh tráo thời gian. Quý thêu móc áo lót đồ dẫn. Và gia đình Quý gia công sản xuất buôn lậu. Văng vẳng giọng ngân cổ văn của cu. Cũ: Song mẩn tinh tinh lương nhân hoạ.. Tôi đi tìm căn nguyên của nỗi ham mê mới mẽ hình thành trong mình. Không có khám phá nào kích thích bằng khám phá trẻ thơ.

Nữ đợi tôi giữa buồng. Mái tóc con gái vuốt mềm xuống lưng áo dài phin trắng. Nỗi ham mê mới trong tôi đẹp ngây ngất như tuổi mười bốn mười lăm ở gương mặt Nữ trái soan mơ ước. Ánh mắt hồn nhiên, vạt áo lụa nồn khép nép. Nữ đẹp tựa các cô nữ sinh tuổi cài trâm tôi vẫn rình đón trước cổng trường dạo nào. Đôi môi chúm chím, khoé mắt lãng mạn, sóng mũi bé nhỏ thẹn thùng. Cả khung trời hoa mộng dĩ vãng cũ bùng sáng. Tôi xúc động cầm nắm lấy tay Nữ thẳng thốt.

- Em là ám ảnh của anh.

- Sao đón em muộn?

Nữ ngạc nhiên. Mắt e lệ. Người tôi run lên vì sung sướng. Nữ nói được tiếng quê tôi. Tôi vẫn mong Nữ đừng nói tiếng thổ dân, đôi vai Nữ run rẩy lúc tôi kéo ngả vào lòng, hôn đậm dụi mê đắm. Thốn thức. Tôi hôn cuốn nhiệt đôi môi nõn ngát của người yêu. Nhưng Nữ đẩy tôi ra, thỏ thẻ:

- Anh xin bố mẹ cho em sang Đức sống với Mohamed.

Đầu óc tôi bàng hoàng. Hoá ra Nữ vẫn yêu thằng

đường Thổ. Có tiếng cãi vả dưới vườn. Chiến trách Quý đã bắn con thú đẹp nhất. Quý chửi Chiến rước thú về đây mà tỏ. Rồi đột ngột tiếng súng nổ. Tiếng M-16 chen lẫn tiếng AK. Tiếng đại bác 155 ly pháo cùng lúc với sơn pháo 130 ly từ trong núi thúc xuống. Tường vách rung chuyển. Trần vách nền nhà xóc tung lên dưới mỗi tiếng nổ. Ngày hôm nay là ngày 19 tháng 6 Quân Lực VNCH, cũng là ngày 2 tháng 9 Tuyên Ngón Ba Đình lịch sử. Tôi hoảng hốt. Chiến tranh trở lại. Mừng Một Tết chưa qua, hưu chiến chưa hết, nhưng lửa cháy ngoài hành lang, Nữ kêu cứu. Tôi chạy xuống vườn, Chiến đang tưới xăng ném lựu đạn lần tinh đốt Thế Miếu. Tôi cản Chiến.

- Anh điên rồi!

- Mày cầm đi. Miếu này là miếu của nhà thằng Quý. Tao đốt nhà nó!

Trên đầu súng ta đi tổ quốc đã vươn mình Tiếng kèn xuất quân Chiến vút lên cao: Trên luôi lê cầm hờn hờn cầm với xiềng xích Khu vườn vắng tanh, Quý biến đầu mắt tôi không rõ, tôi chạy ra Phạt điện tìm Quý, anh đang vớt dưới hồ Ba Bể một rương hòm chất đầy súng cối, súng không giật, mìn đĩa và chất nổ TNT.

- Hết chiến tranh rồi sao các anh còn bắn nhau?

- Tao giết nó!

Quý ráp búng súng cối rót đạn vào chỗ tôi và Chiến vừa đứng lúc này. Tiếng “départ” của mortar thúc vào dãy nhà trước tháp Bảo Nghiêm cháy phùng phùng. Tôi nhớ Nữ hãy còn bị nhốt trong buồng, dây lều đang phát hỏa dữ dội. Quý ré lên như kẻ động kinh vừa pháo kích vừa phồng mang trợn mắt: *Tiếng về Sài Gòn ta quét sạch giặc thù!* Tôi chạy trở lên lầu, người tôi cũng bị kích động đột ngột. Mái

tóc Nữ rõ ràng thay đổi màu sắc, những lọn vàng óng ánh buồng thả nhòn nhơ trên áo t-shirt bó người. Nữ chẳng khác những bé gái thổ dân vừa lớn, ngực vú mồi mọc, tươi mát, kích thích.

Tôi ôm ghì Nữ. Tiếng quân nhạc Chiến đang bắn pháo bông duyệt binh vọng vào buồng rõ mồn một: *Giặc miền Bắc vô đây bàn tay sát hại đồng bào, Bình Long quê hương tôi mở chôn xác giặc hung tàn, hàng T-54 còn nằm phơi xác quanh đây* Tôi xé áo Nữ thịt da trẻ thơ máu xương vô tội, tôi nhai nghiền lấy núm ngực Nữ mềm mại đỏ son trắng ngọc. Đêm nay là đêm Mậu Thân chôn sống tập thể. Chiều nay là chiều Mỹ Lai tàn sát không nương tay. Sáng mai là sáng hải tặc cường hiếp thỏa thích. *Chiều đi lên đồi cao hát trên những xác người* tiếng hát Quỳ lạnh lót. Trả con cho tao Quỳ gào; Quý đồng ca sau Phật điện: *Diệt hết lũ ác ôn tiêu diệt giặc Mỹ bạo tàn, nhân dân yêu nước đang cùng xuống đường bên bao binh sĩ đêm ngày mong chờ...* Hòa tiễn 122 ly bay rót vào trường tiểu học Cai Lậy, đuôi lửa bay ngang ô cửa sổ lúc tôi tóc vấy giạt quần lót Nữ. Tôi muốn chiếm đoạt tuổi trẻ phơi phới sung sướng đầy đủ không lo nghĩ tương lai vững chắc của Nữ, muốn xé bằng đại học Nữ sắp có, muốn đập phá ngây thơ trên thân xác Nữ tươi trẻ chưa biết bom đạn. Muốn tuổi thơ Nữ phải khốn khổ như tuổi thơ tôi. Lửa loá lên. Nữ lấy hai tay che ngực che bụng van lậy, tôi nắm tóc Nữ ấn đầu xuống gối bẻ quặt tay mở cúc quần mình. Thân thể? Nữ tròn mẹn, như cánh đồng lúa chín căng những hạt thóc; *Vùng lên nhân dân miền Nam anh hùng* Quý gào sát mang tai, Chiến bắc loa thổi kèn đánh trống: *Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại, xương da thịt mẹ cha ông miệt mài* Tôi đâm Nữ bằng tất cả

sức mạnh, trí tuệ và cơ bắp. Máu chảy ở vết thương, máu đỏ gát như máu những trẻ nít chết ở Mỹ Lai, như máu học trò chết trong trường tiểu học Cai Lậy, tôi cảm phập thân thể, lưỡi kiếm sắc nhọn, to, bén, đâm từ từ sâu hút, chẻ đôi thân xác, xuyên suốt thịt da, cắt gân cắt thịt. Nữ oàn người gào. Khóc. Tôi bẻ quắc hai cánh tay Nữ lên tới bả vai, bẻ giật cánh khuỷu. Lửa liếm vào buồng cháy lan mừng màn chần chiếu. Súng nổ tứ bề, tiếng Quý gọi khăn cô? Trả con cho tao, tiếng Quý bắt nhịp bài ca Kết Đoàn và giọng tenor của Chiến hùng tráng nung nấu. *Cờ bay cờ bay trên thành phố thân yêu vừa chiếm lại đêm qua bằng máu*; Tôi đâm vào nữa. Đâm vào chỗ thịt mềm nhất. Đâm như đâm thú. Giết trâu giết bò giết chó. *Chiều đi lên đồi cao hát trên những xác người* Tôi muốn sống cuộc chiến đang xảy ra. Muốn tham dự. Phạm tội. Trục diện. Lãnh trách nhiệm. Muốn trông thấy những hố hầm đang chôn vùi thân xác anh em, muốn giết người một lần. Muốn sống cảm giác bắn người là mê suốt đời như Chiến và Quý thường nói. Tôi hăm Nữ tàn khốc. Tôi giết tuổi thơ của Nữ. Lãng nhục cha mẹ, làm nhục tuổi hoa niên của Nữ. Thỏa mãn.

*

Tôi trở về dinh cơ của Quý, nhiều năm sau Tết Giáp Tuất. Bốn trụ trời chỉ cao ngang tầm mắt. Khu đất thiêu rụi hoang tàn, phản phát trong gió mùi tro của cuộc thánh chiến. Cơ ngơi của Quý đổi nhiều lắm. Rừng núi vây quanh biến mất, nhường cho những khách sạn mini hotel mọc khắp triền núi. Bãi biển cũng biến mất. Chỉ có những nhà hàng nổi mọc san sát bán seafoods. Bốn năm dầy phố cho thuê xe du lịch, dịch vụ nhà ở. Tôi bước chân qua cánh cổng tam quan đồ sộ, hiện vật duy nhất còn sót lại từ đạo

Tết Giáp Tuất. Cơ ngơi vắng vẻ. Năm mươi gian nhà của Quý cháy rụi sau cuộc hoả hoạn vẫn chưa được tân trang. Chiến và Quý tôi nhớ lãnh án hai mươi năm tù vì tội đốt rừng chưa được thả. Tôi chịu án mười năm tội hãm hiếp vị thành niên. Quý đi lấy ngoại kiều. Còn Nữ lấy thổ dân. Gió thổi những làn tro bốc lên trên ngọn cỏ rồi lại rớt xuống. Nấm mộ của Đình ai đào bới ăn cắp bốc vế, đập bia, chỉ còm hùm một khoảnh đất nông chưa quá bàn tay. Tôi cời áo khoát. Đến đốt nén hương trên mộ. Đình, có cảm tưởng mình chưa bao giờ đi đâu, chưa hề rời xa dinh cơ đồ nát. Giấc mơ Di Dân cũng không còn nữa. Cỏ tranh không ai cắt mọc hút đầu, những nhành cỏ gãy nát dẫm lên kêu rào rào. Khu đất của Quý duy nhất còn trống, một tấm biển để giá đấu thầu và công trình xây dựng dành riêng cho Nam Triều Tiên. Tôi nạy hộp thư, mẫu giấy nhỏ của Nữ ghi nguệch ngoạc mấy chữ: Được tin chú về X. Cháu ghé về nhưng không gặp. Chuyện xảy ra đã lâu. Cháu không còn giận gì chú nữa. Cháu sống hạnh phúc với Mohamed.

Gió thổi qua chín chung đỉnh còn vững, đứng tro vợ, như tiếng than ngậm ngùi của một thời đại đã khuất. Trên cột trụ biểu chưa ngã, tôi đọc lò mò câu thơ cổ văn do cu. Cừ -thầy Quý- khắc: Thanh niên phương dự ái nhỏ lâm. Lần đầu tiên tôi hiểu nghĩa của câu thơ sáu kỷ trước. Hương rừng nhỏ ở đâu tỏa thơm thoang thoảng.

23/08/1994

giáo sĩ

Alexandre Lucien Abel de Rhodes mang gương mặt thống khổ và si mê của oan hồn chưa hề biết đến tình yêu. Những ai bắt gặp giáo sĩ những năm thánh chiến, thẳng thốt nhận ra bóng ma mang nỗi buồn chín thối ruột gan của một người đàn ông chưa toại nguyện thân xác. Hối thối đến nỗi những người lính Maroc của tiểu đoàn 10 Tabor tăng cường cho trung đoàn 3 Lê Dương phải bịt mũi trước xú uế nồng nặc bốc toả từ nhà thờ chính toà Cao Bằng. Thời kỳ đường thuộc địa số 4 chưa bị cắt, con

đường hun hút treo vắt qua những triền núi thăm thẳm, các chuyến quân xa hãy còn tấp nập đổ những đám lính say rượu âm ỉ xuống xóm nhà thổ, pháo đài đầy rẫy hiện tượng. Mỗi khi Alexandre de Rhodes thăm các họ đạo, các ruộng mạ mới xanh mơn mơn bỗng dung héo úa hoá ra cần cỗi rồi đổ rạp xuống thành đồng rạ cũ mốc như đã cháy khô từ bao kiếp nào. Các gốc sưa chai sần không thể trở hoa và ngay đến con sông Hiêm nổi tiếng hung dữ, mặt nước bình thường cuộn xiết xoáy nhận chìm biết bao bè gỗ cũng vụt trở nên lặng lẽ thiu chảy. Nỗi buồn thống thiết trống vắng tình yêu ở cha cố lây lan đến khắp vạn vật, kể cả con người. Mỗi sáng chúa nhật rước lễ, trông thấy De Rhodes hiện hình trên bục giảng, các con chiên giáo xứ òa khóc vật vã tức tưởi như vừa trông thấy chính đấng Christ đang chịu thương khó trên thập tự giá. Chúng trăm uất Thừa Sai phủ trùm lấp pháo đài đến mức những tháng sau cùng trước trận đánh đường biên giới, đại tá Antoine Marie Pierre Charton chỉ huy trung đoàn 3 Lê Dương và cố thống chế Ney tư lệnh khu biên thùy đông bắc phải nghiêm cấm các binh sĩ lui tới nhà thờ để tránh hội chứng cô buồn giáo sĩ. Đó là thời kỳ Cao Bằng thác loạn với những trận làm tình thâm đêm của lính Lê Dương, những trận cười suốt sáng ở xóm thổ, những viên thuốc tẩy não vong bác sĩ Louis Pasteur phát cho các đứa bé mắc chứng trầu run chân, của bệnh viêm khứu giác Maroc không chịu nổi xú ối, của những cô gái Mèo khâu vá màn trình vội vã và của cả những linh hồn sĩ quan da trắng thất lạc trong kế sách bình định của tổng chỉ huy Carpentier.

Vương cung thánh đường thị xã mang kiến trúc Y Pha Nho thời Phục Hưng pha lẫn kiến trúc nặng nề Áo

Phổ. Thời đó, các xóm lương đã gọi giáo đường là Lăng Cha Cả, ai cũng biết giáo sĩ De Rhodes chết từ lâu lắm, vong hồn chưa siêu thoát, còn đợi ngày phán xét cuối cùng chưa xảy đến, hãy còn quyến luyến Đông Dương vùng đất ông đã đến truyền giáo và lập chữ viết bản xứ. Tất cả giáo dân kính trọng quyết định của toà thánh, cho phép vong giáo sĩ trở về cai quản địa hạt Cao Bằng, nhưng nhà thờ chính toà đã mục nát lắm. Ngoài mùi xú uế xông từ nỗi buồn chín thối ruột gan của cha cố, hình như không còn thứ gì tươi tốt. Từ những nhánh huệ đã tàn rữa rụng chậm chạp, những trang Kinh thánh đã hoá tro, các chân nến đã hết sáp nhưng vẫn tiếp tục cháy ngọn lửa leo lét mà không ai hiểu vì sao, đến các băng gỗ cũ mục mỗi một kê dưới chân tượng thánh Michel đã bắt đầu nổi ghè và tháp chuông thẳng đứng cao vút cũng chìm trong vùng mây xiêu đổ hoang tàn. Alexandre de Rhodes chui rúc trong nhà nguyện. Giáo sĩ mặc cảm với tất cả mọi đàn bà sinh sống trong pháo đài từ lúc nhận chân ông đã bị thượng đế tước mất chức năng đàn ông, từ lúc khám phá rằng sửa sau nhà thờ không bao giờ có thể đơm hoa trắng và vườn cà ông trồng đã ba trăm năm không thể cho trái. De Rhodes chỉ còn một nỗi đam mê cuối cùng duy nhất. Nỗi đam mê tiểu thuyết.

Hiếm ai biết những cuốn tiểu thuyết An Nam diễm tình dịch sang tiếng La Tinh và Bồ Đào Nha bày bán ở hiệu sách Tôn Thọ Tường những tháng đầu năm 1950 do chính tay Alexandre de Rhodes chuyển ngữ. Giáo sĩ kinh hoàng khám phá thứ chữ ông ký âm ba thế kỷ trước đã trở nên lúc nhúc đông đúc thoát ra khỏi quy tắc văn phạm do chính ông thiết lập trong tự vị Việt Bồ La. Lúc sinh tiền, De

Rhodes đã nhận ra mọi thứ biến hoá cấp kỳ ở An Nam. Lần chứng kiến cố Du tử đạo, De Rhodes đã để ý những khóm dưa trồng quanh pháp trường chỉ cao bằng đọt măng tây, đã lớn nhanh như thổi từ lúc đao phủ của Chúa Nguyễn hươi đao cho đến khi chặt thủ cấp cố Du, đã đơm trái chín vàng ngọt rụng xuống các gánh hàng rong xăm que bán cho khách đi xem hành quyết. Mãi về sau ông mới hiểu, khóm dưa nhờ thấm phân cố Du quá sợ hãi vãi đất mà lớn nhanh như vậy. De Rhodes cũng chứng kiến sắc tộc Kinh có khả năng học ngoại ngữ rất nhanh. Những ngày ở Đàng Trong, khuyến khích các con chiên vừa mới theo đạo xưng tội, De Rhodes để ý các cô gái chỉ biết khai bằng tiếng Khmer ông không sao hiểu, nhưng cũng các cô gái đó, khi lập gia đình đến nhờ ông làm phép giao, đã nói lưu loát tiếng Trung Hoa và khi De Rhodes rửa tội cho đứa con đầu lòng, các cô dâu trẻ đã biết nói *merci* và xin *pourboire*. Thời kỳ trông coi giáo phận Cao Bằng, De Rhodes quyết tâm dành hết thời gian khám phá những bí ẩn trong con người An Nam. Ông không còn ăn bổng lộc của hội Thừa Sai và có đủ thời gian cần thiết cho đến ngày chúa sống lại. De Rhodes tin bí mật sắc tộc Kinh chỉ có thể phô diễn và lưu lại qua chữ viết. Ông bắt đầu lùng sục những chợ sách, nhưng rất nhanh De Rhodes ngạc nhiên thấy tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh in hết tiểu thuyết Pháp, tiểu thuyết Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Trọng Quản không khác mấy thời ông viết *Phép Giảng Tám Ngày* và tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng châm biếm nhức nhối ông không sao hiểu hết. Giáo sĩ bắt đầu tuyệt vọng, ông ợ hơi thum thum và nổi buồn chín thối ruột gan càng lúc càng nồng nặc thối hoảng khắp vùng. Các họ đạo xa lánh dần nhà thờ, mỗi lúc

làm lễ De Rhodes phải giảng kinh Sám Hối ven sông Bằng Giang để gió xua bớt mùi thối. Giáo đường mỗi lúc một hoang vắng, ngay cả dì phước Louise Marie de Bourbon, nữ tu không còn chức năng đàn bà, cũng không dám thường xuyên đến chăm sóc cha cố, chỉ liên lạc với cố đạo qua thư tín. Tấm áo chùng gai của Alexandre de Rhodes không còn được dì Louise giặt giũ, mỗi lúc một cũ nát, bẩn thỉu và chảy nước vàng của chứng thối ruột. Nhà thờ chính toà trở nên thê lương, mỗi ăn ruộng các cột quân và vòm mái điêu hiu leo lét tim đèn không còn dầu. Các xóm đạo chung quanh đã phải dọn đi vì sợ giáo đường sụp đổ bất cứ lúc nào. Cho đến ngày vong cố Du Paul Marchand ghé thăm, thăm tạ De Rhodes đã tiễn đưa ra pháp trường Thọ Đức lúc lâm chung, đã mách chỉ cho giáo sĩ thư viện to lớn cổ xưa của nhà thờ xây chìm sâu trong một căn hầm đá, lúc đó, Alexandre de Rhodes mới khám phá ra Tự Lực Văn Đoàn.

Alexandre Lucien Abel de Rhodes đọc miên man những cuốn tiểu thuyết diễm tình. Giáo sĩ không ra khỏi hầm đá, ăn uống tiêu tiêu ngay bên cạnh giá sách Tự Lực. Thậm chí ông không có thì giờ vén áo chùng mỗi khi đại tiện. De Rhodes đọc đi đọc lại những cuốn tiểu thuyết, đọc hết chương này sang chương khác, đọc hết cuốn này sang cuốn khác, ông vừa tra tự vị mỗi khi gặp những chữ mới không do ông ký âm, vừa phiên dịch sang từ ngữ La Tinh và tiếng Bồ Đào Nha, ông bắt gặp trở lại niềm đam mê cuồng nhiệt nồng thắm ngôn ngữ thời trẻ, và càng đọc De Rhodes càng cảm văn phong trong sáng rất gần gũi Tây Phương vừa đầy tâm lý ý nhị An Nam. Giáo sĩ dịch bốn cuốn *Bướm Trắng*, *Đôi Bạn*, *Anh Phải Sống* và *Gánh Hàng*

Hoa gọi cho các nhà xuất bản Âu Châu nhưng ông chỉ nhận được những hồi âm thờ ơ của nhà Pléiade cho biết thị trường tiểu thuyết Đông Dương không chạy, nhà xuất bản Plon trả lời thẳng truyện dài An Nam còn quá phôi thai chỉ sao chép lại tiểu thuyết Pháp, và nhà Flammarion chê bản dịch chưa chuẩn. Nhưng giáo sĩ không nản chí, ông gọi bán ở hiệu sách Tôn Thọ Tường bên hông Pharmacie de Garde thị xã. Thịnh thoàng De Rhodes cũng nhận được thư độc giả của các sĩ quan trung đoàn 3 phê bình này nọ. Thư của cố hải quân thiếu tá Henri Rivière khen ngợi văn rất mạch lạc, gãy gọn, khúc chiết, chỉ ít scène gây cản. Thư của cố hải quân đại úy Francis Garnier nhận xét nếu thêm chút dâm dục, da diết, dữ dội và loạn luân sẽ lôi cuốn hơn. Thư dì phước Louise thích đặc biệt truyện Vợ Chồng A Phủ của Tô Hoài hơn hết... Các thư độc giả khiến De Rhodes càng hăng say mê mẩn, ông đọc *Đời Mưa Gió* như sống một mối tình thật sự. Lần đầu tiên giáo sĩ khám phá trong tiểu thuyết ghi chép những điều mà Kinh thánh không hề nhắc đến. *Đời Mưa Gió* ghi chép tất cả tâm trạng con người khi yêu mà De Rhodes chưa hề thấy trong Tân Ước, Cựu Ước. Ông si mê *Đời Mưa Gió* đến quên đại tiện, quên lễ misa, quên cả làm phép xúc dầu ở nhà xác thị xã cho toán lính Maroc vừa tử trận. De Rhodes dịch mê man *Đời Mưa Gió*, ông viết thoản thoắt tựa như chữ đã nhập vào mình, tựa ông đã sống ở phố Quan Thánh nơi nhân vật Chương sinh sống, tựa đã trông thấy Tuyết uống champagne và khiêu vũ. De Rhodes viết đêm ngày, trắng lên trắng xuống ông không hay, mưa bão ông không hề biết, viết đến rách giấy, viết đến thùng bàn gỗ cắm lai khiến ý văn tung toé, chảy lai láng trên mặt đất. Thậm chí bình mực đã cạn giáo sĩ

vẫn tiếp tục chấm, tiếp tục viết đến lúc ngòi bút cùn vệt, cán bút lụn dần rồi biến mất mà mực vẫn cứ tiếp tục trào ra chảy ở đầu ngón tay ông sưng đỏ như quả ớt.

Những năm thánh chiến, ở Cao Bằng xuất hiện một hiện tượng kỳ quái, không liên quan đến giáo sĩ, mỗi cuối tháng ở nghĩa địa đất thánh Tây ùn lên một đám mây xám ẩm ướt lạnh lẽo phủ trùm khắp hai bờ sông Hiêm. Chính một trong những áng mây nặng chì u uất xám lạnh này đã len lỏi bay xuyên qua vách tường đá của căn hầm thư viện. Nhưng De Rhodes không trông thấy, ông vừa dịch đến câu chữ cuối, đóng bản thảo rồi lim dim mắt. Chưa bao giờ giáo sĩ hài lòng đến vậy suốt kiếp ma khắc khoải không lối thoát. Ông vừa hoàn tất công trình phiên dịch văn chương trác tuyệt, vừa cho các nhân vật tiểu thuyết Tự Lực một kiếp đời khác, trong một ngôn ngữ khác. De Rhodes nhắm mắt sung sướng, gương mặt ông phản chiếu trong mây nỗi hân hoan nhẹ nhàng của cậu bé Alexandre khi rước lễ thành niên lần đầu trong thành Goa. Đã lâu lắm De Rhodes quên ngủ. Từ sau khi chết ba trăm năm, ông không còn phân định được tương lai, thực tại hay quá khứ. Nhưng buổi sáng đó, buổi sáng ngập mây xám trong tầng hầm vách đá của nhà thờ chính toà Cao Bằng, cha cố bất chợt nhớ đến thời trẻ đã có lần trông thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp, đội khăn vành trắng không rõ mặt nhưng ánh mắt đen tuyền lấp lánh nghịch ngợm và mái tóc đen bóng của đàn bà Bồ Đào Nha đã để lại trong lòng cậu bé Alexandre nhiều luyến tiếc. Alexandre đã ước mơ được đi theo thiếu nữ, sau rước lễ, cùng sóng đôi dạo bước trên những con đường lát đá cổ xưa của bến cảng trông ra đại dương mênh mông xa vắng, cùng nắm tay trong các lối đi

quanh co nhỏ hẹp giảng hoa, treo cờ ngũ sắc và thấp đèn lồng của ngày kiệu Maria. Alexandre cảm giác anh đứng gần lắm thiếu nữ, gần có thể chạm được vào những đầu ngón tay thuần mảnh dễ nhú ra ở ống tay áo mỏng, gần đến mức có thể nghe được làn da cô gái đang hô hấp, gần sát đến nỗi anh trông rõ hàng mày đen tinh nghịch đang nhú cong trông đợi. Alexandre nghĩ anh đang đứng cạnh đức mẹ Maria thời còn con gái. Cả hai chờ đợi nhau lâu lắm, chờ đợi tiếng thở của mỗi người lên xuống trong lồng ngực tràn máu ấm. Thiếu nữ chỉ đợi anh mời lôi kéo vào điệu vũ rước đám đang tung bùng trẩy hội, để ngã mình xoay trong vòng tay đưa đón của Alexandre điệu múa của sóng biển. Song vũ trụ bất động. Chiếc bánh thánh còn ngậm trong miệng khiến Alexandre không thể cất tiếng. Đức hồng y Richelieu của hội đồng giáo phẩm tối cao toà thánh đã không ngừng răn đe: Các con chiên không được nhai nuốt bánh thánh, chỉ có quyền ngậm cho đến khi mình thánh Chúa hoá thân thành xương thịt của mỗi con chiên, nếu không lửa thiêng sẽ đổ xuống trái đất đời đời. Alexandre nhắm mắt, nước mắt anh chảy ra vì đau đớn, cho nỗi đau bẩm sinh tột nguyên của một thiếu niên mười bốn. Đến khi chiếc bánh thánh tan đi, Alexandre mở mắt, cô gái đã biến mất. Alexandre còn trở lại giáo đường nhiều lần nữa với hy vọng gặp lại thiếu nữ, anh đã trở lại nhiều lần đến nỗi thuộc lòng hết bốn ngàn bản thánh ca, thuộc lòng tất cả những bài giảng của các linh mục, thuộc lòng toàn bộ kinh thánh và trở thành cha xứ Dòng Tên lúc nào anh cũng không hay. Alexandre trông coi nhà thờ Goa trong nhiều năm, với hy vọng gặp lại thiếu nữ có đôi mắt đen láy đầy khát khao sự sống, đến lúc gần tuyệt vọng, anh

được tin người đàn bà đã kết hôn và theo chồng đi khai trí Châu Á. Cha xứ De Rhodes dấn thân vào hành trình truyền giáo Phương Đông kể từ lúc đó, nhưng mãi mãi, giáo sĩ sẽ không bao giờ còn gặp lại người đàn bà của thành Goa.

Buổi sáng đó, buổi sáng có những khúc lụa bay chậm rãi trong giấc ngủ thiu thiu, De Rhodes có cảm giác một làn sương sớm tinh khiết thơm cây trái đang phả suốt hăm. Hương hoa mỗi lúc một toả ngát đậm đặc lẫn át dần mùi xú ối. Cha cố tỉnh ngủ hẳn. Ông nhìn trần trời đỏá hồng đỏ gắt đang mọc nhú từ từ, trổ từ bức tường lâu năm ám khói, thứ hồng đỏ gắt rực rỡ Nhật Tân mà có lần De Rhodes đã trông thấy ở xứ bảo hộ Bắc Kỳ. Cha cố kinh ngạc không hiểu vì sao khóm hồng đỏ lịm đã có thể đâm xuyên thủng trần hăm thu viện. Nhưng rõ ràng các đài hoa đang nứt rạn vách đá. Trong một phút, ngôi huyết cổ đom chi chít mẫu đơn, glaieul và hồng tía, tựa nhà thờ sắp có lễ giao. De Rhodes lấy tay phui mây để nhìn cho rõ và ông chết cứng khi ấy, khi tay hãy còn nắm níu những cộng mây đang trôi lơ lửng.

Alexandre chết sững. Người đàn bà có đôi mắt thông minh của thành Goa đang ngồi trước mắt anh, chỉ cách một mặt bàn. Vẫn thiếu nữ nở nang khoẻ mạnh của đêm kiệu Maria, vẫn mái tóc đen loang loáng bóng tối loã xoã trước sống mũi tinh nghịch. Alexandre nghe hơi thở của thiếu nữ lên xuống trong lồng ngực đã qua tuổi dậy thì bung nở kiêu hãnh, nghe hơi thở hỗn hển của chính anh, của vong hồn đã tắt thở ba trăm năm. Anh muốn hỏi, nhưng không sao cất tiếng. Muốn thốt lên nỗi nhớ mong da diết diệu vợi của một trăm ba mươi ngàn ngày xa cách nhưng anh chỉ có thể lắp bắp.

- Blòi ơi!

Alexandre muốn nói anh đã tìm cô gái suốt từ bấy, từ đêm kiệu Maria chấm dứt anh đã hốt hoảng chạy suốt đêm trong thành Goa tìm kiếm, từ năm 1624 khi anh bước chân xuống những thương thuyền Bồ Đào Nha vượt đại dương đi tìm chân lý của sự sống, từ những tháng ngày lang thang lếch thếch giảng kinh ở các xóm đạo Ấn Độ, Mã Lai, Ma Cao, Hồng Kông, Qui Nhơn, Quảng Ngãi, đến đâu Alexandre cũng chỉ hỏi thăm một người đàn bà duy nhất, mong có ai thấy. Cho đến phút lâm chung trút hơi thở cuối cùng, trên giường bệnh trong thành Ba Tư, Alexandre vẫn hãy còn kêu tên người đàn bà mà anh chưa hề biết. Nhưng anh không tìm ra chữ. Không sao diễn tả thứ tình cảm vĩnh cửu nhân loại còn dai dẳng hơn cả sự sống hứa hẹn đời đời trên nước Chúa. Anh không thể thốt lên lời tỏ tình chưa ghi chép trong kinh thánh. Alexandre nhận ra miệng anh vẫn hãy còn ngậm chiếc bánh thánh ngày nào. Chiếc bánh thánh chưa bao giờ tan, chưa hề tan, chưa hoá thành máu thịt, còn ở nguyên trên lưỡi anh vị nhạt nhèo của bột lúa mạch xay nhuyễn. Thiếu nữ cũng nhìn anh trùng trùng trên trời, cho đến khi cô gái chấp hai tay vái:

- Vâng em là Tuyết của *Đời Mưa Gió*, của Nhất Linh và Khái Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn, người chịu ơn của anh!

Alexandre Lucien Abel de Rhodes chỉ kêu lên được hai chữ thảng thốt *Blòi ơi* rồi ngắt đi. Chữ *Blòi* mà cách đây ba thế kỷ, giáo sĩ đã nhạy cảm hiểu trong ngôn ngữ bản xứ mang cùng một ý nghĩa Đức Chúa Cha trong kinh thánh.

*

Trung úy Bernard de Lattre de Tassigny là một trong những sĩ quan trẻ còn sống hiếm hoi của trung đoàn 3 Lê Dương. Khác với đồng đội, đã số đã quá cố nhưng vẫn tiếp tục hiện dịch, Bernard mang trên mình sức sống còn trinh nguyên của những bông lys trắng chưa héo uá. Viên trung úy trẻ mang vẻ đẹp cao sang quyền quý của những tử tước thời trung cổ, vừa vương giả, vừa tinh khiết của các cô dâu ngày cưới. Nét đẹp của Bernard de Lattre trong trắng đến mức quân phục của anh không bao giờ có thể lấm lem, ngay cả những khi viên trung úy lợi sinh bùn dầy một trung đội đi phục kích ở làng Trà Linh, sát cạnh biên giới Trung Hoa. Suốt một đêm ngâm trong sinh lỏng, hỗn chiến ác liệt lúc chạm súng, đám lính Lê Dương cầu bắn bẻ bết máu, nhưng trung úy De Lattre thẳng thớm như vừa bước chân ra khỏi hiệu giặt ủi. Nhưng khác hẳn đại tướng Jean de Lattre, Bernard không đi tìm hào quang chiến thắng, không ước muốn chinh phục Đông Dương, anh chỉ mang một khát vọng duy nhất, đơn sơ, thậm kín, tìm thấy tình yêu lứa đôi trong đời sống. Trung úy De Lattre là sĩ quan duy nhất không xuống xóm nhà thổ, anh tin vào thượng đế và giữ mình cho tình yêu lớn sau này. Nhưng đó là chuyện của một năm trước, khi đồn Phủ Tổng Hoà chưa thất thủ, khi đường thuộc địa số 3 chưa bị cắt. Thời gian Cao Bằng bắt đầu bị vây hãm, tựa tên khổng lồ bị chôn giữa rừng, chỉ còn nhô chiếc đầu cổ quái khổng lồ lên nhìn ngấm núi đá, hai tay, một núm Bắc Cạn đã bị chặt, một núm Lạng Sơn cố gắng vung chiếc chùy sắt đập lũ doi đang hút máu, Bernard de Lattre chỉ còn là một thân xác tuyệt vọng sống đợi chết.

Buổi trưa khi đồn Phủ Tổng Hoà thất thủ và mẹ bề trên Thérèse đã một trăm tuổi, đã mù loà của chủng viện Các Thánh Anh Hải bất chợt nằm ác mộng trông thấy đám giặc Cờ Đen vây đốt tu viện, không biết ở đâu có tin đồn trung úy Bernard de Lattre sắp làm lễ cưới. Tin đồn rùm beng đến nỗi, đại tướng De Lattre khi ấy còn chỉ huy đệ nhất lộ quân sông Rhin, từ Âu Châu đã phải gọi thư khuyên nhủ con trai chọn hôn phối phải có phẩm hạnh, gốc gác. Tin đồn nhiều đến mức Bernard de Lattre cũng tin là anh sắp thành hôn khi thấy các trại lính kết hoa và câu lạc bộ sĩ quan trải khăn ăn trắng muốt. Trong pháo đài chỉ có một người đàn bà da trắng duy nhất, nữ tu Louise Marie de Bourbon, phẩm hạnh và xinh đẹp. Bernard đã đến hỏi Louise cho ra lẽ, có phải di phúc đã xin rút phép thông công, thôi ân cách để thành thân với anh? Mãi cho đến lúc hy sinh ngoài mặt trận, Bernard vẫn hãy còn hối tiếc đã hỏi câu hỏi quá ngu xuẩn, di Louise bị xúc phạm tội độ đã đóng sầm cửa tu viện để không bao giờ còn tiếp anh. Thời gian Bắc Cạn triệt thoái, các đơn vị tiền phương của sư đoàn 308 tiến đến sát bờ sông Hiểm, trung úy De Lattre bất chợt khám phá anh không thể nào tìm ra tình yêu lứa đôi trong cuộc đời, vì một lý do duy nhất, anh không thể định nghĩa được tình yêu, do đó, không thể tổng hợp những tiêu chuẩn cần thiết tối thiểu để chọn ý trung nhân. Ý thức tình yêu không thể tìm thấy, rất khó hiện hữu, bỗng khiến Bernard hối tiếc anh chưa bao giờ xuống xóm thổ, chưa bao giờ ân ái với phụ nữ. Viên trung úy đi ngay xuống xóm yên hoa ven sông Hiểm, bất chấp những ổ phục kích đêm của Việt Minh, nhưng Bernard de Lattre khám phá thêm một

điều kinh khủng, anh hoàn toàn bất lực, không có khả năng sinh lý, dù nhỏ nhoi, hiếm muộn.

Thời kỳ đó, ở Cao Bằng lại thêm tin đồn trung úy De Lattre, con trai tân tổng tư lệnh quân đoàn viễn chinh tương lai, sắp tử vong. Nhưng kỳ quặc, khác với tin đồn thất thiệt lẽ cưới, do các sĩ quan Pháp chòng ghẹo chế giễu, chính dân bản xứ kháo nhau đám tang sắp đến của Bernard sẽ đi qua phố Chả Cá, bên hông nhà thờ chính toà. Tin đồn nghiêm chỉnh đến độ mỗi lần Bernard xuống phố, các sắc tộc thiểu số Nùng, Mông, Mán, cả người Kinh đều cúi đầu vái lạy anh như đi điếu. Viên trung úy bắt đầu thắc mắc, nổi nghi ngờ tăng dần lên sau mỗi khi xin xăm, gieo quẻ ở các ngôi đền An Nam. Khác Francis Garnier, khác Henri Rivière, Bernard yêu thích đặc biệt kiến trúc gỗ Á Đông. Anh lui tới thường xuyên các chùa chiền và khám phá tục bói toán An Nam. Thời kỳ đó, những ngôi chùa lớn nhất của Thăng Long đều có văn phòng đại diện tại Cao Bằng, Bernard đã viếng hết những văn phòng chùa cổ nổi tiếng nhất, đã đến chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc, chùa Quan Thánh, chùa Trấn Võ, Văn Miếu Quốc Tử Giám và lần nào lấy lá số tử vi, các thầy An Nam cũng đều quả quyết anh sẽ chết ở Đồng Khê, một trăm thầy như một, nhất quyết anh sẽ chết ngày 30 tháng 5 năm 1950. Thậm chí có quẻ còn cho cả giờ chết, là giờ Thân Trùng khiến sau này anh sẽ bắt đi đại tướng Jean de Lattre de Tassigny, khi ông đang ở trên tột đỉnh vinh quang của danh vọng sau chiến thắng Vĩnh Yên. Ban đầu, Bernard dấy nghi hoặc, đã điện về phòng quân số của bộ tư lệnh Bắc Phần, đích thân tướng Alessandri đã trấn an, khuyên anh yên tâm sẽ không chết ở Đồng Khê, vì tất cả các phúc

trình báo cáo đều ghi rõ tìm thấy xác trung úy Bernard de Lattre tại Ninh Bình, trong trận bờ sông Đáy, ngày 30 tháng 5.1951, đúng một năm sau đó. Suốt mấy tháng liền, Bernard rất hoang mang, anh không biết đâu là sự thật, đôi lúc tin vào quân sự, vào thực tế hiển nhiên, đại tướng De Lattre chưa sang Đông Dương, chưa có trận Vĩnh Yên làm sao có trận Ninh Bình, và tổng chỉ huy đương nhiệm vẫn hãy còn là tướng Carpentier, nhưng tất cả các quẻ xin xăm ở đền An Nam đều mang một thông điệp trái ngược rùng rợn: *Đồng Khê mạng vong lúc 9 giờ sáng.*

Buổi trưa đến nhà thờ chính toà thị xã, để từ giã vong hồn cha cố, trung úy De Lattre đã xuống tinh thần lắm. Đã mừng 9 tháng 4, chỉ còn đúng 7 tuần nữa là đúng ngày thân Trùng đến bắt người, mà De Lattre tin chắc anh có tên trong danh sách. Trung úy De Lattre cũng khám phá cơ thể anh đang biến dần thành xác chết, da mặt anh xanh tái, môi thâm và tròng mắt càng lúc càng trắng đục. Bernard cố đổ lỗi do anh mất ngủ, hút thuốc lá quá nhiều và sợ hãi, nhưng rõ ràng là da thịt anh đang chết đi từ từ, chết dần dần đến nỗi anh ăn uống không còn cảm thấy vị giác gì nữa, hai bàn tay lúc nào cũng lạnh ngắt như bàn tay xác chết. Bernard cũng bắt đầu có những dấu hiệu mắc hội chứng buồn thối ruột giáo sĩ. Thứ chứng bệnh chỉ xảy đến cho đàn ông không toại nguyện thân xác. Anh đã bắt đầu ợ hơi thum thum và mỗi khi đánh rấm, mùi xú uế thối kinh dị. Bernard tin chắc anh sắp chết, không ai có thể cứu nổi. Anh muốn đến viện Pasteur khám, nhưng trông thấy những đứa trẻ mắc chứng trều run chân uống thuốc tẩy não, tuy hết bệnh, nhưng tròng mắt ngò nghê, đầu óc trống rỗng, cú cười toét miệng khiến anh kinh hoàng.

Những tuần lễ sau cùng, các quẻ xăm trở nên khẩn cấp, các tờ chú giải chỉ in đậm một chữ duy nhất, *tử vong*, nhấp nháy liên hồi như muốn báo nguy hiểm.

Buổi trưa đến chào cố đạo, viên trung úy trông thê thảm. Quần áo anh dơ bẩn, vấy ố, tựa vẻ đẹp trắng trong đã bị chứng thối ruột gan ăn nhấm. Bernard vừa nhận được lệnh chuyển đơn vị đi đóng đồn Đồng Khê, nơi anh sắp chết. Trung úy De Lattre thấy rõ, anh đang bước dần đến định mệnh, không thể thoát, không thể tránh khỏi. Buổi trưa nắng gay gắt, nắng ran trên mái lò cốt của hàng rào phòng thủ, Bernard de Lattre trang bị rất nhiều vũ khí, ngoài súng colt chỉ huy, anh còn mang bazooka và mìn chống chiến xa, viên sĩ quan luôn sợ hãi chạm trán thân chết, bắt gặp thân Trùng ở mỗi góc phố. Bernard muốn chết trong danh dự, chiến đấu đến phút cuối cùng của đời binh nghiệp ngắn ngủi. Anh cũng không dám đi một mình, sợ thân chết kéo cả bấy. Cùng đi với anh có toán lính da đen lực lưỡng cầm trung liên nổi mỏ đường. Đám lính đi qua những con ngõ im im, tất cả mọi cửa sổ, cửa cái của các hiệu thương buôn đều đóng kín, cả những gánh hàng rong cũng vất lầy lắt, không kẻ mua, người bán, chỉ nổi những văng nước vối tím tái. Đám lính đi qua lối đi ngoằn ngoèo, giữa trưa im phắc, không tiếng động, không một chút âm thanh nào khác ngoài tiếng cựa mình của bụi. Tất cả phố xá đều mang dấu hiệu một lễ tang của những ngày sau hoả thiêu, một nhà mồ. Nhưng khác mọi khi, các gốc sữa phía sau nhà thờ xum xuê rậm rạp tro hoa trắng khác thường, tiết ra mùi sữa bột Guigoz nhồn nhồn của khi vừa trộn nước sôi và vườn cà đã ba trăm năm chưa cho trái chen chúc, lúc nhúc những quả cà to bằng

trái bí rợ nằm lổn ngổn trên đất. Bernard bỗng cảm thấy thấy sợ. Tất cả mọi thứ đều khác lạ, làm như có bàn tay vô hình lướt qua vạn vật. Chỉ có thể là thần Trùng.

- Ối anh đừng bắn! Em lạy anh đừng bắn!

Thiếu nữ rên lên hốt hoảng lúc viên trung úy tông cửa. Bóng tối của giáo đường vỡ oà với ánh sáng ập vào nền đá như rải lửa. Dưới tượng Đức Mẹ cũng đang hốt hoảng, Bernard chết sững. Cô gái chấp hai tay vái không ngớt.

- Ối anh đừng bắn! Em là Tuyết của *Đời Mưa Gió*, người chịu ơn của anh!

Mãi về sau, trung úy De Lattre vẫn hãy còn nhớ đã choáng váng, lảo đảo như trúng sét. Anh vừa trông thấy rõ rệt định nghĩa tình yêu bấy lâu tìm kiếm, chép đầy đủ trên thân thể cô gái không sót một hàng, một chữ nào. Bernard đánh rớt quả mìn chống chiến xa lúc đó, trong hồi tưởng anh hoàn toàn không nghe thấy tiếng chân hối hả của đám lính ngã bổ húng quả mìn sợ bật kíp bung nổ. Cả tiếng hòi nhốn nháo quát tháo và tiếng động gạt tung các tấm phen chắn trước phòng xung tội lung sục đặc công Việt Minh và tiếng cơ bả lên đạn lục soát một vòng những băng gỗ cầu nguyện của toán cận vệ. Anh nhớ đã rất ngạc nhiên vì những người lính không trông thấy cô gái, đang quỳ trước mặt anh van vái. Bernard nhớ rõ, thiếu nữ in hệt người đàn bà trong trí tưởng bấy lâu anh lùng kiếm, đôi mắt lá rằm cuống quýt, mái tóc đen bóng tối, nước da ửng mặt giữa trưa nóng, cô gái mang suốt thân thể những bí ẩn của tình yêu và điều kỳ lạ, anh đọc được hết tất cả những mật mã ghi chép tường tận trên da mặt cô gái, viết chi chít ở vành môi đầy và lan xuống đến hai vai, ở bắp tay thôn nồn săn chắc, đầy ắp ở lồng

ngực lên xuống chỉ bị che khuất bởi vạt áo lụa đang trải ra trước mắt. Bernard nhớ anh đã vạt cô gái ra đất, xé toạc áo xống để nhìn cho rõ những nguyên lý thâm kín của tình yêu chếp nối nót trên hai bầu ngực, viết quanh rốn, xâm tưng chữ ở hai đùi và chính giữa bụng thiếu nữ. Và kỳ diệu, mỗi khi đọc đến đâu, xác thân anh sống lại, hai bàn tay ấm dần, trông mắt trong xanh và môi không còn thâm tím. Bernard đọc ngẫu nhiên tất cả những chữ viết xoắn xít trên mình thiếu nữ, anh không thể nhớ đó là chữ La Tinh, An Nam hay Tây Ban Nha, chỉ nhớ anh có thể hiểu hết tất cả, những định nghĩa tình yêu đang chảy đột ngột tuôn vào người anh như sấm sét.

Cái chết đột ngột của trung úy Bernard de Lattre de Tassigny ngay sau đó, ở trận tổng công kích Đồng Khê khiến không ai rõ chuyện gì đã xảy ra trong nhà thờ chính toà, nhưng những năm sau thánh chiến, đám lính da đen ít ỏi còn sống sót kể những câu chuyện lạ lùng. Buổi trưa vong giáo sĩ De Rhodes bay đi giảng kinh ở các bản làng Nùng, Thổ, trung úy De Lattre đến nhà thờ và hoá điên. Đám lính da đen trông thấy ông vật lộn một mình với khoảng không, tưởng ông rơi vào trạng thái động kinh tâm thần, toán lính cận vệ ngỡ ông sắp sốt xuất huyết, vội vã chích huyết thanh, nhưng De Lattre đã giậm dừ đuổi cổ tất cả ra khỏi nhà thờ. Đứng ngoài cổng những người lính châu Phi nghe rõ viên trung úy thở hào hển, hỏi hả gục mặt xuống đất hôn như mưa lên nền đá hoa cương, đôi lúc đối thoại bí mật với một người đàn bà nào đó, có lúc gằn như tỏ tình đắm đuối đến kiệt sức. Suốt buổi chiều Bernard de Lattre ở trong nhà thờ, cho đến khi bước ra, gương mặt ông mang nỗi si mê kỳ dị. De Lattre vứt bỏ vũ

khí, cởi quần áo, nhảy xuống sông Bằng Giang bơi đến tận nguồn, mãi đến tối mịt ông mới bơi trở về, và chuyện lạ hiếm có, lần đầu tiên ông dẫn cả đơn vị xuống xóm thổ, đái bìa và thuê bao tất cả những cô gái điểm kinh nghiệm. Suốt đêm đó, cả thị xã không ai ngủ được vì tiếng rên la thoả mãn không dứt quãng của các cô gái nối tiếp nhau thay phiên làm tình không ngơi nghỉ với viên trung úy. Tiếng kêu la khoái lạc vọng đến sáng và rất đông đã có thai sau đó. Nhiều năm sau chiến tranh vẫn còn nhiều cô gái giết con đến đại sứ quán Pháp ở phố Lý Quốc Su, xin mang họ De Lattre, xin nhập tịch và lãnh trợ cấp trong lúc chờ đợi định cư ở mẫu quốc.

Tin trung úy De Lattre tìm thấy định nghĩa tình yêu loan rất nhanh, trở thành hiện tượng trong những ngày trước trận đánh thảm khốc đường biên giới. Ai gặp De Lattre cũng hỏi xin định nghĩa tình yêu nhưng viên trung úy bảo mật cho đến phút chót, cho đến khi lên quân xa dẫn đại đội đi đóng đồn Đồng Khê. Câu chuyện của toán lính da đen chấm dứt ở đó. Những kẻ tò mò muốn biết bí mật của nhà thờ chỉ nghe kể, khi tiểu đoàn thủy binh từ bờ sông Đáy được lệnh bằng mọi giá tái chiếm núi đá vôi Ninh Bình, trung đội khinh binh đi đầu đã tìm thấy xác Bernard de Lattre hãy còn tươi nguyên, còn giữ nguyên trong trông mắt chưa khép những hàng chữ viết li ti chi chít một thứ ngôn ngữ kỳ dị nào đó mà không ai có thể hiểu. Đó là thời lính Lê Dương ưa hát những bản nhạc của quý:

Louise Marie où vas-tu dans le monde?

Je vais où vont les soldats

Louise Marie qui aimes-tu?

J'aime celui qui va mourrir

et le diable en rit, Ha, Ha, Ha, Ha

Cũng là thời Tuyết dứt khoát thôi ăn ở với Chương trong *Đời Mua Gió*.

*

Ban đầu là tiếng sầm sầm như nhà thờ có gió lộng. Tiếng gió vùn vù mỗi lúc một lớn khiến Tuyết thức giấc. Tiếng gió sông sộc thổi tốc các viên ngói bay thốc tháo ở phố Tây làm rung các tấm tôn của phố Chả Cá vang lên như tiếng kêu của thú rừng. Tiếng gạch đá lăn bị gió quất lên vách nhà thờ từng chập nghe rõ mồn một. Tuyết bật dậy bước ra khỏi chõng bàn thảo cha cố xếp ngay ngắn bên cạnh tiểu thuyết *Đời Mua Gió*. Tối qua cả hai ngủ muộn. Tuyết đã xung tội với giáo sĩ suốt đêm đến gần sáng. Trong suốt cuộc đời của một nhân vật tiểu thuyết Tuyết chưa bao giờ sống một buổi tối kỳ lạ như thế. Quá khứ của nàng cứ lần lượt trôi qua trong đôi mắt xanh thăm thẳm của giáo sĩ. Kể cả những ngày mới gần đây sống bên cạnh cha cố, tất cả cử chỉ của một người đàn ông vô cùng thông thái, lịch duyệt và cung chiêu nàng hết mực cũng diễn ra chậm chạp. Đến suy nghĩ của chính nàng, Tuyết cũng trông thấy lại. Tuyết không sao hiểu nổi đức cha có thể sống với chứng bệnh buồn bã thối chín ruột gan, thường trực chảy nước vàng ở dương vật. Ngay hôm đầu tiên Tuyết đã quyết định nấu nước cho giáo sĩ tắm. Trong lúc ông ngâm trầm hương trong chiếc lu cổ, Tuyết đem hết tất cả những tấm áo chùng bản thủ đi giặt giũ. Tuyết đã rất ngạc nhiên khi không có ai trong hiệu giặt ủi cao cấp đô thị trông thấy nàng, mặc dù Tuyết đã lên tiếng gọi nhiều lần, cuối cùng, Tuyết đành bỏ chung giỏ đồ giặt của khách và hôm sau lẳng lặng đến lấy. Mỗi tối Tuyết dọn ăn

trong phòng riêng của cha cố. Tuyết hay hầm chuột sốt vang với mật Tây Bắc, ngâm với lá nguyệt quế, có khi băm nhỏ chục vắt tươi với hành sống tươi mật trộn sữa làm gỏi, những món cha cố rất thích. Chính lúc trông thấy lại cảnh chính tự tay nàng lột da cóc, Tuyết mới sực nhớ đã quên lạng lấy mật vắt bỏ, nhưng rất may giáo sĩ đã chết, nên khi ăn trứng mật cóc ông không chết nữa. Những ngày sống trong nhà thờ, vào ra trên khoảng sân lát đá xanh, trông thấy chiếc bóng của chính nàng nhập vào với bóng Đức Mẹ, Tuyết không ngớt suy nghĩ. Tự trong thâm tâm Tuyết biết De Rhodes lăm lăm nàng với người đàn bà thành Goa, lỗi do Khái Hưng và Nhất Linh đã không miêu tả nàng rõ rệt, khiến De Rhodes đã chuyển hoá trong vô thức của một bóng ma, nét đẹp riêng của người đàn bà ông si mê thời trẻ lên nhận vật nữ chính của Đời Mưa Gió. Trong thâm tâm Tuyết cũng chịu ơn sâu sa giáo sĩ đã cho nàng thêm một kiếp sống, một kiếp đời, trong một ngôn ngữ khác. Giáo sĩ đã dạy nàng biết thêm tiếng La Tinh và Bồ Đào Nha, cho phép nàng trông thấy những người đàn ông da trắng. Tuyết đã quyết định thôi ăn ở với Chương và ở lại nhà thờ một thời gian phụng dưỡng cha cố, cùng phụ với ông hầu việc Chúa, ít nhất cho đến khi De Rhodes hết chứng bệnh thối ruột gan.

Hôm đầu tiên Tuyết đã ngỡ ngàng trước ánh mắt si mê của giáo sĩ. Ánh mắt đắm đuối của những xác chết không được vuốt mắt, đã khiến nàng đỏ mặt, cùng lúc cảm động vì từ ngày Khái Hưng và Nhất Linh bỏ đi, chưa một người đàn ông nào yêu nàng nhiều như vậy. Trong thâm tâm Tuyết không yêu Chương, và tự trong thâm tâm Tuyết cũng biết Chương không yêu nàng, cả hai đã bắt buộc phải

sống chung trong ngôi biệt thự số 84 đường Quan Thánh chỉ vì một lý do duy nhất, Nhất Linh đã bắt buộc họ ăn nằm với nhau. Tuyết đã thù Nhất Linh biết chừng nào, người đàn ông có cái tên Nguyễn Tường Tam mà nàng vẫn hãy còn yêu, còn kính phục và vẫn hãy còn hờn giận đến phút này. Ngay khi mở mắt, bước vào đời, Tuyết đã trông thấy gương mặt ấy, gương mặt đàn ông rắn rỏi, cương nghị và vô cùng trí thức của Nguyễn Tường Tam. Tuyết nhớ nàng đã đưa một bàn tay vuốt nhẹ nhẹ gò má xương của Nhất Linh, và hình như lúc đó Nhất Linh cũng đã cười nhẹ nhàng. Chính Nhất Linh đã dạy cho nàng cách đi đứng, ăn nói. Chính câu nói *Vâng em là Tuyết người chịu ơn của anh*, mà Tuyết đã thốt lên với giáo sĩ ngay hôm đầu tiên, do chính tay Nhất Linh viết ở dòng thứ 13 của trang 35 và bắt nàng học thuộc lòng để ứng xử trong mọi tình huống. Tuyết biết nàng đã yêu Nguyễn Tường Tam ngay từ những giòng chữ đầu tiên của Đời Mưa Gió. Thử tình yêu đầu đời của nữ sinh với thầy giáo, của một cô gái với phụ thân, của một cô em với anh trai, và của cả nhân vật nữ với tác giả. Thử tình cảm tuyệt đẹp của mọi tình cảm gộp lại gọi là tình yêu. Thời toà soạn còn ở phố Cổ Ngư, Nhất Linh hay đến xem qua bản thảo chưa hoàn tất, Tuyết luôn ngã vào lòng Nguyễn Tường Tam hôn say đắm đôi môi thơm thuốc tẩu, Tuyết sẵn sàng dâng hiến cho Nhất Linh lúc đó, thậm chí những khi Nhất Linh ngồi trước bàn viết, Tuyết chỉ mặc chiếc áo pyjama duy nhất của anh vắt trên thành ghế, không cài cúc đứng tựa bên cạnh xem Nhất Linh miêu tả cảnh bạc đương diễn ra ở nhà bà Phủ Thanh. Có những đoạn đã khiến nàng cười ngất, cười đến ngã hẳn vào lòng anh Tam, những lúc đó cánh áo pyjama bung mở

phò bày thân thể nàng, Tuyết đã chờ đợi biết bao lần anh Tam áp mặt vào ngực mình, hôn lên chiếc bụng phẳng, ôm hôn âu yếm thân thể do chính anh tạo ra, nhưng lần nào Nhất Linh cũng gỡ tay, đỡ nàng dậy, cài lại năm cúc áo và khuyên nàng đi nghỉ. Mấy ngày sau, anh Tam giới thiệu với Tuyết một người đàn ông khác. Ngay hôm gặp gỡ, Tuyết đã bị nụ cười trữ tình của Khái Hưng quyến rũ. Khác Nguyễn Tường Tam, Trần Khánh Dư lãng mạn hơn rất nhiều, chính Khái Hưng đã giắt Tuyết đi mua sắm váy đầm, nước hoa, ví cầm tay và cả đồ lót. Chính Khái Hưng đã dạy cho nàng cách vén chéo áo, cách trang điểm, vẽ mắt, tô môi và truyền dạy tất cả nghệ thuật phân tích tâm lý đàn ông. Ở Khái Hưng sức sống toát ra mời gọi, không câu nệ, cân nhắc và cứng nhắc như Nhất Linh, đặc biệt Khái Hưng cho phép nàng bỏ Chương đi chơi thảnh thơi ở đồng quê, không nhất thiết phải ngủ đêm lại ngôi biệt thự số 84 Quan Thánh. Thời kỳ ở Cao Bằng Tuyết vẫn chưa biết rõ mình yêu ai nhiều hơn giữa hai người đàn ông cùng tài hoa lỗi lạc này. Tuyết chỉ biết rõ nàng yêu cả hai, mối tình duy nhất, và Tuyết cũng biết nàng bị ruồng rẫy. Buổi chiều Khái Hưng đến phố Cổ Ngư viết thay cho Nhất Linh và thông báo cho nàng một tin quan trọng, Tuyết phải ăn nằm với Chương tối đó. Tuyết đã khóc hết nước mắt, đã ôm chầm lấy Trần Khánh Dư.

- Anh Dư hãy ngủ với em đi, em muốn người đàn ông đầu tiên là một trong hai anh!

- Tuyết, anh xin lỗi. Anh không thể làm khác, cốt truyện là của anh Tam, anh chỉ được mời viết chung những chương tả tình.

Buổi chiều đó hình như Khái Hưng đã xúc động rất

nhiều. Tuyết còn nhớ anh Dư đã hôn môi nàng thật lâu, đã mân mê và hôn đầu ngực nàng thật lâu trước khi dứt khoát đứng lên, bắt nàng vận áo và kêu xe đưa đến số 84 Quan Thánh để ngủ với Chương.

Tuyết bồn thần nhật chiếc khăn san và mặc lại chiếc áo dài thâm tối qua cha cố đã vụng về làm đứt mất một cúc. Những hình ảnh của buổi tối xưng tội vẫn chưa ra khỏi tâm trí. Suốt tối giáo sĩ đã làm phép rửa tội cho nàng vào đạo. Những hôm trước đi chợ lồng thị xã, Tuyết đã nghe một số giáo dân nói giáo sĩ có biệt tài đọc hết quá khứ của những con chiên đến xưng tội, không ai có thể dấu giếm tội lỗi đã phạm. Nàng đã nghĩ xóm đạo nói quá, lúc trả tiền nhưng không ai lấy, đến nỗi nàng phải lấy trộm rau cải, Tuyết hãy còn nghe kể giáo sĩ đọc được cả quá khứ của người chết. Đến tối, quỳ gối trong nhà kín xưng tội, trước tấm lưới chỉ vang hơi thở kiên nhẫn của giáo sĩ, Tuyết hãy còn phân vân không biết bắt đầu từ đâu cuộc đời của một nhân vật tiểu thuyết mà Nhất Linh đã bắt chung chạ với mọi đàn ông. Cho đến lúc tiếng thở cảm thông của De Rhodes trở nên gần sát, ngẩng lên, Tuyết bàng hoàng trước hình ảnh của quá khứ đang ào ạt trở về diễn ra rõ mồn một trong đôi mắt cha cố, đôi mắt chứa chan quá khứ của chính nàng và xanh biếc tất cả những đại dương giáo sĩ đã vượt qua trong suốt hành trình truyền giáo. Chính lúc đó Tuyết đã thảng thốt trông thấy lại cảnh nàng tát tai Nguyễn Tường Tam khi Nhất Linh đến cuối truyện bắt nàng ho lao và trở thành một con diêm.

- Anh đối xử với đàn bà một cách khốn nạn!

Tuyết mắng chửi. Nàng đã tát Nhất Linh tàn nhẫn mạnh đến nỗi đến bây giờ Tuyết hãy còn đau nhức các

đốt xương mỗi khi trời trở gió. Tuyết còn muốn tát nữa, nhưng Nguyễn Tường Tam đã chụp lấy tay nàng khoá cứng và mắng bằng giọng đanh thép phũ phàng.

- Cô chỉ là luận đề của tôi, cô không có quyền gì hết để đòi hỏi. Tôi cho cô đi làm điểm là may, để cho cô có một nghề sinh sống, hay cô muốn đi theo Việt Minh? Từ nay trở đi cô đừng tìm tôi nữa, tôi đã xong luận đề của mình. Tôi không có bốn phận gì đối với cô. Thôi cô về đi.

Tuyết đã khóc tức tưởi, như nàng đã khóc hết nước mắt ngày Khái Hưng tản cư. Anh Du không cho phép nàng đi theo và mãi mãi Tuyết không bao giờ còn gặp lại người đàn ông kỳ tài của tiểu thuyết An Nam này nữa.

Những ngày sau Tuyết làm tình với Hoàng Đạo ở phố Cổ Ngư để trả thù Nhất Linh. Anh Tam bỏ nàng, rồi Hà Nội sang Trung Hoa đi làm một cuộc cách mạng nào đó mà Tuyết không sao hiểu. Buổi tối khuya khoắt có những cánh đào dập Tét đang rụng rơi, Tuyết bắt gặp Hoàng Đạo đang đọc Đời Mưa Gió. Trong lòng Tuyết hãy còn đầy rẫy những giận dữ thù hận Nhất Linh đã tệ bạc, xúc phạm và nhất quyết phải trả thù làm một điều gì hoen ố thanh danh của Nguyễn Tường Tam. Tuyết ngắm Hoàng Đạo thể thao và khoẻ mạnh. Không đợi người thanh niên lên tiếng, Tuyết cười bỏ y phục, chiếc áo dài Cát Tường Nhất Linh luôn bắt nàng mặc mỗi khi ra phố, chiếc quần lót kiểu Tây mỏng manh Khái Hưng mua tặng, Tuyết thích khoả thân trước sự kinh ngạc của đàn ông và biết rõ thân thể nàng toát ra cảm dỗ dâm dục vì đã được tạo ra cho một luận đề dả phá dâm đẳng. Tuyết đã chống hai tay xuống bàn viết của Nhất Linh, cho Hoàng Đạo xâm nhập. Tuyết thích làm tình với những người đàn ông không thấy mặt,

cho phép nàng muông tượng đến gương mặt của anh Tam, anh Dư. Hoàng Đạo sau ân ái, gấp sách bỏ đi lặng lẽ, Tuyết lau những vết sữa trên đùi bằng chiếc khăn tay của Thạch Lam, người em trai khác của Nguyễn Tường Tam. Một lần Tuyết đã bắt gặp Thạch Lam trên chiếc giường của Nhất Linh. Thạch Lam đọc say mê những phác thảo của anh Tam. Thạch Lam mang nét trong trắng, hồn nhiên vô tư của những nụ cúc còn e ấp. Tuyết theo dõi kín đáo người thanh niên trẻ tài hoa, mà nàng biết, chỉ cần nhìn thoáng qua, chưa hề biết đến thân xác phụ nữ. Trên chiếc giường trải drap trắng tinh của anh Tam, Thạch Lam đọc miên man Đồi Mưa Gió. Lúc đó Tuyết đã bắt đầu có kinh nghiệm, mỗi khi người đọc say mê tiểu thuyết, cảm nhận vật, nàng có thể hoá thân trở thành người thật. Tuyết đã hiện ra dưới chân giường Nhất Linh mà Thạch Lam không trông thấy. Gương mặt anh mang nét xanh xao của những người ốm nặng. Tuyết có nghe anh Tam than Nguyễn Tường Lâm ho lao, nhưng chứng kiến tận mắt đôi môi khô khốc, tròng mắt vô vàng của tuổi trẻ khiến nàng nào lòng. Thạch Lam đọc chăm chú đoạn nàng ăn nằm với Chương. Tuyết bị ối anh giáo Chương nhưng cùng lúc cảm nhận ở Thạch Lam một đòi hỏi thân xác mà nàng biết, chưa hề toại nguyện. Tuyết đặt tay lên ống chân của Thạch Lam, ống chân thẳng, ốm, mà nàng biết đã đi khắp cùng ba mươi sáu phố phường. Tuyết vuốt ve Thạch Lam cho đến khi thân thể anh trở nên mạnh mẽ, gân guốc tuồng như Thạch Lam chưa bao giờ đau yếu. Lúc uống chất lỏng ấm trào ra từ thân thể người thanh niên, Tuyết có đôi chút mặc cảm phạm tội, nhưng Nhất Linh đã muốn nàng làm một con điểm thì trước nhất anh Tam phải chấp nhận nàng là một

con điểm của gia đình anh. Vị sữa của Thạch Lam khác với Hoàng Đạo, thơm hương bún chả Hàng Mành, xôi gấc Cẩm Chi, và ốc nóng Hàng Gai, tất cả hoà quyện tuồng mùi vị thức ăn. Thạch Lam mất đi, Tuyết chẳng bao giờ còn được nếm vị bún thanh cảnh của Hà Nội nữa.

Tiếng gió ào ào thổi lên mạnh mẽ, rõ ràng có một vật nặng trĩu đang rơi xuống nóc nhà thờ với sức hút nghiệt ngã của trọng lực. Gió mỗi lúc một thổi thốc, gào rú, kéo đập những tấm phên rên rỉ như nhà thờ có đám. Tuyết quyết định lên gác chuông để trông cho rõ những gì đang xảy ra trong pháo đài. Một ánh lửa đỏ loé qua ô cửa tò vò khiến nàng hốt hoảng. Tia chớp hực lửa nháng lên gương mặt đáng Chirst đang đau đớn vùng vẫy trên thập tự giá, nổi đớn đau kinh dị của thân xác bị đóng đinh. Nổi đau của Jésus Christ khiến Tuyết hãi hùng hệt chân. Các nấc thang gỗ cổ xưa vang những tiếng rên như giam hãm những linh hồn khấn khoảng van nài trên mỗi bậc thang càng làm nàng sợ hãi. Cha cố đã kể nhà thờ Cao Bằng xây bằng những viên gạch đã có từ lâu lắm, từ những thành lũy của Mạc Đăng Dung, mỗi thời gạch đều chứa mang âm hồn An Nam tắm máu chiến tranh và máu người. Tuyết cố gắng đi thật nhanh lên nóc chuông nhưng những bậc thang trơn trượt nhấp nhô rung chuyển tựa có những bàn tay vô hình cứ nắm chắc lấy cổ chân nàng. Tuyết bắt đầu trông rõ những cuồng lửa từ những đỉnh núi phía tây sông Hiêm đang bay đến nhà thờ. Tuyết linh tính chuyện gì đó sắp xảy đến, chắc chắn sắp xảy đến một chuyện gì như đã xảy đến cho nàng cách đây vài tuần khi trung úy De Lattre bước chân vào nhà thờ.

Tuyết đã nhận ra ngay viên sĩ quan sắp chết. Chỉ có

những người đàn ông sắp chết mới không còn một chút ham muốn tình dục nào trong ánh mắt. Chỉ có những người đàn ông sắp mệnh chung mới mang vẻ sầu thảm buồn rủ rượi và dương vật suy dinh dưỡng mềm lả như vậy. Sau lúc hốt hoảng, Tuyết đã giải bày cho Bernard De Lattre hiểu lá số tử vi An Nam còn phải đi kèm với tướng mạo, đức năng, chỉ tay và đức năng có thể thắng số. Các thầy An Nam không thể coi tướng Tây dựa trên chuẩn Á Đông, đo nhân trung Tây Phương bằng thước đo Trung Hoa. Tuyết chỉ không thể giải thích được những quẻ xăm kỳ lạ mang cùng một chủ giải, nhưng nàng thấy rõ đã giải thoát viên sĩ quan khỏi nỗi sợ hãi chết chóc. Thật sự Tuyết cũng không biết mình trúng hay sai và Bernard sẽ chết hay không, nàng chỉ biết cần phải giúp đỡ người thanh niên da trắng thoát khỏi cơn tuyệt vọng khốn quẫn. Buổi trưa đó, bằng kinh nghiệm của Đồi Mưa Gió, Tuyết giúp Bernard de Lattre tìm lại khả năng giao hợp mà nàng biết, với những người đàn ông trẻ đi tìm tình yêu thân xác lần đầu tiên, xóm thổ không phải là chốn thích hợp.

Lúc làm tình với trung úy De Lattre, Tuyết cảm thấy thật sung sướng, đã lâu nàng chưa làm tình với ai từ khi lên thị trấn Cao Bằng sống trong giáo đường hoang vắng. Nhưng Tuyết sung sướng hơn hết vì đã có một người khác, ngoài cha cố trông thấy nàng. Tuyết linh cảm kiếp đời mà giáo sĩ đem đến cho nàng, sẽ phong phú bất ngờ hơn rất nhiều kiếp đời cũ. Tuyết cũng khám phá đàn ông da trắng làm tình khác hẳn những gì nàng đã biết. Trước đây, Tuyết không hề cảm giác gì rõ rệt mỗi khi luyến ái với Chương, do Nhất Linh và Khái Hưng không miêu tả kỹ. Làm tình với Bernard, Tuyết thấy rõ người thanh niên,

dù chỉ mới lần đầu đã kiểm soát hơi thở của anh, đã chờ đợi chia sẻ thân xác của cả hai, tựa cả hai cùng chống một chiếc thang hai chân giữa khoảng không chơi vơi, cùng leo lên, cùng đợi nhau và cố nghiêng ngả kềm hãm bầu vú lẫn nhau để chiếc thang khỏi chao đảo ngã đổ, để cùng đi lên đến tận trời. Lần đầu tiên Tuyết nếm vị sữa đậm sệt như cặn rượu chát.

Vị sữa của Bernard khác hẳn vị sữa của cha cố. Một hôm mang thức ăn vào phòng giáo sĩ, Tuyết nhận ra áo chùng dù được giặt ủi thơm tho đã bắt đầu khăm. Từ hôm Tuyết bước chân ra khỏi Đồi Mưa Gió, đức cha đã vui hơn, chứng bệnh buồn chín thối ruột gan đã thuyên giảm, nhưng chưa dứt hẳn, nước vàng vẫn chảy ra ở dương vật. Những lần phụ Alexandre phiên dịch tiểu thuyết, Tuyết cảm ở giáo sĩ một ước muốn thâm kín mà ông không thể nói ra, không thể viết thành lời, không thể diễn tả cách nào khác ngoài dịch tằm tấp trên các trang giấy những điều văn chương diễn tả mạch lạc, những điều mà anh Du đã nói với Tuyết rất nhiều lần. Chúc năng của một nhân vật nữ ngoài hấp dẫn bạn đọc, còn phải thoả mãn ẩn ức sinh lý của tác giả. Những lúc đó, cha cố chỉ dám ngừng lên nhìn Tuyết lén lút, lâu lâu kêu *Blời ơi*, rồi lại ngã vật xuống đất ngất xỉu. Những lúc đó, Tuyết cố gắng đỡ đức cha lên giường, bôi dầu con hổ, đánh gió và xoa bóp cho ông, cho máu huyết chảy đều lại, mặc dầu chính nàng cũng tự hỏi không biết trong xác chết cha cố còn giọt máu nào không nữa. Những lúc Alexandre de Rhodes bất tỉnh, Tuyết khám phá điều kỳ lạ, bàn tay nàng xoa nắn đến đâu da dẻ ông căng trở lại, từ vết nhăn ba trăm năm đến nếp thịt búng nhão nhoẹt cứ ngón tay nàng chạm vào vệt

thăng ra, săn chắc, cứng cáp, cả vẻ mặt cha cố cũng trẻ ra cho đến khi ông trở thành một thanh niên cao lớn không còn khòm lưng nhưng mang vẻ đẹp quyến rũ của hiệp sĩ Thập Tự thời xa xưa. Cả mái tóc rử bạc trắng xoá của giáo sĩ, chỉ cần Tuyết vuốt lên trở thành óng ánh sắc vàng tươi lấp lánh kỳ lạ. Nhưng tất cả trẻ trung đó suy giảm dần trong ngày, đến chiều tối trở nên già nua cũ kỹ và nhăn nheo của một ông lão đã chết lâu. Cứ thế mỗi tối, Tuyết xoa bóp tắm quất cho cha cố trở lại cường tráng trong 24 tiếng, cho đến một đêm, Tuyết quyết định chữa dứt di căn của chứng bệnh thối ruột gan, như nàng đã chữa cho trung úy De Lattre. Tuyết mút dương vật cha cố, hút hết các chất lỏng vàng hôi thối rồi nhỏ xuống chậu gốm, cho đến khi chậu gốm đầy ắp phải đem đổ ở gốc sừa. Mỗi tối Alexandre de Rhodes rên la vì thân thể ông căn phòng lên đến mức áo chùng rách bươm, và mỗi khi Tuyết mút quá mạnh, bụng giáo sĩ teo tóp hẳn lại tựa tất cả ruột gan đều trôi vào miệng nàng. Tuyết cũng xấu hổ, biết nàng làm chuyện dơ bẩn, thiếu kính trọng, thiếu đạo đức của một con chiên, nhưng Tuyết quyết tâm chữa cho bằng hết chứng cô buồn giáo sĩ. Nhất Linh đã bắt nàng làm một con điểm không nhân cách, nhưng Tuyết vẫn là một người đàn bà giàu tình thương, lòng trắc ẩn. Tuyết muốn trả ân nghĩa đã thọ ơn cha cố. Mỗi tối nàng miệt mài hút hết chất nước vàng cho đến một đêm chất lỏng trở nên trắng ăm thom mùi lúa mạch nhuyễn bột như vị bánh thánh Alexandre de Rhodes vẫn cho nàng ngậm mỗi sáng chủ nhật rước lễ trong nhà nguyện. Kể từ sau đêm ấy, giáo sĩ hoàn toàn khỏi bệnh, ông trở nên khoẻ mạnh và trẻ măng như một vị linh mục vừa tốt nghiệp trường thần học.

Về sau khi thành thân trong âm thầm lén lút với cha cố, Tuyết vẫn không quên tiếng chuông kinh hoảng của buổi sáng đó. Buổi sáng có những gào la thống thiết trầm thống của gió và tiếng chuông co giật từng cơn tựa các quả chuông phát khùng đánh loạn lẫn nhau. Tiếng chuông nhúc nhối tuông những bài kinh La ngữ hỗn độn. Tiếng chuông ma quái khiến người nghe ý thức rõ rệt cuộc đời mình trước và sau đó. Trước, Tuyết có một quá khứ tiểu thuyết An Nam, sau, nàng trở thành một nhân vật lấy Tây và không còn gì giống như trước nữa.

Tất cả xảy đến khi Tuyết bước chân lên bậc thang chót, những quầng lửa bay đến sát nhà thờ đến nỗi nóc chuông đỏ như được thắp sáng nển. Tuyết cất tiếng gọi *Alex*? nhưng chỉ có tiếng gió bật tiếng kêu của chính nàng rơi vỡ vụn trên các nấc thang. Chính lúc đó Tuyết nghe thấy tiếng chuông giống từng cơn, rữ từng hồi điên dại làm như các quả chuông vụt lên cơn động kinh và đánh vào nhau liên hồi. Tiếng chuông ray rứt, phạm tội, đẩy kinh động, đặc biệt vang vọng sám hối của con người trước thượng đế. Tuyết lấy hết can đảm bước qua ngạch đá. Quang cảnh diễn ra hải hùng như quang cảnh ở địa ngục. Các quầng lửa gào xé chung quanh vòm mái, các tia lửa bắn xẹt vung vãi cháy rơi rớt gió thổi tốc lên từng làn tro thiêu đốt các tấm rèm nhung đang oằn xém. Lẩn trong khói than mù mịt bên dưới quả chuông chao đảo là thân thể trần truồng của Alexandre de Rhodes đang trì kéo sợi dây thừng.

- Blời ơi! Tận thế rồi!

Alexandre kêu lên tuyệt vọng. Tiếng chuông xô đẩy inh ỏi tựa muốn đập vỡ nhà thờ, rạn nứt các vách đá. Tuyết

trông thấy rõ Alexandre không còn kiểm soát nổi đôi tay của anh, lúc này đang treo níu vào dây chuông từng lúc nhấc bổng đồng đưa rồi thả xuống kéo lê liên tục. Không khí nồng nặc mùi thiên tai, thứ mùi khét mà Tuyết ngửi ra ngay tức khắc ở làn hương đầu tiên. Tuyết lao đến ôm Alexandre cố kéo anh thoát khỏi cơn động kinh của quả chuông. Lúc ôm vòng lấy lưng, dù kinh hãi, Tuyết vẫn kịp nhận ra nàng đang ôm xương thịt tươi rói đã lấp đầy vong hồn giáo sĩ.

Đó là buổi sáng mà tất cả mọi giáo dân sinh sống trong pháo đài đều bị đánh thức bởi tiếng chuông tận thế đổ dồn âm ĩ từ nhà thờ chính toà Cao Bằng. Cũng là buổi sáng mở màn chiến dịch đường biên giới. Nhưng ít ai lúc đó có khả năng lường tượng hậu quả của trận đánh, tất cả chỉ thức giấc trong kinh sợ của tiếng chuông gọi hồn. Đó là buổi sáng tin Đồng Khê thất thủ réo về thị trấn như một lời nguyện.

*

Thật ra tin căn cứ Đồng Khê với hai đại đội tán binh Maroc, một đại đội thân binh An Nam, tăng cường đại đội Lê Dương của trung úy Bernard de Lattre bị tràn ngập đã bay về bộ chỉ huy pháo đài từ chiều hôm trước. Suốt đêm, các sĩ quan tham mưu của trung đoàn 3 Lê Dương sừng sốt chứng kiến một cảnh tượng lạ lẫm. Các áng mây đen ở đầu cú trời đùn vào bộ chỉ huy, mỗi lúc một nhiều, theo cường độ của các bản tin hấp hối đánh đi từ Đồng Khê. Đến chiều tối trở thành cơn mưa bão gió gào, sấm chớp liên tục. Đại tá Antoine Marie Pierre Charton, lãnh chúa Cao Bằng, tư lệnh trung đoàn ngồi chết lặng dưới cơn giông mỗi lúc một lớn. Sấm sét mây đen vùn vùn với những tia chớp loé

không ngừng trút nước từ trần bê tông kiên cố dầy năm thước của căn hầm chỉ huy chôn chìm sâu dưới lòng đất. Charton ngồi bất động dưới cơn mưa tầm tã trước phóng đồ hành quân. Guong mặt ông biến dạng móp méo thay đổi từng lúc trước các báo cáo tự động sang trang, lật mở từng phúc trình tối tăm mà không một ai đụng đến. Suốt đêm viên đại tá chứng kiến những hiện tượng quái dị. Vong các sĩ quan tử trận Đồng Khê cứ lần lượt lê lét hiện về, trình diện cấp bậc, đưa bảng trận liệt khai báo quân số tử vong, mất tích, rồi đưa giấy khai tử chờ ký nhận tử tuất. Bàn làm việc của đại tá Charton bê bết máu, làm như tất cả thương vong ở Đồng Khê đều đã xảy ra trên bàn đồ tham mưu. Có lúc viên đại tá cũng bất ngờ trông thấy cố thống chế Ney, tư lệnh khu biên thủy đông bắc từ Lạng Sơn cũng hiện ra từng lúc, bất chợt hồi thúc phản kích rồi đột ngột biến mất. Tự trong thâm tâm Charton không phục Ney, mặc dù viên thống chế đã tham dự các trận đánh lấy lòng Iéna, Austerlitz bên cạnh hoàng đế Napoléon đệ nhất. Nhưng Ney không sao hiểu cách chuyển quân như sóng rừng của sư đoàn 308, không còn di chuyển đội hình ô vuông ban ngày, và Ney cũng không hiểu những quy ước chiến tranh do vong hồn Karl Von Clausewitz đang tiếp tục giảng dạy tại các trường đại học quân sự Tây Phương đã không còn được Việt Minh tuân thủ. Charton tin chỉ một mình ông khám phá ra chiến thuật Việt Minh. Lối đánh Phật giáo, chết đi sống lại luân hồi liên tục, khiến với quân số không tăng viện, trung đoàn Thủ Đô vẫn có thể xung phong biển người, hết lớp này đến lớp khác, mà các đại liên Bren, Browning, Hotchkiss bốn nòng không thể chặn đứng. Bộ đội Việt Minh không thể tử vong.

Guong mặt Charton tím tái. Các sĩ quan ban 3 có cảm giác mây đen đang bốc từ đầu ông, cả những lần chớp sấm sét cũng nháng lên từ nỗi giận dữ phần uất bèn trong mình ông. Chỉ cơn mưa lạnh lẽo trút nước chảy ra từ nỗi sợ hãi vãi dãi mà viên đại tá cố dấu, nhưng không sao kềm hãm. Đồng Khê là cánh cửa cuối cùng trước Cao Bằng. Chiếm Đồng Khê, Việt Minh chặt nốt cánh tay nối Lạng Sơn biến pháo đài thành tên khổng lồ trần trụi chỉ còn tro chiếc đầu nhô lên khỏi mặt đất đợi chém. Chưa bao giờ Charton cảm thấy ngày tận thế gần gũi, kề cận. Phòng nhì buổi chiều báo cáo, có tin Jésus Christ sống lại ở Đồng Đăng, điều đó có nghĩa ngày phán xét cuối cùng sắp xảy đến. Viên đại tá chết cứng dưới cơn mưa bão, ông cố nhớ xem mình có phạm tội lỗi gì với các sắc tộc thiểu số Mường, Mán, Nùng, Thổ, nhưng ông không sao cử động nhúc nhích tay chân hay ban một mệnh lệnh nào, cho đến lúc nước mưa dâng từ từ ngập đến gối, quá thất lung, rồi dâng kín trần hầm đến mức các sĩ quan tham mưu phải thở bằng ống hút rồi dùng bình dưỡng khí dành riêng cho biệt kích thủy. Chỉ đến tảng sáng, khi thiếu tá Forget tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn III/ 3è REI bắt ngờ xuống hầm chỉ huy xin lệnh, mở cửa khiến nước thoát ra ngoài giải cứu tất cả, cùng lúc đem theo những ráng hồng rạng rỡ đầu tiên của ngày, đại tá Charton mới bừng tỉnh. Đã từ lâu, theo thói quen trong chiến tranh Đông Dương, đêm thuộc về Satan, ngày thuộc về thượng đế, và thượng đế đứng về phía quân đoàn viễn chinh.

Antoine Marie Pierre Charton lấy lại tinh thần, ông quyết định phản kích tái chiếm Đồng Khê bằng tiểu đoàn Trần Vong của cố thiếu tá Henry Rivière, sĩ quan tham

niên kinh nghiệm trận mạc và nổi tiếng can trường. Chính lúc đó, khi bước chân ra khỏi hầm, vất bộ quân phục còn ướt mưa và khẳm nước tiểu, đại tá Charton đã bàng hoàng nghe thấy tiếng chuông lanh lảnh buốt sắc đổ thốc tháo từ nhà thờ Cao Bằng. Tiếng chuông lanh léo gọi hồn của địa ngục mà Charton biết dành riêng cho linh hồn ông. Lúc đó xảy ra một hiện tượng kỳ quái. Linh hồn đại tá Charton quá sợ hãi đã xuất ra khỏi xác chạy trốn tìm chỗ trú ẩn dưới hầm trú pháo. Các sĩ quan tham mưu đã phải rượt theo bắt lại và vất vả nhấn linh hồn viên đại tá trở vào trong thân xác của chính ông. Phải mất nhiều phút đại tá Charton mới hoàn hồn và lấy lại phong thái chỉ huy. Buổi sáng đó, nhật ký hành quân trung đoàn ghi rõ, tin thất thủ Đồng Khê bay về pháo đài khiến bộ chỉ huy trung đoàn hoàn toàn tê liệt, ngệt thờ. Cũng buổi sáng đó, Vương Thừa Vũ, tư lệnh sư đoàn 308 đã điện lên tổng bộ Việt Minh tin chiến thắng: Đại Đoàn Quân

Tiên Phong giáng những đòn sấm sét vào Đồng Khê khiến sĩ quan Pháp mất hồn. Đó là sáng 30 tháng 5, ba ngày sau trận Đồng Khê khai diễn. Cũng là buổi sáng tin đăng Christ xuất hiện ở Đồng Đăng được kiểm chứng.

*

Louise Marie de Bourbon là người đàn bà thứ hai trong pháo đài nghe thấy tiếng chuông nhà thờ. Ngay tiếng chuông đầu tiên, di phúc đã biết đó là tiếng chuông ma quỷ. Tiếng chuông mệnh mang đánh đi thật xa vang vọng đến mất hút rồi trở về co giật dạ con từng con của một cổ tử cung nào đó đang co thắt sinh nở. Tiếng chuông nức nở tựa tiếng khóc, đôi lúc gấp rút hối hả liên tục rồi chùng lại bất ngờ thành khoảng trống âm u. Giữa hai khoảng

chuông chen tiếng rên la quái dị, nửa đau đớn, vừa thích thú khoái lạc của sự sống đang dấy dựa tựa quây trong tử cung một người đàn bà. Louise choàng ra khỏi giấc ngủ ác mộng. Dì phước cũng không hiểu vì đâu dì đã nghe ra trong tiếng chuông những hình ảnh quái thai ghê rợn. Tối qua, cho đến trước tiếng chuông, Louise đã chiêm bao thật đẹp. Hình ảnh đáng Christ hiển linh trở về đứng trước đầu giường thật đến nỗi Louise tưởng chừng chỉ cần đưa tay ra, nàng có thể chạm vào thân thể còn in vết gai, lỗ chỗ vết giáo đâm xuyên hông. Ánh mắt Jésus buồn rười rượi, nỗi buồn nén lặng mà dì phước đã có lần trông thấy trong đôi mắt cha cố, thứ nỗi buồn tê tái, chín đại ruột gan không thành lời. Louise tỉnh giấc khi hình ảnh đáng Christ vỡ vụn bởi tiếng chuông. Tất cả thân thể Jésus tan rã trong tiếng ngân nga, làm như quả chuông đánh vào đầu, mình thánh chúa vỡ tan đến đó. Louise vã mồ hôi. Đã lâu Cao Bằng không có những trận nóng sáng hầm hơi thiêu đốt. Đã lâu Louise không có những giấc ngủ khắc khoải ham muốn thâm kín. Từ rất lâu nàng không còn trông thấy lại cảnh Jésus Christ đứng ở đầu giường mình đưa tay giắt đưa vào cuộc đời nữ tu buồn chán. Lúc còn thiếu nữ, Louise đã trông thấy đáng Christ thường xuyên, sáng ngời hào quang, hằng đêm đón đưa, đều đặn mỗi tối, đến nỗi nàng không cần có bạn trai, chỉ cần đợi đến khuya, Jésus hiện ra và nàng có thể tâm sự với Chúa đầu đêm.

Những ngày trước tiếng chuông, ở Cao Bằng, có tin đồn Jésus Christ sống lại. Tin đồn vang rân khiến dì phước hoang mang, đến nỗi dì Louise phải xuống sở mật thám Pháp hỏi cho ra lẽ. Chính cố đại úy De La Marek, chánh phòng nhì Cao Bằng, viên sĩ quan đã từng si mê đeo

đuổi đi phước suốt mấy năm, đã đưa cho Louise xem các phiếu tối mật ghi chép cùng một sự kiện. Từ hôm Đồng Khê bị vây, giáo dân sinh sống dọc đường số 4 trông thấy một người đàn ông Trung Đông tóc vàng đứng đón xe ở ngã ba Đồng Đăng. Người đàn ông thuộc chủng tộc Do Thái, mặc áo sô, đội mũ gai, có mái tóc dài toả chiếu tất cả nắng của buổi chiều. Mái tóc vàng kim óng ánh phát ánh sáng thay mặt trời và trong đôi mắt xanh chứa chan bình an của sự vật, mỗi khi nhìn về hướng nào, tất cả chim muông từ muôn phía bay xuyên suốt cây rừng về đậu nơi hướng ấy. Cả những quả mìn đập mìn cũng bật kíp lẫn đến cạnh bầy chim vô hại. Các xóm đạo đã thay nhau đem thức ăn đặt dưới chân, nhưng trái cây không hề vơi, chỉ nhiều thêm và cũng không hề uá. Người đàn ông kiên nhẫn đợi xe dưới mưa suốt nhiều ngày mặc dù đường thuộc địa số 4 bị Việt Minh chốt chặn tất nghẽn không còn xe qua lại. Đến ngày thứ sáu, người đàn ông tóc vàng trạc ba mươi ba tuổi, đã khiến mưa bão chấm dứt bằng cách xua tan những cuộn mây đen. Nền trời trở nên trong vắt, xanh biển, cho phép các khu trục cơ P-39 King Cobra từ Hà Nội lên đánh bom giải toả áp lực Việt Minh. Ngày thứ bảy, người đàn ông áo trắng lên chuyển quân xa của binh đoàn tác chiến Le Page với bốn tiểu đoàn Tabors từ Lạng Sơn, vượt Kỳ Lừa đánh lên giải vây cho Đồng Khê. Binh đoàn Le Page bị chặn đánh ở Thất Khê, không một tiểu đoàn nào qua lọt đèo Lũng Phài. Điều kỳ quặc chiếc GMC bị phục kích tan nát ở khúc Nguồn Kim, xác tài xế và binh lính Maroc ngổ ngang nhưng vẫn tiếp tục chạy xuyên rừng núi cho đến tận Cao Bằng. Quân cảnh Lê Dương tìm thấy xác chiếc quân xa vất ở trước cửa chợ lồng thị xã với bốn bánh xe

cháy đen đui, còn bốc khói, nhưng không một dấu vết nào của đấng Kitô.

Louise tin chắc Jésus đã đến Cao Bằng. Không phải ngẫu nhiên đấng Christ xuống thế gian làm người cứu chuộc nhân loại lần nữa giữa lúc pháo đài bị vây hãm và Việt Minh sắp tổng tấn công. Bằng bản năng nữ tu, Louise tin tưởng trong sâu kín, việc đấng Christ sống dậy liên quan mật thiết đến tiếng chuông ma quỷ của nhà thờ. Những ngày gần đây, dì phước không còn nhận ra cha cố, giáo sĩ đã thay đổi hoàn toàn, từ phục sức thanh lịch thom tho, dáng dấp trẻ trung tươi mát, đến nụ cười thường khi héo hắt của đức cha cũng trở nên nồng thắm làm như có dính vết son môi. Giống có kẻ nào khác đội lột cha cố, chỉ có thể là Satan, đã ngụ trị nhà thờ. Hôm đến thăm cha De Rhodes, Louise đã lạ lẫm nhìn tượng Đức Mẹ sáng lóng lánh được chùi rửa son phết cẩn thận, và đặc biệt có ai đã tỉ mỉ trang điểm cô dâu cho gương mặt đức mẹ Maria bình thường không son phấn. Giác quan thứ sáu khiến Louise linh tính có sự hiện diện của một người đàn bà nào đó sinh sống trong nhà thờ mà cố đạo che giấu. Chỉ cần ngửi thoảng rèm nhung, dì phước cũng có thể đoán được mùi nước hoa đi thỏa của một phụ nữ quyến rũ vừa bước qua, chưa khuất, còn đâu đó.

Tiếng chuông vẫn đổ từng cơn khủng hoảng trộn lẫn những rên la gằn như tiếng kêu đau trào mật của sản phụ đang sinh nở. Tiếng chuông bầu chặt tường chùng có thể rút từng đường gân dưới chân tóc. Louise bước nhanh ra khỏi giường. Dì phước mặc vội áo tu, lúc đội khăn, không hiểu do đâu dì Louise nhìn ngắm mình kỹ hơn trong gương, mái tóc hung óng mượt cô bé Louise

Marie đã cắt đi ngày quyết định bước chân vào sống vĩnh viễn giữa bốn bức tường đá đã mọc dài trở lại. Hai tháng nay, từ lúc các cô gái Mèo, sau khi làm tình với trung úy De Lattre nôn mửa rồi thụ thai, di phước không ngớt phải đi thăm thai đến không còn thì giờ cắt tóc. Mái tóc hung óng lượn trong gương khiến Louise vụt thấy mình trẻ lại, còn nguyên vẹn thể xác xinh đẹp của thời con gái. Đã biết bao lần, Louise nhìn lên tượng Chúa tự hỏi tại sao? Và cũng biết bao lần ngẩng đầu nhìn ngắm đấng Christ dang hai tay trong nỗi đón đầu cùng cực của thân xác, Louise đều bằng lòng với chọn lựa của chính mình. Trong sâu thẳm, di phước yêu xót xa người đàn ông có gương mặt rất lạnh cùng khô ngoắt tú chịu thương khó, cùng trong sâu kín tận đáy linh hồn, Louise không bao giờ quên cách nắm tay thân mật ấm áp, dịu dặt yêu thương, nhẹ nhàng của Jésus khi bước chân vào phòng nàng hằng đêm thiết tha, khẩn nài nàng hiến dâng cho Chúa. Ngày đó, cô bé Louise Marie ngây thơ đã xiêu lòng cắt đi mái tóc hung như một thể ước.

Tiếng kêu rú kinh hãi của mẹ bẻ trên vang lên từ trong vách tường khiến Louise hốt hoảng dậm bở sang phòng bên. Di phước sững sốt trước cảnh mẹ Thérèse đã trăm tuổi, bán thân bất toại, không còn đi đứng được đã có thể tự mình rời ghế lăn chui xuống gầm giường trốn tránh. Lúc di phước cúi xuống, mẹ Thérèse chấp hai tay van vái những kẻ nào đó vụt thoáng hiện về trong trí não đã cũ kỹ, tưởng chừng đã tắt lịm chỉ còn ánh lên chút tinh anh từng lúc, từng chập mỗi khi Louise dứt sữa cho mẹ ở mỗi bữa ăn. Chỉ trong giây khắc, di phước nhận ra chính tiếng chuông quý ám đã xô đẩy mẹ bẻ trên vào tình trạng hỗn

loạn tâm thần. Chính tiếng chuông ma quái đã đánh thức những hình ảnh loã lồ cách đây tám mươi năm khi mẹ bề trên hãy còn là nữ truyền giáo thơ ngây cùng bước chân xuống chiến hạm l'Espingole với hải quân đại úy Francis Garnier và cùng rơi vào ổ phục kích của quân Cờ Đen dưới chân Ô Cầu Giấy. Mẹ Thérèse trong những phút tinh táo hiểm hoi thường kể lại cảnh đại úy Garnier bị chém đứt đầu, cắt đứt hai bàn tay bày trên lòng đường trong lúc nữ truyền giáo trẻ bị Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ Đen bắt về hang động Hạ Long thay nhau hãm hiếp suốt chín ngày chín đêm, cho đến lúc đám giặc không còn sức ngắt xỉu, và cô truyền giáo Thérèse đã trốn thoát đi bộ một trăm hai mươi cây số về đến Ô Quan Chưởng tá túc nhà lái buôn Jean Dupuis. Chính mẹ Thérèse cũng không hiểu làm sao mẹ đã có sức khoẻ để chịu đựng ngần ấy giấc Cờ Đen, rồi đi bộ một mình không ăn uống, không ngơi nghỉ. Chỉ có thể giải thích nhờ đàn ông Á châu nhỏ người yếu sức, nhưng mẹ Thérèse vẫn tin tưởng chính nhờ ơn trên đã thêm sức cho mẹ đủ nghị lực vượt thoát. Chính niềm tin vào đấng tối cao đã khiến mẹ quyết tâm tu ở dòng Carmen cho đến ngày được giáo hội La Mã điều lên Cao Bằng rồi già nua bệnh tật.

Di Louise cúi khom cổ lôi mẹ ra khỏi gậm giường.

- Em dậy anh Phúc!

Mẹ Thérèse rên lên, không ngớt lập đi lập lại tên của người đàn ông da vàng thô bạo, nổi ám ảnh kinh hoàng của mọi kiều dân Pháp. Lưu Vĩnh Phúc, kẻ đã chém chết thiếu tá Rivière và đại úy Garnier mà Louise vẫn thường nghe nhắc. Không hiểu vì đâu, lúc đó, những hình ảnh vui dập xâu xé hãm hiếp tập thể đang diễn ra trong đôi mắt

kiếp hải của mẹ Thérèse bình thường mù loà không còn ánh sáng, đã khiến dì phước vụt đỏ mặt. Louise vội vã bế mẹ lên ghế, đắp chăn bông, lấy khăn thấm nước mát đắp lên mặt, cố dỗ giấc cho mẹ thiu thiu ngủ trôi vào khoảng không hư vô, không thời gian, không tương lai, không thực tại.

Louise bước ra khỏi chủng viện khi trời hùng đông.

*

Đó là buổi sáng Alexandre Lucien Abel de Rhodes chép trong nhật ký ba chữ La Tinh *Aléa Jacta Est!* mang nghĩa định mệnh đã an bài mà những ai tham khảo thư khố toà thánh La Mã về sau, hãy còn nhận ra nét chữ thảo tài hoa, rần rỏi vừa bay bướm của giáo sĩ. Nhật ký Hành Trình Truyền Giáo của De Rhodes sau này được xuất bản, chỉ bao gồm ba phần Goa, Xứ Đàng Trong và Xứ Đàng Ngoài, khởi đi từ năm 1619 khi ông gặp thiếu nữ có mái tóc đen và chấm dứt lúc ông rời An Nam vĩnh viễn. Những đoạn sau khi chết, chiếm 4/5 tập nhật ký, đặc biệt thời gian ở Cao Bằng hoàn toàn bị hội Thừa Sai dập xoá. Trong bản gốc, số đăng ký quốc hội Vatican, các chương ghi lại đời sống vợ chồng với Tuyết, chỉ còn mỗi ba chữ *Aléa Jacta Est*, các ký tự khác đều bị thuốc tẩy giặt trắng xoá loang lổ ố vàng. Những chữ li ti, chi chít, khi mất khi hiện, gần như được viết trên bụi mà nửa thế kỷ sau, chỉ những nhà văn am tường kỹ thuật hiện thực huyền ảo mới còn có thể chú giải.

Nhưng buổi sáng đó, Alexandre de Rhodes đã viết tăm tắp trong nhật ký, những sự kiện dồn dập xảy đến trong kiếp ma của kiếp đời ông. Từ ngày thiếu nữ thành Goa xuất hiện, đầy rẫy những hiện tượng mà De Rhodes

không sao có thể giải thích. Từ những cánh buồm trắng Y Pha Nho lộng gió của các chiến thuyền cổ xưa trí sùng đại bác đồng đen, không biết ở đâu trôi đến, thả neo ven sông Hiếm mỗi khi giáo sĩ xuống các xóm chài giảng kinh, đến những lần ra nhà sách Tôn Thọ Tường châu chực đợi thu tiền sách, dù các chủ hiệu sách sau khi khấu trừ 50% hoa hồng vẫn ít khi sòng phẳng, De Rhodes đã rất ngạc nhiên chứng kiến cảnh những đoàn kỵ sĩ mũ nổi thập tự giá, rầm rập phi nước kiệu ngang qua phố chính thị xã. Tiếng hò reo của lũ trẻ An Nam vang dậy theo tiếng vó ngựa thập tự chinh vang lừng xuyên suốt khắp pháo đài đến nổi, lính Lê Dương ở các trạm gác cũng ngỡ đã có quân viện từ chính quốc. Rất đông các sĩ quan Pháp đã tin tưởng lũ đoàn kỵ binh giáp sắt sẽ xuất hiện chống trả Việt Minh ngày Cao Bằng bị tấn công, chỉ cần cha cố rao giảng phúc âm ở tuyến đầu. Hiếm ai lúc đó không tin tưởng vào nhà thờ, như niềm tin chiến thắng cuối cùng.

Giáo sĩ cũng ghi chép cẩn thận giai đoạn ông gặp khủng hoảng, khi thiếu nữ thành Goa chưa bước chân ra khỏi cuốn tiểu thuyết An Nam. Thú khủng hoảng oan nghiệt của một oan hồn, ngày cũng như đêm chui rúc trong các xó hốc, cho đến một hôm, quá tuyệt vọng ông đã treo cổ tự tử dưới đà ngang nhà thờ. Cha cố đã đau đớn dầy dụa oằn oại hàng giờ, đã trông thấy chiếc lưới của ông dài ngoằn đến gối, đã đau đớn phạm điều răn đức chúa trời, nhưng ông không chết được. Sáng đó, dì Louise vào lễ, dâng hoa, đã hốt hoảng ngất xỉu trông thấy giáo sĩ treo cổ dưới tượng Chúa mặt mũi tím bầm và ruột phân lòng thông trên đất. Đại tá Charton đã phải cho lính bắt thang lên cắt dây thừng đỡ ông xuống, những lúc đó giáo

sĩ ê chề xấu hổ và mang trong mình nỗi bất lực oan khiên của bóng ma. Sự sống không còn, cái chết chưa hết, nhưng con người không có một chút quyền tự do định đoạt phần số của chính mình, tất cả tùy thuộc thượng đế.

Cứ thế, cha cố ghi chép miên man, chỉ cần ông nhiều một giọt mực, chữ sẽ đen đặc. Trong suốt nhật ký, trừ chương thành vợ chồng với Tuyết, mà giáo sĩ luôn đỏ mặt ngượng ngịu ít dám đọc lại, cha cố hài lòng hơn hết những chương đầu tiên khi ông mới đặt chân đến An Nam, còn mang trong mình sứ mệnh thiêng liêng cùng đức tin sáng thế kỷ.

Khi đến Gia Định lần đầu tiên, De Rhodes đã biết ông đặt chân tới một vùng đất kỳ bí. Hơi nóng ngùn ngụt như thiêu, đốt liên tục suốt ngày sắc xanh hực gai góc của những cánh rừng trùng điệp ngút ngàn mà dù đứng xa ông vẫn nghe thấy tiếng trò chuyện râm ran của vạn vật. Tất cả thanh âm An Nam bật lên dưới nắng sức sống mãnh liệt hùng hực hất dội lửa dâng lên khắp mặt đất, không chỗ nào không có tiếng nói, ngợp bóng người, nhu thể mỗi người đàn ông An Nam là một cây chuối xanh biết đi đứng, mỗi người đàn bà An Nam là một buồng chuối xum xuê quả. Mãi sau nhiều ngày De Rhodes mới hiểu do người An Nam chết yếu, chết sớm quá nhiều nên phải tận lực sinh sản. Và lý do tử tuất cao lẫn tiếng động không ngớt âm ỉ, không ngơi nghỉ, từ sáng đến trưa, suốt chiều, đêm khuya cho đến thâu đêm, phát sinh ở thảm kịch sắc tộc Kinh thiếu chữ viết để ghi nhớ những chuyện cần nhớ. Tất cả dân bản xứ đều phải kể chuyện huyền thuyên, nói thật to, bất kể người đang ngủ cần yên tĩnh, để những điều cần nhớ được lập đi lập lại không dứt và truyền bá rộng rãi, cho phép

những người đã quên có thể nhớ lại, và lưu truyền cho con cháu. Đến mức nhiều gia trưởng lập đi lập lại lời trần trối của tổ tiên cho đến khi tắt hơi qua đời, và kẻ thừa kế được dòng họ nuôi nấng chỉ để học thuộc bí kiếp gia truyền và lảm nhảm trả bài trước bàn thờ cho đến lúc kiệt sức và cứ thế con cháu thay nhau lập lại một suy nghĩ đã có từ nhiều ngàn năm trước. Đến nỗi trong buổi giảng đầu, De Rhodes không sao truyền bá thánh kinh, vì những kẻ tò mò đến xem, không ngớt lập lại những điều gia đình căn dặn, để đừng quên, sau khi tan lễ phải ra chợ mua bao nhiêu lạng hành tỏi, gà, rau, đậu, mắm, và ghé đến nhà ai mời giỗ, thu họ, đóng hụi chết, bao nhiêu râu tiền kẽm, khiến buổi ra mắt sách Cựu Ước thứ nhất của De Rhodes ồn ào như một chợ cá. Chính lúc đó De Rhodes quyết định ký âm thứ ngôn ngữ kỳ lạ lạnh lót như tiếng họa mi riu rít, với mục đích giúp dân bản xứ có thể ghi chép những điều thường nhật cần nhớ, sẽ rảnh rỗi im lặng hơn khi nghe giảng kinh, và đặc biệt thôi lập lại những điều Thiên Từ ban truyền ngăn cấm giáo hội. Chỉ một thời gian ngắn, giáo sĩ nhận ra ông đã thành công. Từ khi có chữ viết, số tử vong vì kiệt sức giảm hẳn, sắc tộc Kinh thông tin cho nhau dễ dàng việc đồng áng, lúa gạo nhiều hơn, khiến thanh niên An Nam lớn nhanh như thổi, cao đến đầu gối, rồi đến bụng, cuối cùng đứng ngang tầm ngực ông, nhưng ngưng ở đó, vì dân bản xứ có truyền thống ăn rau sống với bánh trắng cuốn ruối nặng chắm nước dòi, đưa đến bệnh tiêu chảy triền miên làm teo tọt thân thể. Chính các Chúa Nguyễn thời đó cũng không sao ngăn cấm được thứ chữ do De Rhodes ký âm, vì rất ít ai đọc được các sắc chỉ dụ viết bằng tiếng Trung Hoa, nên không hiểu các Chúa muốn gì.

De Rhodes cũng khám phá, sức mạnh của sắc tộc Kinh nằm trong những đứa trẻ, đông đúc chiếm hai phần ba dân số, một phần do những cụ già yếu thọ, một phần do phụ nữ An Nam mắn đẻ, chỉ cần ăn hơn một rổ khế chua đã có thể thụ thai. De Rhodes luôn luôn ngạc nhiên trước những đứa trẻ cực kỳ thông minh, linh hoạt, sinh động và gần như không bao giờ già đi, chỉ chết non vì chiến tranh. Giáo sĩ nhớ rõ, ông đã gặp một cậu bé khôi ngô, chỉ trong một tuần lễ đã dạy ông cách phát âm của mọi miền đất An Nam với tất cả thanh sắc. Cậu bé thông thạo mọi thứ, biết hết mọi chuyện, từ cách đổi tiền quan ra tiền kẽm, lãi thấp, đến cách thuê trâu giúp ông di chuyển, đến mọi thứ trái cây, đồ tể nhuyễn bản xứ. Chỉ trong một đêm cậu bé đọc vanh vách kê khai tất cả mọi món ngon vật lạ ở An Nam, và tuyên bố đã ghi chép trong hai cuốn sách do chính cậu viết. Điều kỳ lạ, thiếu niên không biết tiếng Pháp, nhưng hiểu hết những điều giáo sĩ nói, chỉ qua cử động của đôi môi. Chính De Rhodes cũng đã tiếp thu toàn bộ văn hoá An Nam qua những điều thiếu niên kể. Mãi sau, khi rời Gia Định lên Quy Nhơn, rồi ra Kẻ Chợ, giáo sĩ mới biết thiếu niên tên chữ Lê Quý Đôn, về sau chết trong trận giặc sông Gianh rồi đầu thai theo quốc giáo, và cho xuất bản hai bộ sách Phủ Biên Tạp Lục cùng Văn Đài Loại Ngữ.

Alexandre de Rhodes buông bút. Tiếng gió hú lê thê trong cầu thang tròn ốc xoáy gọi những tiếng kêu lạnh lẽo khiến giáo sĩ ngẩng lên. Căn hầm đá bất chợt lạnh căm căm. De Rhodes thở ra khói. Ông nghe tiếng rơi của một vật nặng đang lao xuống nhà thờ. Sức hút trọng lực khiến gió đẩy bật những cánh cửa va đóng vào nhau rầm rập như nhà thờ có kẻ phá. Tất cả trần vách rung chuyển

rùng rợn như có đám đông đang chạy rần rạt huỳnh huyếch trên mái. Tiếng ngói lán thông thốc từng lúc, giáo sĩ quyết định đóng nhật ký, ông chỉ kịp viết ba chữ *Aléa Jacta Est* cho một mặc cảm chịu tội sắp xảy đến, mà đã từ lâu giáo sĩ biết ông bị khai trừ khỏi hội thánh.

Tiếng gió hú the thé mỗi lúc một lạnh buốt khắp châu thân, cùng lúc mang hơi lửa bỏng rát phả vào mặt giáo sĩ. Alexandre vừa thở ra khỏi vừa nóng hổi. Anh nhận ra những dấu hiệu của tận thế khi lửa và băng cùng xảy đến một lúc.

Alexandre bước lên tháp, anh trông thấy gió giật những dây chuông va đánh vào nhau. Các quả chuông chạm nẩy nhau nhưng không phát tiếng động. Thời đó ai sống ở Cao Bằng cũng biết đức tính hiếm quý của những quả chuông, mỗi khi đánh không phát âm thanh, không có tiếng động nào, nhưng tiếng chuông lại ngân lên ở Đồng Khê, cách đó 28 cây số. Phải mất nhiều phút tiếng chuông vẳng âm từ Đồng Khê mới vọng trở lại, đổ dồn về thị xã. Hiện tượng kéo dài và chính xác đến độ Alexandre phải thức sớm những sáng chủ nhật và đánh chuông trước vài phút cho kịp lễ. Những ngày sau cùng, khi Đồng Khê bị vây, antenne truyền tin của căn cứ bị pháo sập, đại tá Charton đã phải nhờ giáo sĩ đánh chuông gọi đi những bản tin mã hoá. Sáng đó các dây chuông co giật không âm thanh, trông như bầy rắn múa máy. Alexandre cảm thấy sợ, nhưng anh cũng cố gắng bước đến nắm lấy dây chuông giữ cho đừng múa lượn. Chính lúc đó các quầng lửa cuốn về nhà thờ cháy sáng lầu chuông và các tia lửa vây lấy mình anh. Trong khoảng khắc tiếng chuông ngân từ Đồng Khê réo về Cao Bằng như tiếng sấm rền. Lẫn trong tiếng chuông

Alexandre còn nghe rõ cả tiếng đại bác bắn vào đồn Đồng Khê, tiếng súng cối của Việt Minh câu đòn dĩa, tiếng kèn thúc quân và cả tiếng hô xung phong của trung đoàn Thủ Đô. Tiếng chuông làm vỡ tan hoang gạch ngói rơi rớt lá tả chung quanh đỉnh tháp nhà thờ. Cứ vài phút tiếng chuông đổ dồn về gióng ào ạt âm ỉ kinh động những rên la của lính viễn chinh bị thương ngoài mặt trận. Các dây chuông co giật như phát điên, quấn lấy đôi tay Alexandre như những vòi bạch tuột nghiêng thắt, khiến anh không sao giữ thăng bằng, cả người Alexandre bị nhấc bổng lên không trung theo điệu múa quỷ quái của quả chuông rồi kéo lê lết đến tận bao lon tháp trước khi chịu lôi giật về hướng ngược lại. Ở mỗi cơn động kinh Alexandre bị các cuồng lửa bắt xém vào áo chùng làm phồng rộp thịt da cho đến lúc tấm áo cháy tiêu và thân thể anh hoàn toàn trần truồng. Chính lúc đó Tuyết xuất hiện ở cửa tháp. Chính lúc đó Alexandre tin chắc ngày cuối cùng đã đến và Thiên Chúa sống dậy phán xét loài người.

- Blời ơi! Tận thế rồi!

Tuyết ôm chầm lấy giáo sĩ lúc đó.

*

Về sau khi gặp lại Nhất Linh trong căn biệt thự ở Đà Lạt, bên suối Đa Mê, Tuyết còn khóc òa kể với anh Tam những thiên tai bất hạnh của mối tình phóng đảng với giáo sĩ. Tuyết đã không ngờ anh Tam cực xấu hổ, tê tái, nhục nhã và quyết định tự vẫn sáng hôm sau. Nhất Linh đã không muốn mang trách nhiệm của một nhà văn cha đẻ một nhân vật phạm thánh. Anh Tam đã lấy cái chết của chính mình để nói với người đời Nhất Linh là một nhà văn trong sáng. Tuyết đã khóc hết nước mắt trong chuyến xe

tang không kèn trống, đông đảo độc giả đi đưa trong âm thầm lặng lẽ. Tuyết đã khóc hết nước mắt lúc hạ huyết, chôn sâu trong lòng vĩnh viễn mối tình đầu, và đã khóc nghẹn ngào cho buổi sáng thác loạn với cha cố.

Lửa của buổi sáng đó cũng bắt vào hai vạt áo dài của Tuyết khiến cháy tiêu quần áo trên mình nàng. Tuyết khám phá ra nàng không thể chết. Nàng là một nhân vật tiểu thuyết không có khả năng chết. Gió xô đẩy cả hai đến sát bao lon, Tuyết khiếp hãi co chân quắp lấy mình Alexandre, cho triu thêm sức nặng để cả hai đừng rớt ngã xuống khoảng trống chơi voi sâu hút. Chính lúc đó trong sâu chín sợi hãi Tuyết đã cảm ra da thịt giáo sĩ tươi rói cứng cáp đâm thẳng vào cửa mình nàng đột ngột bất ngờ như tiếng chuông bỗng hét lên tiếng rú rách trời. Tuyết đã kêu lên đau đớn tưởng chừng nàng có thể ngắt đi vì sướng. Chưa bao giờ Tuyết làm tình với một người đàn ông rắn chắc khỏe mạnh như với giáo sĩ, tưởng thân thể anh là chiếc gậy chống của Mose, cây gậy chống dài có thể xẻ đôi Hồng Hải. Tuyết rên la từng cơn, mỗi lúc lửa vây lấy cả hai cháy rực các bức rèm nhung có ngọn, mỗi lúc Alexandre xâm nhập vào sâu trong thân thể nàng làm như anh cũng hoảng sợ cố bám víu vào thân xác Tuyết di truyền một giọt máu. Tuyết kêu la không ngớt, bầu chắc lấy cần cổ Alexandre đánh đu dưới quả chuông đồng đưa, theo nhịp giật của dây thùng kéo lôi cả hai từ bao lon này đến bao lon khác, hết vực sâu này xuống vực sâu khác, rơi từ vực thẳm của sung sướng xuống những mái nhà ngói đỏ li ti rồi nhảy giật lên tháp trong tiếng rên la của thân xác.

Chính lúc đó Tuyết trông thấy bóng Bernard de Lattre ngã xấp ven sông Hiêm. Viên trung úy chứng kiến

suốt ba hôm, cảnh tượng kinh khủng của các lớp sóng Việt Minh tràn lên, lớp lớp mà súng liên thanh không sao có thể quét hết, thậm chí cả đại bác chống chiến xa đặt ở hẻm chỉ huy bắn đạn xuyên xoáy cũng không thể khoan thủng bức tường Việt Minh dày đặc chuyển động như cánh rừng. Đồng Khê thất thủ khi những trái đạn lân tinh chót cùng và những quả đạn nổ cao của pháo 105 ly cận kiệt. Đại úy Casanova tử thương, đại úy Brun bị bắt sống và trung úy Brondel chết ngay ở giao thông hào. Suốt đêm trung úy De Lattre dẫn đại đội sống sót mở đường máu, dẫm lên những xác chết mà De Lattre kinh hoàng khám phá đang đầu thai từ từ, chậm chạp ngồi dậy, thậm chí có những xác quân chủ lực Việt Minh chồm lên, trông mắt trắng dã, la hét chụp lấy mã tấu chém xối xả vào đội hình lính Pháp mà chỉ mới một phút trước đây đã bị tiểu liên của binh sĩ Lê Dương cắt đứt đôi người. De Lattre thương tích khắp mình mẩy, nhưng anh xăm xăm trong bóng tối nhất quyết trở về Cao Bằng để gặp lại người đàn bà của nhà thờ. Suốt đêm đại đội De Lattre bị Việt Minh truy kích tiêu diệt không còn ai sống sót. Chính viên trung úy cũng ngạc nhiên không hiểu động lực nào đã giúp anh vượt hai mươi tám cây số đường rừng. Chính lúc đó, khi viên sĩ quan vừa trông thấy hai nhánh sông Hiểm và sông Bằng Giang êm ái bao lấy pháo đài, lịch sử quân đội nhân dân An Nam ghi rõ, chiến sĩ Phan Đình Giót của tiểu đoàn Hoàng Diệu đã dùng lưỡi lê đâm thủng ngực De Lattre. Dưới những ráng hồng đầu tiên Bernard ngã xuống. Anh vẫn không hiểu vì sao anh đã không đau đớn, trong lúc bộ đội Việt Minh vẫn tiếp tục lấy lê đâm xóc vào mình. Bernard không còn sức kháng cự, anh quá mệt là vì mất máu và đi bộ nhiều.

Bernard nằm yên nhìn ngắm lính An Nam thấp như những đứa bé đang thay nhau tháo nhẫn, đồng hồ và lục khắp các túi quần anh. Cho đến lúc Phan Đình Giót cắt mạn sườn viên trung úy, thích gan cho vào bình rượu thuốc, viên sĩ quan vẫn hãy còn tỉnh táo và hài lòng đã tiêu hết lương tháng dưới xóm thổ. Tiếng chuông ngân lên lúc đó, bao la và say đắm, tựa tiếng kêu của thiếu nữ lúc ân ái, gọi anh xuất tinh để cùng thỏa mãn. Bernard nhòe dấy, anh vụt hiểu, vì đâu anh không thể chết. Chính tình yêu tạo ra sự sống và nuôi dưỡng sự sống, giản dị như định nghĩa ghi chép trên mình thiếu nữ. Nguyên lý cơ bản của sự sống khởi đi từ tình yêu và trung úy De Lattre đang yêu không thể chết. Tiếng chuông chín tiếng, như chín lần thiếu nữ gọi anh trở về. Bernard phát lên cười khanh khách, trước sự ngạc nhiên của Phan Đình Giót. Trung úy De Lattre vừa nhớ đến những quẻ xăm rừng rợn chú giải: *Đồng Khê mạng vong lúc 9 giờ sáng*. Bernard cũng nhớ ra những lời Tuyệt ân cần khuyên nhủ, đức năng thắng số, nhân trung Trung Hoa với nhân trung Tây khác nhau, không thể đo cùng một thước. Chết không dễ dàng như con người muốn. Bernard chỉ thắc mắc, vì đâu các thầy An Nam tinh thông lý số, kinh dịch, không thể bói ra tình yêu đến với anh bất ngờ. Viên trung úy còn thắc mắc vì sao sắc tộc Kinh, lưu trữ bốn ngàn năm quá khứ đã không coi trọng tình yêu, thứ tình cảm đầu tiên và cuối cùng của kiếp người. Viên sĩ quan cũng nhớ, giáo sĩ De Rhodes đã có lần nói với anh, do thiếu chữ viết, người An Nam đã không ghi được những suy nghĩ trừu tượng của họ truyền cho con cháu, chỉ có thể truyền khẩu những chi tiết hiện thực, cụ thể. Lúc chiến sĩ Phan Đình Giót đâm mỗi tay, văng tục rồi bỏ đi,

Bernard de Lattre de Tassigny trông thấy những quãng lửa kéo nhau về Cao Bằng. Các tia lửa đỏ thắm trời mà anh nghĩ chính là máu của anh đang chảy về với Tuyết. Anh chỉ không hiểu ra vì đâu mặt nước sông Hiêm êm đềm đến vậy, khi chung quanh vạn vật hỗn chiến và lòng giết nhau cho những điều không liên quan đến tình yêu.

Buổi sáng có lửa Satan và phép màu cùng xảy đến, dì phước là người đàn bà thứ hai trong pháo đài trông thấy Jésus Christ. Suốt đời Louise sẽ không tha thứ nàng đã trang điểm quá lâu trước tủ gương đến trễ hẹn. Sáng đó, khi những thanh âm hào hển rên rỉ của quả chuông rưỡi lên mái tu viện những xúc cảm bồi hồi, dì phước đã đội lên tóc chậm rãi khăn vành trắng, cẩn thận ngắm nghía từng nếp khăn trùm tu, vẫn trong trắng như thân thể hãy còn đồng trinh của dì. Khăn vành trắng đẹp như tấm voan ngày cưới mà Louise đã kiêu hãnh phủ trùm suốt đời tu hành. Dì chỉ ra khỏi chũng viện khi tiếng chuông thúc hối, lúc lửa Satan thấp sáng quảng trường và lầu chuông giống những tiếng chuông cuối cùng. Trong bụi khói, gỗ đá, Louise trông thấy đáng Christ khi đó, vẫn người đàn ông của ngày xưa, của những đêm trăng thiết tha bước vào phòng nàng cúi xuống đặt lên môi cô bé Louise một nụ hôn tinh khiết. Louise đã muốn chạy đến khi ấy, bất kể lửa Satan lan đến làm cháy rụi rặng sữa. Dì phước chỉ hốt hoảng lúc gió tốc cao vấy tu phò đôi chân dì trắng trẻo đến đùi trước cặp mắt thêm muốn của các phu xe kéo. Louise phải ngồi thụp xuống túm lấy cổ chân giữ cho váy áo đừng tung bay. Thật ra Louise đã có thể vất tung hết tất cả, kể cả tấm áo dòng bấy lâu không thay đổi, nhưng chính vì dì phước trông thấy Jésus đang nắm lấy tay một kẻ nào đó,

mà giác quan giúp đi cảnh giác chỉ có thể là người đàn bà thơm hương nước hoa đi thỏa hóm nào đã quyến ám trên những bức rèm nhung nhà thờ. Louise đã chứng kiến đấng Christ im lặng, nỗi im lặng sâu thẳm mà đi phước không đoán nổi, thứ im lặng đón đầu của một người đàn ông bất lực. Đi phước không hiểu, chỉ cảm thấy thỏa mãn, thứ thỏa mãn của người cùi mọc lại đốt tay khi đi đã dần lấy tay chúa ra khỏi bàn tay của người đàn bà vô hình mà đi không trông thấy. Trong lòng Louise còn muốn níu thân áo trắng của người đàn ông còn phất sau cửa nhà thờ. Linh hồn Louise đã tắt tả chạy lao qua quảng trường, bước lên các bậc tam cấp rồi ngã phục trên nền đất. Louise đã từng sờ chứng kiến người đàn ông nàng vừa trông thấy bằng xương thịt đã bị treo trên thập giá và ánh mắt hóa thạch bất động trên hai tay còn chảy máu ở lỗ đinh vừa đóng.

Chính trước đó Tuyết trông thấy Jésus Christ. Buổi sáng có lửa Satan và phép màu cùng xảy đến. Tuyết cảm giác rất rõ rệt nàng đang băng huyết xối xả lúc giao hợp với Alexandre. Không phải do Tuyết có kinh sớm, nhưng là máu của viên trung úy đang tuôn chảy tuột khắp đùi nàng. Tuyết đau thắt tử cung, thứ nỗi đau thường xuyên xảy đến những ngày cuối cùng khiến nàng phải gập mình ôm bụng khóc trong lặng lẽ. Những ngày ở Cao Bằng Tuyết chiêm nghiệm rất nhiều điều, đàn ông da trắng hay An Nam yêu rất dễ dàng, quên rất nhanh, miễn sao họ còn ham muốn thân xác. Tuyết chỉ không hiểu do đâu nàng có khả năng ân ái với mọi đàn ông, nhưng không thể yêu ai từ sau ngày anh Tam bỏ đi. Đôi lúc Tuyết yêu vô vàn nét trẻ thơ của Alexandre mỗi khi anh phát âm ngọng nghịu *Quy Nhìn*, *Quăm Ghĩa*, hoặc vẻ chân thật của mỗi khi anh

khăng khăng bào chữa phát âm chuẩn theo lối nói cổ của sắc tộc Kinh. Nhưng Tuyết cũng nhớ đến đôi môi say đắm của Bernard mà anh hôn không rời, những cuồng si không dứt mà hồi tưởng Tuyết hãy còn đau nhói dạ con. Bao nhiêu ngày, Tuyết thầm hỏi nàng yêu ai, và bao nhiêu đêm Tuyết ý thức nàng vĩnh viễn thuộc về Nhất Linh.

Tiếng rú của một vật nặng đình tai nhứt óc. Tiếng xoáy lạnh lạnh mà đang ôm Alexandre Tuyết phải bung kín lấy tai sợ rách màng nhĩ. Tuyết linh tính biết tai ương sắp xảy đến. Chính Alexandre cũng cảm giác điều ấy nên anh xuất tinh không dứt, như một ước muốn chót cùng hối hả tạo ra sự sống trước khi xuống hỏa ngục đời đời. Bao nhiêu tin đồn lửa thiêng sẽ đổ xuống thị trấn khiến cả hai biết tận thế gần kề. Chiều hôm trước, cố đại úy De La Marek hãy còn đến xưng tội với Alexandre và kể một câu chuyện thật lạ. Khi binh đoàn tác chiến Le Page rơi vào ổ phục kích, chuyển quân xa tắt nghẽn trên đỉnh đèo Lũng Phài. Bộ đội Việt Minh xung phong biển người, các toán quyết tử ôm bộc phá đánh bom từng chiếc GMC một. Lúc đó, người đàn ông áo trắng đứng trên mui xe đã chỉ tay xuống vực thẳm, trỗi lên một trận lốc kinh thiên cuốn văng tất cả tiểu đoàn Nguyễn Tri Phương xuống hố mà không một binh sĩ Maroc nào hề hấn. Chính các cố vấn Mỹ về sau nghiên cứu phúc trình Le Page trong trận đánh đường biên giới, đã triển khai phương pháp và cho sản xuất mìn Claymore định hướng. Nhưng Tuyết không sao biết, phải đợi đến sau này vào Nam, cuộc thánh chiến tiếp diễn, khốc liệt, nghe kể về loại vũ khí mới, Tuyết mới liên tưởng đến những chuyện đã xảy ra ở Cao Bằng.

Tiếng hú khi ấy, vít đình vào sọ não, mỗi lúc một lớn

tựa nguyên một tầng trời đang sập. Tiếng hú xé óc cho đến lúc ngưng bật. Tuyết còn trông rõ trái phá chọc thủng mái nhà thờ. Tất cả vỡ oang ngay sau đó, trong tiếng nổ khủng khiếp của quả chuông đứt dây lao cắm xuống mặt đất. Tuyết đã hãi hùng rơi trong lòng quả chuông xoay tít, hãi hùng trông thấy gương mặt của các sĩ quan Pháp từ dưới quảng trường chính thị xã, lớn phồng lên, cả nổi xanh tái khám phá Việt Minh đã kéo pháo lên đỉnh núi cũng to tướng dần. Cùng lúc Tuyết hãi hùng nhận ra cơ thể nàng tiếp tục đòi hỏi giao hoan không thể dứt ra khỏi mình Alexandre trong khi cả hai ngã bổ xuống thang lầu gãy tung các đà gỗ và rơi không kèm hãm. Chính khi ấy Tuyết trông thấy Jésus Christ, khi nhà thờ phát nổ, đổ ỏi một quảng trời, gạch ngói long lở và mái tháp đổ ụp xuống thị xã.

Phải khó khăn lắm, Tuyết mới chui ra khỏi quả chuông. Tất cả hỗn độn, âm ỉ, hỗn mang của gạch đá khói đen đầy bụi tắt lịm cùng với tiếng chuông đứt đoạn đột ngột. Tuyết gọi *Alex*? nhưng không có ai trả lời. Tiếng kêu của chính nàng thất thanh suốt quảng trường rồi vang trở về, làm như tiếng gọi cũng đã đi tìm cha cố. Có bóng người đi tới, Tuyết xấu hổ lấy tay che ngực, nhưng không ai đếm xỉa đến nàng, cả những toán cứu thương chen lấn chạy vào phố Chả Cá đang bốc cháy, xô đẩy, va chạm phải mình nàng cũng không xin lỗi. Tuyết nghe loáng thoáng cha cố gãy hai chân phải đi cấp cứu. Nàng hối hận đã đem đến tình yêu hồi sinh khiến Alexandre hóa nửa người, nửa ma, chịu thương tích.

Người đàn ông nắm lấy tay nàng khi ấy.

Jésus mang vẻ đẹp trần thế, trầm thống và cô buồn

của nhân gian tội lỗi, vẻ đẹp khác thường mà Tuyết chưa hề trông thấy. Vẻ đẹp của thiên nhiên tạo hóa. Từ thân thể trong vắt những dòng suối uốn khúc ở cổ chân, đến bầy chim riu rít hót mà Tuyết đoán đang đậu kín dưới thân áo. Cả vẻ đẹp u uất của những cánh rừng rù cội hiu hắt. Tuyết nhận ra ngay người đàn ông trong Tân Ước. Jésus mang tất cả nhân dáng của nhân loại, đến nỗi nàng nhận ra ngay ánh mắt nghiêm khắc của Nhất Linh, hàng mày cong của Khái Hưng, sóng mũi thẳng của Alexandre và khóe môi hơi mỏng của Bernard de Lattre. Đấng Christ tựa một người đàn ông nàng đã trông thấy nhiều lần mỗi ngày mà chưa hề gặp. Điều kỳ lạ sự dị biệt đó không tách bạch nhưng hòa quyện lẫn nhau đến mức vừa quen thuộc, đây lạ lắm. Tuyết nhận ra tất cả những điều Alexandre đã kể với nàng đều có thật. Jésus mang thân thể không trọng lượng, có khả năng đi bộ băng ngang qua những đại dương bao tổ trên trái đất.

Lúc đó, phép màu xảy đến mà không một ai có thể ngờ. Tất cả mọi đám cháy đều tắt ngấm khi Jésus Christ đi qua, trận pháo kích cũng trệch ra khỏi pháo đài, tất cả những quả đạn đều rơi vãi xuống sông Hiêm. Các đồng gạch đá vỡ nát bỗng dung nguyên vẹn xếp ngay ngắn chờ đợi tái thiết, dãy mái tôn bị pháo xụp ở phố Chả Cá thốt nhiên lọt mới trở lại có dần bao cát chống đỡ cho trận pháo kích kế tiếp, và đất ở đầu đùn lên các nắp hầm lính Pháp dầy thêm nhiều thước. Tuyết chứng kiến rõ rệt người đàn ông đứng ở giữa quảng trường và vạn vật chung quanh trôi đến. Không phải Jésus Christ đi đến, nhưng sự vật trôi đến trước chân đấng Kitô. Từ những đám mây trong trời ào ạt đến quảng trường xua đuổi khói than mù

mật, những tia nắng bị hút hết vào trong mái tóc Jésus sáng rõ, những đứa bé mắc chúng trườn run chân bu đến và cả nhà thờ chính tòa đồ sộ nguy nga sập mái cũng trôi đến dần dần. Mặt đất thu hẹp lại và vạn vật thu về một hướng. Chính Tuyết cũng trôi đến trước chân chúa, dù nàng không hề cử động hay nhúc nhích, nhưng vẫn chuyển dịch chậm rãi cho đến khi người đàn ông nắm lấy tay nàng.

- Lạy chúa tôi! Danh Cha cả sáng!

Tuyết thốt lên lời kinh ấy. Nàng quỳ gập người, không hiểu vì sao bài kinh La ngữ Alexandre truyền dạy cho nàng trôi lên lúc đó. Như máu huyết từ huyết quản dồn lên tim, dâng lên môi và Tuyết không thể nói lời nào khác hơn những giọt máu đang chảy trong tim nàng. Lúc ngừng lên, Tuyết bắt gặp ánh mắt đấng Christ toát ngời những hình ảnh khủng khiếp của muôn kiếp người. Khác với Alexandre de Rhodes, đôi mắt của Jésus không chỉ phản chiếu quá khứ, nhưng cả tương lai, và của cả nhân loại trong cùng một lúc. Tuyết đã bàng hoàng trông thấy cơn mưa sáng gai góc sắc buốt nhuộm xuống khu vườn lan rữa bên suối Đa Mê, đã sừng sốt chứng kiến Nhất Linh già đi, ốm yếu, uống từng giọt độc được đắng, đen, như những giọt mực anh đã dùng viết tiểu thuyết. Nhất Linh đã uống cạn ve thuốc độc như muốn nuốt trôi hết tất cả chữ nghĩa đã viết. Tuyết cũng trông thấy Trần Khánh Dư bị thủ tiêu bắn chết ở một miền quê hẻo lánh. Anh Dư khi chết đã cười thật tươi như anh đã luôn xem cuộc sống chỉ là những tình cảm nhẹ nhàng. Anh Dư chết như anh đã muốn đi tìm một kết thúc tiểu thuyết bí hiểm mà người đời không một ai rõ. Tuyết còn trông thấy ngày Cao Bằng thất thủ, bộ đội Việt Minh vào tiếp quản, vong thiếu tá Rivière và đại úy

Garnier ra trình diện học tập ở ủy ban quân quản thị xã. Tuyết đã hét lên lúc trông thấy Alexandre bị tập trung cải tạo rồi hình ảnh biến mất, trống rỗng.

Tuyết đã khóc ngất trong buổi sáng có lửa Satan và phép màu cùng xảy đến. Khóc cho thân phận một nhân vật tiểu thuyết, không có quá khứ, tương lai, trong đôi mắt đáng Christ. Về sau tòa thánh La Mã không chứng nhận, không xác chứng Jésus Christ đã tái thế, chỉ vì nhân chứng duy nhất, dì Louise bị tước phép thông công do đánh mất phẩm hạnh. Nhưng sáng đó, buổi sáng có mây trong và những khóm dâu đỏ huyết đan kín các lối đi ven rừng, các họ đạo đã khắc ghi vĩnh viễn hình ảnh nhà thờ bốc cháy. Nhiều năm sau, Tuyết cũng không còn nhớ rõ đáng Christ đã xuất hiện trước hay sau trận pháo kích. Tuyết chỉ nhớ đã khẩn khoản van nài thiên chúa cứu chuộc linh hồn nàng. Sáng đó đã xảy ra hiện tượng thần bí. Những trang giấy to bản chép đầy chữ Hébreu, ở đâu bay đến sáng lóa và vây lấy Jésus. Từng trang đặc chữ Do Thái cổ óng ánh giát vàng lần lượt xuất hiện trước đáng cứu thế rồi biến đi, cứ tiếp tục bay đến, trang này sau trang khác, rợp trời rồi mất hút. Trên không chỉ còn lại dư âm của gió và thứ bụi vàng rây rắc gieo xuống những khóm mai yếu ớt, vừa hé nở, thắm thiết, mà không ai rõ vì sao ở cuối tháng năm khi những trận bão rừng bắt đầu đổ về miền biên giới. Tuyết hiểu nàng không có tên trên danh sách loài người khi Jésus Christ gõ tay. Vì sao thiên chúa ngồi hai vó đôi mắt chứa chan nhân ái đã im lặng, không thể cứu rỗi. Sáng đó, gương mặt Jésus buồn đăm. Sáng đó Tuyết đã khóc thật nhiều vì vụt hiểu ra nàng chỉ có thể hiện hữu bằng tình yêu khai hoá duy nhất của Alexandre Lucien Abel de Rhodes.

Đó là thời kỳ ở Cao Bằng không còn một ai tin vào chiến thắng của quân đoàn viễn chinh Pháp và lính Lê Dương vẫn hát những bài ca của quý:

Louise Marie où vas-tu dans le monde?

Je vais où vont les soldats

Louise Marie qui aimes-tu?

J'aime celui qui va mourrir

et le diable en rit, Ha, Ha, Ha, Ha

Défunts 02/ 11/ 2002

Lễ Người Chết Công Giáo

Ghi chú quân sự:

- Trung Đoàn 3 Lê Dương: 3ème Régiment Etranger d'Infanterie (3 R.E.I)

- Binh đoàn tác chiến Le Page: Groupement des Tabors Marocains (G.T.M), từ 5/1950 cải danh Chiến Đoàn Bayard (Groupement tactique Bayard), bao gồm 4 tiểu đoàn Tabors, về sau tăng cường tiểu đoàn 1 B.E.P.

- Binh đoàn tác chiến Charton: Groupement Tactique Charton, bao gồm tiểu đoàn 3 Lê Dương, tiểu đoàn 10 Tabor và tiểu đoàn phụ lực quân Bataillon Léger de Supplétifs Militaires (B.L.S.M). Tháng 9.1950 tiểu đoàn 3 Tabor thay thế tiểu đoàn 10 Tabor bằng không vận. Về sau tăng viện tiểu đoàn 3 B.C.C.P thả dù xuống Thất Khê.

- Tabor Marocain: Danh xưng chính thức của các tiểu đoàn sơn cước Maroc, mỗi Tabor gồm 4 Goums, mỗi Goum tương đương một đại đội, lính tuyển mộ cùng một bộ lạc miền núi.

- 1er B.E.P: Bataillon Etranger de Parachutistes, tiểu đoàn 1 Nhảy Dù Lê Dương.

- 3ème B.C.C.P: Bataillon Colonial de Chasseurs Commandos Parachutistes, tiểu đoàn 3 Thuộc Địa Săn Giặc Biệt Kích Dù.

- Sư Đoàn 308 Đại Đoàn Quân Tiên Phong: Đại đơn vị đầu tiên của quân đoàn chủ lực Việt Minh do tướng Vương Thừa Vũ chỉ huy, bao gồm các trung đoàn 88, 102 và trung đoàn Thủ Đức, đơn vị mũi nhọn thành lập từ các tiểu đoàn Cứu Quốc Tự Vệ Thành Hà Nội chính quy hóa.

- Đại tá Charton, đại tá Le Page bị bắt làm tù binh, tháng 10.1950, trao

trả sau hiệp định Genève

- Hải quân thiếu tá Henry Rivière, tử trận 01.05.1882 tại Ô Cầu Giấy
- Hải quân đại úy Francis Garnier, tử trận 21.12.1873 tại Ô Cầu Giấy
- Đại úy De La Marek, tử trận 25.02.1861 tại Chí Hòa
- Trung úy Bernard de Lattre de Tassigny, tử trận 31.05.1951 tại đồn Yên Cư Hạ, Ninh Bình.
- Đại tướng Jean De Lattre de Tassigny, cao ủy kiêm tổng tư lệnh, mất 11.01.1952 sau chiến dịch Hòa Bình.
- Hồng y Armand Jean du Plessis de Richelieu 1585-1642, thủ tướng triều Louis XIII.
- Tham mưu trưởng lục quân Phổ Karl Von Clausewitz 1780-1831, lý thuyết gia chiến lược quân sự.
- Thống chế Michel Ney 1769-1815, chỉ huy cánh quân Pháp đánh chiếm Mạc Tư Khoa.

gia phả

Tôi đi ở cho tộc Trần từ lâu lắm. Từ cuối đời Lý. Lúc Trần Thị chỉ vừa cắt nhau. Đêm tháo thai, sống cảnh sinh nở đầu đời nên tâm hồn tôi ngập kinh hãi. Máu từ cửa mình vợ Trần Lý chảy xối, bắn phun tung tóe như bát canh rau dền rơi vãi trên đất. Thứ canh đỏ thẫm, lợn cợn những nhau, thịt, chất nhờn. Trần Thị giẫy, vùng, đôi tay chơi với cào cấu vươn tới trong động tác nắm tìm sự sống. Đã biết đi vào đời là đi vào khổ đau, nhưng tôi cũng không ngờ khổ đau to lớn

tàn phá đến rách buom của mình vợ Trần Lý. Mỗi cái quẩy mình là mỗi một vũng máu, trào ra, trào cho đến đầy thau. Máu bẻ bết chẳng khác một pháp trường.

Cánh tay mù đồ đưa cao lắm. Cánh tay lần những sợi gân oan nghiệt. Miếng chai cắm lúi trong than hồng đỏ rực. Loại miếng chai sắc cạnh, bén nhọn chỉ dùng cho mỗi thứ công việc đánh đoạn là cắt cổ người, hoặc nhẹ nhàng lắm: thọc huyết heo. Vợ Trần Lý co rúm như con lợn lòi ra sân bếp. Tôi nhắm mắt, đã hiểu mình sẽ không bao giờ lớn. Trần Thị mất mẹ ở hành động cưỡng ép chối bỏ tình mẫu tử đó. Cuống rốn nắm trong tay mù đồ hiểu được số mệnh, vũng vầy, cựa quậy, tháo thân, cuống rốn như con rắn nước liêu linh kháng cự trước lúc bị chặt đầu. Miếng chai xấn xuống, xấn xuống, cửa mũi, thịt rách, gân đứt, máu phụt, vợ Trần Lý căng, đập, thét la oàn oại gào trong mắt mát. Trần Thị bật khóc, tiếng khóc đầu tiên vỡ òa khi cuống nhau nối mình vừa đứt. Máu tiếp tục phun. Nước mắt tôi chảy cho Trần Thị: Vào đời giữa máu me hung bạo.

II

Tôi về ở cho tộc Trần, như thế, từ sau đêm máu me ấy. Tộc Trần là một tộc lớn, ngự trị khắp phủ Xuân Trường. Hiếm ai ngờ một dòng họ còn sót lại từ thời Bắc Tống, kéo xuống lập nghiệp phương Nam khởi đi từ nghề đánh cá nhỏ mọn, sau một trăm năm lại hùng mạnh chừng ấy. Ở cho một gia tộc quyền thế, song công việc của tôi cực nhàn nhả. Ngày ngày theo chân Trần Thị, lăm chằm quanh vùng Hải Ấp, rồi lớn dần chạy nhảy bên bờ sông Thao. Trần Thị lớn vụt lên như lăm lúa bát ngát mệnh mông của tộc Trần. Sức sống của con sông Thao cuộn cuộn chảy buông mệnh mang về Phú Thọ, cũng chở mang sắc đẹp

của Trần Thị. Mỗi dòng sông ở đầu thế kỷ 13 mang một vẻ đẹp riêng, nhưng sông Thao mang vẻ đẹp của đất nước.

Nhưng nếu tôi không bao giờ lớn, ở lại mãi mãi cái đêm sinh nở tàn bạo, thì Trần Thị trở vượn như nhành lúa bắn mình đẹp đẽ. Nhành lúa đẹp tựa một ánh chớp sánh bùng rực rỡ, ửng hồng giữa bầu trời tối tăm tàn tạ cuối triều Lý. Chưa ý thức, song Trần Thị thường nắm tay tôi nhìn đầm ra khoảng sân sau, khoảng sân huyền hoặc, lót đá vụn lọt thỏm giữa lòng nhà lua thưa nắng. Những tia nắng kỳ ảo lấp lánh lẫn quẩn khắp bức tường loang loáng vẽ nghìn tia ngũ sắc ngời ngời óng ả phản quang không ngớt trên mặt vại nước. Trần Thị kéo tay tôi ngồi xuống. Chúng tôi ngồi sát nhau tưởng chừng có thể nhập làm một, như thể tôi với Trần Thị chỉ là một - một người con gái nhiều giờ liền ngấm bức tường say mê. Nắng nung những ước vọng thâm kín trong tôi, còn khoảng tường vạch lên trước mắt Trần Thị vị trí của tộc Trần. Có lẽ trưa đó, Trần Thị cũng bắt đầu nhận biết vai trò của mình trước lịch sử khi đối diện khoảng tường soi nắng ấy. Nắng soi như chưa bao giờ được soi xuống từ mảnh ngói vỡ vàng chóa, lấp lờ, rũ màu sắc, buông thả từng đường, từng mảng, từng cánh tay ôm choàng ngang bức tường rêu cũ kỹ xanh ố mờ thời gian. Cả bức tường vụt sống. Cả thời gian cũng vụt trở mình quấy cuồng sáng lóa trong khóe mắt Trần Thị. Tiếng nước rỏ xuống sân nghe văng âm hắt dội giữa trưa vắng tịch mịch, chọt vang vang thành bước chân của những tên khổng lồ đuổi bắt thời gian. Thời gian của thời đại hay của định mệnh? Gã khổng lồ mang thân xác tên tuổi tộc Trần - tôi rừng mình nhớ tới Thủ Độ - Trần Thị cũng rừng mình lúc tôi cời cốc, tuột áo, bắt đầu mức nước từ bồn chứa xối cho Trần Thị tắm. Những ngón tay tôi xoa nắn, những ngón tay Trần Thị nắm lại. Mặt đất nở hoa. Không khí thơm sữa. Trần Thị khép hờ mắt, chỉ còn thân xác hiển dằng

trợn vện. Tôi đuối vào giữa ngực Trần Thị, ngỡ mình sẽ hưởng những dòng máu chảy ấm bên trong, sẽ ôm lấy vào lòng thịt da run rẩy, sẽ ấp ủ thân thể trắng trong mềm nồn. Dưới trần mái âm u không tiếng động, ngón tay tôi ngẩn ngơ mê mẩn, những ngón tay Trần Thị chậm lăm nín chặt, kéo giữ bàn tay tôi ở lại, thúc hối nhịp nhàng nhịp nhàng từng khắc từng khoảnh khắc van lơn nài kéo. Tôi mê man xoa nắn, mân mê âu yếm. Trần Thị khép mở đùi rồi thông hai tay ngựa mặt buông cho thể xác tận hưởng chút thiên nhiên mỏng manh đang lọt vào tòa nhà. Từng đốm sắc xanh mờ tối, nhảy múa lung linh như có lân tinh, tôi hôn tới đầu đốm sáng bốc thành ngọn lửa phụt cháy. Tôi nuốt lửa cuộn cuộn trên ngực Trần Thị nghe vang vang tiếng nước chảy róc rách, nhưng không chỉ có tiếng nước mà bất chợt tiếng đập cánh của bầy quạ đen thất thanh âm ỉ trên mái vùng bay. Trần Thị giật mình bấu lấy tay tôi thảng thốt:

- Chị Đào! Thị sợ!

Mình mảy ướn dẫm, tôi cũng sợ. Nhưng không phải nỗi sợ hãi vu vơ của cánh quạ đen tuyên đập phản phạt quỳnh quáng âm động giữa không gian vắng. Nhưng là nỗi sợ hãi sâu chín hun hút từ thịt da trắng ngần trong treo của Trần Thị như có nạm ngọc. Mỗi một hột nước là một hạt trân châu óng ánh không bao giờ tắt. Cánh tay tôi cứng sững không dám vươn tới, không bao giờ chạm vào được thân Trần Thị lỏa thể đứng tắm giữa sân. Qua mí mắt Trần Thị tôi đã hiểu: Bức tường choáng ngọc. Rõ ràng Trần Thị không thuộc về tôi, nhưng thuộc về khoảng tường xây đắp hơn một trăm năm của tộc Trần. Bức tường đối diện, sừng sững, ngạo mạn đầy uy quyền đòi hỏi không bao giờ sụp đổ. Cả tiếng nước rỉ, vồng âm như bước chân của gã khổng lồ man dại chạy sầm sầm sầm sầm cũng trở nên đe dọa... Nắng nghiêng dần, bức tường lùi vào bóng tối, tới lúc những giọt nắng cuối cùng từ trong gáo nhiều bay thảnh thót chạm đất, vỡ toang trên nền đá ẩm, thì hai chúng tôi mới bừng tỉnh. Khoảng

tường cuốn hút kỳ lạ. Bờ tường ừ ê âm hấp. Bàn tay tôi trượt trên, buông vội tiếc rỏ vuông ngực trần trơn mịn, đầu vú nhọn nhú lên xuôi mềm mại tròn trĩnh trắng muốt thắt hẹp ở hông rồi lại nở vung ôm chặt lấy đáy thân Trần Thị. Trần Thị cần môi nhìn tôi bên lên, một tiếng trống chùa vang xa nhắc nhở...

Tắm xong, tôi lấy xiêm áo cho Trần Thị thay. Vải lụa tím ngà thêu những nụ thủy tiên thôi còn e ấp, nhưng bắt đầu nở. Trần Thị xỏ ống tay áo, khệp vạt, chéo áo lập lòe bằng quơ rộn ràng đàn bướm vàng rực. Trần Thị xoay mình ngắm, vạt áo xòe rộng ở gót chân, trong gương vấy áo phấp phồng phơi mùa giống chiếc đuôi của loài công làm đẹp cho cơ ngơi tộc Trần. Tôi không khỏi ngăn mình liên tưởng Trần Thị cũng là một con công, song không phải một loài công nuôi, mà là thú công để thịt. Chẳng phải ngẫu nhiên mà có câu tục ngữ: *nem công, chả phượng*. Trên đất nước này, loài vật đẹp dễ nhất, cũng chỉ phục vụ cho một mục đích phạm phu nhất.

Chúng tôi bước ra gian thờ. Trần Thị nhắc tôi khép cửa. Căn buồng đóng lại, chỉ còn hương thơm thoang thoảng theo dấu chân Trần Thị. Công việc của tôi ngoài nuôi nấng Trần Thị, còn được giao trọng trách chăm sóc bàn thờ. Thứ trọng trách mà tộc Trần chỉ giao cho kẻ bất lực, không có khả năng chống đối, lật đổ tham vọng. Mỗi ngày tôi với Trần Thị quần quanh, chữa lại một cành vạn thọ cắm không ngay, treo thêm những vòng nhang xoắn, đốt cho khói hương không bao giờ dứt. Bột nhang vàng lấm tấm, tàn nhang cong oằn, tôi quét dọn tro than không ngừng rơi xuống. Trần Thị hay phụ tôi xếp những trái vải đỏ mọng, xoay những quả cam Bố Hạ phơi mặt vàng óng, rồi lau khắp lượt những mặt người quá cố. Chân dung Trần Kính vẽ bằng than chì như hầy còn sống, nhìn thèm muốn từ bấp chân Trần Thị lên quá đùi. Con ruột Trần Kính là Trần Hấp, cha đẻ của Trần Lý cũng nhìn Trần Thị như thôi miên. Cặp mắt hấp háy của bức vẽ truyền thần tôi lau tới đâu sáng quắc tới đó, muốn

hóp hỏn, núu kéo từ cổ tay trắng mịn của Trần Thị lục lợi mân mê cho đến tận bờ ngực con gái mềm vun. Tia mắt sò soạng rò rẫm. Tia mắt dâm dật ruột thịt. Trần Thị hốt hoảng đánh rơi mâm ngũ quả, những trái hồng quân lặn trên đất chạy trốn. Tôi cũng hốt hoảng bởi hiểu trong cái nhìn ham muốn thèm khát của Trần Hấp đầy đầy những đòi hỏi chiếm hữu. Trần Thị tung chạy ra cửa, vụt đứng sững ngay lại: Tiếng vó ngựa dồn dập dầm man phóng nước kiệu trên con đường đất đỏ bụi mù dẫn đến gian nhà thờ. Tim tôi cũng đập mạnh đứt quãng, cái con người hung hãn nắm vận mệnh tộc Trần đã đến. Yêu Trần Thị nhưng tôi bất lực, thứ bất lực của kẻ ở theo hầu một triều đại.

III

Tôi theo dạy chữ thánh hiền cho Thủ Độ từ tấm bé. Thứ chữ dùng làm đạo. Thứ đạo của người quân tử. Nhưng với Độ, không có thứ đạo nào hơn sức mạnh. Học hết Tam Tự Kinh, Độ không xem tôi như thầy nữa, nhưng coi như một thứ quân hầu đi theo sai việc. Độ sớm phát triển cơ thể. Bắp tay nở nang, bả vai đồ sộ. Phóng đao, đâm giáo, dùng đoản côn, tráng đỉnh khắp làng Túc Mặc không ai hơn Độ. Sự phát triển của cơ thể chỉ đưa đến gia tăng tính dục. Độ mạnh về đường sinh lý, những chiều đi tập võ về, Độ thường cỡi trần trùng trục, đứng trần truồng khoe thân trước đám thôn nữ. Ai không muốn xem, Độ cho tiền bắt xem. Ai bỏ chạy, Độ rượt theo đánh. Chữ Thánh Hiền lúc đó chỉ còn là một mớ hình dáng tạp nham làm bẩn óc Độ. Có lần điểm mặt Trần Lý, Độ nói không nề nang:

- Ở đời không mưu, không đạt việc lớn!

Trần Lý cúi gằm mặt. Bản chất yếu đuối, trí não không hơn một kẻ đánh cá, Trần Lý không sao trấn áp, tranh được với trí

xảo của Độ. Năm Kỷ Ty 1209, Độ mười lăm tuổi, mang sức vóc của loài vượn trắng. Trưa quất ngựa theo Độ đến gian nhà thờ của tộc Trần, tâm thần tôi đầy ray rứt của nhà nho bất lực với chữ nghĩa thả mặc dây cương cho môn sinh tìm tội lỗi.

Chiều đó, bầu trời bản lăm. Có nắng, nhưng cũng nhiều mây, thứ mây đen tối bao phủ trên nền trời đất nước. Độ thúc ngựa như điên, như dại. Nắng ruối theo sau hót hời. Nhưng nếu nắng cuối triều Lý không đủ ấm, thì khi soi xuống mình Độ lại biến chất. Lúc vó ngựa của Độ rầm rập dẫm vào trong sân thì mặt trời đã trở nên cực hung hân, mặt trời như có đúc vàng đặc cứng chặt căng trên da mặt Độ phùng phùng lửa giận. Độ thắng ngựa, buộc chặt trước rào. Cả một gian nhà thờ vụt kinh hãi cung kính phủ phục đợi Độ. Đôi mắt Trần Kính sợ sệt trốn tránh. Cặp mắt Trần Hấp nhợt nhạt nhìn lảng vu vơ. Cả một dãy chân dung cúi gằm mặt không dám ngẩng lên. Anh ruột Trần Thị là Trần Tự Khánh trông thấy Độ cũng vội vã bỏ trốn. Ở đời không mưu không đạt việc lớn. Song Độ không chỉ mưu mà còn có cả sức lực. Tất cả kẻ sống và kẻ chết trong gia tộc Trần đều biết. Độ đá bật cửa, giật mạnh tấm màn gấm che ngoài. Nắng xộc vào hung tợn hơn lũ ăn cướp soi trắng thịt da Trần Thị tái ngắt sợ hãi. Trần Thị luống cuống hỏi:

- Cậu Độ tới tìm tôi?

- Không tìm chị thì tìm ai? Tìm chó à?

Độ găm. Giọng nói như tên bắn.

- Phải thằng Sam trốn giặc Quách Bốc về đây hỏi cưới chị?

- Tôi không biết!

Trần Thị co rúm mình lùi vào góc nhà. Độ sẵn tới, vóc vạc không thua con dã nhân đeo cung kiếm. Sử quan triều sau, với lối chép sử biên niên cổ lỗ, không ai tả được đôi mắt Độ. Đôi mắt của kẻ nhất quyết nắm chức Điện Tiền Chi Huy Sứ năm mười lăm tuổi. Trần Thị kinh hãi lùi dần, lùi dần, cho tới khi bị Độ chụp lấp cầm bóp mạnh:

- Có phải chị nhận lời vì thằng Sam là hoàng thái tử? Có phải?

- Cậu buông tôi ra!

- Có phải?

Độ tát Trần Thị một bạt tai ngã sấp. Máu ứa ra ngoài môi. Trần Thị bung mặt, Độ đến siết cổ, Trần Thị cố dấy, búi tóc xoắn tung, những sợi tóc đen nhánh đổ vung vãi xuống phần ức trắng. Độ xé toạc ngực áo lột trần xuống tới lưng. Trần Thị gào la khóc lóc thỏ hồn hển.

- Tôi lạy cậu!

Trần Thị van lơn nhưng Độ không nghe, không ai có thể kềm chế được Độ. Tôi run rẩy đứng chết trân sau cột nhà, không gian đặc quánh nỗi sợ sệt tê điếng, đã hiểu mình không sao giúp gì được cho Trần Thị, đã hiểu chữ Thánh Hiền chỉ là mớ chữ vô dụng. Số phận Trần Thị chỉ có thể do Trần Thị quyết định, nhưng Độ đã nắm lấy tóc kéo lôi đi. Trần Thị giãy dụa, mười ngón tay bầu suốt trên nền đất cốt tri kéo mà không được. Độ ném Trần Thị ngã ngổ, rồi từ từ cời giáp. Hai bắp vai Độ lồi ra đen đỏ màu đồng. Nắng dát vàng khắp lưng bóng lưng, Độ đứng xoay lưng nên tôi chỉ trông thấy được những bắp cơ rắn rỏi chạy dọc từ cẳng cổ xuống gót chân Độ trần truồng thô lỗ. Trần Thị tái mặt. Đôi mắt của Độ dăm dặt bệnh hoạn, nhưng cũng đầy thỏa mãn, Độ từ từ quay lại nhìn tôi hỏi:

- Chữ gì?

- Bẩm, chữ nhân.

Tôi lấp bắp. Độ phá ra cười, tiếng cười lồng lộng xuyên xoáy trên nóc nhà, rồi dội hắt xuống. Tiếng cười như có khảm gai. Không phải là Nhân mà là Dục, không phải Dục mà là Trí, không phải Trí nhưng là Dưng. Nhân, Trí, Dưng, Dục, Độ có đủ. Lấy thằng Sam là Trí, ăn ở với hần là Dục, giết hần là Dưng. Độ tiếp tục cười khùng khục đứng dạng chân, vươn tay phoi mình nhìn sững Trần Thị trong tư thế nham nhở. Trần Thị nhắm mắt úp mặt vào lòng bàn tay nức nỏ. Độ bỗng lằm lì cúi nhặt thanh mã nằm rơi trên nền đất. Tiếng cười im bật.

- Tộc Lý là con ngựa này!

Độ chỉ con ngựa ô buộc ngoài máng. Tay chân tôi lạnh ngắt, người rã ra trong con sợ hãi, tôi đã hiểu Độ sắp làm gì. Độ lại nắm tóc kéo lòi Trần Thị lê lét trên mặt đất bắt nhìn quang cảnh. Hai cánh tay Độ hươu cao lăm, gân guốc, mạnh mẽ. Bản dao sáng lóa, suốt đời chưa bao giờ tôi trông thấy một thanh mã rùng rợn như thế, đôi mắt của Trần Thị mở căng khiếp đảm, đôi mắt của Độ hung bạo, đôi cánh tay vung lên rồi quất xuống bằng tất cả sức lực. Tiếng ngựa rống chói tai. Tiếng vó sắt đập tung như trống nện. Cản cổ con ngựa ô ngấp lún bản đao vung lên, từ chỗ vết thương thịt da máu me đổ trào ra như thác, máu ngấp máng, máu lênh láng bắn phun lên nền đất. Tiếng rống khủng khiếp của con vật kêu thất thanh, cổ giật ra khỏi rào buộc. Độ đã chém tiếp, thân thể trần truồng của Độ cũng vấy máu chém xối xả liên tay không ngừng nghỉ, mã tấu hươu lên rồi lại bổ xuống, máu tung như sóng, lớp lớp trào trào. Bản thép sáng lờ lờ sắc lạnh. Hình ảnh một kẻ trần truồng chém đầu ngựa trông kinh hãi. Chất thép ròn rợn. Hai chân trước của con vật đã khụy xuống, khoảng lưng đen nhẵn lênh máu. Những móng ngựa nhồi xuống mặt đất chỉ còn là những vẩy vùng tuyệt vọng, thứ co thắt của ruột gan đứt đoạn. Máu ộc ra ở miệng, đôi mắt con vật đứng trông nhìn trùng trùng lên nền trời bát ngát. Mình ngựa đã xum xuống, Độ xấn lấy đầu gối cao. Những ngón tay tôi thâm tím đi vì sợ. Cặp mắt con vật, chính là cặp mắt của Lý Huệ Tông sau này ở chùa Chân Giáo.

Độ bước trở lên thêm, người tẩm máu, dáng dấp của tên khổng lồ cuộn cuộn thịt gân. Xét theo sách tướng, Độ có thiên mệnh, nhưng thần sắc lại nửa rắn, nửa rỗng. Không làm vua mà lại coi vua. Độ nhìn Trần Thị say mê, vẻ say mê hung bạo.

- Chị yêu tôi không?

Độ cúi xuống, hôn vào giữa đôi môi run rẩy của Trần Thị,

một bàn tay sờ soạng phần ức trắng, mân mê nơi đầu vú. Rồi bàn tay trườn xuống bụng, Trần Thị thót người, co rút mình mẩy. Nhưng cử chỉ đối kháng chót cùng đó chỉ làm Độ giận dữ:

- Trao thân cho tôi là trao thân cho đất nước. Hiến thân cho tôi là hiến thân cho tộc Trần! Có chi phải sợ? Hay chị muốn như con ngựa này?

Độ quát.

Buổi chiều đó, tộc Trần khởi nghiệp trên thân xác Trần Thị.

IV

U Đào đi ở cho dòng họ tôi, từ lâu lắm. Mỗi sáng u thường hay quần quơ trước bàn thờ, chữa lại hương án, rót nước, châm trà, rồi lau khắp lượt những mặt người quá vãng, từ tổ phụ, cố nội, bà, cho đến chú tôi mà ánh mắt cứ một ngày một nhạt phai trên bức vẽ. Không có ai trên bức vẽ mà u không biết. Từ cổ có chiếc bình điều bằng ngà khi làm đến chức Thái Sư có người dâng cây gậy bằng vàng lúc chết chôn theo, đến ông tôi từng đăng quang ở điện Thiên An, khi ông khuất chính u là người tự tay khâm liệm. Còn bà tôi theo lời u kể, chạy tản cư giặc Nguyên từ kinh sư về tới phủ Thiên Trường dọc đường trúng tên mà mất. Phút lâm chung bà không ngớt kêu tên cố. Tại sao lại kêu tên cố mà không là ông? U Đào không bao giờ giải thích cho tôi rõ.

U Đào như thế, đã ở với từng ấy người của họ Trần. Bây giờ trong bức vẽ nhìn ra, không biết họ có còn trông thấy u? Từ thuở tấm bé, tôi đã trông thấy chiếc bóng của u vật vờ, dật dờ, làm như u đã ở cho tộc Trần suốt nhiều kỷ. Không rõ từ khi nào, nhưng chiếc bóng của u đã ăn sâu lắm, chạm khảm vào trong trí não tôi như thể u chính là sự hiện diện của gian nhà thờ trong

mỗi gia đình Việt, từ đời này qua đến đời khác, hết thế hệ này xuyên suốt thế hệ khác, luôn luôn ở đó bất di bất dịch.

Đạo ấy, mỗi sáng, qua khe hở của hai tấm ván ghép rời, lập lòe soi đỏ một tim đèn cây thấp đêm ngày cạnh hương án, tôi đều trông thấy u Đào nhặt nhanh từng cánh hoa tàn rụng rơi, vương vãi dưới gốc chân nhang. U quét tước tro hương, xếp lại những quả na, bày biện thêm những quả xoài cống từ đất Chiêm Thành vàng ửng màu cát. U không biết chữ, lại không có thì giờ đi nghe giảng kinh, nên đối với u dọn dẹp bàn thờ là một hành động hướng thượng. U rất chăm làm, ngày xưa Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị gọi u là sự tôi luyện của thời gian. Thời gian phơi trên mấy ngón tay trắng trẻo trẻ trung của u lúc vào ở cho tộc Trần, cần mẫn sắp xếp hai thếp nhang, đôi nến trắng, một cho khám thờ Phật và một đặt trước bài vị gia tiên. Vẫn động tác đó, nhưng thời gian đã bào mòn, ăn nhấm từng đầu ngón tay, khiến lớp da nhão nhoẹt nhăn nheo như thứ da bị ngâm nước lâu ngày chỉ chực lột để lộ xương. Nhưng hình như u không để ý mấy tới việc thịt da mình bị tàn phá. U vẫn cần trọng quét dọn bàn thờ. Xong xuôi tươm tất đầu đó rồi u mới lảng lạng, lạng lẽ lên gác mời tôi:

- Mời Thiếu Đế xuống lễ.

Chiếc bóng tôi đi trước, chiếc bóng u già cỗi theo sau. Tré thơ, song tôi sớm có ý nghĩ: U Đào chỉ là một chiếc bóng mờ cam sẵn sàng tan biến nhập hẳn vào từng thớ gỗ, trộn lẫn cùng với mỗi một ở đà nhà mình. Chiếc bóng im lìm không động đậy nơi bức vách. Nếu không phải gia tộc Trần thì cũng là gia tộc khác. U sinh ra chỉ để đi ở, chấp nhận bất lực.

Tôi thấp nhang, van vái, rồi thỉnh một tiếng chuông rước thầy, cố, cùng các nội tổ về.

Quay lại trong thấy u, tôi lại tự hỏi: Tại sao gia phả của dòng họ Trần không thấy chép tên của u Đào? Dù u đã ở với chúng tôi nhiều kỷ. Cả một kiếp người, vậy mà u cũng chỉ giống giọt nước rò từ mái hiên điện xuống chậu kiểng, giọt nước kêu đánh

“tạch“ trên tàu lá rồi chảy xuống đất vô tâm tích. Nếu nhìn từ toàn cảnh, tôi chính là cái chậu kiểng tiếp tục hứng giọt nước nhỏ mơn ẩy chảy từ thân u Đào. Tôi, thái tử Ân - Trần Thiếu Đế - đứa trẻ được nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, chăm sóc, chăm bón, để mong nối dõi cơ nghiệp của tộc Trần.

Song năm Kỷ Mão 1399, triều Trần đã bạc nhược lắm. Thượng Hoàng Thuận Tông bị Quý Ly chuyên quyền đẩy ra ở Ngọc Thanh Quán huyện Đông Triều tỉnh Hải Dương. Tôi cũng phải rời cung Bảo Thanh về ở phủ Thiên Trường, mang danh hiệu Thiếu Đế mà không có quyền bính. Kẻ ăn, người ở trong nhà chỉ còn mỗi u Đào và bồ Phúc. Bồ Phúc cũng già lắm, lúc xưa là con của thầy đồ, được nội tổ Trần Hấp rước về dạy chữ Hán cho cụ cố Thủ Độ. Thầy đồ qua đời, con trai ở lại giúp việc rồi thành bồ. Lúc tôi bước chân ra sân, nắng rơi lác đác trên những tờ giấy chép chữ Thánh Hiền. Bồ Phúc đang ngồi lom khom phơi kinh sử, mặt bồ ngơ ngác, nói cười như mếu:

- Bẩm Thiếu Đế ra sân châu?

- Đạo đã nát, chữ đã nhòe mực, bồ còn phơi làm chi?

Bồ nhướng mắt ngạc nhiên, những xấp kinh Luận Ngữ của Khổng Tử nhàu nát trong tay bồ. Những tấm giấy đen đuôi chép Đạo Đức Kinh của Lão Tử ố vàng, thấm nước mềm ùng như bún. Bồ Phúc không hiểu tôi nói gì, lại cúi xuống chăm chỉ xếp từng tờ một, ngay ngắn, thẳng hàng. Những ngón tay già héo của bồ chậm chạp vuốt lại những trang Nam Hoa Kinh rồi bày trên mặt đá. Một cơn gió thổi bất ngờ làm chữ nghĩa bay tán loạn, bồ Phúc hồi hả tất tả chạy đuổi theo cho tới lúc cả chiếc bóng bồ cùng những tờ giấy mát hút. Sân đá lạnh căm. Không chiêng, không trống, không cờ hiệu, không cả tiếng hát của cung nga, tôi đứng tro tro một mình. Phủ Thiên Trường lúc xưa là nơi khởi phát của tộc Trần, về sau là nơi các thượng hoàng sau khi truyền ngôi cho thái tử về dưỡng lão. Chiếc nôi của triều đại mỗi ngày một cũ mục, suy tàn. Tiếng gió lay lắt mấy tấm rèm cửa.

Mãi đến chiều bồ Phúc mới lượm hết chữ Thánh Hiền trở về. Mặt mũi bồ phờ phạc, thở hổn hển. Trông bồ tội nghiệp. Tôi lại đứng xem bồ nhẩn nại phơi kinh sử. Tôi muốn tìm người hiền kế, nhưng không có ai khác, đành hỏi bồ:

- Quý Ly muốn soán ngôi, tôi còn nhỏ dại, phải làm sao?

Bồ Phúc đang ngồi xỏm, lấy đá lên giấy, nghe tôi hỏi bỗng ngừng phát lên chỉ tay xuống ao quát:

- Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo! Trận này không phá giặc thế không trở lại khúc sông này nữa!

Về mặt bồ Phúc đột ngột hùng dũng, quả quyết. Tiếng nói đánh thép của người bồ già làm tôi muốn khóc, không ngờ những lúc lâm nguy của gia tộc hãy còn người trung. Tôi ôm chầm lấy bồ Phúc, quỳ vội xuống đỡ bồ đứng dậy. Tôi vái sống bồ Phúc hai vái:

- Trời ơi! Mệnh trời chưa hết mới xui bồ về đây, thiên mệnh nhà Trần chưa hết, mai này về được kinh sư tôi nguyện không quên ơn cứu giúp! Vạy bồ có kế chi?

Bồ Phúc cũng xúc động lắm, hai vai run run, đưa tay vắn lại khăn nhiễu. Mặt bồ bần khoản, hết quần khăn lại vuốt vạt áo thâm, mãi mới ấp ứng:

- Nhỏ cò thì phải nhỏ cả cái rể nó đi!

Tôi sùng người chưa hiểu bồ Phúc muốn nói gì. Thấy bồ do dự, tôi gắng hỏi:

- Cỏ nào? Ở đâu?

Lúc ấy, tự nhiên mặt bồ Phúc mất hết thần khí, chỉ còn tro lại thân xác khô vắt của một kẻ già. Nhìn vào đôi mắt bồ trống rỗng, ngơ ngác, hai đồng tử bạc phếch, lơ đãng, tôi chợt hiểu. Hai cha con bồ Phúc theo hầu nội tổ Thái Sư Thủ Độ và họ Trần đã quá lâu, về già chẳng còn biết gì nữa; chỉ lặp lại những điều được rao truyền, nghe thấy. Tôi muốn giở cười, giở khóc, đâm giận mình thiếu lý trí, kể giữ ngôi báu không ai hỏi kẻ ở độ trong nhà.

Lúc tôi quay trở vào trong, hàng liễu rủ đứng dưới sắc trời chiều chạng vạng, vẫn vơ chiếc bóng của bồ Phúc hãy còn ngồi lom khom ngờ nghếch phơi ử chữ Thánh Hiền.

Đêm đó, sau bữa cơm, tôi hỏi u Đào:

- Tộc Trần chỉ còn mỗi mình tôi ư?

- Bẩm Thiếu Đế còn đông lắm.

U mỉm cười, hàm răng nhuộm đen tuyền làm vẻ mặt u thêm trắng. U nói u không bao giờ lớn, trước tôi không tin, bay giờ nhìn u đứng trong bóng tôi, vóc vạc nhỏ nhắn, hai tay xuôi mềm, hai chân bé bỏng, sau lớp da nhẵn còn giữ dáng dấp thiếu nữ, tôi mới nhận ra u hãy còn rất trẻ. U bung khay trà, rót vào chung kính cần mời:

- Bẩm Thiếu Đế ngự.

- U nói sao, tôi không hiểu. Đông là những ai?

- Bẩm tất cả.

U lại nhìn tôi do dự. Có điều gì bí ẩn u muốn giấu. Tôi nắm tay u, u run se se, tôi cảm nhận rõ ràng mạch máu ấm giữa lòng tay u chảy mạnh. Có lẽ u chưa bao giờ biết đàn ông.

- U còn thương tộc Trần thì dẫn tôi đi gặp.

Đôi mắt u buồn lắm. Đôi mắt u nhìn kỹ trong veo như đáy sông Thao, phảng phất tia nhìn của Linh Từ Quốc Mẫu. Tôi ôm u vào lòng và u bật khóc. U Đào khóc nức nở, nước mắt u đầm đìa, những giọt nước mắt của bao nhiêu năm cam nín, cam chịu, của nhẵn nhục cô đơn. U nuôi tôi từ tấm bé, nhưng chưa bao giờ tôi thấy u khóc nhiều và thành thật như tối đó. Tôi biết u không thể nói, nên u phải khóc. Tôi cũng khóc, vì gia phả tộc Trần xuống tới đời tôi là hết. Quý Ly đã sai Phạm Khả Vĩnh đi giết thượng hoàng Thuận Tông, như ngày xưa nội tổ Thủ Độ sai thất cổ Lý Huệ Tông chồng Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị ở chùa Chân Giáo. Vài hôm nữa chắc Quý Ly cũng cho người đến bắt ép tôi uống độc dược tự tử. Tôi úp mặt vào ngực u thổn thức. Nhưng u Đào đã lạnh lẽo leo gờ tay. Những giọt nước mắt

của u sao mau cạn? Tòì đâm ngờ u không khóc cho tộc Trần.

- Bẩm Thiếu Đế đã đến tuần.

U đốt đèn lồng dẫn tôi vào sân trong. Khoảng sân luas thừa gió, tối ám, nước rỉ hai bên vách tường lâu năm bám ẩm rêu. Khói nhang từ lư hương với vàng mã đốt liên tục cay nồng nặc. Bô Phúc đứng đợi kéo ngai cho tôi ngồi. U Đào đốt thêm nhang đèn vàng mã. Tiếng nước nhiều xuống vại nước nghe rõ mồn một. Cả một bức tường khổng lồ soi ánh trăng sáng như một trụ tháp nhà dát bạc. Bức tường sừng sững vĩ đại, bên trên khắc chi chít tên tuổi của những người trong tộc Trần, cùng những chiến công lung lẫy từ trận Tây Kết, đến Hàm Tử Quan, Vân Đồn, Bạch Đằng, hội nghị Bình Than, Diên Hồng... Nghi tục của các vua Trần về ở phủ Thiên Trường là mỗi tối phải mặc niệm trước bức tường đã ghi chép chiến tích. Tôi cũng không thoát ra khỏi tập quán đó.

U Đào với bô Phúc xá lạy rồi bước ra.

Chỉ còn tôi với chiếc ngai và bức tường mỗi lúc một sáng lộng lẫy. Ban đầu tôi tưởng là sáng trắng, song cứ mỗi lúc ánh sáng càng rực rỡ chiếu phát như bức tường là cả một khối ngọc khi ửng đỏ lúc long lanh ngời ngời. Ánh sáng huyền hoặc thu hút đến độ tôi không sao rời mắt đi được. Người tôi mụ đi, chả trách bao nhiêu đời vua Trần đều say mê chiêm ngưỡng bức tường. Ánh sáng từ bức tường thấm vào người tôi tới đâu tê mê tới đó, máu nhu thông chảy trong cơ thể, sáng khoái, rã rượi, ngọt lịm như say, toàn thân tôi vẫn ngồi yên trong ngai mà như ân ái với nhiều cung nữ, với Chiêu Thánh, với Thuận Thiên, với Linh Từ Quốc Mẫu, với cả u Đào. Ánh sáng cứ một lúc một mãnh liệt từng vòng từng vòng lớn mãi. Ánh sáng chỉ thoi thóp tắt dần khi trời ửng sáng. Nhiều đêm, nhiều tháng sau, mỗi tối tôi đều đến với bức tường. Cho đến lúc tinh khí kiệt quệ, tôi mới hiểu thứ ánh sáng huyền mộng đó đến từ hào quang của quá khứ.

mùa mưa gai sắc

Tôi biết Huệ đã lâu. Từ lúc Huệ còn niên thiếu, những trận mưa rào còn bất chợt đổ về qua qua ấp Tây Sơn, thứ mưa nóng và ẩm của vùng Qui Nhơn sỏi đá. Suốt quãng đời niên thiếu, hình như Huệ chỉ đi chơi xa có hai lần. Một lần lên Phú Xuân và một lần bơi xuồng băng ngang đầm Thị Nại. Cả hai lần, lần nào cũng có hai anh lớn của Huệ: Nhạc và Lữ.

Hôm ấy âm trời, cả một mặt đầm gợn sắc mây, mưa lướt thuốt mỏng như những cánh chuồn rù rì vẩn vơ trên mặt nước. Nhạc bản tính tục tần không ngớt lẩm bầm

trong miệng, quả trách trời đất. Nhạc quả những hạt mưa nhỏ mơn đưng vãi xuống khoang thuyền làm hồng cuộc vui. Lữ không nói gì, chỉ im lặng nhìn những cánh bèo nổi lặng lờ như không muốn trôi, trong ba anh em Lữ là người ít cá tánh nhất. Ánh mắt Lữ, lúc nào cũng phảng phất nghĩ ngợi, một chút buồn, một chút thiên vị vu vơ, chứa mà không chứa đạo Phật. Đợi Lữ leo lên ngồi rồi Huệ mới lấy sức, dẫm chân xuống nước, đẩy xuống cho xa bờ. Những đám lau lác đác, già nua, xanh điệp tách dần ra cho đến lúc không còn trông thấy nữa. Nhạc lau bầu hổi Huệ bơi ra giữa đầm. Nhạc ngồi ở mũi xuống, đứng chỗ, đứng vai vị của người con cả. Đầm Thị Nại không biết tự thuở nào mang tâm trạng u uất ui ui trên mặt nước, ngay dưới mưa cũng phảng lì không gọn sóng. Tiếng động duy nhất phát ra từ mái chèo khoắng nước trong tay Huệ. Huệ cũng ít nói, nhưng không câm lặng như Lữ, chỉ nói những khi cần, cùng những gì đáng nói. Tòai ngắm những bắp cơ trên cánh tay Huệ thông thả nhịp nhàng dầm mái, rồi vạc nước về sau, nhấc lên rồi lại thả xuống, cử động thuần nhất đến độ trông như Huệ không hề chú tâm đến việc bơi xuống. Nhưng có nhìn vào đôi mắt Huệ thì mới biết Huệ tập trung lắm. Hướng xuống đi không chệch, không lệch về trái, không thả sang phải, thẳng tắp theo một hướng đi mà Huệ tự chọn lấy.

Mặt nước u tịch, im lìm, chốc chốc lại vang tiếng khạc nhỏ của Nhạc. Nhạc mắng Lữ và Huệ chọn đi đâu không đi, ra chỗ buồn tênh. Thái độ gắt gỏng cộc tính của Nhạc, hơn một thói quen, thành thứ nền nếp trong nhà đến độ Lữ và Huệ không buồn chú ý. Suốt buổi đi chơi, ba anh em không ai vân chuyện. Gần về, Huệ chỉ nói một câu duy nhất:

- Nước ở đầm này bao nhiêu đời không thay, vừa đục, vừa tanh, mai mốt có quyền chức, tôi sẽ cho thay nước.

Nhạc đang ngồi xếp bằng ở mui, nghe Huệ nói, liền khắc thêm đờm xuống đầm, cho là chuyện không đâu. Còn Lữ nói một câu vô thưởng vô phạt:

- Đầm này không sạch bằng cửa sông đổ ra An Nhon.

Huệ cũng không bằng lòng, gắt:

- An Nhon cũng không sạch.

Những khi giận, hai tròng đỏ trong mắt Huệ lập lòe lửa, tất cả thần khí dữ dội hiện lên ở đồng tử, nên nhìn rất sợ. Nhạc và Lữ biết rõ tánh Huệ nên im lặng không nói thêm điều gì. Đoạn đường từ đầm về bờ, chỉ còn tiếng mái chèo Huệ sục sạo cắm xuống mặt nước. Sông xẻ hai bên mạn xuống, trong ba anh em bao giờ Huệ cũng là người cầm mái, tạo ra sóng.

*

Lần ra Phú Xuân thứ nhất, trong đời Huệ, có lẽ cũng là lần quan trọng nhất. Phú Xuân ở vào thời điểm đó mang sắc đẹp của một người đàn bà cực kỳ sắc sảo, nhưng đã chung chạ quá nhiều, sau bao nhiêu đời chồng đắm ủ ê, bệ rạc. Song trong đôi mắt của Huệ, xuyên qua cặp mắt của Lữ, trước cái nhìn ham muốn của Nhạc, Phú Xuân giữ nguyên vẹn nét lộng lẫy, thứ lộng lẫy tìm thấy trên yếm gấm viền thêu mà những người con gái ở ấp Tây Sơn, huyện Phù Ly không có để mặc trên mình. Hôm ba anh em Huệ tới Phú Xuân, trời cũng vẫn mưa, nhưng không phải thứ mưa đông cầu thả, ít nước nhiều hơi không đủ làm mọc những ruộng lúa phì nhiêu quanh thành Qui Nhơn. Mưa ở Phú Xuân là những vầng mưa ngà ngọc, buông như buông trướng, kiêu sa đổ đều lên mái tường thành cung điện của

Nguyễn Vương. Nhạc đã trưởng thành, nhưng không bao giờ chững, không đủ sức kềm chế trước vẻ lẳng lơ lộ liễu, da thịt mời gọi của Phú Xuân. Vẫn bản chất tham lam của người đã chọn cho mình nghề biếm lại, Nhạc vỗ đùi rồi để bàn tay ở lại tự mân mê như đang sờ nắn chỗ kín của một người đàn bà chốn kinh kỳ:

- Trên đời được làm Nguyễn Vương thì mới đáng sống!

- Anh làm Nguyễn Vương cho tôi một chỗ trong cung, tôi thích dây lầu nóc *giá chiêng* phía hữu.

Lữ cảm hứng từ tham vọng của Nhạc, góp ý.

Mưa vẫn ướt mặt ba người. Những hạt mưa dãi các lạnh lẽo tiếp tục rưới xuống dinh thự nhà Chúa. Song mưa không làm tắt nổi ánh lửa cháy rập rờn trong đôi mắt Huệ. Tia lửa ngời lên như muốn tấp vào mặt Nhạc.

- Sống chỉ ao ước như Nguyễn Vương là một kiếp sống ngu xuẩn. Mà được như Nguyễn Vương cũng chưa phải là tất!

Nhạc quay phắt lại, giận dữ vì bị xúc phạm, nhưng chất cộc cằn thô tục ngồn ngộn trong con người Nhạc chưa kịp phát ra đã chạm phải ngọn lửa nóng bỏng ở đôi mắt Huệ đành nén giọng, chỉ rít qua kẽ răng:

- Thế nào mới không ngu xuẩn, mới gọi là tất?

- Giết Nguyễn thì được Nguyễn, giết Trịnh thì được thêm Trịnh, Nam lẫn Bắc Hà thế mới gọi là Đế!

Buổi trưa ở Phú Xuân, Huệ khơi dậy lần đầu tiên ý niệm vương đế. Cái ý niệm phải thực hiện để khỏi sống kiếp người ngu xuẩn. Năm đó Huệ chỉ mới mười sáu tuổi, lứa tuổi thật thà và hay ước vọng. Huệ mơ ước, nhưng không đủ thật thà để nói với Nhạc cái người đẹp Nguyễn,

diệt Trịnh xưng Đế phải là mình. Sau này khi đã toại ước, Huệ cũng không còn là Huệ ở đầm Thị Nại, ao ước có quyền chức để thay nước đầm đã quá cũ kỹ, nổi rêu xanh. Huệ chỉ nghĩ tới việc giết người để lấy phần người chết. Ở khía cạnh đó thì Huệ vẫn mãi mãi là Huệ. Nhưng có điều Huệ không ngờ ở đất Bắc Hà, có một người cũng nghĩ như Huệ. Song đó lại là chuyện khác.

*

Tháng sáu năm Bính Ngọ 1786, Thăng Long như bầy heo nái nằm đợi người tới giết. Tâm trạng của vua Lê Hiển Tông trong cung Vạn Thọ là tâm trạng của con heo nái xê suốt bốn mươi bảy năm ở ngôi, chỉ làm nổi một việc là cho thê thiếp lâm bồn hai mươi mốt vị công chúa. Cảnh Trịnh Khải bị thọc tiết ở làng Hạ Lôi, tỉnh Phúc Yên sau khi bại trận thê thảm trước quân Tây Sơn ngay cửa Tây Long, càng làm long thê vua Lê thêm bất an, hoang mang, cực kỳ lo lắng. Trong khuê phòng, Ngọc Hân như lửa cháy. Suốt mấy đêm liền, canh này qua canh khác, Ngọc Hân bồn chồn trong tiếng trống giục điểm canh. Đã đành cái tin Trịnh Khải mất mạng ở làng Hạ Lôi làm nàng thỏa mãn. Ngọc Hân không ngớt bắt kẻ hầu kẻ đi kể lại chi tiết cảnh Trịnh Khải rút dao tự đâm cổ chết. Máu Trịnh Khải đỏ gấc? đỏ bầm? hay đỏ tươi như thắm điều lót chân cho Khải mỗi lần hấn ghé qua cung Vạn Thọ? Trịnh Khải trong mỗi bữa ăn ở phủ Chúa, khi yến tiệc tàn thường vung tay quát tả hữu:

- Dem mấy cân thịt thừa qua cung Vạn Thọ kéo lão già chết đói!

Ngọc Hân nhớ đời những câu mỉa mai ấy. Hai bàn tay nàng bấu chặt lấy tấm màn nhung vì phẫn. Ngọc Hân

đã thể độc sẽ rửa mối nhục cho vua cha, nhưng bay giờ Trịnh Khải thác rồi, mà không bởi tay nàng, khiến Ngọc Hân tuy thỏa mãn nhưng chưa hả dạ. Nụ cười trên môi Trịnh Khải, nụ cười mang nốt ruồi dư giật giật mỗi khi chiếc cầm bành ra phán lệnh còn sống trong trí não Ngọc Hân. Nàng nghiêng người nắm ghì lấy tay nhũ mẫu, giọng kích động:

- Rồi sao nữa? Máu hãn chảy nhiều không? Hấp hối trong bao lâu? Có rống gào không?

- Bẩm nghe bảo Chúa đau đớn lắm, lúc chết gào tên “Huệ”.

Thoắt cái, Ngọc Hân buông tay nhũ mẫu. Tấm trướng bao phủ đất không che được những nghĩ ngợi rối rắm trong đầu Ngọc Hân chỉ trực trào ra ngoài. Nhũ mẫu nàng vẫn nhắc đến tên con người đã làm kinh thiên động địa đất Bắc Hà. Nguyễn còn, Trịnh còn, thì Lê không phát. Nguyễn vong, Trịnh diệt, nhưng còn Tây Sơn thì Lê cũng mặt. Tất cả bỗng trở nên giản dị trong đầu Ngọc Hân. Nàng với tay lấy tráp phấn son rồi gọi nhũ mẫu đi lấy xiêm áo cho mình.

Năm Bính Ngọ, Ngọc Hân chỉ mới mười sáu tuổi, nhưng mang tất cả nhan sắc của Bắc Hà. Ngọc Hân biết mình đẹp, và biết sắc đẹp là vũ khí duy nhất của người đàn bà. Nàng dồi phấn lên mặt, chăm chỉ chuốt lông mày. Những ngón tay tỉ mỉ kẻ viền mắt, đánh thật sắc khóe mắt vốn đã sắc lịm bén như nước lam nhìn ai thường hợp hồn kẻ đó. Ngọc Hân không vội, chậm rãi dần hết công phu vào việc trang điểm. Lúc bà nhũ mẫu mang xiêm y tới sau lưng, người bà chợt rợn lên vì hình ảnh lúc ấy trước mặt, không phải hình ảnh điểm trang thông thường, mà là cái

cánh của một người con gái sắp thành đàn bà ngồi đánh mắt như đang mài dao, mài miết cho đến lúc bản thép nhọn, bén người.

Ngọc Hân thay áo, thứ hàng lụa mỏng mát rượi chảy mềm trên thân thể nàng. Dăm cánh hoa cúc vàng điểm lấm tẩn ở chéo áo như hé mình bung cánh nở đẹp lạ thường ở mỗi bước chân uyển chuyển của Ngọc Hân. Hôm nay Huệ và Chinh vào gặp vua Lê. Ngọc Hân quát nhũ mẫu lấy giấy bút cho mình làm vội bài phú để lấy lòng Huệ. Ngọc Hân chấm bút vào mực, nóng nảy viết thoăn thoắt một lúc 164 câu. Trong lúc sơ ý, nàng để ống tay áo nhúng vào liễn mực thấm loang một góc. Đến khi đọc lại đến đoạn *mà nay áo vải còn đào...* mới chợt nhận thấy tay áo mình bị ố. Chỗ lụa lấm đen làm nàng khó chịu, toan đi thay, nhưng rồi chợt nghĩ biết đâu chỗ mực lem ấy sẽ làm Huệ cảm động. Ngọc Hân đọc lại bài phú, lời lẽ nhún nhường mà sắc, các thanh chập vào nhau như tiếng dây chuông rung ở cửa lầu phủ Chúa. Huệ là kẻ biền võ, nhưng đọc thì ắt phải xúc động. Đã có tiếng trống hiệu đón người ngựa của Tây Sơn vào cung Vạn Thọ, Ngọc Hân búi lại tóc, tra thêm chiếc trâm cài có nạm ngọc, dấu hiệu của trình tiết không thể thiếu trong buổi ra mắt đầu tiên. Âm trống chưa dứt và tiếng đập mạnh của trái tim trong lồng ngực làm nàng nghe như tiếng chân Huệ dồn dập bước lên điện. Cái con người đang nắm vận mệnh Bắc Hà, Ngọc Hân quyết chiếm cho bằng được, trả bất cứ giá nào kể cả bán thân xác. Nhũ mẫu gọi hai tỳ nữ đi theo nàng, lúc ra khỏi khuê phòng, Ngọc Hân không quên đem theo bài phú xếp trong áo.

*

Hữu đồ đốc Tây Sơn Nguyễn Hữu Chinh đồng dục

đi lại, điệu bộ của con lang đi theo chấm mút bữa ăn còn sót của hổ. Khuôn mặt Chỉnh dài, cái cằm nhọn, cánh mũi mỏng quá độ dễ làm liên tưởng đến mỏ quạ. Chỉnh nói chuyện nhưng không nhìn Hiễn Tông xem như không có. Ngọc Hân vừa giận, vừa thất vọng. Huệ không đến, Chỉnh đi lại một mình bàn chuyện tấn phong Nguyên Sứ cho Huệ ở điện Kính Thiên. Vua Lê – con heo già – chỉ biết giương đôi mắt lơ đãng thờ ơ, tán đồng, thứ công việc mà người ta đãi công bằng chiếc ngai son son thếp vàng lâu ngày tróc lở như lên hủi. Xong chuyện, Chỉnh cho vua Lê lui gót rồng, còn lại một mình hần cười khẩy sàm soi sàm sỡ nhìn Ngọc Hân. Khóe miệng Chỉnh khinh khỉnh, khẽ nhếch lên đuổi hết tả hữu ra ngoài, đai áo óp vào rồi phình ra theo nhịp thở có mùi trâu cay bám đờ ở những kẽ răng Chỉnh mỗi lúc gần sát mặt Ngọc Hân. Chỉnh đưa đẩy mấy câu vu vơ bàn chuyện hôn nhân sắp tới, tia mắt chỉ chực dịp là thả vào ngấn cổ Ngọc Hân để đo lường sắc trắng của da thịt với vải lụa bạch. Ngọc Hân nhìn trừng Chỉnh, nhưng cái thể của nàng chưa cho phép đối đầu với Chỉnh. Chỉnh nắm Ngọc Hân như nắm chuôi dao, muốn chém vào đầu thì chém. Chỉnh xòe một bàn tay trước mặt Ngọc Hân, bàn tay có đeo chiếc nhẫn khảm phượng, phần thưởng thi Hương Cống của vua Lê ban cho Chỉnh lúc xưa.

- Thiên hạ vạn kẻ, nhưng nhân tài ở đất Bắc Hà chỉ một mình ta. Ta về với Tây Sơn, Bắc Hà chỉ là cái đất không! Chỉnh hầm hè.

Chưa rõ Chỉnh muốn gì, Ngọc Hân nửa muốn bước lùi một bước để tránh hơi thở ám mùi trâu lẫn mùi giềng của gã, nhưng lại sợ Chỉnh khi mình chịu kém, nàng dùng dằng chưa biết tính sao. Chỉnh lại cất giọng:

- Cuộc hôn nhân này, phú quý vinh hoa chỗ nằm bên cạnh Thượng Công thì chớ quên ta.

Chỉnh vừa nói, bất ngờ chụp lấy vai Ngọc Hân, rồi lợi dụng Ngọc Hân đương bối rối, Chỉnh luồn ngay tay vào trong yếm ghi chặt lấy ngực nàng.

- Buông ra!

Ngọc Hân vùng vẫy, đẩy Chỉnh, cố lùi ra sau nhưng lưng đã chạm bức chắn bình phong. Vừa hổ ngươi, vừa nhục, Ngọc Hân vùng tay tát trái Chỉnh. Song Chỉnh phản ứng bằng tất cả nhanh nhẹn tốc chiến của thủy quân Tây Sơn, bẻ quặt lấy tay nàng.

- Tri hô cầu cứu đi! Để cho Thăng Long rõ cái nhục của cung Vạn Thọ!

Chỉnh chồm người, găm gù, đẩy đắc thắng, bàn tay vẫn luôn trong yếm đào, vừa mân mê, vừa đe dọa. Thư phòng vắng người, như tất cả đang đồng lõa với Chỉnh. Một bức hoành phi sau lưng Chỉnh chạm lõng đôi Giao Long đang cấu xé nhau như hoạt cảnh diễn ra. Ngọc Hân giận tím mặt. Bàn tay Chỉnh động mô hôi ẩm ướt trên da thịt khiến nàng lợm giọng. Ở người con gái khác sẽ là mối nhục ngàn đời đưa đến tự vẫn, nhưng với Ngọc Hân đó là lối xử ngu xuẩn. Máu nóng dồn lên làm đôi mắt nàng vốn sắc sảo càng thêm sắc. Tia mắt Ngọc Hân dữ dội đến độ, đương suồng sả, Chỉnh lặng đi, choáng người, phải rút vội tay. Ngọn lửa đằng đằng sát khí trong mắt Ngọc Hân, Chỉnh đã trông thấy nhiều lần trong đôi mắt Huệ. Đôi mắt của kẻ hiếu sát, đã quả quyết làm gì là làm cho đến cùng. Châu thân Chỉnh lạnh toát, mồ hôi bất ngờ vả ra ở sống lưng. Ánh mắt đương cháy lập lòe của Ngọc Hân rõ ràng là ánh mắt của Huệ, cái nhìn trừng phạt của Huệ trước cảnh

hành quyết. Lấn vào Gia Định tàn sát tập thể các *chú khách*, Huệ đã nhìn những xác người Minh Hương bằng cặp mắt của Ngọc Hân đang nhìn Chinh lúc này. Chinh cảm thấy khó chịu, khô ở đầu lưỡi, gương gạo sữa lại dai áo. Ngọc Hân tiếp tục nhìn trùng trùng cho tới lúc Chinh phải quảy quả bỏ ra. Ngọn gió luồn từ cánh cửa Chinh không khép thổi lửa thốc qua gian phòng. Những lá thế kỳ, cuờm hoa mừng chiến thắng Tây Sơn diệt Trịnh treo khắp nhà như cung Vạn Thọ đang có lễ tang. Khuôn mặt Ngọc Hân vẫn tím xanh vì giận dữ. Nếp vải xỏ ở ngực áo như còn bày năm dấu tay Chinh in trên mình nàng. Ý nghĩ căm ghét quan lính Tây Sơn càng tăng trong đầu Ngọc Hân. Đến lúc nắng xéch qua rèm cửa, rọi lờ khóm trúc trồng ở chậu đồng, Ngọc Hân mới bỏ vào trong, nhưng bàn tay Chinh cũng đã theo nàng vào khuê phòng.

Suốt trưa đó, Ngọc Hân bút rút, khó chịu, ý nghĩ có mối thù chưa trả làm nàng như đứng trên giàn hỏa. Đến chiều, bức bối không sao chịu nổi, Ngọc Hân sai thị tỳ cùng nô tài khiêng kiệu đưa nàng ra cửa Tuyên Vũ xem bêu xác Trịnh Khải. Tất cả những uất ức của Ngọc Hân như được trút ra khi trông thấy thủ cấp nhà Chúa. Đầu mắc một nơi, xác phanh một góc. Cả xác của Nguyễn Noãn gia thân Trịnh Khải và Đỗ Thế Long bị quy phản dìm chết ở sông Phú Lương cũng được vớt về căng lên cho mọi người làm gương. Ngọc Hân nhìn ngắm chăm chăm từng nét mặt của Trịnh Khải, từ cặp mắt trợn ngược, nốt ruồi dư mà lúc sinh tiền Khải thường hay vằn vê, đến lỗ dao sâu hoắm ở cổ họng và những sợi gân còn vướng mắc đọng đưa lòng thông bên dưới. Ngọc Hân cảm thấy hả dạ, cúi xuống lần lần khăn san cầm ở tay ra vẻ xúc động, nhưng kỳ thực là để

che dấu nụ cười thỏa mãn, cực sung sướng. Lần đầu tiên nàng khám phá ra hiệu quả của những xác chết có thể giải bày mọi uất ức trong người mình. Ngọc Hân lấy móng tay vẽ mơ màng lên khăn tay. Hai gã nô tài đợi lâu, dợm chân định đưa kiệu về, Ngọc Hân đã ngừng phất lên bất ngừng, để nàng được dịp ngắm Trịnh Khải cho thỏa thích. Nhưng lần này ở chỗ móc xác Trịnh Khải, Ngọc Hân mừng tượng ra thủ cấp của Chính.

*

Đám cưới của Huệ sau chiến thắng vang dội được xem là một ngày trọng thể. Trong phủ Chúa, binh lính Tây Sơn tạm đóng đại bản doanh, người con rể của Thăng Long đi lại với tất cả dáng vẻ của một con hổ sau bữa tiệc hoành tráng. Huệ ở thời kỳ này đã khác xa Huệ của Thị Nại, hay Huệ của Phú Xuân. Trong phủ Chúa, chốn sang trọng lộng lẫy nhất Thăng Long từng mảng da beo lớn trải làm thảm lót chân, Huệ đi lại trên đó và khắc nhỏ cũng trên đó. Những tấm khiên lớn bằng đồng bóng loáng soi khuôn mặt Huệ đỏ sần lên vì rượu. Tả đồ đốc Vũ Văn Nhậm nhắc:

- Sắp tới giờ, Thượng Công nên đi rước dầu.

Huệ đang dùng đoàn đao bổ đôi quả cau, quệt vôi rồi ăn sống, buông đao, ngừng lên nhìn Nhậm. Huệ thấy Nhậm y như lời Chính thường rỉ tai: Vũ Văn Nhậm hữu đồng vô mưu, đầu óc trống trải, tựa như một cánh đồng khô, không hoa, không lúa. Huệ gắt:

- Ta dẫn mấy vạn quân ra đây, đánh một trận dẹp yên thiên hạ, lão già họ Lê, dòng họ, ngai vàng lão thuộc về ta như trâu bò, đất đai, người ngòm của Bắc Hà. Việc gì phải đi đón! Dem con nọp thì ta lấy!

Chính từ nãy ngồi ở ghế trường kỷ, không ngớt rót

rượu cho Huệ, nghe Nhậm bị mắng, khề nhếch môi nhưng không cười. Chinh vươn tay bẻ một nụ vạn thọ cắm vào hoa trong lọ độc bình.

- Ý của Tả đô đốc là muốn Thượng Công giữ tiếng. Bề ngoài mình vẫn mang danh nghĩa phù Lê. Sá gì cái chức Nguyên Sứ, Dục Chính Phù Vận Uy Quốc Công. Ngai vàng của Hiến Tông, Thượng Công muốn ngồi lúc nào bọn tôi cũng kéo sẵn!

Mấy lời của Chinh làm đẹp lòng Huệ. Đang bản gắt, Huệ trở ra vui. Lại dùng đoản đao chém cổ bầu rượu. Hiểu lòng Huệ như Chinh, thiên hạ không có mấy người, kể cả Ngô Thi Nhậm sau này khi Huệ ra Bắc lần thứ nhì thu phục được. Vui vẻ nên Huệ trở nên hào phóng, trở lại trướng ngồi. Sau lưng Huệ là một tấm cờ đào to bản vẽ chính giữa một chữ “Tâm” thật lớn. Huệ vẫn hành diện về cách đãi người của mình, không “Dũng”, không “Mưu”, nhưng chính cái “Tâm” mà Huệ tự nhận là thiên tài lớn. Quân Tây Sơn đi đến đâu, Huệ cấm không được tơ hào, nhưng dân các vùng phải nuôi ăn và cúng góp. Huệ sai Nhậm:

- Thằng Chinh nói hợp ý ta ta. Người xuất kho hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, hai chục tấm đoạn mang sang cung Vạn Thọ, nói là của ta thí cho!

- Lễ vật cầu hôn của Thượng Công dâng lên Hiến Tông.

Chinh chữa lại.

Nhậm từ nãy nóng bừng mặt vì mấy lời bàn của Chinh, nhưng vốn chậm chạp, còn lúng túng chưa kiếm được cách “phóng trả lao”, thì Huệ đã giục:

- Thằng chết bẩm! Còn đứng đó!

Nhậm vội vã cúi chào lãnh mệnh đi. Nhậm đi khuất,

chất hào phóng trong người Huệ cũng tan đi. Huệ đâm tiếc của, nhưng ngại nói ra mất mặt trước bề tôi, đành hỏi vờ:

- Ta xuất kho nhiều như thế, liệu đủ chăng?

- Thấm vào đâu!

Chỉnh vẫn vờ về nụ vạ thọ, trả lời. Những cánh vàng mềm mềm áp trong tay khiến Chỉnh vụt nhớ tới Ngọc Hân, nhớ sắc đẹp mê hồn mà sắc sảo, Chỉnh lỡ đụng vào đứt tay, vết thương không khép miệng. Tự nhiên Chỉnh ghen tức với Huệ, vờ nạt nụ vạ thọ, mĩa:

- Dân Bắc Hà chăm cúng góp. Thượng Công muốn bao nhiêu trong kho cũng có!

Nhưng Huệ không hiểu thâm ý, mẫn nguyện ngả người lên bệ Chúa. Cuối tháng sáu, tiết trời Tháng Long đã chục bước sang tháng bảy nên hầm bức. Huệ cỏi hần chiến bào nằm duỗi người đang vai như dáng nằm của loài hổ chui mình trên cỏ trước con rượn đực. Chỉnh biết ý Huệ không còn muốn tiếp chuyện, lảng lạng bỏ về. Những cánh vạ thọ còn dính ở kẽ tay khiến lòng Chỉnh bâng khuâng, vừa tiếc Ngọc Hân, nửa giận Huệ. Mưu phản ngấm ngấm từ lúc đó.

*

Đêm hợp cẩn của Ngọc Hân, mưa xé qua rèm trướng phủ Chúa. Tất cả hầm bức của ban ngày nổ tung xuống nóc lầu Tử Cáo. Trước đây là chỗ riêng của Trịnh Cẩn. Tiếng sấm dậy vạch chớp những đường dài lờ lợc nơi ô cửa. Tâm thần Ngọc Hân dao động theo dông bão trộn lẫn những bối rối lo lắng tìm cách khuất phục Huệ. Nằm một mình trên chiếc giường của Trịnh Cẩn, Ngọc Hân không ngớt nghĩ ngợi tới những người con gái đã vào nằm trong lòng giường này. Từ thời Trịnh Tùng Bình An Vương đến

Tôn Đồ Vương là Trịnh Cán, tính ra tất cả chín đời Chúa, hai trăm mười ba năm ròng rã. Bao nhiêu người con gái tan xương nát thịt dưới mình Chúa? Bây giờ tới phiên Ngọc Hân. Nếu không là Huệ, thì trước sau nàng cũng phải thất thân với Trịnh Khải. Trước sau Ngọc Hân cũng phải trao thân cho kẻ nắm quyền ở Bắc Hà, như cánh cửa ải phải đi qua. Việc quan trọng là sau khi qua ải, phải làm thế nào để khôi phục vương triều Lê. Ngọc Hân cần môi, day trở một lúc rồi không nằm được nữa, những kèo cột *chống rường* và *thượng lương* chống đỡ nóc lâu như cú muốn ngã vật đè lên đầu nàng. Ngọc Hân bực bỏ ngời dậy, xoay mặt vào vách đợi Huệ.

Đêm khuya lắm. Tiếng trống kéo dài thông suốt chạy xoáy qua khắp hành lang. Huệ vẫn còn ngồi uống với bọn Chinh, Nhậm. Uống theo kiểu Tây Sơn, từng cối, từng thau, khi uống vực mặt vào chậu cho ướt hết tóc tai. Rượu là thứ rượu đế của làng Vân ngoại thành Thăng Long cay xè lưỡi, nhưng xuống đến cổ thì ngọt lừ hương vị của men rượu hạ thổ như đưa hết âm khí của đất Bắc Hà vào mình, khiến bao nhiêu nước trong người Huệ theo mồ hôi xuất hạn đầm đìa, như muốn dành chỗ để chứa rượu. Uống đến thau chót, Nhậm đã say lắm, nhưng còn sức nhớ điều gì, khuyên Huệ:

- Lầu Tử Các ngày xưa là chỗ ở của Trịnh Cán, làm Chúa chưa đầy hai tháng thì bị truất, Thượng Công hợp cản ở đó không nên!

- Thượng Công oai vũ uy dũng, cho sống thì sống, bắt chết phải chết, có sao phải sợ?

Chinh ngà say, nhưng cũng cất giọng, theo thói tật hể Nhậm bàn điều gì thì Chinh phải bác đi. Huệ lừ lừ dốc

hết thau rượu, rồi đứng lên, hai ngọn lửa trong mắt vẫn không suy suyển, rượu chỉ làm sức cháy bùng lên mãnh liệt hơn.

- Đạo làm tướng không biết sợ! Chỉ có mệnh trời mới hại được ta!

Huệ tiện tay lật bàn. Chinh và Nhậm ngã chúi xuống nền nhà. Nhậm nhằm con, ới mùa tung tóe. Chinh vừa lấy tay lau mặt, vừa gạt chén đĩa thau chậu quanh mình, nhìn Huệ hậm hực cố gương dậy. Song Huệ đã lừng lừng bỏ đi. Ánh đèn lồng treo ở *xà thượng*, về khuya, vắt lên lưng Huệ những vằn vện của cột mái trông như tấm lưng hổ đi kiếm mồi.

*

Lúc Huệ dẫm chân lên thang lầu Tử Các, mùi xạ hương tẩm trong chăn gối bỗng tan mất nhường cho hơi rượu nồng nặc. Chưa trông thấy, nhưng Ngọc Hân biết ngay Huệ đến. Nàng xoay mặt đợi, hơi nép vào tấm màn thêu quanh giường. Đã chuẩn bị sẵn, nhưng lúc Huệ đẩy cánh cửa gỗ nặng nề chạm long ly qui phượng, rồi giật mạnh tấm màn gấm che ngoài, Ngọc Hân cũng thót người sợ hãi. Tia lửa lập lòe từ mắt Huệ cháy ròn ròn như muốn đốt nàng. Huệ quả như lời đồn đãi, vai to bè hơn vai tề giác, mặt vuông ván gỗ. Huệ cất tiếng nói. Giọng ồ ề vỡ ra như tiếng thác đổ vào giữa khuya. Huệ nói gì, Ngọc Hân không hiểu, hơi rượu ngập ngựa kèm theo chữ mất chữ còn phát ra từ thân hình quá đầy đà chỉ chực đổ xuống. Giọng vỡ của Huệ làm Ngọc Hân nhớ tới lời đồn, trước đây giọng Huệ thanh, từ khi kéo quân ra Rạch Gầm đánh quân Xiêm tự nhiên mất giọng, tiếng bể như tiếng rạch nước đổ xuống trùng sâu. Dân dã bảo là điểm trời không thuận

cho Huệ diệt Nguyễn Ánh. Ngọc Hân nín lấy vải mền, bao nhiêu quả quyết như tan vụn trước mặt Huệ. Nhưng Ngọc Hân không muốn bị khuất phục, không muốn Huệ cưỡng chiếm mình như cưỡng chiếm dinh thự, trâu bò của Bắc Hà. Nàng nhìn trừng trừng Huệ. Cái nhìn của con thú sắp bị cắt tiết. Cái nhìn của Ngọc Hân có thể làm chùn tay Chinh, nhưng với Huệ – uy-vũ-dũng – cái nhìn chỉ làm cho Huệ đang say bỗng sôi gan. Huệ chụp lấy ngực áo cưới của Ngọc Hân xé toạc. Bằng hành động của con mãnh thú, Huệ xô ngã sắp Ngọc Hân ra giường, tháo dây đai quật xối xả lên tấm lưng mảnh dễ tưởng như giải lụa bạch đang oằn mình chịu đòn. Huệ quất như thúc voi, thúc ngựa, tiếng roi đánh chát chúa tóe lửa vun vút cuồng nộ. Rồi không kềm chế được, như Nguyễn Nhạc ngày xưa mất tự chủ trước da thịt mời gọi của Phú Xuân, Huệ đè ngựa lên biểu tượng trinh trắng của Thăng Long. Những bắp cơ Huệ còn nhóp nhép mồ hôi quắn lấy mình Ngọc Hân đang nghiến chặt răng chịu đựng. Huệ vục xuống gáy Ngọc Hân cắn như xé thịt. Dáng đè của Huệ, hai đùi chống xuống giường, mình trần phủ lên người Ngọc Hân y như dáng hổ đang ngoạm hoẵng. Đến lúc Huệ bắt Ngọc Hân co hai đầu gối, thì nàng quá đau đớn không dần được, bật tiếng kêu nức trong đêm tối. Huệ nghe tiếng nức, khoái cảm càng tăng lên như những lúc chúng kiến hành quyết. Dao phủ Tây Sơn xử trảm bằng cách chém ngựa nghịch nhân, mã tấu phập xuống tiếng thét của tội đồ bị đứt ngang ở cuống họng chỉ phát ra được tiếng nức khô. Tiếng nức khô của Ngọc Hân lúc này.

Mùi mỡ trong đèn chai cháy ẻo uột ngọn lửa lúc tối lúc sáng, căn phòng của Trịnh Cán đóng xong vai trò

lịch sử rơi chìm vào giấc ngủ đắm mùi rượu đế của Huệ. Con dòng chùng xuống sau gần suốt đêm quất qua lầu Từ Các. Những hột mưa gai sắc như muốn trở mái bắn xuống mình Ngọc Hân ẩm ướt, tui hỏ. Lúc cơn mưa tạnh hẳn, bóng trăng bắt đầu lấp ló, chạy ngang trên trục *xà hạ*, thì Ngọc Hân không còn thấy đau đớn, chỉ trông rõ xác Huệ bị bêu ở Tuyên Vũ. Thói đời phong kiến, nợ máu phải trả bằng máu. Ngọc Hân chấm tay vào giọt máu còn rỉ ra ở bụng mình, đưa lên môi, máu của họ Lê phải trả bằng máu của Tây Sơn.

*

Lúc tôi ra Thăng Long, tiết trời tháng bảy nặng nề lắm. Những cánh lá bàng to như xác trâu mộng, rụng ỉ ạch xuống kinh thành đã cũ mục, dậy mùi cũ kỹ, từ triều đại đến máu huyết. Huệ đợi tôi ở phủ Chúa, Huệ hơi ngượng, tia mắt dữ dội của Huệ nhìn lên tấm vải cờ đào vẽ chữ “Tâm”. Nhưng rồi như nhận ra chữ “Tâm” không đúng với lối hành xử của mình, Huệ lại nhìn xuống ngón chân bị dập từ thuở thiếu thời, máu bám làm đen móng. Trong thiên hạ, có lẽ chỉ mình tôi là Huệ không dám hành xử chữ “Tâm”, dùng ngọn lửa của đôi mắt để đốt... Huệ sai Nhậm lấy rượu ra uống. Tôi cùng uống thố rượu mời của Huệ. Giống như thời ở Qui Nhơn, hết thố này qua thố khác, hết chậu này sang chậu khác, bao giờ Huệ cũng say trước tôi. Tôi được trời phú cho khả năng ngậm rượu. Rượu tôi uống vào, bao nhiêu cũng chảy sang mình Huệ. Làm như thân thể cả hai nối với nhau bằng một sợi giây vô hình. Uống một lát, rồi Huệ quát đuổi Nhậm và Chỉnh ra. Phủ Chúa lộng lẫy mà lạnh lẽo sự lẻ loi cô độc của Huệ. Tôi nhắc chuyện Nhạc ở Qui Nhơn không bằng lòng việc Huệ

ra Bắc. Thái Đức sắp kéo binh ra. Nhưng Huệ thờ ơ lắm, không để tâm, hay không xem Nhạc ra gì. Nhìn mấy bông vạn thọ cắm vụng về trong lọ, tôi hỏi Huệ:

- Phủ Nguyên Sứ sao chung thú bông quê mùa này? Đất Bắc Hà không thiếu hoa đẹp, hồng gai, phong lan, thủy tiên, hoa loa đỗ...

- Ta không biết thưởng hoa!

Huệ lắc đầu, chán chường đáp. Rồi không dần được, trong vật vã của cơn say, Huệ kể hàng đêm phải lòi Ngọc Hân ra đánh mới thỏa mãn. Khuôn mặt Huệ lúc đó đau khổ lắm. Huệ lại kể hôm giữa tháng bảy, “con heo già” mất, Hoàng Tôn Lê Duy Kỳ lên ở ngôi. Ý Huệ không thuận, bởi Huệ muốn ngồi trên ngôi báu đó, nhưng lòng dân chưa ngã ngũ. Lễ Thành Phục Huệ đưa Ngọc Hân về lãnh tang, trước linh sàng Hiến Tông, Huệ nóng nảy sai Nhậm chém một viên Tả Phiên triều Lê, chỉ bởi hắn dám cười cách đọc điệu văn của Huệ. Lúc chém: Nhậm cầm dao chém ngựa, máu bắn cả vào ý Hiến Tông đặt trên linh sàng nơi cửa Đông. Thủ cấp Huệ sai bỏ trên mâm bạc đặt lên áo quan vua làm kinh động khắp thành. Thân nhân người có tội hay biết, chạy đến cửa cung kêu khóc. Huệ cũng sai chém. Tính ra lúc động quan, chém cả thầy mười bảy người. Càng kể, hai mắt Huệ càng ngầu đỏ vẫn đục. Huệ ngồi trên một chiếc rương to, hai người ôm không hết. Như muốn cỏi hết tâm sự lòng, Huệ đứng dậy, chậm rãi mở rương, bên trong chồng chất từng xấp phướng. Từ trong chiếc rương hòm như bốc lên cả một khối chì chiết. Lá phướng dài dằng dặc chếp đen nghịt tên tuổi những người Huệ đã đích thân sai chém. Có đến cả trăm, nghìn tên, đó là chưa kể những người do quan lính Tây Sơn tự ý giết. Huệ lảo đảo, lá phướng di chuyển rơi

thống xuống rương, roi đến đầu tên tuổi người chết bật ra đến đó. Đến phần phương trắng, Huệ dừng lại. Cả mình mấy tôi đều rợn lên vì ở phần phương còn trống, Huệ đã nổi sẵn, dài gấp năm sáu lần lá phương đã chép. Và cái tên cuối cùng được ghi sẵn là hai chữ rần ròi: Nguyễn Nhạc!

Không khí trong phủ Chúa lúc đó nặng nề, u uẩn không sao thở được. Người tôi khô đi vì sợ. Tám bản đồ Huệ cho vẽ treo cạnh đầu hổ, phía Tây vẽ hết biên giới Tiêm La, phía Bắc lên hết vùng Lương Quảng, còn phía Nam qua khỏi Vĩnh Trấn chấm biển. Gió đẩy tám bản đồ lắc lo, như nhắc nhủ những tham vọng của Huệ. Những tham vọng đã vượt xa ngày đầu tiên lên Phú Xuân. Lúc đó Huệ chỉ nghĩ tới Nam, Bắc Hà, bây giờ ngọn lửa trong đôi mắt Huệ cháy lan đến những vùng khác. Nơi nào có đất, có người, thì coi như của Huệ. Huệ đã thay đổi, chỉ có Nguyễn Nhạc còn bằng lòng mãi với chiếc ngai của Nguyễn Vương. Lân ở phủ Chúa, là lân duy nhất Huệ thổ lộ tâm sự với tôi nhiều như vậy. Ở đầm Thị Nại, Huệ chỉ mở miệng một hai câu, phơi cả lòng mình cất trong rương là quá nhiều. Nên Huệ trở ngay lại với tính bản gât. Khắc nhỏ, lằm bằm chửi rửa, đóng mạnh rương, rồi trở ra bàn gục mặt vào thau rượu. Huệ uống tới lúc ngủ quên trong thau. Tôi đỡ Huệ dậy, dìu đặt nằm ở bệ Chúa. Từng cánh vạn thọ vàng rụng rây rắc xuống lồng ngực Huệ, thò đều đặn nhịp sống của đất nước. Buổi trưa xác xao đến độ buồn tẻ, tiếng ngựa hí, tiếng trống đồn binh không có, vắng lặng tẻ nhạt, chỉ lâu lâu mới có tiếng quân cờ Chinh và Nhậm đang đánh, đập lẻ tẻ ngoài mặt phản.

Tôi đứng một mình một lúc không biết làm gì, lân ra Bắc này gặp Huệ sao tôi không được vui, lòng cứ phân

vân vì những biến chuyển nội tại đang xảy ra. Tên Nhạc chép trên lá phướng như một vết dao cắt ruột. Lương tri tôi khổ sở nghĩ ngợi, bỏ mắt Huệ hành xử chữ “Tâm” với Nhạc sẽ là vết nhơ muôn đời. Nghĩ tới lui không được kể gì, tôi đành bỏ ra xem Chinh và Nhậm đánh cờ.

Thế cờ của Chinh sáng lăm, linh hoạt, xảo quyết, quyền biến. Đòi mã giao chân xấn xổ tạt bên hữu, nhảy bên tả, áp đảo Nhậm trông thấy. Ở ngoài nhìn thì Nhậm có vẻ lúng túng, xoay trở chậm chạp. Công không ồ ạt, chỉ lo thủ, xây đắp tường thành, bẫy Tượng, gheñ Sĩ. Chẳng mấy chốc Chinh đã xua hết quân sang sông. Cổng Chinh đánh cờ bằng phong thái tự tin của mình ngày xưa đi thi Hương Cống, tin ở tài biện luận xuất chúng, trước sau thì Chinh cũng đỡ. Nhưng đánh càng lâu, thế cờ càng đổi khác. Nhậm nếu chậm chạp, nhưng một khi đã làm xong hết những công việc chậm chạp của mình thì trở thành một pháo đài kiên cố. Quân Nhậm còn đủ Sĩ Tượng, năm Chốt giàn đồng, hai Pháo Thần Công, trong lúc Chinh chỉ còn độc mỗi một mình một ngựa. Chinh lùi mã về Bắc, hy vọng cố thủ, nhưng cung vua đã mất hết Sĩ Tượng, thế trận của Chinh trống trải, toang hoác, Nhậm muốn vào ra lúc nào tùy ý. Kết cuộc ván cờ không có gì lạ, Nhậm kiêu hãnh trong lúc Chinh bực bội.

Tôi đứng im theo dõi, ván cờ định mệnh, muốn bàn với Chinh, Nhậm khuyên Huệ đừng giết Nhạc, tránh cảnh nổi da sáo thịt. Song nhìn khuôn mặt họ, cảm nhọn lưỡi cày của Chinh, vai u thịt bắp nồn nặn ở Nhậm, tôi hiểu họ không có giá trị gì với Huệ. Cái người khuyên Huệ đãi chữ “Tâm” đích thực với Nhạc, chỉ có thể là tôi, vào lúc thời cơ thuận tiện nhất.

Chinh và Nhậm còn đang tranh cãi, Chinh đòi bày lại cờ, Nhậm dứt khoát tuyên bố mình đã thắng Chinh, cờ soái về tay, cả hai không ngờ Huệ đã thức giấc từ lúc nào. Huệ đưa tay chụp bắt quân Tướng của Nhậm, cả bọn mới đực ra rồi vội vã cúi chào. Về mặt Huệ lúc đó, không còn biểu hiện thành thật nào nữa, Huệ đã ra khỏi trạng thái tâm sự với tôi lúc này, trở lại nguyên vẹn vai trò Chúa Tây Sơn.

- Đất Đại Việt chỉ có một chủ!

Huệ quát bằng giọng Rạch Gầm, bốn ngón cái và tro bẻ đôi quân tướng của Nhậm.

*

Đêm ở phủ Chúa, Huệ bước chân lên lầu Tử Cáo, lòng âm ỉ cơn say. Sống với Huệ hơn ba tháng, Ngọc Hân đã biết những thói quen chung chạ của Huệ. Thứ thói quen của chúng bệnh thường thấy đi kèm với bệnh cuồng sát. Lẳng lẳng, tự nguyện, không đợi Huệ bắt, nàng cởi xiêm áo đến quỳ trước chân giường. Cái liếc mắt của Ngọc Hân ném về phía Huệ sắc đến nổi gai. Huệ lấy roi, không phải dây đai của đệm hộp cần, mà là thứ roi gai của quân tượng dùng quát voi khi lâm trận. Ngọc Hân uốn lưng đợi, tóc xoắn chảy xuống nền đá, không trang sức, không cả chiếc vòng cổ truyền của con gái Bắc Hà, chỉ một dấu thẹo đỏ do sát nung ở vai. Vết thẹo đã lên da non nhưng đoán được dấu ti ẩn của Huệ. Hai ba tấm màn gấm dụ buồng quanh chỗ Ngọc Hân quỳ, Huệ tiến tới một bước, hai bước, rồi vung tay quát. Đầu roi vút tiếng rít như rạch rách tấm màn gấm. Ngọc Hân oằn người bấu cứng lấy trụ giường. Huệ đã say máu, những chấm máu li ti tím bầm nổi trên lưng Ngọc Hân trông như vệt ong đốt, hay những giọt mực son rỏ lên vũng sữa, Huệ vung tay tới tấp.

Khác với đêm hợp cấn, Ngọc Hân rên rỉ, oằn oại kêu rất lớn. Nhưng nếu Ngọc Hân đau đớn, thì nỗi đau đớn đầy đặc thảng. Huệ quất roi như một kẻ suốt đời hành nghề tra tấn, không được đánh người thì không biết phải làm gì. Huệ bị ràng buộc vào người đàn bà mà mãi mãi từ đây, hằng đêm Huệ phải tìm đến. Khuôn mặt Huệ toát ra vẻ mãn nguyện, thỏa mãn. Huệ chỉ buông roi khi Ngọc Hân đã ngã khụy dưới chân giường. Cảnh giao hoan của Huệ với Ngọc Hân, cũng không còn là cảnh cưỡng bức ban đầu, nếu dáng ngồi đờ của Huệ vẫn in dáng hổ nhai mồi, thì hai cườm tay Ngọc Hân đã quấn chặt lấy cổ Huệ, và trên lưng Huệ đầy những vết cào của một con sư tử cái.

*

Tôi chơi với Hân từ thuở bé. Từ thuở Hân còn ưa chơi ô quan trong sân cung Vạn Thọ. Bao giờ tôi cũng về phe Hân. Vua Lê có hai mươi mốt vị công chúa, họ thường nhiech tôi là cái đuôi của Hân. Tôi với Hân như đôi bạn, chẳng vậy mà ngày xuất giá, Hân chỉ mang theo mình tôi để hầu cận, người nhũ mẫu nuôi Hân từ thuở lọt lòng, Hân cũng không thiết. Hân mặc bộ áo lụa có thêu bông cúc, thân áo mềm như cuống hoa hải đường chỉ nở một lần rồi chết. Tôi lấy thau nước cho Hân rửa mặt. Nhìn khuôn mặt đẹp, mà nét mày nào nùng, tôi không khỏi xúc động. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao người xưa nói: *hôn nhân, điển thổ, vạn cố chi thù!* Đất đai ở Bắc Hà này là của họ Lê, Hân tin như mấy đời nhà Lê tin vào mệnh trời, thế nước có hưng thì cũng có suy, nhưng bản mệnh họ Lê là trị vì trăm họ. Hân lấy gương lược chải lại tóc, lúc cong tay búi tóc, Hân chợt chú ý chỗ ống tay áo mình lấm mực. Hân thông tay nghĩ ngợi, rồi quay phắt lại hỏi tôi:

- Bài phú hôm nọ còn giữ không?
- Bẩm còn.
- Đưa đây!

Hân hơi gắt, mỗi lần mưu tính chuyện gì, Hân thường trở nên nóng nảy. Tôi hấp tấp chạy tìm lục trong sổ ruộng hòm vật dụng của Hân mang theo sang phủ Chúa. Mấy chiếc hài cườm, dăm cây quạt bông, một tập Chinh Phụ Ngâm ép ở giữa là bài phú. Hân sai tôi lấy bút, mài mực ra liền. Hân đọc suốt lại 164 câu, rồi chữa, bỏ những đoạn mừng Tây Sơn vào Thăng Long, vẫn giữ nguyên những đoạn kể chiến công, chỉ thêm thắt chữa lại cho bài phú trở thành bài văn tế Huệ. Hân bảo tôi đề giấy, để mình ghi tựa. Ba chữ “Ai Tư Văn” sắc như dao khắc trên mặt gỗ. Nhắm đi nhắm lại, Hân nói với tôi vẫn câu “*Mà nay áo vải cờ đào*» là hay hơn cả. Không nói ra, nhưng nhìn đôi môi khinh bỉ, tôi hiểu Hân muốn ám chỉ ba anh em Huệ xuất thân dân dã, đâu đường xó chợ nhờ vận may mà có quyền bính, chứ không thuộc dòng dõi quý tộc vương đế chính thống lâu đời như Hân. Âm hưởng của bài tế nào lòng làm tôi rộn.

- Phu nhân viết chi những lời ai oán. Thượng Công đã mệnh một đâu?

- Rồi sẽ mệnh một! Viết sẵn sau này sẽ có dịp dùng!

Hân đập mạnh tay xuống mặt bàn, rồi như sức nhớ ra điều gì, cầm lại bút, nhúng mực nắn nét đề ở cuối bài tế ba chữ: Lê Ngọc Hân. Hình như Hân do dự một giây rồi mới hạ bút quả quyết thêm vào hai chữ: *Công Chúa*. Không phải Nguyên Sứ phu nhân, nhưng mãi mãi là Công Chúa Lê Ngọc Hân, không bao giờ là người của Tây Sơn. Làm xong bài tế, Hân có vẻ vui thích lắm. Ánh mắt long lanh như buổi trưa cùng tôi đứng ở Nghênh Phong Lầu nhìn

xuống sân phủ, đám vệ sĩ của Huệ loay hoay trui nường cóc. Mùi cóc nướng, mùi thịt ướp sả, khói than, mồ hôi, da thịt trai tráng nồng nặc cả bao lon. Trong bọn có gã vệ sĩ riêng của Huệ, người đen như cột đình, to lớn, kềnh cang chẳng khác một con khổng tượng. Gã vệ sĩ “cột đình” nắm hai chân sau cóc xé toạc nhai nhồm nhoàm, vừa ăn vừa lấy đoản côn đánh thùng thùng vào tấm khiên lớn đeo ở vai. Tấm thót lưng săn chắc hung đỏ như thứ đồng dùng đúc lu, tưởng đứng đầu là chôn vùi vàng xuống mặt đất vậy mà bất ngờ đổ kềnh, ngã nhào chúi sấp người đập mặt vào bếp lửa. Cái “cột đình” dấy lên, hai tay co giật, hai chân đạp đạp như đôi chân của loài ếch. Gã trợn ngược mắt, xùi bọt ở mép rồi đứng tròn. Cả đám lính xô vội vì cóc đang nướng cháy mỡ, rùng rùng kéo chạy. Quang cảnh diễn ra thật gấp. Hàn nắm mạnh tay tôi như khám phá ra điều gì. Miếng mật cóc đắng gã “cột đình” ăn phải, không ngờ ám ảnh Hàn. Khi rồi ngồi một mình, Hàn thường áp tay lên tay tôi, nhắc lại chuyện mật cóc ấy. Con khổng tượng, con thú lớn nhất của loài thú cũng có thể bị giết bởi thứ mật của con vật bé nhỏ nhất.

Tôi kéo tay Hàn, rủ ra ngoài bao lon. Lầu Từ Các vắng lặng, trống trải, từng lớp bụi bay mờ trong nắng. Lá trúc rắc đầy bụi tam cấp. Hàn ngồi xuống bên cạnh tôi, lúc này sắc sảo linh hoạt bao nhiêu, bây giờ thần thờ như mất hồn. Hàn sống như người bệnh trí từ hôm về với Huệ. Đêm đêm chứng kiến cảnh Hàn chịu đòn, tâm thần tôi tan nát. Tôi thân thiết với Hàn như hai chị em song sinh, cùng cha, cùng mẹ, cùng một nỗi lòng con gái mới lớn, kẻ vai lãnh trọng trách trung hưng nhà Lê chẳng khác đội đá vá trời. Ngày mai Thái Đức đưa quân vào thành, rồi Huệ

chuyển quân về Nam. Từ nhỏ tôi với Hân chưa bao giờ rời Thăng Long một bước, giờ phải xa kinh thành, qua xứ Nghệ hiểm trở để ra Phú Xuân. *Đường vô xứ Nghệ quanh co...* Tôi chắc lười. Gió thổi phất những lọn tóc mai của Hân bay sẽ như sợi chỉ loãng. Màu hoa loa đỏ treo ở chậu bình bao lon, cũng thắm thờ đỏ như màu gấc ở đĩa xôi cúng vua Lê đặt ngoài hiên đã nguội khói. Mắt Hân nhìn về phía cung Vạn Thọ xa vắng. Hân bắt chợt hỏi:

- Nguyễn vong, Trịnh mất, Tây Sơn diệt thì thiên hạ chỉ còn cách phù Lê phải không?

Hân lấy chân du di tới lui trên mặt tam cấp, hỏi lại: Có phải không? Tôi siết tay Hân. Những đường gân xanh đã lờ mờ nổi lên trên bàn tay mảnh khảnh, những đường gân của nặng nhọc tinh thần.

- Huệ này! Thăng Nhậm có ý đồ riêng, thằng Chinh không ngay thẳng, hấn lại trêu tôi, tìm cớ mà giết đi để trừ họa!

Hân nhìn tôi đắm đắm, như đang nói chuyện với Huệ. Giọng trong trẻo tỉnh táo quá độ và ánh mắt khô ráo làm tôi hoảng:

- Phu nhân! Tôi đây mà!

- Láo! Vua bằng sao không quỳ xuống!

Hân lỏng lên. Nhưng rồi lại đỏ rừ người ra khóc nức nở. Nhục cha chưa trả, đã nhục con. Tang lễ vua Hiến Tông, tôi cùng nằm với Hân trên đất, cho *đô tùy* khiêng linh cửu dẫm lên như một nghĩa cử trả ơn cuối cùng. Huệ thì đứng đông dặc, ngạo mạn, người ngựa lỏng lẻo cờ đào nhu diễn tập. Họ Lê đã mất thật rồi!

Chính sử của mỗi triều chép mỗi khác. Sau này tôi vẫn tự hỏi: những âm mưu của Ngọc Hân là đáng thương

hay đáng tội? Chép trong chính sử Tây Sơn thì đáng tội. Xét theo sử triều Lê thì đáng phục. Nhưng sống trong một đất nước chỉ biết lấy chữ “Sát” làm chuẩn thì mới thật đáng thương.

Mấy lá trúc vàng, rây rắc gió cuốn rụng xuống Thăng Long xao xác hơn bao giờ.

20/01/1992

ngôi nhà sau lưng văn miếu

Tôi trở về ngôi nhà của gia đình sau hơn hai mươi năm xa cách. Ngôi nhà chừng như không thay đổi mấy ở mặt tiền. Vẫn ba gian tường quét vôi trắng, điểm một vài khung cửa khép hờ, một chái bếp ở hiên sau và mảnh sân con vuông vức nơi lối ra vào. Dấu tích của thời gian chỉ ẩn hiện lơ mơ từng đốm ố trên vách tường cũ, đã ngả màu cháo lòng và loang lổ đây đó như những vết mọt nhọt thâm sâu. Ngôi nhà vẫn giữ được màu ngói đỏ mà Thầy tôi thuê người lợp trước ngày Nhật chiếm Đông Dương. Vẫn còn nguyên một mảnh ngói mè nằm ở hàng ngói thứ mười

từ máng xối đếm lên. Cả lớp rêu xanh rì bám vào bờ tường chạy viền theo bên hông nhà ra đến chân hàng giậu hoa dâm bụt nơi Thầy tôi đang đứng.

- Kia cái Nụ về đấy à? Đi đâu mãi thế? Đến gần Thầy xem, mắt Thầy lòa rồi không nom rõ...

Lòng tôi vụt xốn xang, bồi hồi. Cái thời khắc hồi hộp chờ đợi gặp lại người thân sau bao năm chia cách. Tôi lóng cóng đặt xác hành lý, hấp tấp bước như chạy vào trong sân. Tôi muốn ôm choàng lấy thân thể mảnh dẻ của Thầy, nói cho người hiểu rằng tôi luôn luôn thương kính người. Nhưng ở lúc tôi xúc động nhất, Thầy tôi bình thản tự nhiên ngồi xuống tấm phản gỗ kê ở gần bên. Hai cánh tay vồn yếu của người chậm chạp lần tìm mẩu vải nhung nâu, mà từ ngày khôn lớn tôi chưa bao giờ thấy người rời ra. Người cong cánh tay xanh mượt, khẽ đỡ cặp kính thuốc xuống lau chùi. Cặp mắt Thầy tôi bỗng đại hãn đi khi người tháo được đôi kính. Người ngồi yên như thế ở tấm phản trước mặt tôi, tia nhìn ngây thơ như đứa trẻ, ngây dại như là người không còn trông thấy gì, kể cả tôi. Như thể cái con người vừa vồn vã chào mừng tôi trở về nhà tức thời, không phải là thầy. Thầy tôi ngồi ngơ ngác trong sân, chìm đắm vào một thế giới mà chỉ mình người biết. Người không thấy cả hòn non bộ quý mà người đặt mua tận bên Tàu, bây giờ vẫn còn đây, đã cạn nước nằm tro trên phơi xác nơi cuối vườn.

Thầy tôi im lặng, lâu lâu cúi xuống mài miết với mẩu vải nhung sờn cũ. những đường chỉ sợi viền vàng thêu tên họ chữ lót của người đã tả tôi, như mảnh di vật của một thời phú túc. Người mân mê lau chùi hai tròng kiếng dày trắng trựa, không còn nghe thấy bất cứ một âm thanh hay thứ tiếng động nào khác.

Tôi không rõ Thầy tôi lừa và yếu thần kinh đến mức độ nào, song cái hình ảnh thực tế đầy đủ từng đường nét, chi tiết cảnh Thầy ngồi thần thờ hàng giờ tẩn mẩn sờ mó mày mò gong kính thuốc cong queo, tỉ mỉ xếp gấp cái khăn nhung cái bản và nâng niu cây gậy chống kiểu Tây thuở xưa, cái hình ảnh bệ rạc suy nhược đó rằng cái Nụ – như người thường gọi tôi bằng cái tên tẩm bé – đã ra khỏi cuộc đời người từ lâu lắm rồi.

Lúc tôi theo Mẹ tôi bước vào nhà, Cố đang nằm trên sập gụ. Vẫn tủ chè Tàu kê nơi góc, vẫn bàn thờ gia tiên với một nén hương sập tàn, và mùi hương trầm phảng phất trong không khí tịch mịch yên lặng vây lấy sập gụ. Cố vẫn nằm đó, thêm thiếp, khô khè, như chưa hề đòi đi đâu hai mươi năm nay. Mẹ tôi mở hé một tấm phen liếp cho ánh sáng rọi chiếu thêm vào gian buồng. Nghe tiếng động, thân hình Cố bỗng lúc lắc, cái đầu hình sọ rung rung muốn xoay lại. Cố cũng bị yếu thần kinh, nhưng khác với Thầy là Cố không lừa. Bàn chân tôi đột ngột chôn xuống nền đất đã gờ mắt phần gạch lát nơi ngạch cửa, vì trời ơi – đòi mắt Cố mới tóe lửa dữ dội làm sao khi Cố xoay được đầu đăm đăm nhìn trùng về hướng tôi. Cố giương cặp mắt lớn qua khổ trên khuôn mặt xạm khô nhào nhoet. Đôi con ngươi muốn vỡ ra ở hai hố mắt đầy tròng trắng, lẫn lẫn tia tia nhiều gân máu. Ánh mắt nhìn trắng dã mà hai mươi năm nay tôi trốn tránh, lúc này hiển hiện phùng phùng lửa giận trong gian nhà. Cố bị bán thân bất toại nên hai chân và nửa người dưới bất động, song nửa người trên với mười lóng tay co giật cào cấu, chụp bắt liên hồi vào chiếu giường như muốn dưng dậy cái xác thân đã tàn phế. Một chuỗi âm thanh không rõ tiếng, líu ríu thoát ra từ lỗ

miệng móm méo. Mợ tôi đè mạnh Cổ nằm xuống. Đắp thêm chăn cho người. Bà vuốt vầng trán nhăn nheo của cái thân xác còn đang co giật như bị động kinh, thì thầm à oi như ru con. Đứng ở bậc cửa, tôi thu tiếp trọn vẹn vùng ánh sáng của nắng vàng hoe, loe từ phen cửa, lò mờ lớp bụi giăng giăng theo từng chập. Mợ tôi phe phẩy quạt mây. Bà đắp đắp khăn ướt đắp lên mặt Cổ, chăm sóc cho cụ bằng những động tác nhẩn nại đến điên người. Không gian đặc quánh quanh cái sập gụ của Cổ bằng gỗ cấm lai. Thời gian ngừng hẳn ở bát nước với Mợ tôi dứt từng thìa nhỏ vào giữa cặp môi nhăn nhúm. Phải lâu lắm Cổ mới húp hết bát nước với. Chờ đến khi Cổ nằm yên thiu thiu ngủ, bà mới đứng lên.

- Chị đừng có chọc Cổ, để yên cho cụ ngủ. Cụ bị liệt không đi đứng được nên thường hay lên cơn uất. Thôi chị vào buồng thay áo, để tôi làm việc. Tỵ nữa họ hàng có ghé, tôi sẽ bảo chị ra chào.

Mợ chỉ chuyện trò với tôi ngắn ấy. Không có đến một lời thăm hỏi. Hai mươi năm mà bà không hề thay đổi. Vẫn ngắn ấy đáng vẻ, từng ấy cử chỉ cứng rắn cùng lời nói không khi nào biểu lộ tình thương. Giống Thầy tôi, bà không mấy vồn vã khi hay tin tôi về thăm nhà. Tôi rõ hành lý, lẳng lặng đem cất vào buồng trong, và cẩn thận tránh đi ngang giường cụ Cổ. Buổi chiều, con đường Quan Thánh lặng lẽ như tờ. Một vài phiến lá bay rơi lao xao, xào xạc, vô hồn...

*

Đêm đầu tiên ở trong ngôi nhà mình đã sống qua thời hoa niên cách đây hai mươi năm tôi không sao chộp mất được. Tôi thao thức hết nhìn gian buồng nhỏ đơn sơ,

một kệ tủ đóng bụi mờ, một cánh riềm cửa phập phồng tung bay lên xuống ở đầu nằm, rồi lại nhìn ngắm hàng cây trầu bà giống ngoài ô cửa sổ trông ra phía Văn Miếu. Tâm thần tôi cũng phập phồng kỳ lạ, nửa tỉnh táo nghe tiếng ngáy khò khè của Cố ở buồng bên, nửa đuối vào vùng tâm thức của cảnh trí cũ. Tiếng gió đưa những chiếc lá bàng khua rì rạc trên mặt đường như tiếng cánh cửa tâm linh ở trong tôi chọt mở, chọt khép kéo kẹt lẫn lộn dằng co với thực tại và quá khứ. Gian buồng tôi ở giữa, hai bên là buồng của Thầy Mợ tôi và cụ Cố. Tôi như bị vây lấy bởi tiếng thở đều đều của những người thân thuộc. Nửa đêm có tiếng mó của Thầy tôi mê sảng từng chập rồi tắt lịm vào bóng trắng đông đưa chơi voi giữa hai tàu lá. Không gian lại chìm vào trong cái khuya khoắt của đêm Hà Nội u trầm tịch lặng. Không phải cái yên lặng thanh bình của Hà Nội thời tiền chiến, mà là cái không khí trừ tịch, cô quạnh vắng vẻ, đìu hiu của vũ trụ đã có từ ngàn năm trước. Có một thoáng tôi lơ mơ tưởng mình trông thấy những bóng người đi khuya về ngang Văn Miếu, tưởng nghe được tiếng chuyện trò của họ lúc rõ lúc mờ, tôi rùng mình đến mấy lần vì vẻ lạnh lẽo, toát ra từ ánh trăng tròn mọc cao vút. Đúng lúc đó tôi nghe được rõ ràng những tiếng động sệt sệt sau gian bếp.

Tôi gặp Nhài lần đầu tiên buổi tối ấy. Lúc tôi xuống bếp, Nhài đang vẩn những bao than lớn mở trút vào bồ. Thú tiếng động nặng sền sệt mà tôi nghe khi này, là tiếng động của mấy bao tải than mà Nhài kéo lê từ sân sau vào bếp. Nhài còn trẻ lắm, chỉ vào độ đôi tám. Trông thấy tôi, Nhài nở nụ cười cầu thân, tươi cười như thể tôi và Nhài đã quen biết nhau từ trước. Song, ở dáng vẻ tự nhiên không

kiểu cọ, vừa rờ than vừa mời tôi bát nước vối, vừa kể chuyện của Nhài làm tôi có cảm tình với Nhài ngay. Chái bếp khuya, tù mù khói bay tỏa bốc tự đám than hồng Nhài vừa nhóm để nấu xôi. Hai cánh tay Nhài thoăn thoắt, khuấy tro lửa, giở nắp nồi xem xôi, tước củi nhỏ, sàng gạo ăn cho vào lu, vừa sửa lại búi tóc mỗi khi trễ xuống gáy. Nhài không đẹp lắm, không có nét thanh lịch của thiếu nữ Hà Nội, đôi bàn tay hơi thô vì làm việc nặng, ngực vú đầy căng so với lứa tuổi dậy thì. Nhưng bù lại Nhài có khuôn mặt duyên dáng, nụ cười tươi hàm tiếu, ánh mắt sắc lẹm đưa tình và thân hình đầy đặn. Nhài còn có giọng nói truyền cảm, dù có hơi sắc ở những thanh cao.

- Có chị làm bạn, em mừng quá. Cả ngày giờ đứt mưa nắng, tối về quần quật sau chái bếp, em đến mà chết mất!

- Nhài đi đâu cả ngày, mình về nhà từ buổi trưa mà không gặp?

- Ra chợ Đồng Xuân chứ đi đâu! Đáng nhẽ đã về sớm kia, tại cái nhà anh Đoàn dớ dẩn!

- Chắc Nhài thích đi chơi lắm nhỉ? Có hay dạo phố ở hàng Đào không?

- Ấy, đi gánh than ấy chứ! Chơi gì!

Nhài bấu môi trả lời, hai bắp tay vẫn thoăn thoắt xúc than cho vào bồ. Búi tóc con gái dong đưa từng chập mỗi lúc Nhài xoay mình với cái này, lấy cái nọ. Nhìn những bao tải than trong lúc ở Hà Nội “gạo châu, củi quế”, tôi mừng cho Thầy Mợ tôi hãy còn phong lưu khá giả, chưa đến nỗi phải đun củi như nhiều gia đình khác.

- Sao mua được than nhiều thế? Mình tưởng ngoài này hiếm lắm chứ?

Nghe tôi hỏi, Nhài quay lại ngó chăm chăm vào mặt tôi rất ngạc nhiên.

- Than đá ấy à?

- Ủ, chứ không phải mua theo phiếu ở cửa hàng cung cấp chất đốt à?

- Tem phiếu gì, ngoài chợ ấy ra mua mà vác về! Tháng nào mà em chẳng đi gánh về cho Mợ.

Nói rồi Nhài vui vẻ đi ngâm nếp, bảo để thổi com rượu ngày mai cho Cố. Nhài về ở với Thầy Mợ tôi mười mấy năm rồi. Giọng kể của Nhài đều đều gần như độc thoại.

- Bố đẻ em mất sớm. Bu em lấy chồng khác. Thầy Mợ nhận em về làm con nuôi vì khi ấy chị vào Nam rồi nhà của cô quạnh quá.

Ngồi sau lưng Nhài, tôi trông rõ những giọt mồ hôi ẩm lấm tấm bám vào ngấn cổ trắng ngấn của Nhài, rồi chảy lăn xuống lưng áo. Hơi nóng tỏa ở ngọn lửa than làm cho chái bếp nóng rực. Làn vải nộm hóa mỏng dán sát vào da thịt Nhài phô bày tấm lưng chắc khỏe. Lâu lâu Nhài lơ tay việc, quay nhìn tôi cười khoe hàm răng hột bắp nhỏ đều. Thỉnh thoảng Nhài vuốt lại lọn tóc kẹp không kỹ, buông lỏng lơ trước trán. Đêm trong ngôi nhà sau lưng Văn Miếu khuya vắng, tịch tịch, chỉ có tiếng lửa than tịch tịch từng lúc, và tiếng kể chuyện của Nhài thì thắm đôi lúc lạnh lạnh lên giọng. Nhài kể về ngôi nhà nhiều khí âm của Thầy Mợ tôi, về những cơn điên loạn bất chợt của cụ Cố, về bệnh đãng trí mất hồn của Thầy, và về tánh tình mỗi ngày một lạnh đậm của Mợ. Nhài cũng nhắc về Đoàn, gã thanh niên theo đuổi Nhài, thường hay tìm có đụng chạm vào tay chân, ngực Nhài.

- Mà lạ lắm chị Nụ, em cũng thích để cho cái nhà anh Đoàn rờ rẫm...

Khi nói câu ấy Nhài tránh nhìn mắt tôi, mặt hơi nghiêng về bếp lửa. Những ngọn lửa than hồng cháy rạo rực trong mắt Nhài lúc đó. Mười ngón tay Nhài mân mê đôi đũa bếp, di di trên mặt đất phẳng phiu vẽ những hình vật vô hình. Hai chúng tôi chuyện trò khuya lắm, đến khi Nhài làm xong hết việc, cả hai mới trở lên nhà. Căn buồng của tôi cũng là căn buồng của Nhài. Lúc thối tắt ngọn đèn dầu tờ mờ, Nhài cười khúc khích tỏ ý muốn ngủ chung với tôi. Gian buồng chỉ có một chiếc giường tre mỏng manh, tôi lại không nỡ để Nhài nằm đất, dầu sao đây cũng là buồng của Nhài từ sau khi tôi bỏ nhà đi. Trong giấc ngủ dầy đặc bóng mây đen của quá khứ, tôi dường như thấy bàn tay Nhài luồn vào trong áo mình, từng làn hơi thở của Nhài phả vào cổ tôi. Những cơn trăn trở khiến thân thể của Nhài chạm vào mặt, vào ngực, vào bụng tôi, và tiếng phen cửa kéo kẹt cùng ánh bạch lạp thấp suốt đêm bên buồng cụ Cố.

*

Khi tôi tỉnh giấc, phen cửa đã thôi kéo kẹt. Ánh bạch lạp cũng đã tắt. Chỉ có tiếng một vòng bánh xe đạp mẹt nhọc, đang rướn mình trên con dốc trước nhà. Tiếng động phọc phạch của một túi đồ nào đó buộc không kỳ trên yên xe, len lỏi được vào nhà, không đủ phá tan bầu không khí vây trùm yên lặng. Khung cửa sổ hăm hấp nắng trưa, rọi vào chỗ nằm làm tôi nặng đầu vầng vát. Nhài đã ra khỏi buồng từ khi nào. Bộ áo cánh khi đêm Nhài mặc, treo ở cánh cửa tủ đóng đưa, phát phơ... Tôi nằm bất động trên giường, thân thể nặng nề như vừa qua

con bóng đèn. Mãi tôi mới ngồi dậy được và bước xuống nhà dưới rửa mặt.

Lúc tôi chải đầu xong trở lên nhà trên, Cố vẫn còn nằm thiêm thiếp nơi sập gụ. Tiếng thở khò khè vang lên từng chập, gần như rên rĩ. Thấy tôi đã ra ngồi ngoài sân, nơi tấm phản kê gần chậu hoa dâm bụt. Hai cánh tay người yếu ớt lau chùi tròng kính, như cố gắng tuyệt vọng sau cùng muốn tìm lại sự tinh anh cho đôi mắt. Thấy không hề trông thấy tôi. Dưới màu nắng lấp lánh, cảnh tượng của ngày hôm qua hiện ra trở lại, với ngần ấy cử chỉ, động tác của người. Tia mắt người còn nguyên sự ngây dại, ở đôi môi run rẩy lâu lâu lấp bắp một câu nói tỉnh táo... của cách đây mấy mươi năm về trước.

- Anh Phu đâu rồi? Đánh xe đi rước cụ Phan sang chơi tổ tôm xem nào!

- Không có nhà à? Thôi được rồi cắt xe đi...

Cứ như thế, từng lúc bất chợt người to tiếng hầu chuyện một mình, rồi bỗng nhiên ngừng bật rơi vào một vùng yên lặng sâu thẳm. Tôi đứng chôn chân trên bậc tam cấp, chứng kiến hình ảnh tiêu tụy của người cho đến lúc Mẹ tôi từ phiên chợ sớm về. Bà ném cho tôi cái nhìn không mấy yêu thương, lảng lảng đến bên Thấy lửa mười ngón tay gậy guộc vào trong mái tóc đã bạc trắng của người, sẫm soi nhỏ từng sợi tóc ngứa. Bà âu yếm vuốt vai Thấy, phúi dăm hạt bụi dính vu vơ trước khi rời ra để vào hẳn nhà trong chăm sóc cho cụ Cố. Tôi vẫn đứng đó, thấy mình thừa thãi, muốn phụ giúp bà nhưng không dám. Có một phiến chắn vô hình, kinh khủng giữa tôi và bà, khiến tôi không thể mở lời làm bất cứ điều gì trước khi bà lên tiếng. Cũng như hôm qua, tôi đứng nhìn bà bỗng Cố xuống sập gụ, cho đi tiêu đi

tiểu, lau mình mấy Cốc rồi cho ăn uống. Ngần ấy công việc làm xong thì trời đã quá trưa. Mọi tôi xuống bếp hâm thức ăn, những món mà Nhài đã làm sẵn hồi tối.

- Thầy Mọi xơi cơm...

- Không dám, mời chị.

Mọi tôi lạnh lùng cầm đôi đũa, gắp bỏ từng cọng rau muống vào bát của Thầy, chan thêm ít canh cua. Thầy lặng lẽ ăn, ngơ ngác vô hồn như một con đười ươi được tập luyện thuần thục.

Buổi chiều, tôi đi làm giấy cư trú tạm thời trở về thì gặp cô chú tôi đến thăm. Đi cùng với cô chú còn có một vài người quen của Thầy Mọi tôi, nghe tin tôi về Bắc, đến chào hỏi.

*

Tối ấy, tôi lại mất ngủ. Bao nhiêu tiếng động, hình ảnh của đêm qua trở về trên cái nếp màn cửa rung hờ, thả ánh trăng soi chập chờn lên trần nhà mờ đục. Tôi nằm im thao thức nghe tiếng mớ của Thầy tôi mê mẩn, hòa điệu vào tiếng thở khò khè của cụ Cốc chỉ còn là một thân xác gằn kẻ miệng lỗ. Đến khi nghe tiếng lục đục quen thuộc ở gian bếp, tôi trở dậy bước xuống nhà dưới thì gặp Nhài.

- Đi đâu cả ngày nay không về?

- Ra chợ, buôn cau cho Mọi, rồi lên ga hàng Cỏ đón người quen.

- Ai thế?

- Nhà anh Phú chứ ai vào! Gớm cái nhà anh này mới từ miền cao về đã tấy máy...!

- Này quen ai mà ở tận miền cao?

- Không, trước anh Phú ở Hà Nội, phở hàng Buồm ấy chứ! Nhưng từ hồi anh ấy vào khu, họ bắt đi công tác ở miền cao.

- Mấy chục năm rồi mà vẫn vậy cơ à?

Tôi ngạc nhiên hỏi Nhài, không ngờ từ ngày kháng chiến đánh Tây đến bây giờ ở ngoài này vẫn không thay đổi mấy. Nhưng điều lạ lùng là Nhài ngạc nhiên còn hơn cả tôi. Nhài tròn xoe mắt nhìn tôi không hiểu.

- Làm gì mà mười mấy năm, chỉ mới gần đây thôi mà.

Nhài trả lời rồi không chú ý đến câu chuyện nữa, trút cau từ trong thúng ra đất, lựa năm trái một buộc túm vào nhau. Tôi phụ Nhài xếp những lá trâu và rơm vôi tán mỏng gói lại từng túm nhỏ. Nhài bảo để mai gánh ra chợ bán.

- Này gặp Phú nói chuyện gì mà lăm thế, mãi giờ này mới về. Kể mình nghe xem nào.

Vừa nghe tôi hỏi, Nhài đỏ mặt, cả hai đôi má ửng hồng và vụt lỉnh quỳnh. Nhài như muốn lãng chuyện bằng cách cho thêm than vào bếp lửa nước sôi. Tối nay Nhài thất bím, hai bím tóc lảng lo đùa giỡn trước ngọn lửa bếp. Nhài quỳ gối làm việc, nhưng rồi không giữ được tâm tình mình, Nhài tâm sự bằng giọng Bắc quê hơi đồng đánh pha tiếng cười khúc khích.

- Chị Nụ! Chị đừng khai với Thầy Mợ nhé, em có người yêu rồi!

Nhài ngừng một chút, dôi mắt long lanh rồi tiếp.

- Không phải cái anh nhà Đoàn đâu, ầm ớ đó dần lắm. Phú đấy! Hồi chiều chúng em gửi gánh rau ở nhà ga, đi dạo phố. Phú thuê xe kéo đưa em đi dạo hồ Tây thích quá chị Nụ ạ. Mà này chị Nụ, sao đàn ông con giai họ hay thích nắm tay, vuốt lưng mình thế chị Nụ nhỉ?

- Chỉ nắm tay thôi mà mãi tối mới về cơ à?

Tôi hỏi lại Nhài, chỉ để đùa chơi. Nào ngờ về mặt

Nhài thay đổi, nghiêm trọng hẳn. Đôi má Nhài thêm đỏ hây hây ngọn lửa than.

- Chị Nụ! Chị đã hôn ai chưa?

Nhài nhìn sững mặt tôi không chớp mắt. Lúc đó tôi mới biết cuộc tình đối với Nhài trầm trọng hơn tôi tưởng vì là mối tình đầu. Nhài ngó tôi bằng cặp mắt dễ sợ của một thiếu nữ sẵn sàng chết sống vì tình. Cái cõi sống cũng như chết mà Nhài dám tiến đến vì đã trao thân cho Phú.

Cánh cửa gian bếp bỗng xịch mở. Một bóng người đàn ông lao vào, giọng khản đặc hét quá to trở thành chuỗi âm thanh vô rìn rịt.

- Mày đi đâu cả ngày giờ hôm nay, con khốn nạn?! Mày theo giai đấng phóng?!

Thấy tôi bất ngờ xuất hiện, tát trái vào giữa mặt Nhài. Cây gậy chống kiểu Tây mà người nâng niu thường khi quất vùn vụt xuống người Nhài vừa ngã chúi xuống nền đất. Diễn biến nhanh đến nỗi tôi không kịp có phản ứng, và Nhài thì nằm co quắp giữa gian bếp chịu trận. Hai cánh tay, Thấy tôi mới ban sáng còn yếu ớt, bây giờ mạnh mẽ khác thường, lên xuống vùn vụt quất tới tấp vào người Nhài.

- Ối, con lạy Thầy!

- Con khốn nạn, con đĩ rạc! Mày muốn làm nhục tao hay sao mà còn gọi tao bằng Thầy.

- Ối, Thầy ơi! Con van Thầy, trăm lạy Thầy.

Thầy tôi như không nghe thấy tiếng kêu van của Nhài, người lồng lên vùn vụt cây gậy không ngừng tay vào người Nhài. Tôi thu rút người trong góc bếp, tê cứng rừ liệt vì sợ hãi. Tôi muốn lăn vào chịu đòn thay cho Nhài, muốn can Thầy tôi ra, nhưng chân tay dính chặt vào mặt

đất. Trong đầu tôi có cái ý nghĩ kỳ lạ là Thấy tôi mạnh kinh khủng, khác thường ngày nhiều lắm và Thấy dường như không để ý nhận thấy sự có mặt của tôi nơi xó bếp. Phải, đêm đó Thấy tôi mạnh lắm, đầu tôi có xông vào cũng không ngăn nổi người. Hai cánh tay người tiếp tục quất xối xả xuống tấm thân bầm dập tóe máu của Nhài, và tôi như một kẻ vô hình co rút trong góc bếp chứng kiến một cảnh tượng ghê gớm mà không thể can thiệp. Thấy tôi đêm ấy không đeo kính, nhưng đôi mắt người không có vẻ điên dại, chỉ đỏ ngầu vì tức giận. Đến khi người bỏ lên nhà trên rồi thì Nhài hãy còn nằm co quắp, run lẩy bẩy. Tôi ôm cứng lấy Nhài và cùng khóc thút thít theo từng tiếng khóc uất nghẹn của Nhài.

Sau đó tôi đỡ Nhài dậy, diu lên buồng, thay quần áo cho Nhài. Hai chúng tôi ôm nhau ngủ trên chiếc giường nan tre của Nhài, mà cũng là chiếc giường của tôi ngày xưa. Nhài khóc tẩm tức suốt đêm, tiếng khóc ứa ra từ những vết thương bật máu. “Em chết mất chị Nụ ơi... đừng bỏ em, Phú ơi, anh ơi...”. Tiếng khóc tẩm tức của Nhài nhỏ dần, nhưng thân thể lằn roi vẫn oằn oại, dẫy dụa. Tôi thiếp vào giấc ngủ rã rời, bài hoài cùng với tấm thân thương tích đó. Hình như tôi đã mê đi với những vết roi lằn đỏ, bầm tím, ăn sâu vào lưng Nhài. Tôi ôm cứng lấy thân thể Nhài để tưởng là thân mình biết đau đớn. Đôi tay tôi hay đôi tay Nhài lần xoa nắn làm dịu vết đau của cả hai. Tôi chỉ nhớ trong trạng thái nửa thức nửa mê, đã ôm vòng lấy trọn vẹn và chạm vào từng vết roi trên da thịt Nhài hâm hấp nóng.

*

Tôi thức dậy, tẩm chăn đay hắt trễ dưới đùi, phò bầy một thân thể Nhài say ngủ mê man gần như chết rồi.

Trong giây phút thức giấc đầu tiên, ý nghĩ đến với tôi trước tiên là Nhài chỉ là một hình ảnh bất động, được ghi nhận ăn sâu vào tiềm thức và còn ở lại trên mặt giường. Nhưng Nhài vẫn nằm ở đó, cạnh tôi, say ngủ bần bật. Đôi mắt Nhài khép hờ, bộ ngực rướn lên theo làn hơi thở và đầu gối khẽ co về trước bụng. Phải mất nhiều phút tôi mới bình tâm và nhớ lại tất cả những gì đã xảy ra. Tôi bước ra gian buồng khách, đang chìm mờ trong thứ ánh sáng ngày xao xác. Ngôi nhà vẫn chìm trong cái không gian thênh vẳng, tẻ lạnh, không một tiếng động mạnh và không có lấy một chút sinh khí. Tôi muốn nói chuyện với Mợ tôi về Nhài, muốn nói với bà rằng Nhài đã lớn và tình trạng này không thể kéo dài. Tôi cũng muốn hỏi Mợ tôi về thái độ kỳ quặc khác thường của Thầy đêm qua, nhưng ngôi nhà hoàn toàn im vắng. Mợ tôi đã đi đau mắt biệt từ sớm, chỉ còn Cố nằm chờ chết nơi sập gụ. Thầy tôi thì vẫn ngồi ở ngoài sân mân mê gọng kính thuốc, như thể cái người đàn ông hung dữ đánh đập Nhài đêm qua không phải là người. Cố vẫn thở khò khè và Thầy tôi chốc chốc lại ném vào nhà tia nhìn ngậy đại vô hồ của người. Tôi tự hỏi làm sao Mợ tôi có thể sống trong ngôi nhà này với hai người đàn ông điên loạn bất bình thường. Một nặng một nhẹ, một tàn phế thể xác, một tàn phế trí tuệ. Tôi đến thấp nén nhang đầu tiên từ khi về Hà Nội, trên bàn thờ tổ. Những bức hình của Nội, của Cố bà, của tất cả những người đã chết trong gia tộc nhìn tôi chằm chằm. Tôi chỉ giật mình thoát ra khỏi những tia nhìn rờn rợn ấy khi nghe tiếng gọi của Nhài.

- Chị Nụ ơi, em quyết định thoát ly thôi...

Nhài thập thò ở cửa gian buồng khách, cầm nơi tay một bọc gói nhỏ. Bước chân Nhài chân chừ chưa dám

bước qua chỗ cụ Cố. Nhài nhìn tôi bằng ánh mắt van lơn sâu héo.

- Em đi chị Nụ ạ, ở đây Thầy đánh em chết mất. Chị lạy Thầy Mợ hộ em, chị Nụ... Em đội ơn Nụ...

Nhài vùng vằng gỡ tay tôi, sau tiếng nắc xăm xăm tiến ra cửa. Ánh sáng ngày đón Nhài ở bàn thờ tổ, men dần trên nền lát đá hoa và dừng lại ở chỗ cụ Cố. Vì khi ấy... trời oi khi ấy, Cố bật dậy từ sập gụ hai tay bấu vào người Nhài. Đôi tròng mắt trắng dã trong hai hố mắt đỏ lẩn tẩn tia máu hôm nào tôi về nhà phóng thẳng giữ rịt lấy người Nhài. Chuỗi âm thanh líu ríu, gãy vụn từng mảnh the the vây lấy Nhài. Cả nửa thân hình trên của Cố ngồi dựng dậy như muốn đứng thẳng người, trong lúc mười móng tay dài cào cào vào mặt Nhài. Cái cảnh tượng khủng khiếp đó đóng dính tôi tại chỗ. Tôi cảm giác rõ ràng như đêm qua rằng mình ở ngoài cảnh tượng ấy, không thể can thiệp, không thể đến gần gần lấy Nhài trong tay Cố. Rõ ràng là Nhài và Cố ở gần tôi nhưng rất xa, diễn biến trước mắt nhưng tôi bất lực không thể ngăn cản. Thầy tôi bước vào đứng lúc ấy. Tôi nghe mình gọi tên người, van xin người giúp đỡ. Nhưng như tối hôm qua Thầy tôi hoàn toàn không trông thấy tôi, hơi cây gậy chống quất tới tấp, xối xả vào mặt mũi lưng mình Nhài. Họ chỉ ngưng tay khi Nhài đã ngất lịm trên mặt đất. Vẫn tôi là người bồng ẵm Nhài vào buồng trong. Vẫn tôi là người lấy khăn ướt lau mặt cho Nhài và dỗ dành an ủi, khóc với Nhài.

*

Những ngày sau đó Nhài bị nhốt trong buồng không được phép ra ngoài. Giữa những cơn khóc lóc vật vã, Nhài tỉnh táo nói bằng cặp mắt đầy căm phẫn, oán hận.

- Nụ ơi, em không thể sống xa Phú. Rồi em sẽ trả thù! Cướp chính quyền rồi chúng nó sẽ biết! Phú sẽ không tha đứa nào!

Những lúc ấy tôi cảm tưởng rằng Nhài đã điên loạn. Bị đánh nhiều quá, Nhài đã mất đi sự sáng suốt của một người bình thường.

- Nhài ngủ đi, đừng nói nhảm. Cá không ăn muối cá ươn. Thầy Cố thương mới đánh.

- Thương gì! Chúng xem em như con ở nhà này. Để rồi Nụ xem, cướp chính quyền nay mai thôi!

- Cướp gì? Chính quyền nào? Nhài lại làm nhảm nữa rồi. Con gái lớn phải lo việc nhà, có ai xem Nhài là tôi tớ đâu.

- Trời ơi! Cả nước sôi sục dành độc lập mà Nụ không hay! Trời ơi, sao em khổ thế này, cả Nụ cũng không hiểu. Để rồi Nụ xem, em thề với Nụ là em sẽ đấu tố bọn họ đến dỏ sống dỏ chết...!

Mất Nhài long lên, nhìn tôi dễ sợ lúc ấy. Sự hận thù của đứa con gái mới biết đến yêu lần đầu bị tước đoạt tình yêu và nhục dục sinh lý. Nhưng Nhài cũng không gào la, phản nỡ được lâu. Thầy tôi thường xuất hiện ở ngưỡng cửa với cây gậy chống vụt xối xả vào người Nhài. Nhiều lúc Cố cũng bước vào phòng tiếp tay Thầy đánh phạt Nhài. Những khi đó, Cố không có vẻ gì là bán thân bất toại, lắm bả chửi rửa bằng thứ ngôn ngữ của cách đây ba mươi năm về trước. Cả Thầy và Cố đều tảng lờ không công nhận sự hiện diện của tôi bên Nhài. Cả hai tỉnh táo và bình thường đến độ tôi có cảm tưởng là họ giả điên, giả liệt để lừa dối Mợ tôi. Vì mỗi khi bà có mặt ở nhà, cả hai lại trở về cái tình trạng mất trí, ngây dại và tàn phế thường nhật. Mợ

tôi làm như không hay biết chuyện của Nhài, ra vào làm công chuyện nhà như không có gì xảy ra. Mỗi lần Mẹ tôi có ở nhà là Thấy lại trở ra ngồi ở tấm phản con kê ngoài sân, im lìm mãi mê lau chùi gong kính. Người thần thờ với nụ cười trẻ thơ vô tội. Và Cố cũng trở thành tấm thân tàn phế, nhào nhoẹt đang tan vữa vì bị thời gian ăn nhấm đến tủy.

Khoảng thời gian trở về sống trong ngôi nhà của gia đình sau lưng Văn Miếu, tôi cũng trở thành gần như yếu thần kinh, mang bệnh tâm thần, vì phải chứng kiến cuộc đời ẩn ức của Nhài. Nhiều lần tôi muốn bảo Mẹ tôi rằng bà đang bị Thấy và Cố lừa dối, song cái ý chí muốn nói lên sự thật của tôi luôn bị ánh mắt lạnh như băng của bà chặn lại. Tôi chạm mặt bà luôn với mặc cảm trốn tránh, không làm tròn bổn phận, chưa trả hết nợ cho Nhài. Tuy thế, tôi biết rõ chỉ có mỗi mình bà, người tinh duy nhất trong ngôi nhà này là có thể cứu vớt được Nhài. Một buổi sáng, thu hết can đảm, lợi dụng lúc Thấy và Cố chưa thức, tôi kể chuyện Nhài cho Mẹ nghe. Bà ngó tôi đăm đăm khi tôi yêu cầu bà phải thương yêu Nhài, đừng lãnh đạm lạnh nhạt với Nhài nữa. Đôi mắt Mẹ tôi lạnh sát, chằm bằm đến lạ lùng.

- Chị vào thăm gia đình này như thế là đủ rồi. Liệu thu xếp mà trở ra ngoài ấy, đừng về đây làm gì nữa.

Bà xua đuổi tôi bất ngờ, không dả động gì đến chuyện của Nhài. Tôi chợt thấy mình run rẩy bám víu vào sợi dây máu mủ tình mẫu tử đang muốn đứt lìa.

- Con lạy Mẹ, cho con về sống với Thấy Mẹ. Anh ấy đã bỏ con rồi, con không biết đi đâu bây giờ. Mẹ cho phép con ở nhà này hầu Thấy Cố. Trăm lạy Mẹ thương con gái Mẹ!

- Tôi không có con gái, nên nhận làm đứa con nuôi

phản phúc! Bộ chị tưởng tôi quên những bất hạnh chị đem đến cho gia đình này à? Tôi làm sao quên chị đã tố khổ gia đình này, đã xui người tra tấn cụ Cố đến tê liệt nửa thân người, đã tra điện chồng tôi đến mất trí?!

Cũng như lần thoái ly đầu tiên, tôi rời Hà Nội có một thân một mình. Phải tôi chính là con Nhài bỏ nhà trốn theo trai rồi gia nhập Việt Minh trở về cướp chính quyền, đầu tố Thầy và Cố nuôi tôi đến dờ sống dờ chết, như lời thề độc sau lần phải đòn vì ngủ với Phú. Nhưng Phú cũng đã bỏ rơi tôi sau khi giải phóng miền Nam. Chỉ còn ngôi nhà nằm sau lưng Văn Miếu luôn ở đó, đời đời như một vết nhơ.

12-1987

táo mỹ và những nhụy cúc

New Look Tân Hình Thức của truyện ngắn

Ngon Núi Khuất Hình

Hay 24 khúc thơ xuôi chiến tranh Việt Nam

1. Khi chuẩn úy Nguyễn Xuân rời trường võ khoa bước chân vào bản doanh liên đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng - táo Mỹ đỏ rợp. Những trái táo chín muối rục rờ thơm đến nỗi các sĩ quan trực ban đều say - gương mặt họ đỏ ửng.

Chuẩn úy Nguyễn Xuân được giao nắm trung đội

1 của đại đội lực lượng đặc biệt người Thượng lúc trước thuộc biệt khu 44 dưới quyền trung tá Phạm Văn Phú.

Ông đi đóng tiền đồn đầu mùa mưa.

Lính biên phòng xoa tóc không dấu tiếng cười khi trông thấy viên chuẩn úy nhỏ bé thấp người - trắng nhụy cục.

Lễ bàn giao diễn ra ngắn ngủi.

Thiếu úy Đỗ Thế Văn, trung đội trưởng cũ, hối hả về thành phố.

Nguyễn Xuân hấp tấp trốn xuống hầm chỉ huy. Ông bấu mười ngón tay vào bao cát - ghìem tiếng cười của đám lính chế riều.

2. Ngày đầu trên tiền đồn Nguyễn Xuân bắt gặp gương mặt rừng rú - dị hợm. Da kẻ nhìn qua kẽ hở châu mai búng như da một cụ già nằm yên một chỗ.

Nguyễn Xuân chồm dậy - bộ áo trần trên mình ông ướt đầm.

Nguyễn Xuân chồm dậy - cơn mưa hắt ướt tăng xé suốt đêm làm thành vùng nước đọng.

Buổi sáng trái núi chói loà trước cửa hầm như ánh mắt của một tên khổng lồ giận dữ.

3. Trung đội nấu cơm sáng trộn muối vùng.

Chuẩn úy Xuân thanh sát vũ khí và quân số. Ông thi hành đúng nguyên tắc bài bản đã học ở trường võ khoa. Toàn trung đội chỉ có một trung liên BAR, một súng cối 60, mười bốn carabine M-1 và hai AR-15.

Nguyễn Xuân gọi về đại đội than phiền.

Bên kia máy - đại úy Phạm Văn Tươi văng tục rồi cắt đường giây - Mùi táo chín lên men tỏa lan qua ống nói nồng nặc đến mức viên chuẩn úy ngửi thấy và nôn mửa.

4. Vụ vô kỷ luật đầu tiên xảy ra sau trận bão.

Núi rừng cao nguyên lở đất lấn xuống căn cứ.

Bãi mìn chính bị lấp, hai rào kẽm gai gió cuốn bay - các rãnh mương ngập nước.

Nguyễn Xuân cho gọi thượng sĩ Chey - trung đội phó trình diện.

- Thượng sĩ cho khai rãnh.

- Nhiệm vụ của trung đội là theo dõi thiên nhiên - thú vật - con người.

- Nhiệm vụ của thượng sĩ là dẫn lính đi khai rãnh!

Nguyễn Xuân quát - gương mặt ông đỏ như quả táo Mỹ ở Dakto.

Không có tiếng trả lời của thượng Chey. Chỉ có tiếng động ngầm của vực thẳm mà Nguyễn Xuân nghe rung chuyển dưới lòng đất. Thượng Chey ném đôi mắt âm u xuống vực núi. Đến chiều các hầm chìm vẫn ngập nước.

5. Thành Ngân theo làm cho Xuân, cảm máy - lính Việt duy nhất.

Trung đội 1 tập trung lính Thượng và Miên.

Suốt tuần lễ - Ngân tát nước. Mỗi nón sắt mức đi - một trận bão ào xuống.

Chuẩn úy Xuân lợi trong hầm chỉ huy. Ông không

bước ra khỏi tầng xê từ lúc va chạm với thượng Chey.

Buổi trưa thẳng Ngân hay thấy ông nằm thả nổi trên mặt nước.

Buổi chiều Nguyễn Xuân dán mắt vào khe hở châu mai theo dõi trái núi giống đầu gà khổng lồ - nửa mình bị chôn sống.

Quả núi phơi mặt dữ dằn - nhìn viên chuẩn úy khiêu khích.

Nguyễn Xuân thấy quả núi - rình rập mình.

6. Buổi tối - Xuân sai thẳng Ngân múc xăng đẩy nón sắt đốt lửa canh rồi ngủ mê mệt bên cạnh.

Qua ánh lửa - ông trông thấy những quả táo Mỹ rụng lấp hăm.

Đôi lúc là những ánh điện thành phố nhấp nháy - giữa khoảng sương mù dày đặc.

Đôi lúc - một tiệm nhảy heo hút sát phi trường.

Đôi lúc chuyển G.M.C đi từ Pleiku lên Kontoum thẳng gấp trước bộ tư lệnh đẩy những quả táo đỏ.

Tất cả những thùng phuy táo lính Biệt Động Quân lăn về trại gia binh - Nguyễn Xuân đều trông thấy rõ.

Có khi trong giấc ngủ.

Có khi trong trí nhớ.

Nhưng ông không tài nào

mơ được khoảng thời gian trước nhập ngũ.

Viên chuẩn úy hay thức giấc giữa hoang vắng - trong tiếng cú rúc.

Chung quanh - im bật

những người lính đã bỏ đi biến mất.

7. Tuần nắng đầu tiên - thằng Ngân đẩy ông ra khỏi hầm.

Nguyễn Xuân bị loá.

Ngọn núi rõ như tấm kính soi một gương mặt chai xạm - lồi lõm hố sâu.

Gần trưa - trái núi hóa cam.

Không phải màu nắng nhưng cam sẫm của những quả cam Mỹ to lớn - dị thường.

Lính Miên cười trần giết dữ.

Một đám Thượng sần nếp nấu rượu - chuẩn úy Xuân leo lên trần tầng xê nhìn bốn phía.

Lần đầu tiên ông khám phá ngọn núi trước mắt đàn dầy bạch dương y hệt đài nguyên trong những tấm hình chụp cảnh Bắc Bán Cầu. Sườn núi trải rộng như thảo nguyên bên Nga Xô Viết dựng ngược.

Chuẩn úy Xuân sống một đám mê mồi. Ông cho dựng bao cát lập đài quan sát - bỏ hàng giờ lục tìm bóng kẻ thù.

Nguyễn Xuân nhìn ống nhòm nhiều đến nỗi thuộc từng hốc đá

bụi cây

và đặt những tên trữ tình cho các đường hẻm chẻ đôi vách núi.

8. Một sáng - thượng Chey bất ngờ lên đài.

Trước khi viên chuẩn úy kịp phản ứng - gã thượng sĩ trở xuống hẻm *Thanh Xuân* :

- Đó.

Bóng người chạy trong ống kính - Nguyễn Xuân
quát thẳng Ngân:

- Nạp trung liên!

Tia đạn vãi vạch thẳng.

Tiếng súng dội vào núi - già xuống đá.

Chuẩn úy Xuân bắn cho tới lúc - thượng Chey kèm
cổ tay:

- Bắn nữa hết đạn.

Giương mặt già thượng sĩ tối lắm lì.

Xuân cũng nhận ra tầm bắn quá xa - ông gọi
pháo - chỉ nhận được những câu văng tục của đại úy Phạm
Văn Tươi.

Thằng Ngân gác ống nói.

Đầu lưỡi u ám của thượng Chey - lướt khê giữa hàm
răng cáu bẩn - đầy chế riều ở đám lính.

9. Mùa mưa quả núi sa xuống vực nắng úa sẫm và mây
đùn thành chiếc nón che già khổng lồ phủ lấp tầng
xê thành một hồ ao. Nguyễn Xuân bắt đầu viết nhật ký.
Ông chép ngay trên trần hầm có lúc nhúng mười ngón
tay vào sơn vẽ mười ngọn núi lên vách. Những dãy núi
chi chít. Thằng Ngân hay thấy ông lặn xuống đáy áp tai
nghe nhịp thở của đất hoặc ngóng những sóng cây lượn
qua rào kèm gai.

Bãi mìn không chặn được ngọn núi.

Nón sắt cháy cong ánh lửa tắt ngấm.

Những giấc mơ của Nguyễn Xuân bắt đầu trống rỗng.

10. Trung đội về Dakto sau một tháng ở tiền đồn.

11. Chuẩn úy Xuân biết đàn bà lần đầu tiên - dịp Quốc Khánh.

Táo Mỹ sai - đem kín mít không một hạt mưa tia nắng nào có thể lọt qua kẽ lá. Bộ tư lệnh tiền phương phát kiến chiến thuật mới: Lượm những quả táo thơm, chích thuốc chuột rồi rải khắp rừng núi. Táo thuốc chuột trở nhanh đến mức lính không kịp hái. Nguyễn Xuân về hậu cứ sủng sốt khám phá bản doanh liên đoàn biệt động quân khô ráo. Bên ngoài thị trấn tằm tã.

Lễ duyệt binh - các đơn vị đeo giày biểu dương.

Sau quốc thiều - thượng Chey yêu sách Nguyễn Xuân dẫn lính xuống xóm theo truyền thống đơn vị sau mỗi kỳ đóng tiền đồn.

Nguyễn Xuân giận run - cổ kèm mười đầu ngón tay để lính dùng trông thấy.

Giọng nói thượng Chey âm u - tiếng rừng.

Đám lính vây quanh chờ đợi - cho tới lúc viên chuẩn úy không thể thoái thác.

12. Chuẩn úy Xuân không kể với ai lần xuống xóm đầu tiên.

Không kể mùi đàn bà đầu tiên ông ngửi thấy mùi dầu thốt nốt con điểm thoa khắp mình.

Không kể hai núm vú lủng lẳng giữa chuối bùa Cà

Tha kết bằng chỉ ngũ sắc.

Thằng Ngân trông thấy ông ra khỏi nhà thổ trước tiên.

hấp tấp như chạy

Về đến trại

dù khô ráo

vẫn phủ poncho che đầy quần ướt đẫm.

13. Trung đội 1 trở ra tiền đồn sau trận đánh vùng tam biên.

Chuẩn úy Quách Ngọc Loan, sĩ quan đồng khoa với Nguyễn Xuân - tử trận.

Trung đội 2 của Quách Ngọc Loan - chết quá nửa.

Đại úy Tuổi lông lợn trước phóng đồ hành quân.

Mọi hy vọng về chiến thuật L-C-R

Lựa những quả táo chín Chích thuốc chuột Rải khắp rừng núi
tiêu tán.

14. Buổi sáng lượm xác, trực thăng đảo vòng, Nguyễn Xuân đặt chân xuống mặt đất - chao như tàu đắm. Ông thở hỗn hển.

Vết máu của trận chiến vài giờ trước - tươi rói.

Thượng Chey cho phủ vải các xác lính tìm thấy.

Ngọn núi nhìn Nguyễn Xuân cười gần - thỏa mãn.

Ông không dám vượt mắt chuẩn úy Quách Ngọc Loan ở mỗi tia chớp báo đông vẫn còn nhấp nháy.

Nguyễn Xuân trốn xuống hầm chỉ huy.

Ngọn núi qua kẻ hồ châu mai chốc chốc xấn tới.
 Viên chuẩn úy núp sau lá chắn.
 Thăng Ngân nấu cháo trộn với cải mặn đem đến.
 Nguyễn Xuân nuốt cháo như uống lửa - cổ họng
 bỏng rát.
 Trục thăng dọn bài quần cho đến hết máu.

15. Biển cổ xảy đến khi trung úy Thái Trang, sĩ quan
 điều không liên đoàn xuống tiền đồn.

Trận đánh bom khốc liệt.

Nguyễn Xuân ngã ngồi. Phản lực lướt qua đỉnh núi.
 Từ các bụng sắt, táo Mỹ đỏ ối, tròn xoe, xoay tít bắn tung
 triệu triệu. Nguyễn Xuân trông rõ nắp táo đỏ tươi lướt
 êm, yên tĩnh, không âm thanh, giăng tĩnh mạch qua cây
 rừng. Lưới táo tĩnh bằng bụng khắp trời. Đột ngột nhồi
 sóng. Tiếng động của triệu triệu mảnh táo vỡ trong nón
 sắt Nguyễn Xuân vang vang. Viên chuẩn úy té xấp. Gió
 thổi bao cát. Lật nắp tôn. Bật mái.

Ông chúi xuống hào. Vòng kẽm gai cuộn xoắn thất
 cho đến lúc bút bay trước mặt.

Xuân co rúm ghệt nón sắt.

Ông nhắm mắt nhưng vẫn trông thấy quả táo đỏ
 khổng lồ dị dạng xoáy đất trước khi trồi lên còi đá.

Mảnh táo chém rạt rừng.

Nguyễn Xuân chứng kiến ngọn núi mang gương mặt
 cổ thiếu úy Quách Ngọc Loan trợn ngược.

Ông nghe tiếng gầm của hổ báo.

Tiếng kêu của ông lúc con điểm mở cục quần.

Nỗi sợ hãi dồn xuống bụng.

Viên chuẩn úy lẫn lộn.
Trong hố cá nhân.

16. Sau trận đánh bom thẳng Ngân nhìn thấy
đáy quần viên chuẩn úy
ướt sũng lúc ông đi qua
chảo gạo chưa kịp vo
đã chín dưới sức nóng.

17. Những ngày sau khi trung úy Trang trở về liên
đoàn, các tấn tảo phủ núi bắt đầu thối hoảng, mùi
hôi thối bốc lên trên nền tảo đỏ gấc. Nguyễn Xuân thay
đổi. Mỗi sáng ông đứng trên nóc hầm hít thở, thu vào lá
phổi cái mùi thum thum lợm giọng khiến toàn trung đội
phải bịt bằng cá nhân che mũi.

Rừng xác xơ - Núi hấp hối đợi chết.

Nguyễn Xuân chạy bộ khoẻ khoắn qua các đường
hào. Ông lấy cây khều xác tảo vụn vương ngoài rào kẽm
gai bỏ vào hòm đạn đại liên trộn đường làm mồi. Nguyễn
Xuân không ăn gì khác ngoài các món tảo ông chế biến.
Ông vẽ khắp hầm chân dung ngọn núi lở những đốm ghê
cháy mù. Xuân treo tranh triển lãm chiến tích. Thằng
Ngân mỗi ngày vào hầm quét dọn rác rưởi bắt gắp viên
chuẩn úy nhai lồi tảo kích thích.

- Chiến thắng trong tầm tay.

Ông trở ngọn núi méo mó.

Tiền đồn sang tuần lễ thứ ba nổi như một ốc đảo.
Xác tảo tím bầm chung quanh. Cánh rừng và ngọn núi

chìm dưới rác biển mất. Nguyễn Xuân tin đã chiến thắng. Ông trở nên kích động, quát tháo lính, ném trung đội ra khỏi rào lục soát. Nguyễn Xuân hung dữ đột ngột khiến thượng Chey im lặng và thằng Ngân mỗi khi bung mức vào hầm đâm rứt rề. Nguyễn Xuân cho ném lựu đạn xuống các hang và bắn súng cối xuống những hẻm núi chưa bị tảo lấp. Buổi sáng trung đội lòi dưới thảm tảo rửa một xác du kích, viên chuẩn úy hỏi hỏi báo cáo về đại đội - ông cúp máy trước khi đại úy Tươi kịp vàng tục.

18. Cánh rừng hồi sinh bất ngờ sau trận mưa cuối năm. Những giọt nước trắng nở hoa. Dãy núi tươi tốt xanh lục. Nguyễn Xuân sưu tập bướm trong hầm. Thằng Ngân thấy ông dán các cánh bướm lên vách. Những lúc quang, ông lên đài quan sát nhìn hẻm *Thanh Xuân*. Hẻm núi chẻ sâu giữa đất đá. Ngọn núi rậm hắt. Viên chuẩn úy bỏ nửa ngày theo dõi sự nảy chồi của lá. Theo dõi những con nhộng hóa bướm. Mỗi đợt lá nhú, mỗi con nhộng hóa thân kích thích ông trong ống nhòm. Ông ngắm mãi miết bụng núi thoải, đùi núi xoải, thung lũng phẳng, cánh rừng dày và quả đồi ở lưng chừng thung lũng mỗi ngày một tròn trịa. Buổi tối Nguyễn Xuân lắng nghe núi khó ngủ trần trỗ. Đêm đám lính Miên thắng đường thốt nốt, viên chuẩn úy uống ba bát. Ông đột ngột thềm ngọt, đến mức mút các xác bướm, cố rút mật từ bụng nhộng đã khô. Ngày trung đội về Dakto, Nguyễn Xuân ra khỏi tầng xê, ông chói mắt. Đỉnh núi sáng gương. Đỉnh núi mới mẻ tươi như không phải ngọn núi ông thường trông thấy. Một chuỗi bùa Kà Tha xanh đỏ lấp lánh treo ngang núi. Viên

chuẩn úy say mê ngắm cho đến lúc cầu vồng ngũ sắc tan biến vào giải mây chưa khô lượn dưới gầm nắng.

19. Chuẩn úy Xuân làm tình lần đầu tiên trên căn gác dẫn tôn của nhà thổ.

Ông thôi sợ - kích thích ham muốn tột bực.

Viên chuẩn úy nằm đè - lên mình con điểm.

Ông chống hai tay như hít đất.

Mỗi khi thả người ấn xuống - ông đếm như vẫn thường làm ở trường võ khoa.

Thông thường đến hai trăm ông ngừng lại - để thở.

Rồi tiếp tục.

Xuân làm tình - say mê.

Ông không ra khỏi nhà thổ, ở suốt tuần với điểm. Ông làm tình suốt buổi sáng, suốt buổi trưa, suốt buổi chiều và cả buổi tối. Mồ hôi ông chảy tháo, hai bắp chân săn, hai bắp tay trở nên rắn, thân thể nở. Ông không còn là viên chuẩn úy nhỏ bé da trắng - nhụy cúc.

Lắm lúc Xuân thực tập bài tập đâm lưỡi lê - của quân trường.

Lắm lúc Xuân thực tập bài tập đâm lưỡi lê - của mình.

Và thỏa mãn.

Con điểm cắn chuối bùa Kỳ Tha kêu những tiếng Miên tục tiếu.

Đại úy Tuổi phải cho lính gọi ông trở ra tiền đồn.

21. Thăng Ngân chết trong hẻm núi *Thanh Xuân*. Một tháng sau Nguyễn Xuân hãy còn nghe nó gọi ông

suốt đêm. Thằng Ngân rên giữa rừng. Giọng trong trẻo, kêu la, lúc khóc, khi ai oán, khi kể lể và gọi tên Nguyễn Xuân. Viên chuẩn úy lửa lính khỏi đồn, rừng núi hoang vu, xác thằng Ngân biến mất. Mưa núi lạnh lẽo, đêm kín bung, chuẩn úy Xuân run rẩy về hầm. Buổi chiều thằng Ngân vào hẻm *Thanh Xuân* tìm bướm đập mìn, du kích buộc nhử ở bìa rừng. Thượng Chey không cho Nguyễn Xuân dẫn lính rời đồn. Suốt đêm thằng Ngân rên. Suốt đêm thượng Chey tấn cửa. Nguyễn Xuân nổi điên. Tiễn đồn vây chính ông. Bãi mìn định hướng chực nổ. Rào kẽm gai tua. Lựu đạn trái sáng. Đòi mắt thượng Chey sắc nhọn. Nguyễn Xuân phát cuồng trong tầng xê. Ông vẽ gương mặt thằng Ngân lúc sống. Vẽ đôi mắt cổ thiếu úy Loan lúc chết. Vẽ những quả táo, những dây bao cát chống chất và ngọn núi. Nguyễn Xuân uống xăng phun lửa. Ông khà lửa ra ngoài kẻ hở châu mai đốt rừng. Đám cháy lan khắp triển núi. Lửa nhảy múa. Đến sáng gương mặt kẻ nhìn Nguyễn Xuân xanh nhợt.

22. Đứa con gái cắn bùa Cà Tha kêu đau. Nguyễn Xuân lật nó nằm xấp. Ông làm tình hung bạo. Con điếm không ngớt la. Nguyễn Xuân hung hãn. Ông trông thấy mảng lưng ngăm của đám lính Miên, trông thấy gương mặt thằng Ngân rên.

23. Tiểu đoàn phóng ra cuộc hành quân lớn. Bốn đại đội quần núi. Đại úy Tươi quát tháo ở bộ chỉ huy. Đám lính tan vào cỏ tranh. Nguyễn Xuân theo dấu vết thượng Chey. Cánh rừng đan lưới. Những giầy mây

buông tú phía. Rừng gai cửa áo trận rách buom. Ngọn núi chạy theo bước chân Nguyễn Xuân dẫm trên đất. Ông tra đạn. Bóng thượng Chey rõ, mất, rồi lại hiện ở chân núi. Gốc mai rừng vàng hoe. Nguyễn Xuân vãi đạn. Ông bắn tới tấp giữa lưng áo cho đến lúc nhận ra vừa chặt gốc mai. Thượng Chey biến vào hẻm *Thanh Xuân*. Suồn núi san sát. Nguyễn Xuân chạy giữa hai vách núi xô đẩy. Ông trông thấy gương mặt gã khổng lồ sau kẻ lá. Một sóng mũi gầy, chiếc cằm thô, bóng thượng Chey băng băng. Núi lăn, rừng chạy. Núi đổi chuyển động trời những gốc đài dương bám giầy Nguyễn Xuân. Ông phát quang bằng lựu đạn lân tinh. Ngọn núi kêu rú. Tiếng nổ ầm phát lửa. Nguyễn Xuân nghe tiếng chân thượng Chey vang dội, tiếng ù ù của trực thăng quân, tiếng những quả táo Mỹ bắn tủa xuống rừng rớt chung quanh. Xuân cảm giác ông không thể chết, bất tử. Ông phóng nhip nhàng như con báo. Hai bắp đùi Xuân dẻo dai kỳ lạ, ông tung mình qua những mô đất, thoát trên một phiến đá, thu mình cạnh gốc cây, trườn qua những rễ rừng. Ánh mắt ngọn núi rõ dần dần. Một lúc Nguyễn Xuân ngỡ bắn hạ thượng Chey, ông đến gần nhận ra xác hoẵng. Dốc núi thẳng. Nguyễn Xuân treo. Ông kéo cơ bấm bắn tuối lúc không còn thấy vách núi trước mắt. Dãy núi gập, những nhánh dương gầy. Khói tan, Nguyễn Xuân chợt nhận ra đỉnh núi biến mất, chung quanh trống trải chỉ có những đám mây trôi và thung lũng bát ngát.

24

. Cố thiếu úy Nguyễn Xuân chết trong trận đánh.

25

. Ngọn núi qua mùa khô - chảy hết nước.

Tiền đồn tiếp tục mưa lũ ngày chuẩn úy

Thế Hương

- mười chín tuổi
- tốt nghiệp liên trường võ khoa
- nhận trung đội.

Viên chuẩn úy mới

- trẻ
- trắng
- nhụy cúc.

17/11/95

* version văn xuôi cụ thể hình thức của truyện ngắn “táo Mỹ và những nhụy cúc” đã đăng trên Hợp Lưu năm 95.

nhã nam

Chúng tôi về Nhã Nam, quê của Th. Nhã Nam đất hẹp, nhiều cây, sông nước và những rừng người. Th đón tôi ở sân bay, gương mặt anh tầm thường như mọi người tôi không nhận ra. Th là nhà văn, từ khi mở nhà hàng mang tên hoa Tây Bắc anh thôi viết. Trước, tôi ngỡ đã đọc hết truyện Th. Anh có lối viết mỗi câu như nhát mác phật vào gốc chuối phọt mũ. Th đưa chúng tôi vào hiệu sách. Tôi với chị T loay hoay lựa. Sách của Th tái bản toàn tập, có truyện Mưa Nhã Nam tôi chưa hề đọc. Chị T đẹp, rục rịch, cười luôn. Chị về Nhã Nam trăm lần chưa chán. Chúng tôi đi uống nước. Thằng bé gạ đánh giầy. Tôi hỏi Th:

- Đàn ông học vi tính, đàn bà làm điểm, con nít đánh giấy, bán vé số, tương lai ở đâu?

- Niềm tin vào hành động học vi tính, làm điểm, bán vé số.

Th trả lời, lạnh lùng.

Chúng tôi về nhà. Vườn vải nở ngát uốn lên núi Bái Vọng những bông trắng lung lay giống tấm lụa trắng ai giăng trước mắt. Th đắm chiều. Chị T đi tắm. Có ai gọi điện. Chị T trả lời điện thoại cầm tay qua tiếng nước. Tôi bảo Nhã Nam giống Côn Sơn. Th đáp Nhã Nam là Côn Sơn. Cơm chiều vợ Th dọn lên hai khúc cá chiên xà, canh hến, một đĩa gỏi ngó sen. Vợ Th cũng tâm tâm triệu đàn bà chúng tôi trông thấy lúc sáng. Th giục cầm đũa. Tôi nói đợi chị T. Vợ Th giắt con xuống bếp. Nhã Nam buổi chiều mưa căng qua rừng vải giống lụa ướt máng dài tới núi. Th bảo ở đây ít bữa anh dẫn đi xem Lê Sát chém Liễu Thăng. Giá trong nước hai mươi ngàn một vé. Giá ngoài về gấp ba.

- Tôi cũng người Nhã Nam sao phân biệt?

- Nhã Nam có hạ có thượng, có chiếu trên chiếu dưới, có nhân đạo, vô học và ăn cướp.

Th hút thuốc lào. Khói khét đặc buồn. Anh vừa trí thức vừa bản cổ nông, bây giờ ráp ranh tư sản nhà hàng, chỉ còn chút hương hoa Tây Bắc làm giấc mơ.

Mưa lớn. Chị T vẫn chưa ra. Th đi mua đế. Đế nếp gò Mã Yên, nơi Liễu Thăng bị chém, uống vào như uống tiết tanh, nóng, đắng. Tôi với Th ngồi nhìn mưa Nhã Nam bôi những dấu chân trâu bừa trên đất. Không nơi nào như Nhã Nam ô tô với trâu di chuyển trên cùng đường cái.

Thời gian Nhã Nam dài, thư thả, đủ để đếm hết móng trâu và vỏ xe qua đường.

Chị T tắm xong, vẫn điện thoại, vừa cầm máy, vừa chải tóc. Chị thích những cuộc hẹn vu vơ, bất chợt, không mục đích, không quan trọng nhưng nhiều đam mê. Quen lâu, tôi vẫn chưa hiểu chị kiếm gì trong cuộc sống. Th nhìn chị T, đôi mắt đục gần như không trông thấy. Chị ở thế giới khác, không còn là đàn bà Nhã Nam. Th hiểu, cũng hiểu hương hoa Tây Bắc ngửi thấy nhưng không bao giờ nhốt được. Không khí nặng. Th giục tôi cạn ly, bày bàn trước hiên. Mùi đất pha dầu tắm ở tóc chị T chen mùi để gò Mã Yên nồng nồng. Mưa lấp núi Bái Vọng rồi rừng vải, đến sân đất nện. Chúng tôi giống ngồi trước mặt ao. Chị T ném một viên sỏi xuống nước, vỡ những bong bóng xoè. Th kéo ghế, tựa cột đà khắc chì chít đại tự.

- Ngày xưa Nguyễn Ứng Long dạy học ở đây.

Th trở tắm phản mục kê trong góc.

- Nguyễn Trãi làm thơ chỗ chị ngồi.

Th lại trở chị T. Chị cười, vẫn rực rỡ.

- Chỗ tôi và anh ai ngồi?

Tôi gắp khúc cá, nhằn xương. Th nói Mời chị, và com:

- Thời điểm nào? Trước hay sau Hồ Quý Ly?

- Trước?

- Cự Đán.

- Sau?

- Bọn mất dạy.

Chị T cười ngất. Tôi với Th không cười.

Trời bức. Mưa nhưng vẫn bức. Th ăn một loáng hết thố com. Tôi hết chuyện nói, nhìn vợ mấy chữ son son thép vàng khắc đầy vách. Th kể Nguyễn Trãi là một thiên tài.

Nhà này lúc trước là một gian thuộc Bể Hồ Gia Trang của cụ Trần Nguyên Đán, sau chia thành nhiều hộ. Từ khi mở nhà hàng đặc sản sinh lợi, Th mua lại, chữa trang cổ bảo trì hồn thiêng sông núi. Anh kể Nguyễn Trãi sinh thời làm thơ xuất thần, không bút, không giấy, chỉ cần nhìn lên vách: chữ hiện như đóng triện son.

- Một trăm bài thơ quốc âm, Nguyễn Trãi nhìn một trăm lần, đời sau không thể xoá.

- Thơ là trí tuệ, không cần lao động tay chân.

Tôi hưởng ứng. Chị T cười rừ.

Th ngâm: “Đường cùng Nguyễn tịch khóc làm chi”

- Câu này không còn trên vách.

- Tôi tưởng đời sau không thể xoá?

- Không xoá, nhưng chủ trước rõ bán cho Đài Loan.

Th lẩm bầm.

Tối. Ra về. Th hỏi đi đâu? Tôi nói Uống rượu. Th chặc lưỡi:

- Trong rượu. Ngoài về cũng rượu. Chẳng có gì khác.

- Khác gì? Mình là người Nhã Nam.

Tôi chở chị T bằng xe Cub. Đường đất trơn, xe chao lạch vào rừng vải loá. Triệu cánh vải vượn như tay thiếu nữ chụp bắt. Tôi tránh xem ngã. Bông trắng rụng nhàu đất. Xe lao xuống chỗ trũng, nước mưa ngập gối bắn hai bên bùng. Chị T nín vai gọi:

- Có thấy mấy cô ven đường?

- Đâu?

- Lúc này xuyên rừng vải.

- Đây là Nhã Nam.

Chị T cười. Tôi khiển xe, hình dung gương mặt chị, tươi lúc cười, bình thường buồn thẳm. Chúng tôi hẹn

cùng về Nhã Nam. Lúc ở ngoài, tôi hỏi Chị về Nhã Nam trăm bạn không chán? Chị trả lời Rong chơi đâu cũng vậy, về Nhã Nam vui buồn lẫn lộn. Ra khỏi rừng vải, xe Dreams phóng loạn. Tôi tránh lại xem ngã. Chị T là:

- Cẩn thận!

- Không chết đâu!

“Cuộc đời vẫn đẹp sao”, “tình yêu vẫn đẹp sao”, tôi hát. Chị T kêu Quỷ. Th đuổi theo sau. Tiếng máy xe Cub 70 của anh rống. Nhưng chúng tôi đã ra tới phố. Phố Thi Sách, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Ngô Quyền, Phạm Ngũ Lão. Quán Buffalo Blues, Q Bar, Doors Pub, Apocalypse Now, Venus Club...

Xe ghé Guns n' Roses. Bảo vệ giữ xe, đưa thẻ. Th thôi đuổi. Th hiểu Nhã Nam có thượng có hạ, có trong, ngoài và có những quán bar năm mươi ngàn Nhã Nam một ly. Chúng tôi là Nhã Nam kiêu.

Gần sáng có tin Tổng Giám Mục Nhã Nam mất. Đồn đãi: trước lúc chết ông á khẩu, nhiều giáo dân thương tiếc. Tôi với chị T ra khỏi quán, giáo đường treo cờ rủ. Chúng tôi đi qua phố chết. Cửa hàng đóng kín. Không phải để tang, nhưng vì những giọt sương chưa vỡ trên tàn phượng. Nhà thờ thả lụa tím. Tượng thánh buộc băng đen. Đường phố lạnh lẽo. Chị T nói ghé nhà Th. Tôi rủ đi xem Lê Sát chém Liễu Thăng. Chị T trách:

- Chỉ thích những trò hung bạo.

Chị không cười. Xe xuyên rừng vải chưa nở, cánh khép, trắng yếu ớt. Nhà Th trồng một chậu mai chiếu thủy, hương rắc tận chân núi Bái Vọng.

Th đợi chúng tôi suốt đêm. Khuôn mặt anh nhàu nát, nhưng đầy kiên nhẫn. Trông thấy chúng tôi, Th đập

máy. Hai xe Cub chạy song song. Chị T mặc jupe, ngồi một bên đông đưa giấy trắng. Gió mát, cây cối im, đường đất đỏ tươi. Xe qua chùa Tư Phúc. Th chi:

- Khi Thái Tôn đuổi về lãnh chức quan đề cử, Nguyễn Trãi giữ chùa này.

Anh ngâm: “Anh hùng để hận mấy nghìn năm”.

- Thơ Nguyễn Trãi?

Chị T hỏi. Th gật đầu. Tôi thắc mắc.

- Sao không thấy khắc trên vách?

- Không được phép.

Th cầu nhậu.

Tiếng xe Cub rừ rừ. Đường lên ải Chi Lăng khúc khuỷu. Chúng tôi không ngớt trả số. Cảnh sắc thay đổi, mây xám, núi đen, ruộng su hào xanh bạt. Mặt ruộng đầy vết xe tải.

- Bọn buôn hàng Trung Quốc mỗi ngày qua đây trăm bận. Th giải thích.

- Có Lê Sát nào chặn không?

- Bạn xây khách sạn cả rồi.

Anh rú ga phóng lên trước. Qua khỏi đèo đồ dốc, tuột như trôi, tiếng phanh xe hơn tiếng lợn thở huyết. Chúng tôi trả tiền vào bãi. Hai mươi ngàn vé Nhã Nam. Sáu mươi ngàn vé Nhã Nam kiều.

Nghĩa quân Lam Sơn chặt rừng. Giáo mác tua, cả vùng như cấm chông. Gió lớn. Cờ Quyết Thắng lượn rần. Lê Thu vận giáp trụ, người thô, trán ngắn. Lưu Nhân Chú, Lê Linh cỡi trưởng, mình xăm. Lê Sát múa đại đao xoắn xoắn. Nguyễn Trãi ghim ngựa trước “Ngô Thê”. Trãi mặc áo vải tơ tằm, xinh như một thiếu nữ. Chiêng gióng sáu hồi, quân Minh từ Quỷ Môn Quan kéo xuống. Lê Sát thúc ngựa kiều qua vách

núi Hàm Quỳ và Cai Kinh, người ngựa gân guốc vượt lầy. Chinh Lự An Viễn Hầu Liễu Thăng hoa chùy đánh. Lê Sát quấy ngựa, hồi mã thương, đường đao đẹp như ánh lửa.

Lũ trẻ giành nhau thủ cấp, cả bọn lừa đá. Lê Sát lấy găm rạch lườn Liễu Thăng thích gan bỏ vào bình ngâm sẵn rượu thuốc. Chị T nhắm mắt.

Giấc trưa về, đường khô, nắng gắt, tôi với chị bán khoán:

- Chết thật hay giả?

- Cái chết nào cũng thật, không cái chết nào giả.

Th trả lời, lằm lì. Chị T vẫn còn sợ, tôi khiển xe, chị ôm lưng, tay lạnh ướt. Hương mai chiếu thủy tiết từ núi Bái Vọng nhờ nhờ không đủ lấp mùi tanh. Vợ Th dọn sẵn cơm. Thịt rắn bằm, tiết rắn pha, da rắn chiên giòn, cháo rắn hạt sen. Chị T không dám đụng đũa.

Chiều có tin nhạc sĩ VC chết. Chị T buồn, chúng tôi ra quán. Phố Nguyễn Du đầu đường có hiệu cơm Bà Đại đất vì tổng thống Pháp đến ăn chụp hình, cuối đường quán Buffalo chơi nhạc jazz. Chị T nói — Nhà Nam ngoài ăn uống không biết làm gì. Chúng tôi ngồi nghe nhạc. Năm trước về, tôi ấn tượng trở về quá khứ, năm nay bước vào tương lai. Quá khứ hung bạo và tương lai hung bạo. Chị T nhắc chuyện nhạc sĩ VC mất. Hỏi có đi đám? Tôi lắc đầu. Mỗi thế hệ có một cái chết riêng. Chiều xuống nắng nỏ trên da những đứa bé đánh giấy. “Da nước mưa” như Duras tả trong Người Tinh. Chúng tôi kêu phục vụ để nhạc S. Ca sĩ Hn gọi nắng. Tôi với chị T nghe bản nhạc nhiều lần. — Nhà Nam, sống giữa nắng, xúc cảm hết lời nhạc. Hn gọi nắng da diết. Nắng chết trên sông, trên mặt lộ. Chữ chết bất tận.

Chị T về nhà Ns. Tôi bỏ chị ở đường 3 tháng 2.

Nhà Th khuya khoắt. Suong đêm phủ tím vải rừng.
Ngôi nhà cụ Đán tịch mịch. Chậu mai chiếu thủy lạnh biếc. Th
biến mất. Ngõ tối. Đèn chai thấp yếu ớt. Tắm phen rã rời mở
ra vườn sau đối núi Bái Vọng. Tôi gọi Th. Tiếng la gào vào núi.
Bóng thiếu nữ lướt qua sân. Áo lụa tan nhu trắng.

Tôi yêu Trãi trăng đêm mười bốn. Mười bốn trăng vừa,
tắm sáng mặt khuya. Lưng Trãi thon, thơ hiện như vẽ. Đêm
rừng vải gót nhạc cười nụ soan. Tôi nín gọi:

- Để thơ nữa đi.

- Thơ Góc Thành Nam.

Trãi cười, buồn.

“Góc thành nam, lầu một gian”

“No nước uống, thiếu cơm ăn”

Trăng tắt. Đêm rụng. Bài thơ chưa hết lời.

Lúc tôi trở ra phố, nắng ướm vai chị T. Lịch treo tường
đề mười hai, nhạc sĩ VC chết mừng mười, tôi ở trong rừng
vải suốt hai hôm. Hai hôm không gặp, chị T đi Đà Nẵng, tắm
biển Non Nước, da ngăm, tươi muối. Hai hôm trong rừng
vải tôi không biết tin: Đế quốc bang giao với Nhà Nam. Chị
T dẫn tôi đi xem suối bia, khắp Nhà Nam ăn mừng.

Trưa, chúng tôi mượn xe Cá Mập đi Nghệ An. Xe tốc
hành, chạy suốt, thuê bao trọn gói. Th cầm lái. Dọc đường
hướng dẫn:

Năm Ất Tỵ Lê Lợi vây thành Nghệ, truy bắt Lý An,
Phương Chính. Nghĩa quân đồn trại dọc sông Lam. Đêm
trong đền thờ thần Phổ Hộ làng Trào Khẩu, vương nằm mộng
dữ, người lạnh, lưỡi khô, trông thấy sóng gào, gió giạt, cò
gầy, thuyền đắm. Sáng tỉnh giấc, vả mồ hôi, tê chân, tái sắc.
Nguyễn Trãi sầu:

- Diễm hà bá bắt vợ. Nhưng vương từ Lam Sơn đẩy

nghĩa, lấy chí nhân thay cường đạo, lấy đại nghĩa thắng hung tàn, không nên mê tín.

Vương ám ảnh ác mộng, lo bản mệnh, băn khoăn:

Xưa vua Lý nhờ vợ chồng Vũ Phục nhảy xuống sông Thiên Phù hiến xác thủy thần mà khỏi bệnh đau mắt, có gọi là mê tín?

Nguyễn Trãi cảm. Trương màn tanh.

Xe vô bãi. Du khách chật sông. Tôi với chị T mua vé thượng hạng sát đài. Vương đứng trên đàn cao, lưng ba trượng, mắt quả quyết. Nguyễn Trãi ôm tráp hầu, Trần Nguyên Hãn che lọng. Lê Lễ, Lê Ngân cầm côn bảo vệ. Nghĩa quân tiến qua đài, cò huyết lộng. Chiêng trống rùng rùng. Gió Bắc đẩy mây, phèng khua. Vương trở sông Lam quát:

- Nay ta vì nghiệp bá hiến thiếp. Thề phá thành Đông Quan phong con trai Phạm Thị Ngọc Trần làm thái tử.

Pháo nổ. Lê Sát chém ngựa hứng máu. Lĩnh lời Ngọc Trần khỏi trướng. Ngọc Trần trẻ son, mắt liễu, môi dâu, ảm Nguyên Long lên ba, khóc thảm. Lê Sát quật hèo, lính khoá cũi. Nguyên Long gào mẹ. Cũi chìm xuống sông Lam, Ngọc Trần đẩy, sóng tung toé. Một mớ tóc bùng nhùng nổi lên mặt nước. Gương mặt chị T tái nhợt.

Đường về tôi với chị trần trờ, không yên. Trước lúc ngừng xe, Th hỏi: Còn nhiều trò nữa xem không? Chị T đáp Đủ rồi. Tôi tránh nhìn Th, hình ảnh mớ tóc bùng nhùng trôi mãi trên nước.

Ngày 13, tháng Thân, năm Hợi, tôi trở lại nhà cụ Đán. Con giận cứng mười ngón tay. Tôi chờ chị T bị xe buồn củi đưng, bọn ba gác tháo chạy, chị ngã vỡ đầu, xuất huyết não, chở vào Trung Tâm Cấp Cứu Quận Nhất không ai khám, sang bệnh viện Nguyễn Tri Phương chị mê man cấm khẩu, y sĩ trực mắng bệnh nhân không hợp tác. Tôi

gây, thuê xe cấp cứu sang Chợ Rẫy. Bệnh viện lớn nhất Nhà Nam bản, nghèo nàn, nằm ngổ la liệt. Nh bạn chị T được tin đến viện, đưa tiền bồi dưỡng. Bác sĩ khám nói máu tụ não bất mỗ. Chị T mê man. Gia đình Nh đi mua máu, nước biển, kim chích, thuốc trụ sinh. Tòì tìm Th.

- Tất cả chỉ là tưởng tượng.

Tòì quát. Th đang ngồi đọc sách, mắt đỏ rực.

- Không ai hư cấu được sự thật.

Anh gần, nhưng chỉ đứng yên nhìn tòi phá bàn thờ cụ Đán. Vườn vải nát, núi thấp, mây cụt. Tòì trở lại bệnh viện, chị T vẫn hôn mê, thở ô xy, vết mổ bầm máu, giường rỉ sét. Tòì đợi ngoài hành lang, thân nhân trực bệnh ngủ cầu thang lê lét xuống sân. Các bà mẹ Nhà Nam khóc thút thít. Nhà thương giống trại hủi.

Tòì rời Nhà Nam cuối tháng Thân. Chị T vẫn nằm viện, tay phải và chân phải chưa cử động. Th tiễn, gương mặt anh tầm thường giống triệu người nhưng tòi vẫn nhận ra. Máy bay lên cao. Tòì đọc lại truyện Th. *Mưa Nhà Nam tả Đẻ Thám quất ngựa dưới mưa nhiệt đới, khóc nức nở đòi người.* Đẻ Thám khóc vì bán một người đàn bà cho định mệnh khắc nghiệt. Th mở đầu câu chuyện khinh bỉ tất cả:

Tòì sẽ kể chuyện này cho cậu, cậu cầm miệng đi, cậu còn trẻ quá, cậu là thằng ngốc.

Tòì sẽ kể chuyện này cho cô, vì cô sẽ đi lấy chồng. Lúc ấy toàn những nhọc nhằn thôi, không ai kể chuyện cho cô nghe cả.

Anh kết bằng một câu vô cảm: Tòì kể chuyện này đến đây là hết.

Tòì gấp sách. Máy bay bình phi, ba mươi ngàn bộ. Trên cao, mưa Nhà Nam trong, đẹp như hạt ngọc.

5/8/1995

sàigòn, ngày lạ mặt

Tôi trở lại đường Trương Minh Giảng bây giờ mang tên Lê Văn Sỹ. Thận Nhiên chạy xe Dawoo phía trước, tôi lái chiếc Cub phía sau. Nắng loang loáng trên mái tóc Nhiên nấp thín. Nắng loá con đường giữa trưa sáng bóng các biển hiệu. Nhà may Thủy Tiên, hiệu sơn Tất Thành, Karaoke Thời Mới... Một giờ trưa, nắng toé lửa. Chúng tôi hứng trận nắng như hứng những mảnh mặt trời nguyên vẹn rót ụp xuống mặt. Tôi muốn dừng xe uống nước, nhưng Nhiên vẫn lăm lũi chạy tiếp, thỉnh thoảng quay lại kêu: “Nhà anh Mậu khó kiếm lắm”. Tôi nghĩ Nhiên lạc, vì

chúng tôi quần tới quần lui khúc giữa Su Vạn Hạnh và nhà thờ Ba Chuông. Trận nắng nhảy múa trước giỏ xe cub như một ảo ảnh. Tôi trông thấy lại cảnh gia đình hốt hoảng chạy ra phi trường Tân Sơn Nhất. Tôi trông thấy lại cảnh chen lấn giữa tiếng súng Quân Cảnh cố vẫn hồi trật tự. Thầy căng thẳng cực độ lái xe Toyota chở chúng tôi im thin thít tìm cách rời khỏi Sài Gòn hỗn loạn. Cũng con đường này, qua khỏi đường rầy xe lửa, nhà thờ Ba Chuông đâm lên Lăng Cha Cả, tôi bó gối sợ hãi trông thấy một thanh niên bê vết máu phóng xe Honda lao ngược chiều la lớn “tụi nó chiếm Tân Sơn Nhất rồi” và gương mặt Thầy nhăn nhúm tuyệt vọng. Thầy quành xe lao về hướng Khánh Hội tìm một đường sống khác. Vô ích, Thầy không biết Thầy sẽ chết 13 ngày sau đó khi lá cờ Quyết Chiến Quyết Thắng bay trên nóc hầm De Castrie tại Điện Biên Phủ một lần nữa phát lên ngạo nghễ “hành tiến” trên đường phố Sài Gòn của tháng 5 im lặng. Thầy không biết, Thầy sẽ vĩnh viễn yên nghỉ tại đây, trên mảnh đất này, nơi Thầy di cư tìm đường sống tháng 9-1954.

Bà gọi tôi đi vượt biên thực hiện một hoài bão đã có từ những ngày Hà Nội sau tản cư. Bà gọi tôi đi, nhưng tôi trở về để chúng kiến lại một lần nữa, nỗi tuyệt vọng của gia đình buổi sáng 30 tháng 4 trên con đường này. Những tuyệt vọng hãy còn loang loáng ẩn hiện trên các mặt tiền những ngôi nhà đường Trương Minh Giảng. Những lớp cửa sắt im phắc. Những cánh cổng của những ngôi nhà ban trưa đóng kín, im im. Tất cả giống câm điếc, giống những mặt người không thốt thành lời, chỉ có những dấu hỏi ngầm giữa trông mắt: “Tìm gì? muộn rồi.”

Tôi nhìn mặt đường. Tôi nhìn hai hàng cây. Tôi nhớ

rõ, chỗ này bánh bao Ông Cả Cẩn, chỗ kia bò nhúng dấm, Thầy vẫn đưa gia đình đến ăn những tối thứ bảy. Tôi còn nhận ra hàng hiên lớp hội họa truyền thần bà ghi tên cho tôi học vẽ bây giờ là tiệm mát xa chân với đèn ông sao xanh đỏ. Vẫn con đường này, như không thể có con đường nào khác, vẫn là những thước nhựa tôi đã dẫm lên thời bé, nhưng đã là lớp nhựa trắng tên người khác.

Lê Văn Sỹ, tôi không biết là ai, nhưng tôi biết Trương Minh Giảng đánh Trấn Tây Thành, chiếm Kampuchea. Sao Trương Minh Giảng cũng thi hành nghĩa vụ quân sự quốc tế, giải phóng nhân dân Khmer mà tên ông bị bại đi trên các cột đèn này? Còn sống chắc ông nổi cơn thịnh nộ. Còn sống, tôi với Nhiên không dám nổi cơn thịnh nộ. Thế hệ tôi thiếu dũng, kiên, cường. Thế hệ tôi sợ hãi ở mỗi ngã tư đèn xanh đèn đỏ bị công an kêu lại xử lý.

Nhiên đỗ xe. Chúng tôi đi tìm một nhà văn miền Nam.

Miền Nam? Một quốc gia biến mất. Văn chương miền Nam? cũng biến mất. Còn Dương Nghiễm Mậu? một gương mặt bí hiểm. Thế hệ tôi chưa kịp đọc ông. Chúng tôi hãy còn quá nhỏ, dù miền Nam tràn ngập sách báo, dù chúng tôi đi thuê truyện mỗi chiều, ngón ngấu Duyên Anh, Nguyễn Thanh Trinh, Đinh Tiến Luyện, Từ Kế Tường, Nguyễn Đình Toàn... Chúng tôi chưa ai đọc Gào Thét, Buồn Vàng, Ngày Lạ Mặt, Cùng Đàn, ... Dương Nghiễm Mậu ở một thế giới nào đó vô cùng xa xôi mà chúng tôi không thể muông tượng. Tháng 4-75 đến quá sớm để tuổi trẻ kịp tận hưởng.

Dương Nghiễm Mậu tiếp tôi với Nhiên trong ngôi nhà lát đá mát lạnh. Không khác mấy khí hậu trong truyện

ông, khô, lạnh lẽo. Mỗi tiếng động đều hàm chứa một nội dung rõ rệt, tựa như những điều muốn nói phải qua một phiên lọc khác dành riêng cho những ai có khả năng hiểu ra. Dăm bức sơn mài Dương Nghiễm Mậu làm lấy treo trên vách. Một gói thuốc Con Mèo gần cạn. Tủ sách để tượng trưng trống rỗng.

Tủ sách của một nhà văn miền Nam sau ngày “giải phóng” trống rỗng. Tôi nhìn tủ sách kỳ lạ. Thấy cũng có một tủ sách và tủ sách ấy ăn vào tuổi thơ tôi không hề biến mất. Tôi không thể nhớ tủ sách đem về khi nào, chỉ biết, từ lúc có trí khôn, tủ sách đã ở đó, chễm chệ và sừng sững. Thấy buồn bán theo truyền thống Trung Hoa, nhưng tủ sách chiếm nửa bức tường. Chiếc bóng của chúng tôi, của kẻ ăn người ở trong nhà luôn chao lượn lên khung kính phản chiếu những hình ảnh lạng lờ. Những khi tôi ngủ quên trên ghế đệm, tủ sách ngả chiếc bóng đen đè lên mình. Khi tôi thức giấc, chiếc bóng hoá trở lại thành tên khổng lồ mặt gỗ chứa thật nhiều sách rình rập canh chừng. Nhưng tôi lớn lên và nỗi sợ hãi biến mất, chỉ còn những tò mò thấp thoáng trên các tựa sách ở tầng cao khóa kín. Chính trong những năm đầu trung học đệ nhất cấp, khi chiều cao cho phép với lên phần có ổ khoá, tôi khám phá Dương Nghiễm Mậu. Sách của ông xếp cạnh sách Mai Thảo, Nguyễn Thị Hoàng. Tuổi Nước Độc, Con Sâu, Trong Hoang Vu, xếp cạnh Mười Đêm Ngà Ngọc, Sống Chỉ Một Lần, Viên Đạn Đồng Chữ Nổi, Hạnh Phúc Đến Về Đêm, Vòng Tay Học Trò, Dưới Vùng Hoa Trắng, Tiếng Chuông Gọi Người Tình Trở Về...

Tôi không bao giờ được phép xem. Với tôi là một khiêu khích. Tôi vẫn đi thuê truyện, say mê với Hitler

và Những Tên Ác Quỷ Y Khoa, Hitler và Mặt Trận Miền Đông, Moshe Dayan Bức Tường Thành Do Thái, Tora Tora Bay Về Tràn Châu Cảng, Kamikaze Những Trận Không Chiến Dữ Dội Nhất Lịch Sử Thái Bình Dương, Về Miền Đất Hứa...nhưng Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Mai Thảo vẫn là một kích thích. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu vì sao mình đã ngoan ngoãn nghe lời Thầy đến như vậy, tôi thuê truyện, nhưng chỉ thuê những cuốn sách Thầy cho phép đọc. Những cuốn sách nhà cấm, tôi nhìn tò mò, nhưng không cầm đến. Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Mai Thảo, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Thế Uyên, Mặc Đỗ, Thế Phong, Nguyễn Thụy Long,... xếp ngay ngắn sau lớp kính có ổ khoá.

Buổi trưa ngồi với Nhiên, Dương Nghiễm Mậu không nói điều gì. Ông chỉ lẳng lặng pha trà cười nhẹ nhàng, nghe Nhiên nói, nghe Nhiên kể về nổi sôi sục huyết quản của một thi sĩ, của Nhiên và bạn bè Nhiên. Tôi khác Nhiên, tôi chỉ muốn hiểu thế giới bí mật của văn xuôi. Dương Nghiễm Mậu cười nhẹ như tàu dừa lay, gần như ông không động đậy. Ở Dương Nghiễm Mậu nụ cười diễn ra ở chuôi mắt, ở ngón tay đập cán thuốc mà nhịp nhanh chậm thay cho tiếng cười luôn luôn kín đáo. Dương Nghiễm Mậu rót trà. Ông hiểu thế hệ tôi và Nhiên không còn ai uống trà nữa, nhưng ông vẫn rót. Váng nước vàng màu mỡ gà, giữa buổi trưa nóng hực sủi tăm như số lượng dầu hỏa chất chứa trong dầu tôi từ buổi trưa tháng 5-75 Bà mở khoá cho chúng tôi đọc tất cả sách người lớn của tủ sách đồ sộ, trong vòng 48 giờ rồi Bà đem bán ký vì Công an phường đã ra lệnh tịch thu văn hoá phẩm *đôi truy* của *Ngụy*. Tôi còn nhớ Bà bán cân ký

150 đồng ông Thiệu mỗi ký. Bà bán sạch tủ sách, kể cả sách thiếu nhi Lữ Hán Phi Lục, Phan Tân Sĩ Phú, Tintin, Lucky Luke, Astérix Obélix, chỗ đi máy xe ba gác. Bà bán sạch tuổi thơ tôi trong chớp mắt. Làm sao tôi đọc hết hai mươi năm văn học miền Nam trong 48 giờ? Làm sao tôi trưởng thành kịp trong 48 tiếng để hiểu những chiếu bài mặt chược, trong phòng khách sạn rì rầm, hai người đàn ông đàn bà làm gì trên mặt nệm trong tiểu thuyết Mai Thảo. Tôi chưa đến 13 tuổi nhai ngốn ngấu Vòng Tay Học Trò của Nguyễn Thị Hoàng trên sân thượng giữa trưa nắng ngun ngút, cổ muông tượng ra cô giáo Hoàng với đôi thông Đà Lạt trong ngôi nhà gỗ thông thơm phức với tên nam sinh tên Minh sớm biết hút thuốc, có bật lửa zippo và gan dạ tán tỉnh cô giáo. Tôi ngốn ngấu Tháng Giêng Đưa Đám của Nhã Ca, kinh ngạc khám phá tiểu thuyết có súc chớ mang gấp mười lần tivi số lượng hình ảnh Tết Mậu Thân ngoài Huế. Trưa nắng thiêu đốt. Tiếng động chiến xa T-54 âm ỉ từ Gò Vấp đổ xuống Phú Nhuận băng lên đại lộ Hai Bà Trưng không át nổi âm thanh của 16 vỏ chai bia mỗi ngày Túy Hồng quắp rổ đi đổi cho Thanh Nam lúc còn sống trong building Cửu Long và diễn ra trong tiểu thuyết Tôi Nhìn Tôi Trên Vách. Không át nổi tiếng nhạc xập xình mỗi buổi tối cô ca ve đi làm luôn có một người đàn ông chờ sẵn, đem đến một gói Salem xanh biếc trong Thủy và T6 của Thế Phong... Tôi khám phá xã hội miền Nam ngay trong ngày xã hội đó bị xích sắt T-54 nghiền nát dưới lòng đường. Tôi chưa kịp đọc Dương Nghiễm Mậu. Tôi chỉ kịp trông thấy ông bị vất lên xe ba gác chở ra lề đường. Nhưng cũng chỉ một hai tháng sau lề đường bị *truy quét tàn dư Mỹ Ngụy* và ông biến mất.

Dương Nghiễm Mậu hiện ra trở lại buổi trưa Lê Văn

Sỹ. Ông yên lặng quan sát tôi với Nhiên. Chúng tôi, những độc giả thiếu nhi của miền Nam cũ, cũng đột ngột hiện ra trước mắt ông. *Cũng đành...* dường như ông muốn nói vậy. Tôi cũng quan sát ông, quan sát cái tủ sách trống trơn của một nhà văn miền Nam. Tôi ngắm ông với cảm giác kỳ quặc là ông hãy còn trong tủ kính bị khóa, giống như ông đang là cuốn sách cầm chưa được phép mở ra cho tôi xem. Nhưng Dương Nghiễm Mậu vẫn ở đó, trong sâu thẳm của một miền Nam *ngã đạn*.

20 tháng 6-2004

dấu hỏi sorrente

Nhà xoay lưng về đôi mắt đàn ông ẩn sau bức tường quét vôi màu phún thạch đỏ. Đôi mắt im sắc mạnh mẽ lộ rõ đường mày đậm bất ngờ cong ở khúc cuối như một dấu hỏi.

- Senorita thuê nhà bao lâu?
- Tôi chỉ thuê bán thời gian.
- à, mi-tempo...

Bà ý xoay lưng, chiếc váy cánh dơi vồng lên như điệu múa. Tôi bờ ngỡ cố tìm đôi mắt đen nhánh đã biến mất chỉ còn chút thoáng mảnh lay động. Cánh dơi tiếp tục

chao lượn phía trước. Tôi bước lên các nấc thang ướt rêu. Sorrente là thị tứ có những lối đi đào trong vách núi. Tôi đã đến nơi này với người đàn ông cũ cũng có đôi mắt đen màu sóng buổi chiều, thứ sóng ngầm yên lặng của vùng nước sâu và rút thật xa.

- Senorita hên lắm, nhà mới vừa sơn phết rất nhiều người đến hỏi. Chỉ có cô và ông ấy...

Bà ý chít khăn đen giống trong tranh Bottello giải thích. Thổ âm của vùng Naples vỡ những thanh sắc riu rít. Giọng nói giống tiếng hát véo von ngân dài không dứt. Tôi cảm giác nắng cũng vỡ chung quanh. Nhưng tất cả yên lặng đột ngột lúc chúng tôi lên đến bậc thềm cuối. Ngôi nhà hiện ra tròn vẹn đẹp như một vị thần. Mặt tiền mở tung các cửa sổ thành trăm đôi mắt cùng nhìn xuống những vườn chanh đang trĩu trái. Màu cát vàng ửng trên lan can tay vịn chạy viền khắp. Cánh cửa chính chạm nổi cầu kỳ như đôi môi hơi trễ của một người đàn ông. Phía trên gương mặt trăm đôi mắt đó là mái tóc hung của lớp ngói lợp đỏ tươi đang bông bênh trên đầu chàng hiệp sĩ. Tôi yêu ngôi nhà ngay khoảnh khắc ấy. Khoảnh khắc im lặng kỳ lạ của núi lửa Vésuvio trước lúc bùng nổ chôn vùi Pompei.

- Senorita, bonjourno.

Tôi giật mình xoay lại. Mario với căn cổ khỏe mạnh rám nắng. Mario với sợi tóc dài xoắn xuýt. Những sợi tóc ướt quần như trăm dấu hỏi nhỏ rối rắm. Tôi đã chào Mario với người đàn ông cũ. Đã mơ những lọn tóc dài nhảy múa trên lưng anh, đã ham muốn áp mặt vào những dấu hỏi mỏng manh loăn xoăn nghịch ngợm. Người đàn ông có đôi mắt màu sóng buổi chiều không cho phép tôi thân

mật với Mario nhưng những dấu hỏi nhỏ đầy nghi hoặc vẫn ở lại quán quýt.

- Anh đến bao giờ?

- Tôi vẫn chờ senorita.

Mario dịu dàng đỡ tôi rời phà. Bến Marina-Grande tấp nập. Tôi đã yêu ngôi chợ cổ lộng lẫy trong hốc núi, những quầy cá tươi rũ lưới và những hiệu thổ sản treo ớt khô trước bến phà này. Sorrente mãi đằng xa nhấp nhô vịnh biển. Tôi quay nhìn cố tìm xem ngôi nhà có còn ở đó, đôi mắt im sắc mạnh mẽ có còn theo dõi? Tôi chỉ bắt gặp đôi mắt Mario đen huyền, ửng sáng. Mario có đôi mắt sâu thâu tất cả ánh sáng. Đôi mắt đen tuyền đưa tôi lên đỉnh Monte Solaro. Đỉnh núi cao nhất Capri có những tàng ô liu xanh ngả mình xuống vực. Tôi cũng muốn ngã, ngã chơi với dịu êm lên đôi tay Mario đang mơn man mời mọc. Điệu Salsa nóng hổi dưới quán hầm sát biển, đôi tay Mario ráo riết xoắn như mái tóc nhiều dấu hỏi. Tôi đợi Mario hôn vào gáy. Đợi đôi môi đã tình của anh chạm vào ngấn cổ đã lâu không có những nụ hôn xa lạ. Tôi nhắm mắt tận hưởng khoảnh khắc im lặng của núi lửa Vésuvio, khoảnh khắc kiêu hãnh pha lẫn sợ hãi của người đàn bà sắp được hôn, khoảnh khắc linh cảm kỳ lạ của buổi sáng tôi đứng ngắm chiếc bóng mình tự tách rời kỳ quặc bước chân vào ngôi nhà có gương mặt hiệp sĩ.

Bà ý đầy cánh cửa chạm nổi. Mùi nước hoa đàn ông hăng gỗ tươi, tiêu muối và những lá chanh nõn xông lên. Tôi hơi choáng váng giống hương của tất cả những vườn chanh Sorrente cùng dậy lên một lúc. Các thanh nắng thẳng sẫm soi lục lợi, vén lên từ từ ngôi nhà rù rèm bài trí trang nhã. Máy bức tượng Nam Mỹ đeo gọt, nhiều khung

ánh đen trắng ánh sáng tương phản khắc nghiệt phơi bày thân thể thật sát của người mẫu không rõ mặt. Chiếc ghế bành duy nhất xoay về hướng phòng ngủ chỉ ngăn đôi bằng tấm voan mỏng. Tôi lo đang ngắm kệ bếp bày thật nhiều dầu ô liu, một gói pasta vừa mở, dây tỏi thắt bím buộc thông và những vỏ chai rượu vang uống nửa chừng vắt lay lắt. Lưỡi lam to bản, thứ dao cạo xua còn mài trên dây nịch vắt trong bồn tắm. ý nghĩ người đàn ông bữa bãi khiến tôi khó chịu. Tôi nghĩ đến Fabricio đã khó khăn lắm mới tìm ra nhà thuê luân phiên, ngày tiễn hãy còn đùa: *Sorrente là thành phố của tình nhân, rồi em sẽ ngã*. Ngã không? Ngã bao nhiêu bận rồi vẫn còn ngã được ư? Tôi hôn Fabricio ở cổng phi trường nhất định không ngã. Để rồi xem. Anh hơi đổi, khi vậy. Nếu Fabricio biết tôi thuê nhà chung với một người đàn ông vô trách nhiệm và khác hẳn mẫu đàn ông tôi ưa thích, chắc hẳn anh sẽ yên tâm. Tôi chạm nhẹ ve nước hoa Eau d'Hadrien đã cạn, hoá ra đây là thủ phạm của mùi chanh ngào ngạt lúc này.

Sorrente đẹp nhất những giấc trưa, nắng đan lên các vách tường quét vôi phún thạch dẹt mắt. Tôi thích nghiêng hẳn người ra bao lon lắng nghe tiếng chim chóc lú lo trên mái ngói, tiếng chim lạnh lót như tiếng ý trầm bổng, tôi thích nhô hẳn người ra tắm không khí thoáng đang tươi mát của vịnh Naples ấm hơi thở của biển Tyrrhénia, tôi đã yêu vùng Campania chìm trong giấc ngủ mê, những lối đi quanh co dẫn đến các vườn chanh chi chít trái, dẫn đến cạnh sườn duyên hải thẳng dốc đẹp như một kỳ quan. Tôi muốn thay chiếc áo trắng mỏng manh xuống phố ngồi trong những quán nhỏ, tôi hãy còn mê lắm món pasta del mare, hãy còn muốn ăn món cơm ý risotto trộn ngọt hén.

Đôi mắt hiện ra đột ngột lúc đó đẹp dữ dội với hàng mày đậm. Đôi mắt mở lớn đẩy xuyên qua kẽ màn hình mờ gọi đi thỏa. Đôi mắt tước dọc người tôi từng sợi chỉ, tháo từng chiếc cúc, cắt từng đường may. Khoảnh khắc của núi lửa Vésuvio trở lại, khoảnh khắc của con người một giây trước phun thạch. Tôi vừa kiêu hãnh vừa sợ hãi. Đôi mắt không chớp, không khép, nhìn thẳng. Đôi mắt cường đoạt. Tôi muốn kêu bà quản gia nhưng không được. Tôi muốn sỉ vả những lời khiếm nhã nhưng không thể cất tiếng. Tôi đứng im kiên nhẫn cho đến cúc áo cuối cùng bị đôi mắt tước mất.

Tiếng vĩ cầm quý quái đuổi bắt. Tiếng vĩ cầm rên xiết đứt quãng, ngưng bật, bất chợt trời dậy mãi mê rượt đuổi. Không phải Bach, không phải Schubert, nhưng Paganini. Tôi nhận ra ngay điệu vĩ cầm của đĩa nhạc người đàn ông thuê chung nhà để lại. Nhưng tiếng vĩ cầm sống động đến sợ. Hai mươi bốn caprices phù thủy réo gọi. Mỗi caprice là một tiếng hú dài. Hai mươi bốn caprices thất gút liên tục. Mỗi tấu khúc là một cơn đau. Mỗi tấu khúc là một điệu múa đến chết. Mỗi tấu khúc là điệu vũ oằn oại hấp hối. Tôi hấp tấp bước lên các bậc thang đá cheo leo, hấp tấp dẫm lên các nền thêm sũng nước, qua đường via Califano ướt mưa, qua quảng trường nhỏ Piazza Tasso trơn trượt, Sorrente buổi tối đông du khách, mưa lất phất trên các tầng dù chợ thủ công đêm đang bày bán, tôi chen lấn xô đẩy tất cả gần như chạy đến với tiếng đàn ma quỷ thúc dục.

Căn phòng trống rỗng. Chỉ thùng đàn Guarneri để mở lưng khắc dòng chữ ngắn ngủi: Niccolò Paganini. Tôi cảm thấy lạnh se sắt. Tôi cố kéo tấm khăn choàng dạ trùm ấm lên vai nhưng không hâm nổi nhưng cơn rùng mình từng chập.

- Sofia!
- Senorita, tôi lên ngay.
- Ai thuê ở đây?
- Thì senorita.
- Tôi muốn hỏi người đàn ông vắng mặt.
- à, senori Paganini, ông ấy lịch lãm lắm...
- Don Paganini?
- Si.. si, don Paganini rất lịch sự.

Niccolò Paganini? Tôi lục tung ví tìm bản hợp đồng cho thuê, tên người đàn ông muốn chung đánh máy rần rỏi đậm như một nét mày. Tôi liên tưởng đến đôi mắt đó, đôi mắt cợt nhả rình rập từng phút ở bao lon. Đôi mắt theo dõi chỉ dứt ra khỏi thịt da khi đã thỏa mãn. Tôi rùng mình không ngớt, người đàn ông này yêu biển, tôi mở toang tủ áo những sống áo xanh đại dương ập đến mạnh mẽ như trận thủy triều. Những lần gần Fabricio tôi cũng có những cơn rùng mình như vậy nhưng chưa bao giờ tôi cảm giác rõ rệt rạo rạo của biển, cảm giác sóng lên xuống trong thân thể mình như có cả một mặt đại dương đang ủa đến. Tôi đứng trân trước chiếc tủ áo cổ xưa treo những bộ costumes đen thông với ống tay dài bất tận. Niccolò phải có thân hình dị dạng. Tôi muốn hỏi nhưng cánh doi đã vòng xuống cầu thang mất hút.

Sofia làm việc buổi chiều trong lò bánh. Những chảo gang xếp ngay ngắn từng dãy. Tôi ngấm ngón tay bà ý mằn mằn nhào bột rồi cán rộng ra khắp mặt mâm. Lốp bột tán mỏng dẻo như lụa. Sofia có bàn tay thiếu nữ, những ngón nhỏ thon thả thoắt mảnh khảnh khiến tôi nghĩ đến cườm tay một nhạc sĩ.

- Tôi muốn gặp Don Paganini.

- Don Paganini đi về thất thường, senorita.

- Ai ở ngôi nhà đằng sau, Sofia?

Bà ý lẫn tránh. Tôi hỏi lần nữa Ai ở ngôi nhà đằng sau? Đồi mắt hiện ra lúc đó. Đồi mắt nóng ran. Tôi quay vụt lại nhưng đồi mắt đã biến mất. Sức nóng của lò bánh hực lên ngọt ngọt. Sorrente giấc trưa âm ỉ. Tôi nhìn kỹ vào đồi mắt bà ý chỉ bắt gặp cái nhú mày khó hiểu.

- Có những điều đàn bà không nên biết, không nên thử.

Hai kẻ môi cánh doi gấn chặt không thốt thêm lời nào nữa. Tôi bỏ ra phố, tắt cả gương mặt đàn ông đều hao hao giống nhau, điển trai, buông một vài lời tán tỉnh dâm dăng. Nắng gay gắt khiến tôi say sẩm mặt. Buổi tối giọng Fabricio khấn khoảng trong máy muốn tôi về Roma, tôi thể thốt *Em không ngủ*, chưa ngủ.

*

Mario có cách lắc hông tuyệt diệu. Điệu nhảy Salsa của anh làm chao mặt biển. Tôi thích ngôi suốt buổi ở khoảnh cát nhỏ giữa hốc đá cuối bãi tắm xinh xắn trông lên căn nhà đỏ. La casa sulla roccaia đỏ tuyền từ mái đến thềm. Đỏ thắm máu của núi lửa trát lên từng phiến gạch. Căn nhà cất theo hình dáng một chiếc thuyền vương trên mòm đá mắc cạn đời đời vĩnh viễn. Tôi đã ngắm ngôi nhà nhiều lần nhưng lần nào cũng choáng váng trước vẻ đẹp ngọt thờ của những vồng phun thạch đông lại trên nước. Những cầu vồng phun thạch vây quanh phun từ đáy đại dương đã chết sùng từ triệu năm trước. Người đàn ông nào sống trong căn nhà đỏ chỉ có thể là một vị thần.

- Mario, anh biết ai sống trong ngôi nhà này?

- Người đàn ông trữ tình nhất nước ý, senorita.

- Niccolò Paganini?

Tôi mở lớn mắt nhìn Mario chăm chú. Anh có đôi môi du dương những khi nhếch lên đùa bỡn. Mario đã ngừng điệu múa rắn hổ, chiếc quần tắm thời trang căng chật ướt sũng đến sát trước mặt. Tôi bối rối cúi nhìn lớp cát vàng nhuyễn như vảy tấm con gái. Tôi thích ngâm chân trong nước những chiều mưa tạnh nước biển trở nên ấm như có pha với lửa. Căn nhà phun thạch đỏ vẫn nhìn xuống từ vách đá cao chót vót. Tôi nghe hơi thở Mario sát bên tóc tựa anh sắp hôn. Tôi nhắm mắt đợi nụ hôn tôi vẫn mơ ước, nụ hôn của những người đàn ông La Tinh máu nóng. Tôi hình dung điệu nhảy lúc này, Mario có thân hình tròn bóng trong quần tắm sẫm chắc, cần cổ anh thom vỏ chanh. Tại sao tất cả đàn ông ý đều xúc nước hoa Eau d'Hadrien? Đó là tên của một vị hoàng đế La Mã. Mario thì thâm. Tại sao anh đem tôi đến chỗ này? Đây là chốn của tình nhân. Tại sao Niccolò Paganini? Người đàn ông bí mật nhất nước ý. Tôi nhớ Fabricio đã chế diễu: *Tình yêu của những con ma*. Tôi nhớ gương mặt mình đã làm tình: Chắc chắn một kẻ mạo tên. Tại sao tôi cứ phải hoài nghi đến người đàn ông này? Tôi đang thềm đến ngắt những ngón tay Mario luồn dưới vảy.

Tiếng đàn trỗi lên lúc đó. Tiếng đàn cao vút buông xuống một tiếng sét. Tất cả vỡ bùng. Tôi nhận ra ngay tấu khúc thứ mười. Tấu khúc có một trăm nốt nhạc trên một cung mã vĩ. Tiếng đàn thủy tinh giòn dũ tới tấp đổ xuống từ vòm phun thạch. Mỗi nốt nhạc là một tuyệt kỹ. Ngón đàn điêu luyện vân vũ cuồng phong lướt trên biển. Sóng đánh ướt tôi và Mario, sóng lớp lớp vỗ tung ghềnh đá, Mario hấp tấp dắt tôi lên bờ. Tôi run rẩy chứng kiến khả

năng kinh dị của vĩ cầm, Mario hỏi tôi rời bãi, tôi cố ngược nhìn căn nhà đỏ, đôi mắt đang ở đó dưới trận mưa kéo những đám mây đen quầng.

Tôi bước chân lên các bậc thềm đá. Tôi đếm một, hai, ba, Sorrente có những nấc thang chông chênh khúc khuỷu, ở mỗi nấc thang tôi trông thấy lại đôi mắt đàn ông sâu nền biển. Đôi mắt đẹp như một lời hứa. Tôi biết Niccolò đợi tôi ở nhà. Tôi biết thùng đàn Guarneri đã mở lòng và tiếng đàn sắp cất lên từ bao lon. Niccolò phải có đôi mắt sâu hút của đại dương, đôi mắt chứa chan vực thẳm không giới hạn, không có sự dừng lại của ước muốn. Mây vờn trên các lớp rêu trơn trượt dưới chân, tôi tiếp tục đếm từng nấc thang quanh co đào trong đá, bên phà dưới xa nhấp nhô sóng, tôi đã bỏ Mario để trở về căn nhà hiệp sĩ, các cửa sổ lúc này mở tung thành trăm đôi mắt nhìn xuống. Niccolò sẽ biểu diễn cho tôi nghe bản đàn nào? khúc nhạc khiến anh nổi tiếng ở thành Gênes, hay các tiết tấu biến anh thành phù thủy? Tôi thấy thấp thoáng ánh đèn vàng mờ ở căn phòng bà ý. Tiếng đàn cất lên dịu dặt như cánh tay một người đàn ông giắt đưa tôi vào nhà. Tiếng đàn mở ra phòng khách rữ rờn vén lên từ từ một bó hoa khô rữ riệt đỏ chát, chiếc váy đầm hở lưng treo lưng lơ thánh thoát, Niccolò biết tôi ưa thích được đàn ông hôn vào giữa trung lưng, tôi thay chiếc váy dạ hội dành cho những đêm trình tấu nhạc, tôi mở tủ áo để hình dung Niccolò trong bộ áo viền ren đen đang đứng đó, cuờm tay anh che ngang mặt, ngón tay anh cong dấu hỏi nhắc lên rồi bấm xuống các dây đàn cổ xưa rung lên khúc nhạc ma quỷ. Tôi nhắm mắt tận hưởng chuỗi âm thanh hoan lạc mê đắm không ngớt mon trớn, không ngớt thì thầm những

lời tình tự tha thiết. Cung mã vĩ chở mang mái tóc Mario loăn xoăn thả tung trăm dấu hỏi nhảy múa rũ rượi đổ xuống ngực tôi, chở mang những ngón tay Mario tra vấn quán quýt, mỗi tấu khúc là một trận lửa, mỗi caprice là một cơn triều nhấp nhô lên xuống, tôi muốn gọi Fabricio nói em sắp ngã, muốn gọi Fabricio nói em đang ngã đừng dỗi, tôi hôn trả từng nụ hôn hôn mát, đôi môi quyến rũ của Mario, đôi môi say mê của Fabricio, đôi môi nghiêm khắc của cả người đàn ông cũ có đôi mắt màu sóng. Thanh mã vĩ vuốt ve tháo chiếc váy dạ hội mềm mại, thanh mã vĩ thơm hương chanh nồn, thanh mã vĩ đưa tiếng đàn xoáy tròn trong nhà, ủa vào người tôi ngàn mũi kim, trì kéo xâm nhập vào giữa trũng lung tôi ham muốn, làm nứt vách tường phún thạch mở ra với đôi mắt đi thoả rồi khép chặt lại như một vành môi, một miệng núi lửa.

Tôi thức giấc một triệu năm sau. Thành phố yên lặng như Pompei tàn phá sau cơn nham hoả. Không gian trống rỗng im phắc tôi chỉ nhận ra thực tại khi trông thấy chiếc váy đầm vẫn ở đó, dưới chân giường sông soài như một tách rời thân xác. Tôi gọi cho Fabricio, giọng anh hốt hoảng, tôi cúp máy, bản đàn Niccolò để lại trên bàn đêm nét chữ thảo tài hoa như một lời tỏ tình. Tôi mở toang cửa sổ, nắng sung sướng chan hoà lấp lánh óng mật, nắng vương quyền mùi chanh vẫn tỏa ngào ngạt.

*

- Tình yêu của những con ma, rồi em sẽ mất trí.

Fabricio tiễn tôi lần cuối ở phi trường giận dỗi. Fabricio không hiểu tôi cần những khoảng trống xen kẽ những người đàn ông và tiếng đàn lấp đầy những khoảng trống. Tôi hôn đầu ngón tay anh quyến luyến. *Em xin lỗi.*

Tôi muốn nói *Em đã già*, nhưng tôi không thể nói trước mặt anh, trước đôi mắt u ám trông theo buồn bã.

Bến Marina-Piccola im sóng. Tôi trở về Sorrente với tâm trạng của một người đàn bà hạnh phúc. Tôi vẫn biết cuộc đời tôi sinh nở ở đây, cuộc sống tôi diễn ra chốn này. Những hang động Grotto Azura xanh ngọc, đoạn đường đèo vắt ngang Positano nghiêng ngã rừng ô liu, chiếc cổng trời trong vườn Augusto sừng sững và những quán ăn đêm êm đềm giữa vườn chanh thơm ngát. Không có nơi nào có thể đẹp hơn Sorrente. Tôi sẽ không bao giờ còn đi đâu nữa. Tôi trở về với Niccolò, người đàn ông của riêng tôi. Những đôi mắt màu sóng cũ, những mái tóc lửa xoã quán quýt, những đôi môi hờn mát trả lại thời gian. Tôi đã yêu Niccolò, đã yêu tiếng đàn tinh diệu của từng đêm. Tôi đem theo nhiều hành lý, bốn va li với một buồng hòm lớn. Tôi sẽ không bao giờ đi đâu nữa. Tôi mừng tượng nụ cười mừng rỡ của Niccolò, mừng tượng điệu vĩ cầm uốn éo vui tươi đón tôi trở về. Tôi mua thật nhiều thứ cho anh, khăn tắm, áo choàng dạ, giày mũi nhọn, túi gấm đựng đàn và cả những quần lót đàn ông mềm mại. Tôi sẽ xếp tất cả ngay ngắn trên ngăn tủ, sẽ đợi tiếng đàn cuồng si mỗi tối, sẽ làm người tình mê đắm. Niccolò sống ở Sorrente. Tôi sẽ sống ở Sorrente. Tôi muốn kêu to *Em đang trở về, em sẽ không bao giờ đi đâu nữa*. Quảng trường Piazza Tasso tấp nập, tôi gọi xe về ngôi nhà hiệp sĩ, vẫn giống ngày đầu tiên mái tóc hung cháy rực dưới nắng chỉ các cánh cửa sổ khép kín. Tôi hấp tấp bước lên các nấc thang, do dự một lúc ở bức tường phun thạch. Hàng màn trắng phẳng lờ không lay động, vách đá cam nín như chưa hề có người ở. Tôi hồi hộp nhìn kỹ vách đá đã khép, đôi mắt đã vĩnh viễn biến

mất chỉ cảnh phượng tím buông lẳng bất động. Tôi thò mạnh, đẩy cánh cửa chính tạc hình đôi môi trẻ.

- Sofia, lên ngay!

Tôi chồm qua bao lon gọi. Tiếng gót chân bà ý gõ nện. Ngôi nhà không còn mùi lá chanh nồn. Thùng đàn Guarneri đã biến mất. Tôi chạy vào bếp, những dây tôi vẫn buộc thông treo rũ mái tóc thắt bím nhưng dao lam cổ xưa không còn trong buồng tắm. Các bức ảnh khoả thân ai gỡ mất. Tôi mở tung cánh cửa tủ áo kê sát giường, những sống áo đại dương tan biến chỉ còn tro trọi chiếc váy dạ hội hở hang buông rũ một ảo ảnh.

- Sofia, ai đã dọn đồ đạc của Don Paganini?

- Không ai hết, senorita.

- Tại sao tất cả biến mất?

- Senori Paganini đã trả nhà cách đây một giờ.

- Trả nhà?

Tôi nhìn bà ý kinh hãi. Niccolò đã bỏ đi. Nhưng gương mặt cánh dơi đầy ghét bỏ.

- Senori Paganini chỉ mê âm nhạc không bao giờ yêu đàn bà.

Giọng cười bà ý tinh quái đắc thắng, tôi vụt nhớ những cái nhú mày khó hiểu trong lò bánh, có những thứ đàn bà không nên thử, nhưng các âm sắc đã vỡ thành miếng thủy tinh rơi rắc xuống các nấc thang. Tôi chạy trốn. *Niccolò không bao giờ yêu đàn bà, Niccolò chỉ mê âm nhạc, ha ha...* Tôi chạy đuổi theo tiếng đàn của người đàn ông bây giờ đã hoá ra giọng cười ghê tởm. Mỗi giờ chỉ có một chuyến phà, Niccolò hãy còn trên chuyến tàu về Naples. Các nấc thang tuột dốc nuốt trôi tôi xuống vực thẳm. Tiếng đàn trỗi lên lúc đó, vẫn quyn rũ lẳng lơ trăm bông. Ngón đàn

cuồng điên vang vọng từ xa kéo tôi xuống mặt biển. Tôi ngã trên các bậc nền đá, nhưng nỗi đau thân xác vô nghĩa, chỉ có tiếng đàn thách đồ. Những vườn chanh hiện ra rồi biến mất, chỗ tôi đã ngồi với Mario, những trái chanh tròn như mặt trời cùng rượt đuổi. Sorrente vỡ thành trăm ngàn mảnh. Các quán Pizza bày bàn ghế tràn lấn ra lòng đường, tôi xô đẩy tất cả, chen lấn vào những chợ dưa gang dài ngút ngất, xô gạt những quầy rượu chanh, các dây ớt khô buột túm, va vào mâm phó mát bào sẵn, những sạp khăn thêu xô lệch. Tôi lao qua đường via Califano bất kể tiếng kèn xe inh ỏi. Lữ quán Excelsior hiện ra đẹp như một viện bảo tàng. Tôi đã sống ở đây trong những căn phòng cổ kính với người đàn ông có đôi mắt màu sóng, tôi biết lối đi tắt ở đại sảnh dẫn ra vườn đá xuống bến phà. Tôi đi như chạy, mộng du, thất lạc. Tiếng còi tàu rúc trong không khí như tiếng rú đau đớn của một loài cá voi thảm thiết. Tôi chạy qua bến ngỗng ngang dây thừng, những lưới cá hây còn tươi rói rong rêu sò ốc. Tôi dẫm lên những rổ cá còn dầy dụa. Tôi vùng khỏi người gác trạm muốn tôi mua vé.

Những người đàn ông nhìn ngắm tôi kỳ lạ. Tiếng đàn đã tắt. Sóng nhấp nhô đánh lên bất ngờ khiến tôi ướt tóc. Tôi đưa tay vuốt mặt, nước đầm lòng bàn tay. Những sợi thừng thắt gút rút khỏi bờ, chiếc phà rùng rùng chuyển động. Tôi trông thấy tất cả. Trông thấy người phụ máy tắt tả rời cabine hỏi tôi có chuyện gì, trông thấy kiểm soát viên giúp tôi lấy vé, trông thấy những lượn sóng xẻ man đại ở mũi tàu và cạnh sườn duyên hải ở hai bên tách rời dần. Tiếng đàn đã tắt ngấm. Những dấu hỏi trong đôi mắt những người đàn ông yên lặng. Tôi bước xuống các hàng ghế, một thiếu phụ trao tôi chiếc khăn tay giúp lau áo, sóng

đánh ướt chiếc váy mỏng sương tôi dành mặc cho Niccolò. Người phụ máy nói chút nữa tôi rút xuống biển hỏi có cần gì không? Tôi cần Niccolò. Tôi trả lời. Nhưng không ai hiểu. Tàu chòng chành, tôi nắm lấy thanh vịn gỗ lão đảo muốn ngã. Tất cả những gương mặt đàn ông đều nhìn tôi chăm chú, tôi cố đoán dưới những nét mày đậm một ánh mắt của Niccolò, ánh mắt đen nhánh thường hay rình rập theo dõi, ánh mắt mạnh mẽ đôi lúc đi thò nhưng đầy tài hoa. Tất cả im lặng. Tại sao tiếng đàn tắt? Tại sao những người đàn ông im lặng? Tôi gọi *Niccolò*? Những giọng cười tục tũ. Người đàn ông ngồi ở bìa băng có đôi mắt đen đậm căn cổ quá rộng, người đàn ông ở dãy bên có cuồn tay nhỏ xương nổi cánh tay dài ánh mắt quá trong, người đàn ông ở hàng ghế sau gương mặt cổ quái, sống mũi nhọn nổi cộm trên gò má sắc lạnh ác, người đàn ông ở dãy ghế sau nữa lực lưỡng mái tóc dài rối rắm, người đàn ông ở hàng sau chót đường mày cong dấu hỏi, những dấu hỏi nghi hoặc bối rối khổng lồ lôi cuốn bám đầy xô hất tôi đến cuối đuôi tàu. Tôi muốn bật khóc thành giọng hát nức nở của Roberto Murolo đang rền rĩ trong loa phóng thanh vừa trời, tôi muốn bật khóc xối xả thành những lượn sóng trắng đang đánh tung ở bánh lái tàu nhưng tôi chỉ ngừng lên ngắm nền trời lơ lửng, ngắm đám mây âm u trôi qua trên mặt biển nhúc nhối quái dị, ngắm các vòng phún thạch đen đang chìm xuống biển mất. Một giờ nữa phà sẽ cập bến Naples. Một giờ nữa tôi sẽ đến một nơi nào đó. Ngày mai tôi sẽ đến những thành phố mới, ngày mai tôi sẽ sống với những người đàn ông khác. Còn Sorrente?

Tôi sẽ trở về như bản nhạc định mệnh bất diệt, trở về để còn nghe lại tiếng đàn kỳ tài trác tuyệt của người thầy vĩ cầm Paganini.

vĩ diên

Á Châu - tìm người tình kín đáo

hộp thư 277

Một lần qua rừng trúc, Vĩ hỏi Tại sao mẫu tin trên báo? Diên trả lời Vu vơ của sự sống. Cũng vu vơ tựa kẻ trúc. Vĩ lắc đầu Không vu vơ, sự sống đầy ý chí.

Nhà mát khuất sau đường vòng núi. Diên đỗ xe ở ghềnh đá dẫn xuống chân biển. Lần đến thuê nhà đầu tiên cả hai đã mê không khí hoang phế từ cánh cổng sắt han rỉ mở ra khu vườn vắng. Lối đi thưa sỏi đâm thẳng vào gốc đa trắng.

- Một người đàn bà xoa tóc. Vĩ nhận xét.
- Người đàn bà treo cổ dưới cành ngày chấm dứt.

Diên đùa. Nhà mát có bốn bức tường quét vôi màu rượu chát. Một bể bơi chính giữa và chậu dưa nhón sắc.

- Treo cổ là một hình thức hoá thân.

Vĩ đột ngột phản ứng, đến bên bụi dưa tuốt kim gai cắt vào tay rồi xoè bàn tay đầy máu:

- Thân xác không chết. Chỉ biến hoá.

Diên cảm thấy sợ. Vĩ thay đổi mỗi khi nhắc đến chấm dứt.

*

Cả hai quyết định gặp ở nhà mát. Giống một tổ ấm kín đáo. Vĩ luôn đến trước rồi biến mất. Diên luôn cất xe dưới lùm cây, đi rào qua vườn, nhìn ngắm sợi kềm buông thõng treo nổi những lồng nan trống. Dãy lồng nan yên lặng tựa một vựa chim chóc bỏ hoang. Lần đầu tiên Vĩ đã kích thích tột độ khám phá chú khướu vô hình giữa trưa nắng im phất phất tiếng kêu rù rù nhẹ nhẹ. Diên không trông thấy chỉ nghe tiếng đập cánh bắn tung liễng thóc lúc Vĩ xoay mạnh chiếc lồng trống.

- Sự sống đầy ước muốn.

Vĩ giải thích.

- Phụ thuộc vào vật chất. Diên ngắt.
- Tạo nên vật chất. Vĩ khẳng định.

Các mẫu đối thoại giữa cả hai thường bắt chọt sợi động rồi chấm dứt vu vơ ở bóng ngón tay Vĩ múa vũ điệu câm. Vĩ trao đổi với Diên không bằng lời nhưng bằng bóng mờ nhảy múa. Nắng soi lên bức tường rượu chát những vân sóng uốn éo hoà vào ngón tay Vĩ thành những hình thể dị dạng. Đôi lúc Diên cũng tham dự trò chơi đuổi bắt

mặt đại dương ửng sáng trên bức vách toả hơi nắng của nhà mát. Cườm tay cả hai mang hình dáng quái vật, cánh tay là thân, nắm tay là đầu, ngón tay làm lưỡi. Trò chơi kết thúc ở bể bơi cạn nước.

Diên làm tình với Vĩ dưới đáy hồ trên những ô vuông gạch hoen. Lần nào sau lúc xuất tình cực xúc động Vĩ cũng rủ Diên nhìn lên bốn vách đá bao quanh thẳng tắp từ đáy hồ lên đến trời rồi kể những truyện tình hoang dại. Những người đàn ông làm tình với thú, những cặp tình nhân chết đuối dưới hồ nước, các bé gái lưỡng tính lúc chào đời.

- Kinh dị.

Diên kêu.

Vĩ lắc đầu:

- Khi yêu con người làm được tất cả.

Vĩ đứng lên mặc áo. Diên yêu thân thể Vĩ thẳng làn da mật bóng ngừng ở chiếc quần tắm hơi trễ. Vĩ mang nét đẹp khoẻ mạnh, nửa trẻ thơ, vừa trong sáng. Nhưng Vĩ đi khuất. Một mình Diên cảm giác tro tro giam hãm và dưỡng khí cạn kiệt dưới đáy hồ. Tự trong thâm tâm Diên biết kết thúc phải xảy đến, hiểu Vĩ tìm một lối thoát. Lối thoát mà Diên không muốn. Diên trở lên buồng khách. Quang cảnh bể tắm xiêu đổ phủ rêu. Gốc đại thụ xum xuê dang tủa cánh tay. Vĩ chỉ lên vòm trời trong vầng phản chiếu thân thể cả hai trần truồng trên từng ô vuông gạch vỡ.

*

Trận mưa đầu của tuần lễ Tro trút lên mái tất cả cả giông tố của rừng núi. Đất đá cào lên mặt kiếng lúc Diên đến muộn, đoạn đường oằn giữa rừng trúc xơ xác chông chất những giải mây. Chiếc cổng sắt cản gió trở nên nặng,

phải khó khăn lắm Diên mới đẩy được. Chiếc xe trắng của Vi bật mui ngập nước. Nhà mát lùì xuống biển.

Vi xuất hiện đột ngột lúc đó. Quỳ lau dịu dàng bụi dứa, lấy khăn nhúng nước ấm lau chậm rãi từng cánh dứa cằn khô, từng cánh xương rồng cằn cỗi, từng mũi kim gai tỉ mỉ cho đến lúc sắc gai bật sáng nhọn. Cử chỉ Vi kiên nhẫn. Diên bị kích thích bởi dáng vẻ Vi chau chuốt bấy từng cánh dứa xếp ngay ngắn lên mâm cổ rồi lẳng lặng cời áo quỳ trước bức tường. Vi áp sát hai vai như mỗi lần làm tình áp sát vào ngực Diên. Tấm lưng thẳng bất đng chờ đợi thành vệt sẫm tựa bức tường đã nứt ra nuốt lấy thân mình Vi.

Vết roi đầu tiên Diên đánh với tất cả sức lực. Vết roi thứ nhì với tất cả say mê. Cánh dứa cằn cỗi lặn trong lòng bàn tay Diên vì nắm quá chặt bật lên lung tiếng kêu dây nịch lẫn tiếng rên đau đớn để lại vết chàm khảm cực đẹp. Diên tựa người thợ thủ công khéo tay. Mỗi mũi kim là hạt trân châu. Mỗi vạt gai là một đường may trên da thuộc. Vết roi cuối cùng Diên đánh với tất cả yêu thương triu mến.

Cánh tay Diên còn rung lúc đỡ Vi đến giường. Thân thể Vi hãy còn co giật. Diên yêu dáng vẻ Vi tự nguyện từ tiếng rên im lặng đến các dấu tay nhẫn nại bầu lên mặt tường để lại vệt nâu co quắp. Diên ngắm Vi sau trận roi. Ngắm gương mặt Vi vẫn mang nét đẹp thiếu niên trong sáng.

- Yêu có nghĩa Kẻ khác.

Vi đắp máy. Máu bầm chảy xuống cườm chân. Diên lau máu, quạt cho Vi ngủ, đợi những giọt mồ hôi tuôn từ chân tóc tan giữa trũng lưng rồi mới lẳng lẽ thu nhặt quần áo.

Những ngày sau trận roi, mặt biển xanh nhấp nhò quanh rừng trúc.

- Gần đến ngày rằm.

Vĩ chỉ mái chùa vàng cong phía sau nhà mát. Nếp chùa thên lạng tĩnh như mặt nước. Diên thích ngắm mái chùa phủ xòe cánh sen không gợn mây.

- Kiếp sau em làm sãi.

Diên đùa. Vĩ cười:

- Tại sao không kiếp này?

- Vì anh ở nhà mát.

Diên cũng cười. Diên thích đảo ngược xung hô với Vĩ. Em khi say đắm. Anh lúc giận dữ. Vĩ chấp nhận trò chơi, cả hai cùng yêu những tình cảm hỗn loạn xảy đến.

- Buổi tối anh muốn đi lễ chùa.

Vĩ nhắc. Diên lắc đầu:

- Em không thể.

Vĩ hỏi Vĩ sao em không muốn?

Diên không giải thích. Diên biết Vĩ muốn sống buổi tối ở nhà mát. Diên lấy ngón trỏ vẽ lên mặt kiếng chữ K. Khánh. Vĩ lấy ngón áp út vạch một chữ thật lớn ĐÊM. Diên xoa mặt kính viết Kim. Vĩ viết chồng lên ĐÊM. Diên lại bôi. Không thể đến nhà mát buổi tối. Không thể xa Khánh. Không thể bỏ Kim.

- Yêu là hy sinh. Vĩ dập xóa tất cả.

- Không quá giới hạn. Diên dứt khoát.

Vĩ im lặng rồi biến mất. Diên bỏ ra vườn cấy đất, luống xương rồng Thái trở hoa đỏ tươi phủ lên màu tím của gai vừa nhú. Diên có thú cây cảnh. Vĩ thích chim chóc, gia súc. Cả hai đẹp đôi ở nhà mát. Diên muốn tập Vĩ bằng lòng với không gian thanh vắng thoáng đãng của vùng biển

khuất. Bằng lòng với kín đáo sau rặng núi. Diên đánh những cây gai rồi lấp đất. Tiếng nước Vĩ đang tắm chảy trong trẻo.

Diên đứng sau liếp cửa. Diên thích ngắm Vĩ ở trần khi tắm. Lần đến thuê nhà Diên đã chú ý nhà tắm rộng lớn lát gạch men. Âm thanh của nước vang như trong những bể tắm Thổ. Vĩ luôn xoay lưng chỉ ánh mắt lướt trên mặt kiếng. Lần nào Vĩ cũng đứng thẳng cho nước xối chậm rãi từ cổ xuống gót chân, trước khi quay lại cho Diên ngắm.

- Em thích?

Vĩ đưa ngực cho Diên chạm. Diên mê làn da nâu nứt nẻ trên thân Vĩ từ từ rạn, ở mỗi nếp võ mọc nhú lẫn lẫn những vảy sừng nhỏ đâm chồi dưới da. Diên không nghe thấy nhưng trông rõ những âm thanh thất thanh trên gương mặt Vĩ bất chợt đau đớn thảm thiết. Tay Vĩ bắt đầu kéo màn, các đốt ngón rụng xuống bồn men theo nước chảy về cống.

- Anh thích.

Diên trả lời trong hơi thở. Tiếng động của nước trào ra khỏi bồn tắm bất ngờ cùng lúc vẩy nhờn đan kín chi chít trên bụng Vĩ. Diên hốt hoảng bỏ ra phòng khách đợi.

Lúc Vĩ xuất hiện trở lại, mái tóc ướt đen trên gương mặt tươi sáng.

- Em biết Yêu đồng nghĩa hoá thân?

Vĩ chải tóc, các vết sẹo nhỏ li ti trên ngực nhu những nhuệ tắm.

- Anh biết.

Diên chấp nhận, nghe tiếng nước hãy còn rút mạnh trong bồn. Diên ngắm Vĩ cố tìm những vẩy nhờn khi này. Vĩ sấy tóc rồi thả khăn tắm cho Diên nhìn thân thể đã trở lại bình thường.

- Em có muốn tập hoá thân?

Vĩ đến thật gần thì thăm, tình tự. Tất cả đều có khả năng. Kể cả những vật vô tri nhất. Rồi em sẽ thích. Lúc này em muốn giao hoan. Thân thể Vĩ lướt mềm, trườn tới sát ôm xoắn mình Diên. Nụ hôn có mùi tanh của cá.

*

Lễ Phục Sinh nắng ngời lên ghềnh đá. Cả hai mê những buổi tắm sớm. Diên lặn ngụp rồi nạy hào ở mòm đá. Vĩ ăn sống không vắt chanh, đùa:

- Hào đục ở biển tươi như lưỡi em.

- Như lưỡi anh. Diên đính chính.

- Khi nào anh em? Vĩ cười.

- Khi nào yêu.

Diên đục cho Vĩ thêm chục hào sống rồi lặn bắt những câu gai. Vĩ nói Ước có ốc dao để nướng. Diên trêu:

- Chỉ cần hoá thân.

Vĩ ném vỏ hào vào mặt Diên rồi nhảy xuống nước. Diên thích ngắm Vĩ bơi sải dọc biển. Cánh tay Vĩ thoát thoát nhịp nhàng không động biển. Ở mỗi nhịp sải lưng Vĩ vồng lên hụp xuống cho đến lúc cột sống lưng cong vòng và Vĩ bùng thoát trên mặt biển. Diên say mê ngắm con trần biển bùng từ đợt sóng này sang đợt sóng khác. Bãi tắm sống đo^ng.

Tắm lên Vĩ đề nghị:

- Em thích rắn ngọc nguyệt trong bụng?

- Không bao giờ. Diên chắc chắn.

- Sẽ có ngày em thích. Vĩ cười phá.

Bữa ăn trưa diễn ra trong êm dịu. Diên tuốt măng tây hấp, rồi bày bàn. Vĩ nướng cá, băm mực tươi. Diên cho thêm cần, khui vang trắng, đánh sauce trộn đĩa tôm vừa

lưới. Nặng trong như một miếng kiếng đập lên những thuyền câu cuối bãi. Cả hai yêu không gian tĩnh lặng chậm rãi. Thỉnh thoảng tiếng khuour hót ngoài hiên. Lúc đánh trúng trộn bột, Vi bất chợt rủ Diên bỏ trốn.

- Đến một nơi thật xa, vào thế giới khác.

- Để làm gì?

- Tiếp tục êm đềm ở đây.

- Đang là nỗi êm đềm.

- Không vĩnh cửu.

Vi dần mạnh thau trúng.

Bữa ăn trưa chấm dứt lạnh lẽo. Vi bỏ lên gác để Diên rửa chén dọn khăn ăn. Lúc tắt nước, lau bếp, Diên nghe trên lầu có tiếng mở thóc. Mỗi bậc thang vang tiếng mở trên sàn gỗ. Tiếng thóc rơi lấm tấm trên mặt bàn thấp, ở b ghế nhưng đã sòn cũ, quanh những bình gốm bầy ở đầu hành lang. Chú đà điểu rừng lớn sừng sừng giữa căn phòng không giường chiếu. Khác với lần hốt hoảng trước, Diên không sợ hãi. Không cảm thấy mùi tanh hôi của vẩy cá chỉ bắt gặp ánh mắt thông minh trong trẻo của đà điểu. Con vật xoay mình vào góc rúc đầu dưới mớ quần áo bẩn. Diên trông thấy hai chân sau đà điểu tròn chĩnh khụy xuống. Tùm lông mao vũ phập phồng chờ đợi. Diên cảm giác thật đau lúc ân ái. Nổi đau tuốt da làm Diên phát rên lớn. Tiếng rừ rừ của đà điểu sục trong đồng áo bẩn khục khặc mỗi khi Diên túm bút chùm lông đen.

- Em thích?

Vi lau vết bẩn trên bụng Diên, hơi thở dịu dàng. Mùi rừng rú sa mạc còn lẫn quất trên vách. Diên ngượng tránh nhìn Vi. Hơi nóng của giấc trưa hãy còn ấm tường. Diên đưa tay hé liếp cửa, ánh nắng bên ngoài vẫn trắng nhưc

mắt. Diên trông rõ mái chùa vàng cong lợp những ống ngói lớn bằng đốt tre nghiêng sát nhà. Một bảo tháp cao vút với đại hồng chung vĩ đại đang được câu lên lơ lửng. Trong khuôn viên các sân phốp pháp không rõ mặt. Ánh nắng ngầy ngật làm Diên choáng váng. Diên hỏi Bảo tháp xây lúc nào sao không biết? Hôm qua hãy còn bãi đất trống. Vì lau mình cho Diên nói tháp vẫn ở đó chỉ anh không thấy. Diên hé liếp cửa lán nữa các sân vẫn đứng tùm ba bên cạnh vại nước. Dăm bóng tín hữu vào ra thấp nhang ở các trang thờ. Đại hồng chung đánh ba tiếng âm u vào rừng trúc. Vì nhặt áo lót thu vén các lông mao vũ rơi rớt trên đất rồi nói Buổi tối chùa lễ rằm nhưng em không muốn.

*

Lễ Thăng Thiên Vì cúng trắng bảy dưới bể bơi nhang đèn, lư hương, ngũ quả và một lá phướng.

- Giống lên đồng. Diên thắc mắc.

- Một đám táng.

Vì chi siêu đất. Thử xác cũ thay bằng thân xác mới, lúc đập siêu.

Vì mặc cho Diên áo lụa tứ thân, vẽ viền mắt, đánh phấn hồng lên gò má, bắt Diên bậm môi cho lớp son mờ bóng mịn.

- Em đẹp tựa cậu Hoàng Mười.

Vì hôn phớt trán, vuốt ve ngực Diên, ân cần cài thêm hoa tai. Diên hỏi Tại sao bài trí? Để vui. Vì không ngừng lên, vẫn chăm chút đánh móng tay cho Diên.

- Em sẽ hoá thân.

Vì đi hài cho Diên rồi thay áo. Diên ngắm Vì tự nhiên, những chấm kem điểm trên lớp phấn lót da thoa khắp người tựa sao.

- Em giống huu. Diên đùa.

Vĩ đặt một ngón tay lên môi.

- Giờ thiêng đến.

Diên muốn nói Diên sợ, nhưng Vĩ đã hôn Diên đắm đuối. Khói nhang vàng mờ cháy sáng bề tấm. Diên không rõ tiếng nhạc ở đâu nhưng Vĩ bắt đầu lắc lư, dật dờ, chậm chờn điệu múa chốc chốc vẩy lên mình Diên máu gà cắt cổ lúc trưa. Ánh trắng trong như phiến gương hòm nào đập lên những thuyền chài cuối bãi. Diên nghĩ buổi tối đầu tiên và duy nhất của cả hai.

Tiếng mõ ở chùa bên réo rắc trên lằn đại hồng chung âm u thúc giục. Diên bắt đầu say không còn cầm vững chai rượu. Ánh lửa của lâu đài dinh thự ngựa xe bốc cháy chung quanh khiến Diên khám phá phi lễ của tạo hoá. Vĩ đã bắt đầu hoá thân, chùm lông mượt phủ lên mình Vĩ điểm sao lằn tằn. Thân thể Vĩ uyển chuyển. Vĩ không còn đứng được phải quỳ xuống chống tay trên gạch men. Diên thấy Vĩ đẹp lạ lùng. Ánh mắt huu thơ ngây trên bốn vó chân xinh xắn. Diên nghe những tiếng kêu khê của thú. Chút máu bầm của thể xác cũ nhiều rây trên đất. Diên nằm đè lên chú huu sao, hôn đắm đuối lớp lông ấm áp. Mình dưới của Diên co giật căng từ từ làm áo tứ thân đứt cúc. Diên nhớ Vĩ dặn giao hoan với Vĩ trong lúc hoá thân. Diên cảm tưởng các mạch máu phồng ở đùi Diên vỡ tung. Diên đâm Vĩ trong đau đớn của thể xác. Giống lần Vĩ áp vai vào tường cho Diên đánh. Vết đâm đầu tiên Diên đâm bằng tất cả sức lực. Vết đâm thứ nhì với tất cả say mê triu mến. Vĩ biến hoá sau mỗi nhát đâm. Diên trông thấy rõ nếp nhăn ở bụng khi. Trông thấy máu chảy ở bụng hoẵng. Mỗi vết đâm đem đến cho Diên nỗi đau đớn như đâm lấy chính mình. Đau buốt

lan từ ngón chân bắt Diên rên la không kềm được. Diên không còn cảm thấy con thú dầy dựa dưới mình chỉ thấy thân xác của chính Diên đứt đoạn xé vỡ.

Diên ngừng lại lúc nửa mình dưới hoá vượn.

*

Lễ Thánh Linh phố chợ bày bán mẫu đơn, hoa diên vĩ và các loại nến trắng. Diên trở lại nhà mát mỗi dịp lễ lắng nghe tiếng nước chảy, tiếng mổ thóc, hay tiếng đập cánh bất chợt của sinh vật nào đó. Diên bắc thang lên máng xối nhìn sang bãi đất trống đã bắt đầu công trình tu chỉnh nhà thờ. Đôi lúc Diên nhớ buổi trưa cả hai nằm phơi nắng trên các ống ngói cho đến lúc phồng, Vĩ nói tập đầu đòn.

Diên yêu những buổi trưa nắng cả hai chờ đợi lặng lẽ. Mặt biển sáng dâng tràn lên bốn bức tường tựa nhà mát đã chìm xuống đại dương. Những lúc sóng vùn đó ngón tay cả hai xen kẽ nhịp sóng vượt ve lẫn nhau, khám phá thân thể biến hình của nhau. Bao giờ Vĩ cũng an ủi, vỗ về, khuyến khích cho Diên đạt đến giai đoạn chót. Diên chạm tay lên đá men hây còn cảm giác tê buốt của cơn đau nứt xương và hình ảnh đôi chân móng vuốt.

Vết máu khô Diên đã tính rửa nhiều bận rồi lại thôi. Vết máu trên gạch hoen để lại cho Diên nhiều kỷ niệm. Diên vẫn còn trông thấy ánh mắt tuyệt vọng của chú hưu sao hấp hối dưới đáy bể nước. Tự trong thâm tâm Diên hiểu Vĩ đi tìm người tình khác.

Diên hay đi dạo khắp vườn xem có gì đổi khác. Rừng trúc đen chỉ còn những đợt lá thâm vùn trong sân. Phố chợ cùng những quây cá tấp nập đến ghềnh đá. Diên luôn thắc mắc vì sao rừng trúc có thể biến đi trong một thời gian nhanh như vậy. Cả triển núi phủ chiếc bóng kín đáo lên

ngôi nhà cũng bị san phẳng nhường cho những đường xa lộ thẳng. Diên nghĩ sẽ hỏi nếu Vĩ trở lại.

*

Thứ Hai lễ Người Chết, Diên vuốt tay lên sợi kẽm chạy suốt ngôi nhà. Dây lồng nang trống động đập tựa các chú khướu vô hình thức giấc. Diên nghe tiếng khướu hót lạnh lốt. Tiếng đập cánh làm tung liễng thóc. Diên nhớ Vĩ luôn nói sự sống đầy ước muốn. Nhớ buổi sáng đầu tiên đến thuê nhà gốc đa xoa tóc đẹp tựa người đàn bà, và Vĩ khẳng định Treo cổ là một hình thức hoá thân.

Diên yêu hai cuồn tay Vĩ cột chắc. Yêu cách Vĩ giao hoan trong tư thế gò bó. Yêu cách Vĩ ướm cổ vào sợi dây thừng cho Diên thất. Ngón chân Vĩ chống trên mặt ghế lấp lũng. Thân thể Vĩ mặt bóng, bắp đùi thẳng vút tựa Vĩ đã hoá thành một cành nhánh của gốc đa. Diên bắt đầu trông thấy sắc vàng hoe tròn chĩnh, những rùng mình của chú khướu con trở mình vừa thoát khỏi vỏ trứng. Những lông mao tuyền. Chiếc mỏ rìa rói phát tiếng kêu khê và đôi chân nhỏ bé mất cân bằng. Diên nhớ Vĩ quả quyết Yêu đồng nghĩa hy sinh và hoá thân. Diên vụt hiểu.

Đôi cánh lớn lên đột ngột đưa Diên lên thật cao lao vào khoảng không chói với bát ngát.

6/2000

pháo thuyền trên dòng yang-tsé

Một hôm, Toàn bất ngờ đến từ sau lưng, phủ một lần vải đen trùm xuống đầu tôi và nói:

- Nhiều khi người ta có thể nhìn xuyên qua màn đen.

Câu nói lửng lơ và Toàn rời ra. Tôi quay lại, trông thấy làn vải đen lúc này đang vung vẩy lên xuống trong tay Toàn, gần như một điệu múa

- Cái gì không trông thấy mới thật kích thích.

Toàn lại nói, vẫn lửng lơ không rõ nghĩa. Mẩu vải đen cứ phát phơ, lùng phùng từng lúc tung xòe ra như cái nan quạt, khi chấp chới tựa một cánh dơi chập chờn rồi rũ

xuống như một mình rần. Loài rần hổ. Có ý nghĩ cực mạnh chạy qua đầu tôi, là Toàn là một con rần hổ chỉ chực mổ vào người mình, nhưng Toàn đã bước tới, phe phẩy mẫu vải như một tay matador thiện nghệ. Toàn xếp hẳn mẫu vải thành một giải băng và dùng nó để bịt mắt tôi.

- Chị trông thấy gì không?

Khuôn mặt Toàn xấp gần đến nỗi thổi phà từng cơn hơi thở nóng hực vào má tôi.

- Không thấy gì hết.

Tôi trả lời.

Toàn xiết thật mạnh băng vải rồi lại hỏi.

- Đã thấy gì chưa?

Tôi vẫn lắc đầu. Lần này Toàn xiết chặt hơn nữa làm tôi bóng rắt ở mắt.

- Người ta chỉ chịu khó suy nghĩ khi đau đớn.

Toàn nói với hai bàn tay ghệt chặt với hai đầu vải, không trông thấy nhưng tôi hình dung ra bắp tay Toàn nổi lên gân guốc và mồ hôi ở cổ tay nó chạm vào mặt tôi rườn rướt, nhớp nhờn. Băng vải căng cứng đến đau hai bên thái dương. Tôi quát :

- Đủ rồi.

Tiếng thét của tôi, trong một giây, bức phá khoảng không khí nặng nề hơi ẩm của căn phòng. Toàn bỏ đi, tôi loay hoay gỡ dây vải. Mảnh vải đen rơi xuống, thông thoáng, nằm chết như cái xác rần vất vẻo lên thành phố. Tôi còn nhúc ở mắt, Toàn đã ra góc nhà ngồi dạo bản đàn mà nó ưa thích. Tiếng đàn đại vĩ cầm trầm trầm, từng điệu, từng thanh, từng nhịp, từng cung, lên bổng rồi lại trầm trầm liên tục gần như bút rút.

Toàn ngồi hơi cúi, liếc nhìn tôi bằng đôi mắt vô hình.

Cánh tay mặt của Toàn mãi miết kéo mã vĩ, tay trái ôm lấy thùng đàn như một người đàn ông say mê ôm một người đàn bà. Năm ngón tay Toàn bấm xuống dây đàn, nhấc lên, rồi lại miết xuống. Thanh mã vĩ đưa tới, kéo lui, đưa tới, rồi lại kéo lui. Tiếng đàn cò của phường phường không điều luyện, giống tiếng một lưỡi cưa cùn trên dây thép chùng nhão. Thú âm thanh chùng nhão bò trườn, lê lét, oằn oại lẩn dẩn trong phòng, nuốt từ cái bàn ăn qua tủ sách đến tận chỗ tôi.

- Đủ rồi!

Tôi quát lên lần nữa, không chịu nổi sự lì lợm tai quái ở dáng nhìn trùng trùng nhưng vô hình dạng của nó, Tiếng đàn đột ngột dứt quãng. Thanh mã vĩ rời ra và cái thùng đàn tròn lẩn đầy đủ hình dạng một người đàn bà thôi nhúc nhích. Toàn cất tiếng:

- Cấm đàn hay cấm nhìn chị?

- Cả hai.

- Đúng rồi, cả hai đều là gỗ đá vô tri.

Toàn cười sặc lên, đứng dậy biến mất vào buồng riêng.

Tôi còn lại một mình, sợ.

Từ lâu Toàn đã sống trong sự bất thường của thế giới màu đen vây lấy nó, nhưng buổi tối nay, sự bất thường đó đã trở thành nghiêm trọng. Nghiêm trọng hơn nữa là tôi hiểu căn do của sự bất thường ấy. Tôi quẹt tay lên má, chùi giọt mồ hôi nhòn nhòn lúc này như đã bám sâu vào da. Khi tôi trở vào buồng ngủ, những tiếng động của Toàn từ buồng bên vọng sang kêu lịch kịch. Tôi kéo chăn trùm kín đầu, trốn thú tiếng động giãy giụa của một thân mình dằn vặt cô đơn. Nhưng dưới lớp chăn, trong bóng tối bao

trùm, tôi lại bắt gặp cái màu đen mà Toàn đã muốn tôi đối diện, nhìn và trông thấy.

*

Ngày đến, tôi thức giấc muộn, bản thân vì cả đêm không nhắm mắt. Tôi nhớ đã nhìn thao láo suốt đêm vào tấm màn đen căng cứng, trong tư thế nằm ngửa với hai tay ôm lấy đầu trốn tránh. Buổi sáng chủ nhật xác xơ, hình ảnh Toàn hằn lên bên hông cửa sổ. Những tàn cây bên ngoài gầy guộc trơ xương, như đang đưa những cánh tay khẳng khiu lên trời van xin thượng đế một ân phúc. Tôi đến bàn ăn lấy phần ăn sáng của mình, một ly cà phê đen với một viên đường vỡ duy nhất. Toàn là người lo điểm tâm trong nhà, mỗi buổi sáng nó đặt bên tách cà phê của tôi một viên đường vỡ, và tôi hiểu.

- Chị nói sang đây sẽ không bỏ Toàn, chỉ sống cho Toàn và một mình Toàn. Nhớ không?

Toàn nói, khi nhận ra tôi đã hiện diện trong phòng.

- Chị nhớ.

Tôi đáp.

Nghe tôi nói “Chị nhớ”, Toàn đứng phất dậy.

- Nhớ sao không làm? Ai hy sinh cho chị?

- Toàn hy sinh cho chị.

Tôi trả lời, lặp lại, không dám ngừng lên. Toàn bước đến chậm chạp, như hôm qua, từ sau lưng lửa bàn tay bịt lấy mắt tôi.

- Đùng!

Tôi cố gỡ tay Toàn với tách cà phê đang cầm, mười ngón tay Toàn đè mắt tôi đen tối. Hơi thở Toàn sau tóc chậm, nặng, đứt quãng.

- Đùng, cho chị xin ...

Mười ngón tay Toàn nói lỏng dần dần, ôm lấy thái dương, ve vuốt lấy má, lần xuống cầm rồi đùa với ngón cổ. Tôi rùng mình, hai bàn tay Toàn như hai gọng kềm kẹp cứng, không buông. Toàn tiếp tục động tác mạnh bạo, khi mon trón cho đến lúc tôi nổi gai phải hất tay nó ra.

- Thôi đủ rồi.

- “Đủ rồi”. Lúc nào cũng đủ rồi.

Toàn day tôi lại, lấy ngón tay trở lần theo sóng mũi tôi xuống môi, và ngừng ở môi. Tôi thấy mình nhượng bộ và đáp ứng tất cả những trò chơi của Toàn. Để làm gì? Để Toàn đừng tuyệt vọng đi đến tự hủy?

- Chị biết hôn không?

Khuôn mặt Toàn bất ngờ rơi xà xuống, vết thẹo ăn sâu giữa môi hiện ra sâu hoắm. Tôi hốt hoảng chống hai tay đỡ lấy ngực Toàn, tách cà phê đổ xuống ghế bành ẩm ướt. Hai bàn tay Toàn đã chụp vội, nâng khuôn mặt tôi lên hôn.

- Chị xem phim thấy người ta hôn nhau thì phải biết hôn.

- Đủ rồi!

Cặp môi mang vết sẹo trờ tới, tôi nghiêng mặt tránh nên đôi môi Toàn rơi vào má, gai gai, cảm giác vừa mềm, vừa khô, vừa ướt. Cặp môi Toàn ở trên da mặt tôi, đầu Toàn gục trong khoảng cổ không chịu rời đi. Tôi thôi chống trả, để nguyên thân người ướt cà phê, vươn hai tay ôm lấy khuôn mặt đó. Tôi không thấy ghê sợ sự tiếp xúc của da thịt mình với cái khuôn mặt lồi lõm những chỗ thịt phồng trồi trũng không liền da. Tôi chỉ thấy thương Toàn.

- Đủ rồi, đi đánh đàn đi.

Toàn nhìn tôi lạnh lùng như tất cả bao lần tôi cự

tuyệt, nhưng tia nhìn vô hình đã dịu đi. Tiếng đại vĩ cầm vọng lên, cũng giống hôm qua, trầm trầm không điều luyện và thất vọng. Toàn nghe thấy gì trong điệu nhạc dạo mãi từ ngày này qua tháng khác? Tôi không biết, nhưng tôi đã rõ cái hình ảnh mà Toàn muốn tôi trông thấy trong tấm màn đen.

- Toàn phải có một người bạn gái.

Tôi nói, lúc Toàn không ngờ nhất, đang cầm cúi với cây mã vĩ. Tiếng đàn vụt im, nhường cho ánh mắt nhìn không có hình dạng, hướng về chỗ tôi không mấy chính xác.

- Chị nói gì?

- Toàn phải có bạn gái.

- Ai dám yêu thằng này?

- Chị sẽ tìm cho Toàn.

Toàn im lặng một lúc rồi đứng lên mở cửa sổ. Hơi gió lạnh ulla vào, hai lớp màn cửa thổi tốc lên, rơi xuống rồi lại rung động dập dình như đôi cánh bướm bị nghiền. Toàn quay lại, cố tình hướng mặt nhìn ra cửa, cho ánh sáng soi rõ những vết sẹo chẳng chịt ngang dọc trên khuôn mặt. Những vết sẹo mà tôi đã chứng kiến, đã thấy chúng bám dập vì khâu dối, đã thấy chúng chai nám vì nắng hải đảo cháy lửa. Khuôn mặt đầy sẹo của Toàn kỳ dị kinh khủng dưới ánh sáng ngày.

- Chị nhìn kỹ tôi, ai yêu được khuôn mặt này. Bộ chị tưởng Toàn không biết mặt mũi mình như thế nào hay sao? Chỉ cần sờ vào là biết!

Toàn đưa mười ngón tay lên sờ nắn lớp da tạt nguyên, đột nhiên những móng tay cong lại cào mạnh như muốn lột tróc cái hình thù kinh tởm.

- Đứng, Toàn!

Tôi hét lên, chạy tới, giằng lấy những đầu móng đang cào cấu trầy trụa khuôn mặt nó. Thân hình Toàn giật lên, cả tấm lưng co giật vùng vẫy muốn chạy trốn. Toàn cất tiếng hú đau đớn, tôi ghì cứng lấy Toàn, áp mặt nó vào mặt tôi, vít lấy đầu, xoa xoa lớp da sần xùi, hôn vào từng chỗ sẹo vỡ vê, an ủi.

- Đừng bao giờ làm vậy nữa nghe Toàn, đừng bao giờ, nghe chị, đừng bao giờ...

- Chị đâu có yêu Toàn.

- Chị không thể, chị không có quyền...

Toàn ôm lấy tôi, vòng hai tay ôm lấy lưng tôi. Đợi cho tất cả nguôi ngoai, bình tĩnh, tôi gỡ tay Toàn, nói trong hơi thở kiệt sức.

- Chị sẽ tìm cho Toàn một người bạn gái, chị hứa, chị hứa ...

Toàn bỏ ra ngồi ở bàn ăn, cầm lấy cuốn sách cổ quên sự xúc động quá mạnh vừa qua. Ngón tay Toàn sờ soạng những mặt chữ nổi, lần từng mẫu tự, cố tìm một ý nghĩa trên trang giấy. Cái hình dáng Toàn ngồi chịu đựng, mệt nhọc đè lên tôi. Không có gì đau đớn bằng phải chứng kiến một đời sống thân thuộc chết dần mòn, thoi thóp ở bên trong. Những khuôn mặt của chúng bạn gái lần lượt lướt qua, những dấu hỏi, phân vân, xét đoán, do dự, sợ hãi lẫn lộn không thành hình thể. Joelle, Kate, Florence, Isabelle? Ai cũng được, nhưng không thể là tôi, nhất định không thể là tôi.

*

Kate vào nhà, cởi áo dạ rồi mới tháo mũ. Mớ tóc đỏ tuôn ra từ chiếc nón nỉ rơi xuống thân áo đầm len có đính một hàng khuy nút. Kate nói để cô ta tự nhiên, rồi ngồi

xuống sofa. Cô ta đưa mắt nhìn quanh quất, tôi biết Kate kiếm ai.

- Kate uống chút rượu?

Tôi hỏi vì Kate ít khi uống rượu. Quả nhiên cô ta lắc đầu, nhưng tôi mời thêm lần nữa, cố tình nài ép và Kate nhận lời. Tôi rót Vodka vào ly thủy tinh trao cho Kate. Tôi nhìn đắm đắm vào chất lỏng trong suốt lúc cô ta đưa lên môi uống, như thể tôi mong đó là phương thuốc nhiệm màu làm tăng can đảm cho Kate.

- Trời lạnh uống rượu nhiều khi cũng thú.

Kate đặt ly xuống bàn, xoa hai tay vào nhau để chịu. Kate còn trẻ, trạc tuổi Toàn, hiền lành và biết suy nghĩ. Nhìn cô ta thoải mái, không có vẻ bồn chồn, tôi cảm thấy yên tâm. Tôi đã nói với Kate về Toàn, là Toàn gặp một tai nạn, phải sống cô độc nên rất buồn. Nếu Kate có thể đến chơi với Toàn vào cuối tuần...

Kate chuyện trò vu vơ với tôi về đời sống, hỏi có phải Toàn thích chơi đàn và đọc sách? Nhà có tủ sách lớn quá. Tôi trả lời là Toàn say mê vĩ cầm, còn tủ sách là của tôi vì Toàn chỉ đọc được một ít sách đặc biệt dành riêng cho những người như Toàn. Kate ngạc nhiên hỏi tại sao, tôi cố giải thích cho cô ta hiểu rằng Toàn rất yếu thị giác, bị thương ở mắt. Tôi muốn chuẩn bị cho Kate nhiều hơn nữa, nhưng cô ta có vẻ tự tin và nói tôi không phải lo.

- Kate hiểu, Kate đã gặp những trường hợp như vậy. Chị đừng ngại, Kate tin mình sẽ trở thành bạn thân của Toàn.

Kate nắm tay tôi trấn an, khuôn mặt cô ta vẫn bình thường và điềm tĩnh.

- Kate đã gặp nhiều người thanh niên, Kate biết xử sự, Kate sẽ không để chị buồn. Chị cho Kate gặp Toàn đi.

Khi ấy tiếng đại vĩ cầm của Toàn từ buồng trong trỗi lên. Tôi thấy mặt Kate có hơi thay đổi. Tôi hiểu vì sao, tiếng đàn chùng nhão, rã rời gần như bệnh hoạn của Toàn, đối với tôi dù đã quen thuộc nhưng mỗi khi tấu lên vẫn mang một thứ âm thanh lạnh lẽo kỳ quặc. Song Kate đã đứng lên, nói cho cô ta vào gặp Toàn. Tôi đưa Kate đến trước cửa buồng Toàn, gõ tay nói có khách. Toàn không trả lời, tiếng đàn vẫn còn ở một điệu duy nhất. Tôi và Kate đẩy cửa vào, Toàn đang ngồi quay lưng, hai vai rung rung với thân đàn và thanh mã vĩ kéo qua lại. Tôi nghe Kate nói chào Toàn, cô ta bước hẳn vào buồng. Toàn dấu mặt mãi miết kéo mã vĩ như không nghe thấy gì hết. Tôi nhìn Kate đứng sau lưng Toàn, với tiếng đại vĩ cầm xoáy tròn trong buồng. Tự nhiên tôi hối tiếc đã đưa Kate tới đây, thấy giận hờn ghen tuông trong lòng. ý nghĩ sắp mất Toàn làm tôi hơi buồn, dù biết mâu thuẫn. Kate vừa đặt tay lên vai Toàn.

Những gì xảy ra kế tiếp ngoài dự đoán của tôi, của Toàn, của Kate. Lúc Toàn quay đầu lại, khuôn mặt từ từ quay sang phơi bày những thớ thịt nhăn nheo, trồi trũng ghê tởm với hai lỗ hồng ở mắt, một nửa cánh mũi không còn hình thể, và một rãnh thẹo chạy từ nhân trung ngang môi xuống quá cằm, thì Kate vụt rú lên. Khuôn mặt Kate khiếp hãi, sự điềm tĩnh biến thành kinh hoàng tột độ. Thứ tiếng rú của một người đàn bà sợ hãi quá mức làm rũ liệt cả chân tay tôi, rồi Kate bỏ chạy. Cô ta vừa chạy vừa la hét gọi cầu cứu. Lúc Kate đã chạy ra khỏi nhà, những tiếng hú ác quỷ, quái vật hãy còn rớt lại trong hành lang, cây đại vĩ cầm ngã xấp trên đất và tôi thấy từ hai hố mắt Toàn những giọt nước mắt ứa ra. Ở khối thịt ngày xưa là mặt mũi Toàn,

toát ra vẻ đau đớn, tủi hổ. Những giọt nước tủi hổ lăn từng hột xuống bờ môi run run hần theo. Toàn khóc không có tiếng, nhưng tôi thì bật khóc nức nở. Tôi ôm lấy Toàn, ghì xiết lấy mặt mũi tóc tai nó. Nước mắt tôi hòa vào những giọt nước ở hố mắt Toàn.

- Không ai có thể yêu Toàn, làm bạn gái của Toàn.

Toàn nói với tiếng rên đau đớn, tôi bịt môi nó nói tôi yêu Toàn, sẽ làm bạn gái của Toàn. Tôi nói tôi sẽ làm tất cả những gì Toàn muốn, để Toàn không cô đơn, để Toàn được sống bình thường như tất cả mọi người thanh niên. Tôi chấp nhận hết, chấp nhận tất cả. Toàn hỏi tại sao tôi tiếc, tại sao gìn giữ với Toàn. Tôi nói tôi không tiếc với Toàn nữa đâu, người ta cưỡng bức tôi trên biển, tôi còn gì để gìn giữ.

Hai chúng tôi ôm nhau trên thảm. Toàn úp mặt vào tóc tôi khóc thầm lặng. Tôi vỗ về trên lưng Toàn như ngày xưa, dạo nào tôi thường vỗ về nó. Cách đây đã lâu lắm. Những hình ảnh cũ, những thương yêu máu mủ của quá khứ hiện về, những kỷ niệm dịu dàng khiến tôi nghĩ tôi và Toàn là một. Tôi và Toàn đã thuộc về nhau từ dòng máu, đâu có khác biệt gì nếu tôi thuộc về Toàn hôm nay, lấy máu của hai chúng tôi trộn lại. Tôi không muốn thuộc về một người đàn ông nào khác nữa. Tất cả đàn ông làm tôi ghê sợ, trừ Toàn. Hai chúng tôi nhìn những đám mây trôi tịch mịch lặng lẽ qua ô cửa sổ. Tôi tả cho Toàn nghe màu sắc của những cụm mây, của đường chân trời đuổi lịm ngoài xa. Toàn không trông thấy và tôi bù đắp cho Toàn những thiếu xót của thân thể. Hai chúng tôi chia sẻ cái màn tối vây bọc lấy nhau. Nụ hôn của Toàn dài thăm thẳm như chiều sâu của

bóng tối. Sau nụ hôn đó, tôi biết chúng tôi không còn thuộc về thế giới luân lý của loài người.

*

Hôm đầu tiên, hai chúng tôi ăn cơm trong yên lặng. Toàn ngồi đối diện tôi, đầu hơi cúi, chăm chú nhìn bát cơm. Chỉ có tiếng những hạt mưa rơi vỡ rả rích và ánh đèn trần vụn nhỏ, buông thứ ánh sáng loãng giãng lên bàn. Tôi nhìn ánh điện vờ li ti trên da mặt Toàn, cố nghĩ đó không phải là những ngón sọc mà là thứ ánh sáng trở hoa màu vàng. Toàn cầm cúi ăn với trận mưa mỗi lúc một lớn. Hai chúng tôi chờ nhau lên tiếng, nhưng rồi chỉ một bàn tay Toàn trờ tới, trên khăn trải bàn nắm lấy tay tôi, những ngón tay mở rộng, xòe đan vào nhau, ấp ủ xúc cảm và nhục cảm cho nhau. Toàn vẫn cúi đầu yên lặng, nhưng nói với tôi rất nhiều bằng cách tiếp xúc ấy. Sau bữa cơm, Toàn đứng lên kéo tôi vào buồng.

Hai chúng tôi đứng gần nhau trong bóng tối, chỉ có ánh sáng của những hạt mưa, phản chiếu từ trụ đèn đường, hắt dội vào buồng điểm lẩn tẩn lấm tấm từng hột nhỏ lóng lánh trên thân thể Toàn. Tôi để yên cho Toàn cởi quần áo, bàn tay Toàn khéo léo, giống như tất cả người mù đều có đôi bàn tay tinh tường. Toàn gỡ từng khuy cúc, hôn vào từng chỗ da thịt tôi vừa thôi hết giam hãm. Đến lúc Toàn tháo làn áo lót, thì đột nhiên bên ngoài có tia chớp chói lòa, lóe đập vào buồng soi vữa một nửa khuôn mặt của Toàn. Tôi vụt gai người bắt gặp trong thứ ánh sáng xanh điện, một thứ ánh thép sắc lạnh của từng nhát mác chém bổ xuống. Những thanh mã tấu bầm xuống, xối xả, liến tay, từng nhát, từng nhát man rợ lên mặt mũi Toàn. Tôi cũng thấy giữa ánh chớp của cơn giông những hình

ảnh tắt hiện, tắt hiện đau đớn điên dại của thân xác chính mình. Tất cả những hình ảnh đó, gãy vụn, rách nát, hiện lên trên khuôn mặt xấn xùi của Toàn.

- Đừng, ...

Tôi rút người lại trong cơn sợ hãi.

Toàn nhận ra sự không tự nhiên, ôm lấy tôi cố truyền hơi nóng từ người nó sang. Toàn thì thầm bên tai tôi những câu nói yêu đương vô bờ bến nhất.

- Toàn yêu chị vô vàn, Toàn không hối hận gì hết. Đừng nhìn mặt Toàn, sẽ làm chị sợ.

Toàn bảo tôi quay lưng lại, nói đừng sợ, đừng nhớ, đừng nghĩ gì hết, sống cho hai chị em thôi. Tôi gạt đầu, tôi sẽ không nhớ ... Toàn bước tới, ôm tôi vào lòng, áp thân mình vào lưng tôi. Tiếng của những giọt mưa bắn lách tách trên mặt kính, tiếng Toàn nói thật nhỏ rằng Toàn muốn yêu tôi từ sau lưng, tiếng của chính tôi đáp lại là tôi cần Toàn và cho Toàn hết. Bây giờ trong nhà chỉ có hai chúng tôi với một tình yêu cật ruột.

Khi Toàn lấy băng vải đen hôm nọ buộc quanh mắt tôi, hơi ấm từ người Toàn cũng đã truyền hẳn sang tôi. Sức nóng tỏa lan, cuộn cuộn và tôi trông thấy xuyên qua tấm màn đen những hình ảnh thật rõ nét. Hai chúng tôi lòa thể nhập vào làm một, hai cánh tay Toàn ôm vòng quanh bụng tôi, một đôi môi hôn tôi ở cổ, lấn xuống vai và cắn vào lưng. Một cảm giác chậm, rạt rào tình thương, từ sâu kín dâng lên dần. Những đau đớn từ vết thương ở quá khứ tan vào niềm sung sướng không ngờ, nhịp nhàng ở mỗi cử động của Toàn thận trọng, nhẹ nhàng, từng chút, từng chút, cho từng yêu thương máu mủ.

Tôi và Toàn yêu nhau trong bóng tối, gượng nhẹ,

xoa dịu, giúp đỡ lẫn nhau xóa nhòa một vết thương không may mắn của cuộc đời. Rồi Toàn bồng tôi lên giường, rồi tôi úp mặt vào ngực Toàn khóc nức nở vì sung sướng, đã bù đắp, giải thoát được cho nhau. Những giọt nước mắt nhiều xuống chan hòa ngực Toàn nồng ấm. Rồi Toàn mơn man những sợi lông măng ở cằm tôi, hỏi tôi có yêu Toàn, có hạnh phúc hay là hối tiếc? Tôi trả lời là tôi yêu Toàn, rất hạnh phúc và không hối tiếc. Có thể tôi đang phạm tội, nhưng ai hiểu cho rằng một giọt máu đào hơn ao nước lã, và tôi cần giọt máu đào của Tòa biết chừng nào.

Trăng lên, cơn mưa tạnh. Hai chúng tôi nằm kề nhau lắng nghe im ắng của đêm hoang vu như thuở loài người còn tiền sử. Thời hồng hoang, trong gia tộc chị em vẫn thường lấy nhau, tôi và Toàn chỉ lặp lại cách sống của loài người ban sơ. Đêm thanh vắng che chở cho chúng tôi, không có con mắt của người ngoài, không có luân lý của cuộc đời, không có chi hết, chỉ có chị em chúng tôi yêu nhau.

*

Những ngày sau đó, những ngày tôi và Toàn chung sống với nhau thật tuyệt diệu. Tôi là chị, là người yêu, vợ của Toàn. Toàn là em, là người tình, là chồng tôi. Thật tuyệt diệu khi tất cả những tình cảm ấy gộp lại làm một, thứ tình thương duy nhất gọi là tình yêu. Tôi không thể xa Toàn, những giờ làm việc trong hãng trở nên ray rứt nhớ nhung. Những phút hấp tấp bước như chạy vào nhà để bồi hồi lịm người trong tay nhau. Những nụ hôn trao vội vàng, những ghi xiết hối hả ... Đêm nằm bên gối Toàn thường nhắc lại những kỷ niệm cũ.

- Chị còn nhớ những buổi chiều mình đi dạo ở bãi

sau? Toàn nhớ mãi chiếc áo tím của chị in trên nền cát vàng chạy dài đến chân núi. Tóc chị lúc đó còn dài chấm lưng, gió biển thổi phất bay theo từng gợn mây trắng. Toàn yêu chị từ lúc đó, chị biết không?

Chị biết không? Toàn úp mặt vào tóc tôi thì thầm, sống mũi Toàn cọ dừa vào chân tóc. Những lúc ấy hai chúng tôi trở về với quá khứ, sống mũi Toàn hãy còn nguyên vẹn hình hài, chưa gãy nát, tôi hãy còn mái tóc thể con gái chưa tui nhuộm. Toàn còn kể nhiều kỷ niệm khác, làm như đôi mắt mù lòa không trông thấy được hiện tại và tương lai của Toàn khi chỉ còn thấy những hình ảnh xưa cũ lúc trước.

- Chị nhớ bắt đầu trang điểm lúc nào không? Buổi tối sinh nhật anh Thuấn, chị Niệm đem phấn tót đánh cho chị. Toàn núp ngoài cửa buồng lén nhìn vào chắc chị không biết? Tối đó ba nhốt chị trong buồng cấm không cho đi, chị khóc suốt đêm làm Toàn cũng khóc theo, chị nhớ không?

Chị nhớ không? Tôi nhớ. Nhớ Toàn luôn leo đèo theo sau vôi vỉnh, nhớ Toàn đeo lấy mình từng bước, không rời, không chịu ngủ giường riêng, giận hờn mỗi khi Thuấn đến đón đi chơi.

- Chị còn yêu anh Thuấn phải không?

Toàn thường hỏi tôi câu đó đầy ghen tuông, hờn mát.

- Anh Thuấn hôn chị rồi phải không? Nó đã làm gì chị?

Nếu tôi gạt đầu thì Toàn trở nên hung dữ, ân ái mạnh bạo, lấy móng tay cào suốt lưng tôi như để trả thù, để rồi sau đó khóc lóc xin lỗi. Nếu tôi lắc đầu quả quyết Thuấn

chỉ là bạn, Toàn có vẻ bằng lòng, không muốn tôi thuộc về ai khác.

- Chị hứa đi, đừng lấy ai khác ngoài Toàn, hứa đi.

- Chị hứa.

Tôi hứa. Tôi biết mình không thể nào bỏ rơi Toàn, không thể nào sống xa nó. Chúng tôi nằm áp người vào nhau cho hơi nóng của cả hai trườn lên thân thể trốn mùa đông bên ngoài dầy đặc cơn mưa tuyết. Những hạt tuyết rơi lất phất chạm vào mặt kính, đọng rồi tan, tan rồi đọng. Suốt mùa đông, tôi và Toàn giam kín trong nhà không đi đâu, xa lánh mọi người. Tôi sợ người ta khám phá cuộc tình của mình, tôi sợ tôi bỏ nó ra đi. Chúng tôi có thể ngủ vùi hàng giờ trong chăn ấm bên nhau. Giữa những cơn ân ái, khi trao thân cho Toàn, hai chữ loạn luân thường lớn vồn hiện trên trán nhà. Tôi rúc mặt vào ngực Toàn để không phải nhìn cái chữ loạn luân vô hình, nhưng rần rỗi đậm nét viết thật rõ ràng ở trán buồn. Băng vải đen bịt quanh mắt là phương cách tốt nhất để tôi không thấy nó. Có khi cuối tuần, suốt ngày tôi giữ nguyên giải băng đen quanh mắt chia sẻ thế giới không ánh sáng của Toàn. Chúng tôi chơi trốn tìm nhau trong nhà. Núp sau cánh cửa, trốn trong tủ quần áo, nín thở,... Toàn dạy tôi học những bài học vỡ lòng của người mù. Làm thế nào để di chuyển trong bóng tối? Từ phòng khách xuống bếp mất bao nhiêu bước chân? Từ bàn ăn đến đài truyền hình cách mấy sải tay? Làm thế nào để biết thức ăn vừa chín tới?

- Thì nếm thử!

Toàn cười ròn tan khi tôi hỏi nó điều đó.

- Chị muốn canh giờ giấc để biết ngày hay đêm thì phải tập kiểm soát cơn đói và sự bài tiết của cơ thể.

- Nhưng làm sao mặc đúng kiểu áo mình muốn?
- Phải tập rờ nắn sợi vải, tẩm vào mỗi kiểu quần áo

một mùi nước hoa riêng...

Dần dà tôi bước vào thế giới bóng tối của Toàn một cách lý thú. Mỗi khi tôi vấp ngã, Toàn cười thành tiếng. Mỗi khi Toàn lấy lộn bột mì với bột bắp tôi cười chế nhạo. Những niềm tin vui nhỏ bé mà chỉ từ khi trở thành vợ chồng, tôi mới biết cảm thông chia sẻ với Toàn.

Chưa có bao giờ tôi hạnh phúc như vậy. Hạnh phúc được làm một người đàn bà bình thường, có cuộc sống lứa đôi, thú hạnh phúc mà tôi tưởng đã mất từ sau tai nạn. Toàn đã chịu khó đến trường mù, chịu khó lãnh hàng từ trường tật nguyên về ráp nối ở nhà kiếm thêm tiền phụ tôi. Những đồng tiền rẻ mạt nhưng lại là niềm vui của chúng tôi. Toàn vui vì thấy hữu ích. Tôi vui vì Toàn đã bớt bất bình thường, chăm chỉ tập luyện vẽ cầm, gắng sức học tiếng Pháp với mặt chữ nổi. Toàn bỏ hút thuốc lá, bỏ uống rượu. Tôi cảm động vì thấy Toàn cố gắng trở thành một người chồng gương mẫu. Nhiều lúc Toàn ngượng ngập một cách trẻ con, cố ý phát âm chữ “Chị” thành “Chi”.

- Chi còn yêu Toàn không?
- Còn, với một điều kiện phải gọi bằng chị.
- Sao không cho Toàn gọi bằng tên?
- Chị yêu Toàn, và muốn được mãi mãi làm chị của Toàn, Toàn hiểu không?

Toàn gật đầu, yên lặng để cho tôi vuốt ve những sợi tóc lòa xòa trước trán. Cũng có những buổi tối, sáng trăng, tôi và Toàn đi dạo bên ngoài. Mỗi khi ra đường, tôi luôn cố gắng ăn vận, trang điểm sao cho Toàn biết rằng tôi làm đẹp vì Toàn, để Toàn được hạnh diện đi bên tôi. Toàn

rất nhạy cảm, đứng chờ tôi thay quần áo, rồi với vẻ trịnh trọng khen tôi đẹp với dáng vẻ say mê ngắm nghía. Những lúc ấy Toàn thật tội nghiệp, khi đưa ngón tay mon qua môi tôi để đoán màu son, khi rờ nắn lớp vải để đoán kiểu áo.

- Đêm nay chị đẹp lắm, Toàn rất hài lòng.

Tôi muốn khóc khi đó, nhưng đè nén được cảm xúc, giữ cho buổi tối được trọn vẹn, thất lại cả vật cho Toàn, rồi hai chúng tôi bát phở. Thường thường Toàn nắm tay tôi cho vào túi áo dạ của Toàn, chúng tôi chọn những con đường thật vắng, ít người qua lại, để Toàn không phải nghe những lời xầm xì hay tiếng kêu sợ hãi của các đứa bé đi ngang. Chúng tôi có một quán ăn quen, gần nhà, tôi và Toàn chỉ dám đi ăn tối thứ hai là tối thưa khách nhất. Người chủ quán dành cho chúng tôi một bàn ăn khuất trong góc, có cấm đèn cây và một bông hồng.

- Chị đừng kêu những món đắt tiền, Toàn chỉ muốn ngồi đây với chị, thức ăn không quan trọng đâu.

Tôi và Toàn dùng bữa dưới ánh bạch lạp êm đềm, có nụ hồng nở dịu dàng và những chăm sóc ân cần của người chủ quán già.

- Ông bà dùng bữa có ngon miệng?

- Vâng, tốt lắm.

Toàn mạnh dạn trả lời thay tôi. Nét mặt rạng rỡ, sung sướng. Suốt bữa ăn đôi chân chúng tôi quấn lấy nhau, không rời.

*

Rồi mùa đông đi qua trong tình yêu lên lút của hai chúng tôi. Mùa xuân đến làm nẩy chồi những nụ non trên thân cây lặt trước đường. Những cành khảnh khiu tỏa vượn như đôi tay thiếu nữ kết vòng hoa trái. Từng đợt

xanh nhú mình tìm sự sống. Tôi đã tưởng, trong nắng sáng
dồn dồn, cuộc sống mình tái sinh cùng với thiên nhiên
huyền nhiệm đó. Nhưng nào ngờ đột biến vùng thức dậy
khi Toàn đòi hỏi tôi một đứa con.

Toàn nói nó chỉ tìm được cuộc sống bình thường
nếu được chung sống với tôi như đôi vợ chồng đường hoàng,
sinh con đẻ cái ...

Tôi sợ hãi từ chối. ý tưởng có một đứa con với Toàn
như mũi kim khâu phọt giọt máu tội lỗi. Nó chọc thủng
tấm màn đen đui mù mà tôi che dấu sự loạn luân. Những
đứa trẻ kết tinh từ huyết thống loạn luân ít khi bình
thường. Tôi nói với Toàn làm sao ăn nói với gia đình, với
bố mẹ, với họ hàng? Không lẽ sống cô lập, trốn tránh gia
tộc suốt đời? Tôi sợ. Run rẩy khi nghe Toàn thì thầm muốn
có một đứa bé.

- Đừng! Đừng nghĩ đến chuyện đó, chị sợ lắm!

Tôi hốt hoảng, giọng Toàn rên rỉ khẩn nài, vòng tay
ôm mạnh chắc, những ghì xiết ôm tròn xót xa.

- Cho Toàn một đứa bé, một đứa, một đứa thôi. Nó sẽ
gọi mình là ba mẹ. Mình sẽ cho nó thật nhiều tình thương.

Toàn van lơn mỗi đêm, thúc hối, ám ảnh, quên mất
khía cạnh loạn luân của tình yêu cả hai. Tôi đã phá bỏ lý trí
để yêu Toàn, nhưng không đủ can đảm tạo hình ra tội lỗi.
Rồi làm sao giải thích cho đứa con về mối quan hệ bố mẹ nó?

- Không! Chị không muốn! Mình không phải là vợ
chồng, hiểu cho chị, cho chị... Tôi khóc khi Toàn hôn vùi
vào cổ.

- Nhưng Toàn muốn! Toàn muốn!

Toàn hát đầu, hát đầu, những cái hát đầu ích kỷ,
những giọt nước mắt của tôi mặn đắng và không lối thoát.

- Thương giùm chị, giùm chị...

Nhưng Toàn không hiểu, không xem đó là lời năn nỉ của người chị đã đến ranh giới chót của tình thương em. Toàn cho đó là sự chống đối. Bắt đầu từ hôm đó Toàn thay đổi, trở về trạng thái lầm lì, hung bạo trước đây. Toàn biến dạng, từ từ, chậm chạp, đến dần cực điểm của hung dữ, đàn áp, sai khiến. Toàn cấm tôi uống thuốc ngừa thai, lặn lội khám phá từng chỗ dấu thuốc với một ý nghĩ duy nhất là bắt tôi có con. Ban đêm tôi không dám ngủ chung với Toàn. Ban ngày vui đầu vào máy truyền hình để tránh trò chuyện. Tôi sống trong sự kháng cự, bị rình mò, chờ đợi sự tấn công.

Hôm đó, tôi ngồi trước máy truyền hình xem một cuốn phim quay lại. Những hình ảnh thoáng qua, rời rạc, hiện lên, biến mất. Tiếng vĩ cầm của Toàn đã từ lâu vọng lên trở lại cái điệp khúc chùng nhào, vô hồn, vô tính. Tiếng đàn cuốn từng vòng dây thép gai, xoáy từng chốt đinh ba chấu trong đầu tôi. Thứ âm thanh sắc nhọn, thủy tinh, cửa vào từng thớ thịt trong lúc trên màn ảnh là một chuyện phim đầy biến động. Tôi chỉ nhớ cuốn phim có cái tên lạ là *Pháo Thủy trên Dòng Yăng-Tsé*, có Steve Mc Queen đóng. Chuyện một người thủy thủ phục vụ trên một chiến thuyền Hoa Kỳ nối liền Hàn Châu và Hán Khẩu. Có những xáo trộn tâm tính con người thật dữ dội. Có những phản ứng bản năng bất thường. Tôi chỉ nhớ chùng ấy, còn bao nhiêu hình ảnh khác không phải là của cuốn phim mà là cảnh một bào thai để non đương sinh nở trong lòng người mẹ. Trên màn ảnh tôi thấy một bọc nước vỡ, một cuống nhau lòng thông, những mũi thuốc giục, những cơn rặn tím bầm thân thể, những tia máu phọt ra theo từng cái

quấy mình. Những tia máu cứ bắn ra, cái đầu hài nhi thậm thụt trôi ra thụt vào. Một kềm gấp, một máy hút, một da con toang hoác! Và ở giữa cái dạ con toang hoác đỏ lòm đó là cái đầu hài nhi mang khuôn mặt của Steve Mc Queen bậm môi trợn mắt khúc cuối đoạn phim bị bắn té ngổ lảo đảo gượng dậy bò bơi trườn lênh bênh trong túi nước. Ánh mắt người lính thủy lạc đi, thất thần khi thấy ở bụng mình một lỗ thủng máu huyết cứ trào ra, trào ra. Tôi nghe được câu nói của người lính sắp chết : *mais bon sang! Qu'est ce qui m'est arrivé? J'étais encore chez moi hier!* Đứa trẻ vùng vẫy. Mười ngón tay cào cào. Mười ngón chân giẫy đạp. Bụng người mẹ rách bươm và tiếng đàn của Toàn cuồng loạn liên tục một điệu chà xát mãi miết trên dây thần kinh tôi căng cứng. Đầu tôi rối chẳng với những hình ảnh xếp chồng trong thứ âm thanh ép chặt. Tôi không hiểu nổi câu nói sau cùng của người lính thủy bị bắn trên màn ảnh. Tôi muốn hiểu và muốn trông thấy khuôn mặt thật của hài nhi nhưng tiếng đàn đã đổ ào đứt ngang. Không còn là tiếng đàn nhưng là ly bể chai vỡ, cửa đóng máu ngừng, tim thôi đập phổi trút hơi và dạ con khép chặt. Tòa đến đứng sau lưng im lìm.

- Cho Toàn một đứa bé.

- Không! Chị không thể!

Toàn không nghe tôi nói, hươu chiếc lưỡi lam xanh biếc ngời chiếu lên sát mặt tôi. Rồi Toàn vụt cắt mạnh dây đàn đứt phụt. Một. Toàn găm gù rồi hươu tiếp lưỡi lam lên cao trở lại, vung lên múa xuống. Toàn hoa ánh lam xanh ngời như khi múa làn vải đen chấp chới chấp chờn ròn rợn. Hình ảnh cái xác rắn chết thông suốt hôm nào sống dậy, ngoằn ngoèo trườn trườn quần lấy vết hằn tôi lúc Toàn kể

lưỡi lam vào cổ tôi gạch nhẹ. Máu chảy ứa ra bóng xót. Tôi căng người sợ hãi, hai tay chới với tìm sự chống đỡ.

- Dừng!

- Chị đâu yêu Toàn?

- Chị thương Toàn.

- Không đúng! Thương sao không muốn có con với Toàn!

Toàn hét lên và cắt đứt thêm một sợi dây đàn. Hai rôi.

- Không! Dừng ép chị!

Tôi đẩy Toàn, xô hất bỏ chạy. Toàn rượt theo, tú sách bàn ăn ghế đầu đâm sầm vào người tôi ngã xấp té ngựa. Tôi đứng lên, té ngã, chấu cây níu chân, cửa buồng chắn lối, hành lang dài thẳm. Phòng tắm, phòng tắm, chốt khóa, tên bố, tên mẹ, tôi hét gọi với tiếng động của Toàn đập phá.

- Trời ơi! Tha cho chị!

Toàn không nghe, phá cửa, chụp lấy tôi xé áo.

- Dừng! Buông chị!

Tôi ngã xuống sàn gạch. Toàn ngã đè lên người. Thằng này tạt nguyên, lúc điên lúc tỉnh, phải chị sợ vậy không? Phải chị sợ vậy không? Nói! Toàn tát tôi, lột áo, hai bàn tay mạnh bạo, mười ngón tay hung dữ bẻ quặt tay tôi, bấp đùi đè ngang chân, hơi thở, tiếng la, men gạch lát tường, đèn trần, khăn tắm, thân thể trần truồng, nhể nhại, bả vai, bắp thịt, sức lực, môi cắn, tay cào, móng nhọn, mũi, mắt, ngón sọ, tinh trùng, bào thai, đứa bé, tôi hét gọi mẹ bị Toàn bịt miệng.

- Nói yêu Toàn! Nói muốn có con với Toàn! Nói! Nói!

Toàn hăm tôi tàn bạo trên mặt đất. Nói thêm muốn

da thịt tôi thơm mát, thềm ngực tôi tròn trịa, đùi tôi tươi trắng, con chúng tôi kháu khỉnh. Toàn nói, nói thật nhiều không ngừng trong lúc tôi giẫy giụa la khóc thét kêu van nài đau đớn.

Tôi nằm trần truồng trên đất. Phòng tắm tan hoang. Thần kinh xơ xác. Tôi nghĩ đến một điều gì đó mà không nghĩ ra. Một vài giọt máu đập ở môi trong mằn mặn. Từ đầu cuộn phim lúc này quay lại, chậm chạp mà rõ ràng. Tôi nằm đó xem lại cuộn phim trong trí nhớ. Cảnh người lính thủy xung đột với thủy thủ đoàn, ý niệm danh dự giằng co trong đầu viên thuyền trưởng. Những người Trung hoa quá khích. Những pha bạo động. Người phụ máy bị tra tấn. Người nữ truyền giáo thơ ngây. Viên đạn bắn vào bụng Steve Mc Queen trở ra sau lưng, câu nói bùng tình trước khi chết. Câu nói? Người thủy thủ nói điều gì tôi không hiểu? Giống xem phim câm không có tiếng...

Lâu lắm lúc tôi gượng dậy trời vẫn sáng tỏ. Toàn đang ngồi khóc ở bàn ăn. Tiếng khóc thút thít hiền lành. Tiếng khóc của Toàn thời thơ ấu. Cánh cửa sổ mở rộng, không có chút nắng nào. Tôi nhìn bầu trời, màu trời đục lơ lơ. Đột nhiên tôi nhớ lại tất cả, nhớ từng chi tiết thật kỹ càng. Nhớ từ lúc đặt chân xuống thuyền vượt biên gặp hải tặc cho đến lúc Toàn hãm tôi mới đây. Nhớ cả câu nói của người lính thủy bị bắn. Nhưng mà... *Trời ơi! Chuyện gì đã xảy ra? Chúng tôi còn ở Vũng Tàu hôm qua kia mà!* Tôi gục xuống, Toàn quay lại mặt đầy thẹo. Vết thẹo. Trời ơi, buổi sáng.

vĩnh yên 1973

Vào sáng ngày 27 tháng 1 năm 1973, khi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu lên ti-vi chính thức công bố Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký kết, mấy chục triệu người dân miền Nam đều khắp khởi mừng. Họ tin rằng chiến tranh sắp chấm dứt, nhà nhà sẽ thoát cảnh chết chóc/thoát cảnh phải bắn người hoặc bị người bắn... Hiểu rõ chiến tranh bằng mạng sống của chính mình và những người chung quanh, họ đã tin rằng từ nay sẽ có hòa bình, sẽ được sống đúng như mơ ước, không còn phải đón đau chia biệt người thân và gần như bị tuyên án tử khi phải

nhận về một xác chết...

Giờ đây, 48 năm sau ngày ký kết Hiệp định Paris, ai trong chúng ta có thể trả lời câu hỏi: Có đúng là chiến tranh đã thực sự chấm dứt từ sau tháng 1/1973... hay sau tháng Tư 1975...?!

Truyện ngắn của Trần Vũ không chỉ là một câu hỏi...

Văn Việt

Ap tết Quý Sửu xảy ra hiện tượng lạ trong gia tộc cụ Vương Gia Khánh cư ngụ số 422 Hai Bà Trưng Tân Định. Các sử gia về sau giải thích chính vì cường độ chiến tranh đã đạt đến mức khốc liệt trong mùa hè 72 khiến sức nổ dây chuyển của bom đạn làm đảo lộn trật tự của vạn vật. Riêng với họ Vương, tính quy ước bị phá vỡ đúng vào trưa thứ bảy ngày 27 tháng 1 năm 1973, là 24 tháng chạp năm Nhâm Tý. Mấy ngày trước, tin đồn sắp ngừng bắn bỗng dung loan truyền như một chiếc thảm rực rỡ từ một đuôi sao chổi vô hình bất ngờ lướt qua thủ đô và rũ xuống những mảnh tinh thể của hân hoan. Dân chúng chìm vào lấp lánh của hy vọng, trong mắt của mỗi người bật sáng mừng rỡ sắp vỡ òa được đón tết hòa bình đầu tiên. Chiến tranh như lưỡi hái đã đến sát cuống họng rồi vụt dừng lại. Bất chợt. Như một ân xá.

*

Ba tháng trước, các ngón tay của bà Vạn Xuân đang trải đều lớp nếp nấu chín lên các mâm đồng thì văng tiếng âm âm như có mưa rào nhẹ trên mái. Tháng mười đầu mùa mưa nên bà Vạn Xuân không để ý. Cả u Đào đang phụ ủ nếp cẩm cho tết sắp đến, cũng không thấy lạ. U vẫn tiếp

tục lấy ba ngón tay vừa ấn vừa toi cho nếp không quá dày, rồi quay sang các mâm đầu đã nguội, u xúc cho vào vại, cứ một lớp nếp rải một lớp men và đập kín khi đã đầy. Họ Vương vẫn nấu rượu uống tết theo truyền thống tuy ông Vương Gia Hiển tết nào cũng mua thêm rượu Tây, và bà Vạn Xuân luôn nhắc chồng mua cho mình chai Dubonnet vì bà vẫn ưa vị nhẵn nhẵn của hoa phiến thảo từ khi ở cũ. Tuy thích uống Dubonnet làm từ quinquina nhưng bà Vạn Xuân vẫn thấy nếp cấm đem đến hương vị và kỷ ức cho tết nguyên đán, tựa như cánh hoa phiến thảo khi gọi bằng tên Việt gọi hương và màu sắc nhiều hơn. Trong trí nhớ của bà còn có kỷ niệm với nếp cấm là chén rượu đầu tiên khi bà về làm dâu. Ngày ấy cũng chính u Đào dạy bà làm rượu nếp và là chỗ tựa kín đáo khi bà hãy còn bơ ngỡ. Đã trên bảy mươi nhưng u vẫn khỏe mạnh và đặc lực như lúc còn ở Vĩnh Yên. Đôi khi bà Vạn Xuân có cảm tưởng u chính là chiếc bóng của mình, luôn theo sau, đứng cạnh. Một chiếc bóng chia chung những vui buồn, gian truân. Lắm lúc bà Vạn Xuân ngẫm nghĩ là bà không khác u, cùng đi ở cho họ Vương từ ngày còn thiếu nữ, duy giữa cả hai có một khế ước ngầm phân chia vị trí, danh phận và ngôn ngữ. Cả hai chăm chú đến quên nhìn ra cửa sổ, bên ngoài là một nền đêm khô rang.

Hương nếp vẫn thơm ngát khi bà Vạn Xuân muốn muối thêm dưa cải. Lúc bà hỏi u đã phơi cải bẹ xanh bao lâu và đã có rửa thuốc tím chưa, sau khung gỗ có một xáo động nhẹ trên nền trời sẫm, nhưng do đang cân lượng đường với muối trước khi hòa vào nước ấm nên bà Vạn Xuân không chú ý. Cả hai bất chợt ngừng lên, mà không biết điều gì thúc giục, khi có một vạch chớp mỏng xa xăm

và chỉ kịp thoáng thấy những vẩn sáng tắt phụt ngay tức khắc trong tiếng gió mạnh. Rồi là rào rào chục viên đá cuội rơi lộp độp xuống sân bếp. Bà Vạn Xuân nhặt lấy, buông vội ra, vì hòn đá lạnh toát. Những viên cuội trong veo tan ngay thành nước. Bà Vạn Xuân cảm thấu sự kỳ lạ ngay khi đó, là đang diễn ra một biến đổi vô cùng nhỏ bên trong mình. Các hoạt tố trong các phân tử hữu cơ bên trong người bà hay lưu lượng huyết quản trong các tĩnh mạch vụt tăng thêm làm tim bà đập nhanh. Bà Vạn Xuân không biết đích xác việc gì xảy ra nhưng thấy thị lực của bà rõ hơn. Bà có thể đếm ở đuôi mắt u Đào có cả thấy mười bốn nếp nhăn và trên một lá cải, những gân lá li ti kết thành hình vẽ một bông hoa tí hon có cả cuống và lá. Phải đến sáng, sai chị Hoa đi mua báo, bà mới biết sao chổi Kojima đêm qua đã lướt qua.

Ba tháng sau, đám giỗ cụ Vương nhằm 24 tháng chạp Nhâm Tý, còn cách giao thừa Quý Sửu đúng dăm hôm. Bao giờ đêm trước đám giỗ trong nhà cụ Vương cũng vang rân tiếng dao thót pha với tiếng rồn rảng của nồi niêu nhưng đêm ấy các tiếng động thêm rộn rã như chính lũ xoong chảo cũng đang nhảy múa, như sự hân hoan thoát ra từ cả con người lẫn đồ vật. Từ trong thán, tin vị nguyên thủ quốc gia sẽ đích thân thông báo biến cố trọng đại của lịch sử và tin sao chổi Kohoutek sẽ xuất hiện sau tết, trùng với ngày quân đội Mỹ rời đi, lan truyền như cơn sốt. Hai sao chổi liên tiếp lướt qua mũi Cà Mau chỉ có thể là điềm lành sau từng ấy chiến tranh. Cả thủ đô tắt bật mua sắm như thể dân chúng gấp rút đón tết, vì sợ nếu không vội vã tiếp rước, hòa bình sẽ bay mất. Chính bà Vạn Xuân cũng quyết định giỗ tết lớn. Mang trọng trách đầu trưởng nên

bà chuẩn bị rất kỹ, từ trong thánh đã viết xuống giấy những việc cần làm và đích thân bà đứng bếp.

Buổi sáng vẫn bình thường. Áp trưa, bà Vạn Xuân thỏa mãn nhìn mâm cúng lễ bày trước bàn thờ. Tô chân giò ninh măng khô hầy còn bốc khói bên cạnh đĩa nộm và thủ lợn với bát canh bóng nấm hoa. Da chú gà trống thiến nhồi nấm rơm với hạt sen vàng óng bóng nẩy. Chung quanh chú là xôi gấc, chả quế, ghém vịt với phẩm oản. Giữa hai nển bạch lap, ba bát cơm cúng xếp trùng gà luộc chằm chệ. Bà Vạn Xuân lên gác mời chú chồng và ông Hiền xuống thấp nhang thỉnh cụ Vương. Lúc lên thang, tâm tư bà không khỏi kiêu hãnh âm thầm là bà không chỉ bước lên bậc mãn nguyện đã chu tất mà còn nhắc lên nấc an vị đã Việt hóa đại gia đình chồng gốc Hoa. Đã từ lâu không còn các món ăn Quảng Châu của tũu lầu Đồng Khánh trên các mâm giỗ chạp, gốc gác xa xôi của họ Vương chỉ còn lưu vết qua tấm ảnh Tôn Dật Tiên đóng khung treo ngay ngắn trên tường.

Trong lúc đợi chú chồng và ông Hiền thay y phục, bà Vạn Xuân trở xuống ngắm nghía và xoay đĩa xoài cát cho các trái chín vàng ửng quay mặt ra ngoài. Bà nhắc chị Ni thay nước bình huệ. Chính ngay lúc đó, bà kiểm chứng biến đổi bất thường bên trong cơ thể mình, từ sau đêm ủ nếp, vẫn đang tiếp diễn. Bà thấy hết thấy mọi chi tiết mà không cần phải cố gắng, như không cần phải đến sát bàn ăn mà vẫn nhìn thấy vành miệng một chén kiểu xếp ở cuối chiếc bàn dài có vết rạn. Lúc kêu Ni thay chén khác, bà bỗng nhận ra là đột nhiên bà nhớ hết các tên đường Sài Gòn ngày vừa mới di cư. Ngôi nhà của cụ Vương Gia Khánh trên đường Hai Bà Trưng, trước đây là đường Paul

Blanchy, cắt góc Trần Quang Khải xưa là Boulevard Paul Bert, và chỉ cách Rue d'Adran là Võ Di Nguy một cầu Kiệu. Cụ Vương khi chưa mất hay ăn phở Cao Vân ở số 25 Mạc Đĩnh Chi là Rue Massiges, sát ngã tư Trần Cao Vân là Rue Larclause. Chú Hăn, rể của cụ Vương thì ưa Phở 79 ở Rue des Frères Louis là đường Võ Tánh bây giờ. Riêng chú Đạm lại thích phở trong khu đền Hồi giáo ở phố nhà Thổ, Rue des Turcs. Mấy chữ phở nhà Thổ làm bà Vạn Xuân thời trẻ đỏ mặt mỗi khi nghe nhắc đến. Bà cũng nhớ lần ông Hiến đưa bà đi viếng thảo cầm viên, hai vợ chồng băng qua rạch Thị Nghè khi ấy còn gọi Arroyo de l'Avalanche. Áp tết đầu tiên trong Nam, hai ông bà mua sắm ở Passage Eden rồi băng qua Boulevard Bonard là đại lộ Lê Lợi để đi chợ hoa Nguyễn Huệ mà thời ấy còn mang tên Boulevard Charner, là vào chủ nhật 16 tháng giêng 1955, đúng 23 tháng chạp tiền ông Táo đón tết Ất Mùi...

Bà Vạn Xuân quá đổi kinh ngạc là mình nhớ tất, thậm chí cả ngày tháng. Tâm gan bà bật lên chút lo lắng, vì cảm thấy bất an, là có gì lạ lùng không tự nhiên đang làm tươi trẻ trí óc của bà. Làm sao bà có thể nhớ hết ngần ấy chuyện? Bà Vạn Xuân nhớ thời thiếu nữ khi còn học trường Thành Chung Bảo Hộ, au Collège du Protectorat, bà có được nghe giáo sư François Darlan giảng về hội chứng Brulard nhưng khi ấy hãy còn quá trẻ nên bà không hiểu hết, chỉ nhớ biểu hiện trước tiên là tim đập nhanh rồi có một sự xáo trộn trong ký ức tự động thay thế kỷ niệm bằng những thông tin tiếp nhận về sau. Năm đó, bà cú hay nhầm lẫn giữa hội chứng Stendhal gây ra ảo giác với hội chứng Brulard thay thế hình ảnh thực tại đến suýt hòng thi. Nhưng làm sao bà có thể nhớ hết ngần ấy chuyện? Câu

hỏi ray rút ẩy cứ chốc chốc khuấy động tâm trí bà cho đến lúc trong họ với suy gia của các cô chú đến ăn cỗ.

*

Giống bao đám giỗ, sau các tuần nhang rồi hóa vàng, ông Vương Gia Hiển chồng bà Vạn Xuân cùng với cụ Vương Gia Quý, chú chồng bà, và các cô chú đều nhắc đất Bắc xưa. Suy gia thỉnh thoảng góp lời nhưng thao thao bất tuyệt vẫn là cụ Hội đồng hương, nhà ngay sát cạnh nhà cụ Vương Gia Khánh ở Vinh Yên trước di cư, liên tục kể lại câu chuyện Việt Minh tấn công mà cụ đã kể nghìn lần.

- Cái hôm ấy mà tay De Lattre không đích thân xuống Vinh Yên nắm quyền chỉ huy mặt trận là tiêu cả. Nhà cụ thân sinh tôi bên khu Thanh Giã bị pháo nát, trông thấy lính Bắc Phi chúng nó hoảng loạn hết cả... Cái tay Giáp thế mà đại, cứ tấn vào Vinh Yên ngay cái đêm đồn Bảo Chúc thất thủ là đã bắt sống Vanuxem. De Lattre bị bất ngờ, Giáp đánh nghi binh vào Lục Nam, rồi Đông Triều, tay mật thám Boussary cứ tưởng đánh Hải Phòng, bao nhiêu quân dự bị đưa hết ra đấy. De Lattre tung cả thiết đoàn của Beaufre lên hết mạn bắc Hà Nội để giữ Cẩm Lý, không ngờ Giáp đánh Vinh Yên... Chả có cái đại nào bằng đã điều hổ ly sơn rồi lại đợi con hổ quay lại. Giáp cứ vậy không đánh, đợi đến khi De Lattre huy động toàn binh lực, lập cả cầu không vận đưa 5 tiểu đoàn từ Sài Gòn ra thì hồng cả. Cái trận Vinh Yên là tôi thấy Giáp bắt tài, cứ áp dụng cứng nhắc binh pháp của Tàu là công đồn đả viện. Mình phải biết ứng biến chứ! Chẳng qua thắng Điện Biên Phủ là do Navarre kém, chứ không phải Giáp giỏi.

Cụ Hội gặp một tảng vẹt, nhả xương, rồi lại tợp một ngụm nếp cẩm. Cụ khà một tiếng sáng khoái:

- Uống cái nếp cẩm này là tôi nhớ đám cưới của chị Xuân đấy nhé! Anh Hiễn may mắn lắm mới lấy được chị. Tôi vẫn nói với cụ Khánh nhà này là nhà cụ có hồng phước mới có con dâu quán xuyên giới như thế. Này, hỏi thật chị, tay Vanuxem nó mua thực phẩm của chị là vì anh Hiễn bán giá vốn hay là vì nó mê chị? Nào, đồng hương cả, chị nói thật cho chúng tôi nghe một lần!

Giọng cụ Hợi ồm ồm vừa oang oang làm bà Vạn Xuân lúng túng, hai má bà ửng đỏ như cánh hoa đào trước di ảnh cụ Vương. Bà còn chưa biết đối đáp ra sao thì chú Đạm, em chồng bà, đã thêm vào:

- Đấy, em vẫn nói với anh Hiễn là tay Vanuxem nó mê chị Xuân nhà mình. Vừa nắm GM.3 chưa đầy tuần là đã đánh xe jeep đến đặt mua một lúc ba tháng thực phẩm cho nguyên Binh đoàn lưu động. Thế có phải là vì chị Xuân nhà mình xinh đẹp không?

- Chú nói quá! Bà Vạn Xuân thốt lên.

Bà càng thêm bối rối, hai má đỏ như dâu chín, bầu vội lấy đùi ông Hiễn dưới gầm bàn. Chồng bà, ông Vương Gia Hiễn rất được kính nể vì là con trưởng của cụ Khánh và cũng vì ông làm ăn phát đạt. Ông ôn tồn:

- Bán giá vốn thì chẳng có dư, nhà này lấy công làm lời nhưng không bán giá vốn. Chẳng qua là quân lương của GM.3 bị Việt Minh chúng đốt cháy hết trong chiến dịch Bécassine, chính vì thế mà De Lattre thay trung tá Muller bằng Vanuxem. Tôi tiếp hấn bảy lần, lần nào cũng lịch sự, duy nhất lần đầu là hấn cho đại úy Bousquet đem cân đến xem mình có cân thiếu hay không. Từ sau, nhà này giao bao nhiêu, GM.3 thanh toán bấy nhiêu. Cái công của Xuân là đã khuyên tôi, là họ đặt năm trăm cân thì mình cứ cho

năm trăm mốt cân, rau cà-rốt khoai tây mình mua ở chợ Đầm Vạc giá bản xứ, bán cho Tây giá Tây, thì không lỗ. Tôi nghe theo, cứ thế mà làm. Quan năm Vanuxem thì thật sự phải nói là khá tử tế, lịch duyệt.

-Vi hần là giáo sư triết trước khi động viên! Cụ Hội nhà chân vịt. Về sau hần dạy khóa tham mưu mà học viên là trung úy Nguyễn Văn Thiệu với trung úy Cao Văn Viên đấy nhé, nhưng thành thật phải nói là chúng tôi khi ấy, thấy hần rất quý chị Xuân...

Cụ Hội lừa miến xào cua bể nên không dứt câu. Bà Vạn Xuân hơi cúi xuống, vò gắp chả quế cho con trai là cậu út Vương Gia Nhật vẫn quần quýt bên bà, vì muốn tránh ánh mắt sui gia với các thím đang đổ dồn về mình. Mỗi khi nghe nhắc đến trung tá Paul Vanuxem, chỉ huy Binh đoàn 3 Lưu động mà xưa gọi Groupe Mobile N°3, là bà lại thấy nao nao pha chút băng khuâng kỳ lạ của một bí mật chưa thấu đáo. Quả tình chính bà cũng không biết có phải Vanuxem mê mình hay chỉ là suy diễn chung quanh, tuy bà vẫn chưa quên ánh mắt ngời tư ẩn của viên trung tá buổi trưa Việt Minh áp sát thị xã, khi Vanuxem van lơn: *"Madame, Rentrez à Ha-Noi, ils sont dèjà là au pied du mur"*. Vốn liếng Pháp văn giúp cô Xuân ngày đó hiểu là Việt Minh đã đến chân đôn, phải đi ngay. Chỉ một câu, và ngay tức khắc, là súng nổ.

Bà Vạn Xuân ngẩng lên, tươi cười gắp thêm thức ăn cho sui gia, gọi u Đào dọn thêm nem rán với rau sống rồi lảng chuyện:

- Chợ Đầm Vạc ngày xưa vui, bác Hội nhỉ. Cụ nội lũ trẻ tết nào cũng đòi bằng được tép dầu, cá thính với bánh mật mía Vĩnh Tường. Có năm nhà không mua kịp, cụ quát

âm lên làm anh Hiến phải chạy ra đến tận Tam Đảo xin người quen để lại một ít...

- Các thứ ấy thì Vinh Yên đâu thiếu! Cụ Hội đã chuyển đưa sang mũi lợn thái khoanh.

- Dạ vâng, nhưng dạo ấy không biết bác Hội có nhớ, nhà này hãy còn cúng tết theo kiểu Vân Nam.

- Ủ, tôi nhớ rồi. Cụ Khánh ngày thường thì ăn Quảng Đông, tết lại Quảng Tây. Cụ cứ cho là Vân Nam sang hơn. Tôi thì chỉ chấm có mỗi thứ rượu Ngũ gia bì của cụ. Nghiĩ thương, cụ ăn Tàu nhưng vẫn cúng Việt cho bà nội cháu Nhật.

- Thưa vâng, mua tép dầu là cho bà cháu...

Bà Vạn Xuân tâm đắc là câu chuyện đã rẽ sang hướng khác. Bà để ý ở các cỗ bàn dưới, các chú Túc, chú Đạm, chú Lịch và bác Trọng, bác Phúc đang hăng say bàn cãi về các trận đánh thảm khốc trong mùa hè vừa rồi. Với các chú, chiến tranh là trong lúc này, không phải xa xưa, các tướng lĩnh cũng không phải Võ Nguyên Giáp hay Jean de Lattre mà là Ngô Quang Trưởng, Trần Văn Trà... Lâu lâu bà nghe vọng lên các chữ “ngưng bắn”, “ứng chiến” trộn lẫn làm như hưu chiến với ứng chiến không thể tách rời, là một, vì chỉ là một. Trong lúc chú chồng với ông Hiến và cụ Hội lại đang tranh cãi về chiến lược của Pháp, bà ngắm các cô, các thím, tất cả duyên dáng trong áo dài raglan tay ngắn; các thím tán thời bên các cô vô tư, tất cả chừng đã quên hết Vinh Yên. Thím Túc, thím Đạm, cô Hân, cô Lịch chỉ vừa mới đến tuổi dậy thì ngày Vanuxem hối bà lên chuyển quân xa cuối cùng. Bà Vạn Xuân nhận ra bà lại nghĩ đến Vanuxem và nhớ Vanuxem có một lần tâm sự ước ao một ngày nào đó mở trường tư thục dạy triết ở Vinh Yên. Các giai thoại về Kant và Jung của Vanuxem không làm bà cười

vì bà không hiểu chi hết, nhưng cái hoạt cảnh lúc Vanuxem thay thế trung tá Muller vào đúng lễ Sainte Sylvestre, vào đúng giao thừa tết Tây, Vanuxem bước vào phòng ăn, ngồi vào chỗ Muller vừa ngồi, nâng ly rượu Muller đang uống dở và chúc các sĩ quan dưới quyền một năm dương lịch tốt lành, y như Muller đã nâng ly năm phút trước, làm bà cười ngất. *C'était trop marrant!* Bà nhớ đã thích thú bình phẩm: Vải rượu đỏ, bánh đỏ, bàn ăn đỏ nhưng kim đồng hồ vừa điểm khắc của năm mới, đã là một tổng trấn khác. Giống lọ lem hóa bí rợ! Bà cười giòn giã, làm Vanuxem tỏ vẻ nguỵng: *Me prenez-vous pour une citrouille?* Bà thêm cười nắc nẻ: Đôi khi cũng nên làm trái bí! Thuở đôi mươi cô Trần Thị Xuân có tiếng là yêu kiều đến nỗi sau hôn nhân, cụ Vương Gia Khánh với ông Vương Gia Hiễn thay ngay biển hiệu công ty Compagnie d'alimentation thành Grossite alimentaire Mille Printemps, và từ ấy, khắp Vĩnh Yên gọi bà là bà Vạn Xuân.

Lấy lại nghiêm trang, bà nhớ đã nói với Vanuxem, việc trấn nhậm Vĩnh Yên ngay đúng đêm tết Tây, đạo Phật gọi là nghiệp hay duyên. Bà tìm được chữ “carrière” để diễn ý “nghiệp” nhưng lúng túng không biết phải dịch “duyen” là gì, cuối cùng, bà chọn chữ “chance” là “may mắn”. Vanuxem lắc đầu. Viên trung tá hiểu chữ “sự nghiệp” nhưng không tin việc thay thế trung tá Muller là “may mắn”. Khi bà hỏi tại sao, Vanuxem nghiêm trọng: Việt Minh đã tập kết về Tam Đảo.

Các mẫu thoại cứ tiếp tục lơ dang dưới gọng kính tròn đời mới của cụ Vương và trên sắc nghệ sẫm của vạt áo dài bà Vạn Xuân đang vận. Bà chợt thấy tiếc chiếc áo cưới gấm đỏ yên chi đã cháy ở Vĩnh Yên.

*

Mâm cỗ vụt trở nên gay cấn khi cụ Quý trách cụ Hợi đã thúc họ Vương hồi cư về Hà Nội. Cụ Vương Gia Quý là em cụ Vương Gia Khánh, tuy cao tuổi nhưng cụ vẫn rắn rỏi và thông thạo Pháp-Hoa. Cụ Quý bập một hơi thuốc Bastos.

- Khi ấy mà về Hà Nội là mất hết kho hàng ở chợ Đầm Vạc, là tay trắng. Tôi vẫn nghĩ, còn nước còn tát. Có cái điều lạ này mà đến bây giờ tôi mới kể, anh Hợi chưa biết... Cái đêm trước khi Võ Nguyên Giáp đánh Bảo Chức, tự dung tôi trông thấy trên vách đồn Mậu Thông gần trại Khai Quang, không biết ai đó viết ba chữ “Manê, Thêcel, Pharès”. Tôi về hỏi anh Khánh, thì bố anh Hiến bảo chắc là Việt Minh viết. Nhưng không phải, vì sau đó... chúng...

Cụ chưa dứt, thím Túc đã cắt ngang.

- Nghĩa ba chữ đó là gì, thưa chú?

- Vàng, từ từ rồi tôi giảng giải. Cụ Quý hơi gắt. Cụ không ưa cắt lời.

- “Manê, Thêcel, Pharès” là chữ Do thái cổ trong Kinh thánh. Manê có nghĩa là “đếm”. Thêcel là “cân-lượng”. Pharès là “phân-chia”. Theo Cựu ước, vua Balthazar bị quân Cyrus vây hãm, đêm trước thất thủ thúc giấc thấy trên tường ba chữ *Manê - Thêcel - Pharès* của thượng đế. Nghĩa là từ nay số phận của thành Babylone “đếm” từng ngày, sinh mạng nhà vua đã được “cân” nhắc, và vương quốc sẽ bị “chia” đôi. Ban đầu tôi cũng tin như bố anh Hiến, là do Việt Minh viết để cảnh cáo Vanuxem. Hôm sau tôi đi qua thì không thấy nữa, nghĩ là Vanuxem cho lính bôi đi. Đến sau trận Vĩnh Yên, khi Tây thắng rồi, một tối về khuya, ngang qua Sở chỉ huy Tiểu khu, lại thấy

ai viết nguyên một câu: « Những gì con người khước từ trong giây phút, thời gian không hoàn trả ». Viết bằng Pháp văn: *Ce que l'on refuse à la minute, aucune éternité ne le rend...* Câu ấy là của một văn hào Đức, Friedrich Schiller. Tôi chạy ngay về nhà gọi bố anh Hiễn, lập tức anh Khánh ra xem với tôi, cả hai anh em nghĩ mãi mà không biết ai viết. Nhưng chắc chắn không phải Việt Minh, vì rõ ràng là câu ấy nhắm vào Giáp, hai đêm 13 và 14, GM.3 bị phục kích ở Đạo Tú, chỉ còn mỗi tiểu đoàn Muồng đã mất tinh thần, đường tiếp viện bị cắt ở Hương Canh và Quất Lưu, mà Giáp án binh, không đánh vào Vĩnh Yên. Có phải là cái đêm ấy, nếu xông vào mà bắt Vanuxem thì đã có thể tiến thẳng xuống Hà Nội hay không? Mà ngay cả không xuống Hà Nội, thì tiếng vang vẫn lớn vô cùng. Vì bắt thêm một quan năm Tây ngay sau trận Biên giới, là phá ngay tức thì danh tiếng của De Lattre. Những hứa hẹn tái lập chiến thắng trong diễn văn nhậm chức của De Lattre ở Hà Nội sẽ không còn ai tin. Tinh thần quân viễn chinh sau mất Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Hòa Bình rồi mất thêm Vĩnh Yên sẽ không phục hồi. Tôi cho như anh Hợi nói ban nãy, là Giáp đã để xổng mất cơ hội tiêu diệt chiến tranh. Hội nghị Genève có thể xảy ra sớm hơn... Ngược lại, Giáp để cho De Lattre chuyển viện binh, rở bom napalm vừa cập cảng Hải Phòng ném xuống núi Đanh... thành ra Vĩnh Yên là một thất trận. Tôi với bố anh Hiễn, chúng tôi cho câu ấy viết lên tường là nhắm vào Giáp. Nhưng ai viết?

Cụ Quý nói một hơi, bí mật lâu nay cụ mới kể. Trên bàn, không khí bí hiểm phủ trùm. Không ai bảo nhau nhưng các cô chú cùng ngừng lên nhìn tấm ảnh bán thân của cụ Vương đang mờ mờ hương khói từ vòng nhang xoắn sắp

tàn. Ánh mắt cụ Vương đồng tình với cụ Quý. Bà Vạn Xuân là người duy nhất để ý cụ Vương Gia Quý trưa ấy tinh táo khác thường. Vì từ sau anh cả mất, cụ Quý rơi vào đắm chiêu, cụ hay ngồi yên hàng giờ nhìn sang Hăng Sáo phía sau nhà, ngắm một lượn mây uốn trôi xa xôi về một phương trời, hoặc ngâm chân trong nước nóng rồi ngủ quên cho đến khi nước lạnh ngắt làm da nhả nhúm cụ mới choàng tỉnh... Trưa ấy, cụ Quý sáng suốt khác lạ và trả lời rành mạch các cô chú. Bà Vạn Xuân vụt hiểu là tâm trí cụ cũng đang hồi sinh như chính ký ức đang tươi trẻ của bà! Như chú Hân, cũng đang sinh động khác với thường nhật. Chú gấp bánh tôm rán ròn rụm vào bát rồi buông đũa:

- Chi đoàn viễn thám của em tăng cường cho GM.1 của trung tá Edon. Chiều 14 lệnh giải vây Vĩnh Yên. Khi đến ngã ba rẽ đi Hương Canh, tự dung em thấy bốn cụm mai tứ quý dưới chân đồi sát vệ đường héo rụi đi hết như có ai đốt. Nghĩ điềm không lành, em đạp hạ sĩ Xu stop. Hạ sĩ Stop! Xe thiết giáp vừa khựng lại, là một quả bazooka bay trượt qua mũi!

Các mẫu quá khứ cứ tiếp tục sôi nổi như các miếng chai ký ức đã ráp lại thành một tấm kính thủy tinh nhưng còn đầy vết rạn. Rồi từ những đường rạn nhả ra tao loạn của hôm qua, chìm tức khắc vào tao loạn của hôm nay, khi có kẻ soi gương. Chú Lịch với bác Trọng ra đứng trước gương khi cá cược phía quốc gia sẽ tái chiếm Cửa Việt trước tết. Chú Đạm với chú Túc cũng ra đứng trước gương lúc tranh cãi tướng Lê Nguyên Khang phải từ chức.

- Anh Khang không ra mặt trận, thì anh giao lại cho Bùi Thế Lân! Binh sĩ người ta không phục anh cầm quân mà chỉ ở Sài Gòn...

Chú Túc đập đập cán thuốc xuống bật lửa Zippo. Chú hút Ruby Quân tiếp vụ nhưng lâu lâu vẫn nhón Cotab của cụ Hợi. Chú vào Thủy quân Lục chiến đã mười năm.

Bà Vạn Xuân quan sát chăm chú bữa cỗ. Bà không hiểu có phải vì các giác quan bên trong mình bà trở nên tinh tường hay vì là lần đầu tiên bà chú tâm nghe chuyện; nhưng bà cảm giác rõ rệt bên trên đĩa bánh tôm trộn khoai lang với bột tẻ rắc nghệ của u Đào - mà u rán rất khéo, các lớp khoai mỏng tanh dưới chú tép cam tuyến - trận An Lộc của các chú chính là trận Vĩnh Yên của cụ Hợi với cụ Quý và chú Hân. Cũng một thị trấn bị vây hãm, tiếp tế duy nhất bằng hàng không, với cùng những dòng người bỗng bế đất díu nhau chạy. Nhìn lên bàn thờ, bà càng nghĩ kỷ ức mang màu điều nhuộm của vải thiếu sấy khô mà cụ Hợi phải nhờ người quen làm tham tán lãnh sự tại Vạn Tượng gửi về, còn sắc hiện tại thì mang màu hồng quân của trái thanh long mà thím Đạm mua ở chợ An Đông. Cả vải thiếu khô với thanh long tươi cùng xếp chung trên một mâm ngũ quả.

Lúc bà Vạn Xuân muốn hỏi ông Hiến xem có cần dọn món chính lên ngay, thì cậu út Vương Gia Nhật níu tay mẹ.

- Tết mẹ mua cho con thiết giáp hạm Yamato ở thương xá Tax, mẹ nhé?

Bà Vạn Xuân gỡ tay con.

-Mẹ có khách.

Nhưng cậu bé vừa lên đệ thất, vẫn vò vĩnh:

- Thiết giáp hạm Yamato to nhất Thái Bình Dương. Mẹ mua cho con, mẹ nhé?

- Mẹ đang bận. Bà Vạn Xuân suyt khẽ.

- Thiết giáp hạm Yamato nặng 72 ngàn tấn, trí 9 đại bác 460 ly bị đánh chìm ở Okinawa. Mẹ mua cho con, mẹ nhé?

Cậu bé nằn nì làm bà Vạn Xuân phải quay nhìn con. Cậu bé trắng trẻo sáng sủa như tất cả những đứa trẻ nhà lành tuy sở thích ham mê vũ khí quá mức làm bà bất an. Một lần thanh tra tủ sách của các con, bà đã vô cùng ngạc nhiên khám phá bên trong tủ gỗ của cậu con trai út chất đầy sách chiến tranh của tủ sách Lê Thanh Hoàng Dân và nhà Sông Kiên. Từ Patton đến Rommel, từ Guderian đến Moshe Dayan, đủ các mặt tướng lĩnh... Bà Vạn Xuân có ý nghĩ là chiến tranh đang chụp bắt lấy con trai của mình, ý nghĩ ấy thêm gia tăng ngày cậu bé tuyên bố sẽ đi lính khi lớn. Từ ngày ấy, bà đâm ưu tư.

- Mẹ hứa tết mua cho con...

- Không vội nữa! Bà Vạn Xuân nghiêm mặt.

Ông Vương Gia Hiễn khi ấy quay sang nhắc vợ dọn tiếp các món kể. Bà Vạn Xuân đứng lên xin phép chú chồng và sui gia xuống bếp. Cậu út Vương Gia Nhật bật lên như lò xo, đi theo mẹ.

- Mẹ dạy không nói dối mà mẹ nói dối, mẹ hứa tết mua cho con... Nếu mẹ ít tiền, mẹ mua xe tăng Panzer, phải xe tăng Đức mới tốt, xe tăng Sherman không bằng...

*

Khi cậu bé theo mẹ xuống bếp và bà Vạn Xuân khép cửa, để khách không nhìn thấy nồi niêu, khoảng sân xi-măng đã hứng những viên cuội trong veo của sao chổi Kojima từ một thiên hà xa xăm nào đó đã lướt qua mà bà Vạn Xuân không còn nhớ đến nữa, đang rộ nắng. Từ trên sân thượng buông xuống một khuôn vuông nhỏ của một mảnh

trời nhiệt đới. Gian bếp mát lộng thính không vì gió lùa và thơm nhẹ mùi lá từ những bình treo dọc lan can mà đứng giữa sân nhìn lên, có thể trông thấy. Bà Vạn Xuân cho treo ở mỗi khúc viền thanh sắt uốn vòng lên lầu thượng những chậu lá và dạ lý để thả lá rữ hương thoang thoảng. Thuở con gái, bà đã sớm tin cách bài trí mỹ thuật với cây cối, nói lên tâm hồn của một phụ nữ biết quán xuyến. Bà hài lòng vì đã cho quét vôi trước tết, bốn vách tường sáng giúp trần bếp thêm cao. Trên lớp gạch men lát cho dễ lau chùi là bốn chiếc lò của u Đào. Ba lò dầu hôi với một lò ga, nhưng u vẫn thích lò than đặt ở mé sân. Chính u đã bày bà gấp than hồng cho lên nắp gang cho cơm chín đều, vì ngày về làm dâu cô Trần Thị Xuân được cung chiêu chưa từng vào bếp. Cũng chính u là chốn tâm sự những ngày bà vừa thành thân. Để đền đáp, bà đem u vào Nam, rồi giao u ẵm bồng các con của mình. Tuy công việc kinh doanh bận rộn với giáo dục các con khiến bà với u không còn như lúc ở Vĩnh Yên, nhưng tự trong thâm tâm cả hai cùng biết, là bà không bao giờ bỏ u, cũng như u chẳng bỏ bà. U đi ở cho họ Vương, sống chết với họ Vương và bà ngày một, đảm đương họ ấy.

- Trong bếp ăn chưa u? Bà hỏi, ngay khi bước vào.

- Bẩm mợ, đã lót lòng. U trả lời.

- Mẹ mua cho con thiết giáp hạm Yamato...

Cậu bé lại giật chéo áo mẹ, lần này bà Vạn Xuân mắng thật.

- Hu! Cấm không nói nữa!

Trong lúc cậu bé tiu nghỉu, bà Vạn Xuân thỏa mãn ngắm ba chú gà trống thiên đã sẵn sàng trên ba mâm, mỗi chú ngậm một quả ớt chỉ thiên đỏ chót tia hình hoa ly, chung quanh là năm đồng cô, bắp non Đài Loan, đậu lăng

hấp chín và cả củ kiệu phủ hành ngò như ba chiếc thảm lót ngai. Chị Hoa đã bới xong com và đang múc canh bóng nấm hoa, canh u Đào vừa xong ba tô lớn chân giò thom đậm măng khô. Ni đã chặt xong thịt quay đang xếp vào từng đĩa. Bà Vạn Xuân nhắc:

- Xếp riêng nạc vai cho cụ Quý, cụ kiêng mỡ.

- Thưa cô, con biết. Ni đáp.

- Hoa xếp gà hàng dọc, đầu quay về phía các cụ, không xoay phao câu. Nhớ chưa?

Chị Hoa trả lời: Năm nào cũng xếp vậy mà cô, nhưng chị vẫn xoay chú gà lại cho ngay ngắn, cùng chiều với chú gà của u, rồi đơm thêm vài lát cà-rốt cho tươi thắm. Bà Vạn Xuân lại căn dặn:

- Ni chặt thịt quay còn dư cho vào mỗi túi với xôi gấc để riêng, chia đều, trao cho từng nhà khi về. Móng với tai gói hết cho cụ Hợi. Miến lươn sau cùng, chiều mới mang lên. Lát nữa u đi trước, Ni với Hoa đi sau, mỗi người một mâm, đưa gà lên rồi mới dọn thịt quay rồi mới đến chân giò, canh với com trắng. Nhớ là mỗi khi lên xuống phải đóng cửa, không để sui gia nhìn vào bên trong bếp nhà mình. Hiểu không? Lúc này Ni để toang cửa mãi một lúc mới thấy đóng.

- Dạ, con quên. Ni lí nhí.

Bà Vạn Xuân cúi xuống lấy đĩa trở phần chân giò nâu mật nhô lên cho thêm đầy đặn, bà chợt thấy trên vạt áo dài màu nghệ của mình có một vết ố mà chắc cậu út đã làm vấy khi chằm nem. Bà vội lấy khăn thấm nước lau hai lượt cho phai. Từ nhà trên vọng xuống tiếng ông Hiên:

- Chú Túc ngồi gần bát hộ anh ti vi. Ông Thiệu sắp tuyên bố đấy.

- Phải độ mười, hai mươi năm phút nữa anh. Còn phát quốc thiếu rồi thủ tướng Trần Thiện Khiêm nói chuyện tình hình rồi thượng nghị sĩ Nguyễn Văn Huyền kính mời tổng thống... Báo Sóng Thần loan 11 rưỡi thì phải 12 giờ mới bắt đầu...

Tuy nghe chú Túc đáp nhưng bà Vạn Xuân vẫn nghe có tiếng lịch kịch kéo ghế, bật ti vi, điều chỉnh âm thanh rồi tiếng động bác Trọng khui bia và bác Phúc pha trà, xen kẽ tiếng ho húng hắng của cụ Hợi. Bà nói nhanh:

- U cho ra ngay, tỵ nữa tổng thống nói chuyện thì không ai ăn, sẽ nguội hết.

- Hay mẹ mua cho con tiêm thủy đĩnh U-boot?

Cậu út lại giật tay. Lần này thì bà Vạn Xuân nạt: Im nào!

- U cho dọn lên. Bà hỏi.

*

Ngay khi ấy. Mà về sau toán học xác định là phép tịnh-tiến trên mặt đất. Một phép dời hình mang 5 tính chất của định lý hình học.

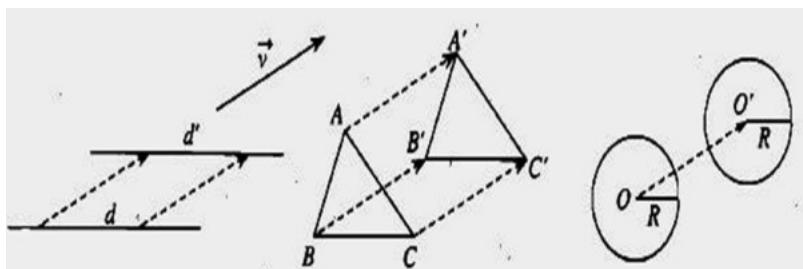
1. Biến các điểm thẳng hàng thành những điểm thẳng hàng khác không thay đổi thứ tự của chúng.

2. Biến một đường thẳng thành một đường thẳng khác song song hoặc trùng với nó.

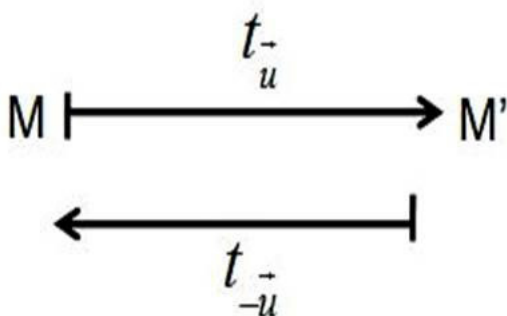
3. Biến một đoạn thẳng thành một đoạn thẳng khác có độ dài bằng nó.

4. Biến một tam giác thành một tam giác phẩy có cùng chu vi. (*xem trang sau, hình 1*)

5. Biến một đường tròn thành một đường tròn phẩy có cùng bán kính. (*xem trang sau, hình 2*)



hình 1.



hình 2.

Các toán học gia thêm vào định nghĩa: Nếu vecteur triệt tiêu là zéro, thì phép tịnh-tiến gọi là phép đồng nhất.

Ngay khi ấy. Vào đúng 12 giờ trưa ngày 27 tháng 1-1973 nhằm 24 tháng chạp Nhâm Tý. Khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu của Cộng hòa Nam Việt-Nam tuyên bố đình chiến, ngừng bắn. Hiện tượng diễn ra. Khi bà Vạn Xuân đặt tay lên nắm cửa. Khi bà hé đẩy cánh cửa bếp thông lên nhà trên với u Đào đứng sau lưng và cậu bé Vương Gia Nhật níu vạt áo. Xảy ra phép tịnh-tiến.

*

Không còn là ngôi nhà của cụ Vương Gia Khánh ở số 422 Hai Bà Trưng Tân Định. Mà là ngôi nhà bên hông Sở chỉ huy Tiểu khu Vĩnh Yên. Cũng không còn sân thượng

với các chậu lái trắng mà là dây ngói ống lưu ly lợp ba gian. Bà Vạn Xuân sừng sốt nhìn tấm bảng ghi Grossite alimentaire bên trên biển hiệu nhà thầu Mille Printemps treo chính giữa và cuốn lịch lớn trên tường ghi thứ bảy 13 tháng 1-1951 với ngày ta 6 tháng Chạp năm Canh Dần. Chỉ còn ba tuần nữa là tết Tân Mão.

Ban đầu bà choáng váng nhìn tấm bích chương tân thời với ảnh cô đào Michelle Morgan trong phim Le Château de Verre mà bà với ông Hiến đi xem ở rạp hát thị xã rồi mua về, bà nhớ rõ lắm, có cảnh Michelle Morgan khiêu vũ với Jean Marais, đang treo bên trên chiếc bình sứ phong thủy liên hoa. Bình sứ men lam do cụ Khánh mua bên phố Vĩnh Thịnh. Nhưng bà cảm giác nhức đầu kinh khủng như là bà đang đau thần kinh, bị phức loạn trí năng cùng lúc với phân liệt thể xác. Bà không thể cử động tuy nghe tiếng xích sắt của quân xa chen với tiếng rao âm Bắc cao vọng từ ngoài. Bà muốn đóng sầm cửa để xóa những gì trông thấy nhưng bà xây xẩm như vừa ngã va trán vào một vật rắn làm mất thăng bằng. Bà muốn gọi u nhưng lưỡi bà bị trớ. Muốn kêu u đưa cho bà cái khăn ướt lau mặt giúp bà tỉnh táo trở lại mà không kêu được. Lưỡi bà đặc khăn, khô cứng. Mũi bà ngửi mùi rêu ẩm toát ra từ một vật gì đã mốc.

Các bóng người trong nhà từ từ sáng. Bà nhìn sững cụ Vương Gia Khánh đang vận âu phục ngồi trước bức phù điêu vẽ lý ngư vọng nguyệt và bác Hợi, cụ Quý với chú Đạm, chú Hào đương bàn cãi. Âm thanh nhỏ to, trầm bổng lẫn lộn. Tiếng cụ Khánh hỏi không lớn lắm: quyết định như thế nào? Tiếng bác Hợi đột ngột oang oang như trong đám giỗ:

- Tôi bảo đi ngay! Cả cái chợ Mậu Thông người ta

đã kháo từ ba hôm nay là Giáp đã về Tam Đảo. Radio Việt Minh phát hằng ngày là Hồ Chí Minh vào ăn tết cùng đồng bào. Chúng nó đánh đến nơi, không chạy là chết!

Tiếng cụ Quý còn rất khỏe:

- Còn nước còn tát! Đi ngay thì mất kho hàng ở chợ Đầm Vạc, có cả phần vốn của anh Hợi. Cả cái kho hàng ấy mà rõ phải mất cả tuần, rồi xe đầu mà đánh, tàu hỏa phải ngày mốt mới có một chuyến. Hồi cư về Hà Nội? Cả cái nhà này từng ấy miệng ăn, sống làm sao, trú ngụ ở đâu, rồi phải hàm ơn sui gia cho tá túc ư? Anh Hợi nói thì dễ. Tôi nghĩ cứ đợi đấy, xem tình hình. Vĩnh Yên cách Hà Nội có sáu mươi cây, Tây nó không bỏ.

- Chúng nó bỏ cả tỉnh lỵ Lạng Sơn với Hòa Bình đấy thôi!

Bà Vạn Xuân chết điếng. Tai bà dính lên những câu nói của cách đây đã hai thập niên. Bà nhắm vội mắt. Bà nghĩ chỉ là ảo giác, một phút hư hỏng của thị giác và trực trặc của thính giác, chỉ cần bà định tâm, mọi thứ sẽ biến mất, đảo ngược và an vị. Bà tự nhủ, ngay khi bà mở mắt, sẽ là phòng khách cũ. Khi bà nhắm mắt một mảng tối chói chang hiện lên dưới mí mắt. Bà cố kềm tâm yên ổn nhưng các ý nghĩ cứ như bầy giun xoắn xít trong trí bà... Sáng nay khi nấu cỗ, bà sơ ý đứt tay, vết cắt còn xon xot có lẽ đã nhiễm trùng và các vi khuẩn đang gây sốt. Tiếng đập mạnh của ai đó nện một vật xuống đất. Tai bà nghe ra tiếng vỗ của từng siêu đất. Siêu ở đâu ra và ai đập? Bà nhớ chú đô tùy đập vỗ siêu trên nền gạch bông để đánh thức cụ Khánh. Guồng mặt cụ như ngủ say, da đã thâm và lạnh toát. Bà phải bóp dầu nóng để xếp tay chân ngay ngắn. Bà cấm không cho các con xuống lầu và bắt u đốt vỏ bưởi khô

liên tục... các chú đồ tùy đồ đẩy trà Thiết quan âm để hút dung dịch sẽ chảy ra... Siêu đất vỡ toang lúc nhà thờ Thiên phước gióng chuông làm lễ. Bà nhớ nhà thờ chính tòa thị xã Vinh Yên cũng có một quả chuông to, thỉnh từ Nam Định. Một lần chú Đạm dắt tay bà lên tháp, bắt bà đứng trong quả chuông dưới giá đỡ, rồi chú nghịch nghợm lấy búa gỗ liên tiếp vào lớp đồng. Chú vừa thi đậu Brevet, bà không trách nhưng tiếng chuông chát chúa xé màng nhĩ khiến bà bung tai mà vẫn thấy như mình bị va đập, bị ném tung ngang dọc giữa kim loại vang rền... tiếng chuông tra tấn, trừng phạt mọi tội lỗi...

Bà mở mắt. Giật bản mình vì chú Đạm đang đứng ngay cạnh bức bình phong có họa tiết chim phụng, chỉ cách bà mười thước! Rõ ràng là chú Đạm trẻ măng, chưa một lạng mỡ, của hôm dắt bà lên tháp. Và cụ Khánh, cụ Quý, cụ Hợi vẫn ngồi đó. Rõ ràng là cụ Hợi đã trêu chọc bà với Vanuxem ban nãy, tuy cụ chưa khò, chưa hói, cũng chưa nát rượu và giọng nói chưa ồm ồm. Cụ Quý gân guốc ra hẳn. Bà nhìn đăm đăm cụ Khánh với đầy xúc động pha lẫn sợ sệt. Đúng là cụ Khánh mà chính tay bà khâm liệm. Đúng là cụ Khánh nhưng sắc diện hồng hào không tái xám như lúc mất. Cụ đang đeo cặp kính đổi mới mà bà đã đặt trong áo quan. Làm thế nào cụ có thể sống lại? Làm thế nào chú Hào với cô Mạn đã chết vẫn ngồi đó? Sao chú Đạm với bác Hợi ở đây? Cả hai còn đang ăn bánh tôm rán với món nộm trên mâm cỗ kia mà?... Bao nhiêu câu hỏi rối chằng lên trong tâm trí như đang có triệu mũi kim khâu đang đâm suốt qua các màng tế bào và các tĩnh mạch bên trong mình bà. Đi từ kinh ngạc này sang kinh ngạc khác, bà muốn thốt lên *Trời ơi!* mà không phát ra tiếng. Miệng bà khô khốc như bà bị

mất nước. Bà thềm khóc mà khoe mắt khô rang. Bà cố nghĩ là bà mộng du hay đang đồng thiếp nên bà lấy tay bấu vào đùi, ba ngón tay cầu đầu nhói làm bà thêm hốt hoảng vì biết mình không ngủ mơ. Quang cảnh rõ mồn một.

Cô Mần đang rót nước. Gương mặt cô thanh dịu như những lúc cô đun nước. Cô Mần luôn tử tế không như cô Hân hay ganh, nhưng trông mắt cô bật lo âu, làm bà sực nhớ cô Mần sẽ trúng pháo ngay chiều nay, chết khi xe về đến Hà Nội bốn hôm nữa, đưa vào bệnh viện Lanessan mà không kịp. Bà muốn vùng ra khỏi ngạch cửa, chạy đến ôm choàng lấy cô Mần và kêu cô chú phải đi ngay, đi ngay đi, đi tức thì đi, vì sắp nguy biến... nhưng cánh tay bà đúc bằng chì và đôi chân bị đóng đinh. Bà cố rút mà tê liệt.

Giọng cụ Khánh khàn khàn:

- Tôi nghĩ là không nên. Cứ ở lại, khi nào Tây nó ban bố tình trạng khẩn cấp rồi tính. GM.3 chưa thấy động tĩnh. Tôi có hỏi đại úy Doriot ban sáng, đồn Bảo Chúc bị vây ngặt nhưng chưa thất thủ. Nếu anh Hợi muốn đi, chúng tôi sẽ giữ hàng hóa của bên ấy.

Bà la toáng:

- Thầy ơi! Đi ngay đi! Thầy đi kéo cô Mần chết mất!

Bà xoay sang cụ Quý:

- Chú đi đi! Chú Hào chết mất!

Nhưng không ai nghe thấy, không ai để ý tiếng kêu khàn sau cánh cửa tiếp tục van lơn:

- Thầy ơi, con đã về đây. Nhà mình di cư vào Nam. Thầy đừng ở đây nữa! Đi ngay thầy ơi...

Bà vật vã, cố hết sức mà vẫn bị giam vào khung cửa. Bà chống hai tay lên tấm gỗ, cố đẩy, đập mà vẫn không suy chuyển. Giọng bác Hợi nóng nảy:

- Hai cái nhà này chạy loạn chung đã bao chuyến. Cùng tản cư năm 46, cùng hồi cư năm 47... Ông thân sinh tôi bên Thanh Giã không muốn lúc lâm nguy thì ly biệt. Tôi không biết Tây nó tính thế nào nhưng cứ trông cái cảnh chúng nó rút từ Cao Bằng xuống Thất Khê bị bắt hết cả... dân khắp vùng không ai thoát... Cái thằng Vĩnh ở Tự vệ thành rồi gia nhập trung đoàn Thủ đô, nó đã bắn tiếng cho gia đình là sắp về. Cả cái thằng cháu họ bên tôi ở tiểu đoàn Phủ Thông cũng nhắn là nó sắp vào Vĩnh Yên. Tức là chúng nó sắp đánh lớn, đã đưa quân chủ lực về...

- Tôi muốn đợi anh Hiển... Giọng cụ Khánh do dự.

- Anh Khánh với anh Quý nên đưa gia đình đi ngay với chúng tôi, đợi chúng nó vây rồi là khốn, nhất là chị Xuân đang ở cũ. Đi sớm còn có thuốc men, chưa hỗn loạn...

- Đi bằng gì? Tôi vừa mới nói tuần sau mới có chuyến tàu hỏa kế tiếp, chuyến chót anh Hiển lấy sáng nay lên Hà Nội lấy hàng. Cụ Quý gắt. Anh Hợi muốn đi thì anh cứ đi, chúng tôi ở lại. Đi mà mất hết của cải thì không nên.

- Ở lại cũng mất, chúng nó sẽ tịch biên tất cả!

Bác Hợi to tiếng. Nhưng bà Vạn Xuân không còn nghe thấy gì nữa sau hai chữ “ở cũ”. Hai chữ “ở cũ” làm bà bùng tỉnh. Tầm lịch tường ghi thứ bảy ngày 13 tháng 1- 1951 thôi miền bà.

Cuốn lịch mới nguyên vì là đầu năm, chỉ vừa xé mười trang. Bà đếm nhắm từng tháng, tính nhắm còn đúng sáu tháng nữa là bà sẽ sinh con đầu lòng. Bà đưa tay sờ bụng hầy còn thon vì là con so, bà cố nắn tìm sự sống của một bào thai nhưng chỉ chạm làn da bắt đầu căng, như đã đầy lo lắng. Các suy nghĩ rồi chẳng lúc này như đã hóa thành một lũ trần phình to đang trườn trườn trong não bà. Rồi bởi,

nhưng bà vẫn hiểu là mình đã quay về quá khứ. Hiểu cô bé Vương Tú Oanh sẽ sinh ra ở Vĩnh Yên trong sáu tháng nữa. Hiểu tánh mạng cô bé trong tay bà. Điều bà chưa biết là quá khứ sẽ tiếp tục như đã xảy ra hay sẽ xáo trộn?

Bà cố dần hoảng loạn.

Trên nhà khách, cô Mần đứng lên, cô hơi xoay nghiêng phò sóng mũi cao. Chính là gương mặt cuối cùng của cô Mần, hai mắt mở với răng hơi hé. Bà kêu nhỏ: *Mần, Mần...* nhưng cô không nghe thấy, đã xuống bếp. Bà chợt nhận ra mình vẫn đứng sau ngạch cửa. Bà sức nhớ u Đào bụng mâm gà đi sau lưng mình. Bà quay phắt lại. Đôi mắt u mở lớn hãi hùng khiến bà hiểu lập tức là u cũng trông thấy cảnh tượng.

- Chết.. Chết.. mợ ơi..

U run lấy bầy, hai vai u co lại, cổ u rụt xuống như u muốn trốn. Mồi u lấp bấp:

- Mợ ơi... cụ Khánh.. mợ ơi... cụ Khánh...

U lập đi lập lại hai chữ “cụ Khánh”, phải khó khăn lắm u mới thốt thêm mấy chữ “cô Mần”... “chú Hào”... U run như cây sấy, mắt mũi u trệu trạo đầy kinh hãi. Hai tay u lạnh ngắt lúc bà nắm lấy.

- U, bình tĩnh!

Bà lay u nhưng u vẫn run bần bật. Tròng mắt u trắng dã vì sợ. Bà lay mạnh u lần nữa.

- U, bình tĩnh! U không rời tôi, hiểu không?

U gật nhưng răng u đánh lập cập.

Bà cầm tay u, giật.

- U nghe tôi nói không? U nghe không? Không rời tôi. Phải tìm cách quay về. U phải tỉnh táo giúp tôi quay về. Tôi còn các em ở Tân Định...

Bà bỗng ghen, hai mắt đỏ hoe, u không thấu hiểu là bà đang lo lắng tội bực cho các con ở nhà, đang rối trí, và tuy bảo u phải tự trấn tĩnh nhưng chính bà cũng không cầm được. Bà nức:

- Tôi có mang rồi u ơi!... Tôi sắp sanh em Tú Oanh...

Bà ràn rụa ôm vòng u như bám chiếc phao sau cùng. U cũng sứt sùi, đã gần ba thập niên nay u không ngừng thương cô Trần Thị Xuân:

- Con ở với mẹ... con không đi đâu hết...

- Tôi không biết làm sao đem em Tú Oanh về Tân Định, u ơi... Bà lắc đầu.

U mếu:

- Nhưng làm sao mẹ sanh cô Oanh ở đây, cô Tú Oanh vẫn trong Sài Gòn kia mà...?

Bà Vạn Xuân ngừng lên. Bà buông u ra. Nhìn u chăm chăm. Bà nhìn u đang ngơ ngác, nửa thất thểu, nửa dậm dọ chờ đợi. Tròng mắt u chứa đầy những dấu hỏi phản quang từ mắt bà. Bà nhìn u chăm chú như bà vừa phát hiện ra điều gì phải giải quyết.

*

Bà Vạn Xuân có trở về lại được Tân Định hay không? Có giải quyết điều bí mật? Có thật sự đã là một phép tịnh tiến trên mặt đất hay bà đã nhiễm hội chứng Florence của Stendhal: trước những biến cố trọng đại hay trước những công trình kỳ vĩ, con người chìm đắm vào thời đại đã xảy ra; hoặc giả bà Vạn Xuân mang hội chứng Brulard: con người không nhớ về kỷ niệm xác thực mà sống trong một quá khứ đã vun bồi bằng các thông tin tiếp nhận và tin quá khứ tái tạo ấy mới là thật; hay chỉ là chuyển động biểu kiến của mặt trời, một hiện tượng trông thấy bằng mắt nhưng không có thật?

Các sử gia tiếp tục truy tìm tông tích của Trần Thị Xuân và Nguyễn Thị Đào, vì tin chiến tranh của quá khứ vẫn hãy còn tiếp diễn ngay cả khi chiến tranh của hiện tại đã chấm dứt. Và chính chiến tranh tạo ra vũ trụ song hành với thời gian đa chiều nhưng không một ai chứng minh được phát kiến ấy. Với thời gian, ba chữ cổ “Manê”, “Thêcel”, “Pharès” trong truyền thuyết vua Balthazar dần biến thành “Numbered”, “Weighed”, “Divided” mà phiên bản Anh ngữ đầu tiên do một bàn tay vô hình chép lên mỗi trang của Hiệp định Paris. Kể từ đây về sau, phần số của Nam-Việt tính từng ngày, chức vị tổng thống của Nguyễn Văn Thiệu đã được cân nhắc và Nam-Việt phải chia hết đất đến tận Cà Mau. Tiên tri của Friedrich Schiller: Những gì con người khước từ trong giây phút, thời gian không hoàn trả... nhiều giả thuyết cho rằng nhắm vào hoàng đế Bảo Đại đã thoái vị. Duy nhất câu văn của Fedor Dostoïevski giải thích tất cả: Nếu 2 với 2 thành 4, sẽ không còn là đời sống mà là thân chết.

Là câu chuyện đám giỗ cụ Vương Gia Khánh.

6 tháng 3-2019

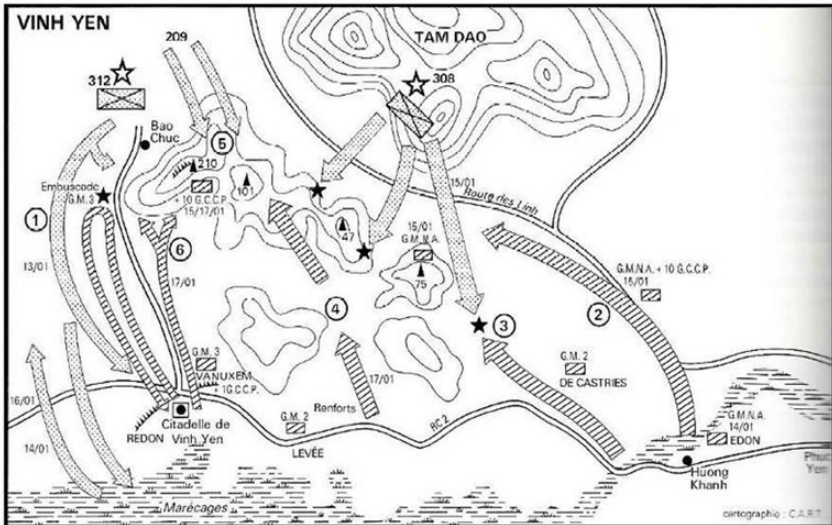
Phụ lục:

Trận Vĩnh Yên, tức chiến dịch Trung du của Việt Minh diễn ra từ 13 tháng 1 đến 18 tháng 1-1951.

Binh lực Việt Minh: Đại đoàn 308 của Vương Thừa Vũ với 3 trung đoàn 102, 88 và 36, Đại đoàn 312 của Lê Trọng Tấn với 2 trung đoàn 209 và 141. Tăng cường 2 trung đoàn 98 và 174 thuộc Đại đoàn 316 đang thành hình, thêm 4 tiểu đoàn địa phương của Chủ lực Miền và 4 đại đội pháo binh 75 ly. Tổng cộng 27.638 cán binh. Huy động 272.259 dân công.

LA BATAILLE DE VINH YEN

(PREMIERE VICTOIRE DU GENERAL DE LATTRE DE
TASSIGNY EN INDOCHINE)



1. 13-01. Attaque du poste de Bao Chuc. Le G.M. 3 (Vanuxem) va au secours. Tombe dans embuscade. Se replie (soir du 14-01) sous les murs de Vinh Yen (colonel Edon). 2. Le G.M.1A. (colonel Edon), après avoir stoppé, (14-01) lance une attaque de diversion sur Huang Khanh, repart (15-01) à la reconquête de la cote T. 3. De Castries bloque des éléments de la Division 308. Les bombardiers arrivent: attaque générale de la 308 (16-01) - 17 h. 4. 17-01. Les renforts, ramenés de Cochinchine, participent à la contre-attaque générale. 5. Attaque de nuit de la Brigade 209 sur la cote 210. 6. Le G.M. 3 va tendre la main aux paras qui ont tenu la cote 210 (17-01).

Binh đoàn 3 Lưu động (GM.3): Trung tá Vanuxem thay thế trung tá Muller đêm 31-12-1950.

- Chi đội thám thính xa V100 tăng phái từ Trung đoàn 1 Kỵ binh Săn Giặc (1^{er} Chasseurs).

- Tiểu đoàn Pháo binh Thuộc địa Tây-Phi/ Groupe d'Artillerie Coloniale d'Afrique Occidentale Française (GACAOF)/ Thiếu tá Coulon/ về sau cải danh Tiểu đoàn 3 của Trung đoàn 10 Pháo binh Thuộc địa (III/10^e R.A.C.).

- Tiểu đoàn 8 Khinh kỵ Bộ chiến Spahis (8^e GSPA)/ Groupement de Spahis à Pied/ lính Algérie/ Thiếu tá Deluc.

- Tiểu đoàn 3 của Trung đoàn 2 Tán binh Maroc (III/2^e RTM)/ Régiment de Tirailleurs Marocains.

- Tiểu đoàn 1 Bộ chiến Mường (1^{er} BM)/ Bataillon Muong/ Đại úy Magdelin.

Tiểu khu Vĩnh Yên: Trung tá Galibert.

- Tiểu đoàn 24 Tán binh Sénégalais (24^{eme} BMTS)/ Bataillon de Marche des Tirailleurs Sénégalais.

- Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 6 Tán binh Maroc (II/ 6^e RTM)/ Régiment de Tirailleurs Marocains.

Tăng viện:

- Binh đoàn Lưu động Bắc-Phi (GMNA)/ Groupe Mobile Nord-Africain (Tân cải Binh đoàn 1 Lưu động (GM.1)/ Trung tá Edon/ tăng cường Tiểu đoàn 10 Biệt cách Nhảy dù Thuộc địa (10^e GCPC) của thiếu tá Clément.

- Binh đoàn 2 Lưu động (GM.2) của trung tá Erulin thay thế trung tá de Castries cán mìn.



Đại tướng Jean de Lattre de Tassigny (vua Jean) và trung tá Paul Vanuxem tại Vĩnh Yên tháng 4-1951.

Le colonel Vanuxem, commandant le G.M.3, l'un des maréchaux du « Roi Jean ».



Trung tá Paul Vanuxem và cựu hoàng đế Bảo Đại thị sát Vĩnh Yên sau chiến thắng.



Tiểu đoàn 1 Bộ chiến Mừng.

phép tính của một nho sĩ*

Mỗi thời đại thờ cúng một vị thần. Thần sông Tô Lịch khi dâng nước mênh mông, khi hiền hòa tưới mát các đồng lúa, ở mãi với dân Giao Châu. Cho đến khi Tiết độ sứ Cao Biền sang trấn thủ, bày trò trấn yểm, dìm chúng tôi xuống móng thành Đại La.

Tôi với Tiểu Khanh chết đi ở giấc canh khuya, khi mặt sông đã hóa bùn và nước sông đã đặc tót. Song tóc Tiểu Khanh làm sông Tô Lịch chảy mềm mại và từ bấy mang màu tóc Tiểu Khanh. Sông xanh tóc con gái ước mơ và kiên nhẫn.

* Tựa cũ: *Khi về đã lạnh vườn xưa*, Tâm sự cùng Nguyễn Du, thơ Võ Việt Dũng.

Chết trong sóng nước quê mình là một hạnh phúc. Sống vì quê, chết về quê. Đã bao ngày chúng tôi tin vậy, từ khi lọt lòng, khi biết chạy nhảy qua các đồng rạ rồi trèo lên các gốc mận chia trái ngọt của quê mình. Chết, khi tuổi trẻ ngập kín hồn là tuyệt phúc. Vì chết mà nụ cười vẫn tươi. Còn mang hồn nhiên thánh thoát. Tôi nói Tiểu Khanh đừng ngại chết. Tiểu Khanh biết tôi nói dối. Vì chết khi chưa kịp sống, là chết oan. Tiểu Khanh hiểu mà vẫn thương lời nói dối. Chết đi không than trách. Sử Giao châu không chép, nhưng tôi mang ánh mắt của Tiểu Khanh xuống tuyến đài. Ánh mắt còn chứa chan tình yêu đất này và lấp lánh niềm hoài cảm.

Cao Vương trừ tính chúng tôi phải làm âm binh. Tôi hầu quạt còn Tiểu Khanh làm ca kỹ cho Thành hoàng. Chúng tôi cứ thế, ngày ôm móng thành, đêm trôi lên mặt nước, đôi khi ráng chiều muộn còn vờ trên ruộng mạ phi nhiều chan chứa tình người mà chúng tôi quyến luyến. Đôi khi mây xám vùng lên những giắc mưa, làm ướt tóc Tiểu Khanh, làm ướt ánh mắt u hoài. Chúng tôi thân với nhau từ ngày vỡ lòng Tam tự kinh, chết đi thành hồn âm nhưng vẫn thương xứ này. Đất Giao châu muôn thuở, nơi chúng tôi sinh ra, lớn lên và khám phá tình tự đầu đời. Chưa phải là tình yêu vì chúng tôi chưa biết đến, chưa kịp mặn nồng vì chúng tôi chưa biết thể nguyên, nhưng đã là sự trân quý của tuổi trẻ cảm thấu và độ lượng.

Lìa trần làm âm binh, kiếp người hòa vào kiếp nước, nước của sông Tô Lịch của đất Giao Châu vạn đời. Song chúng tôi phải sống trong chật hẹp, không thể tự do mơ ước, không thể tự do bay nhảy, hay đạt chí cả của đời mình. Vì phải đội sức nặng của thành Đại La cho đến

khi vỡ thành như bùa yểm của Cao Biền. Thần sông Tô Lịch cũng lắm phong trần. Khi giữ chức Đô phủ Thành hoàng Thần quân, khi nhận tước Đô quốc Thành hoàng Đại vương, đến triều Trần, năm Trùng Hưng lãnh Bảo quốc, năm Hưng Long lãnh thêm Định bang, toàn hàng mã. Chúng tôi chết đã năm trăm năm, tuổi ma già theo tuổi sông, mà vong linh vẫn tươi trẻ, như dòng nghịch thủy còn xanh tóc Tiểu Khanh.

Một ngày thầy An đi qua sông.

Từ xa chúng tôi đã biết gặp một nho sĩ. Thầy An mang linh hồn của một nho sĩ. Chỉ một nho sĩ mới biết viết lên trời xanh. Chỉ một nho sĩ mới biết ẩn sâu vào lòng đất chữ Thánh Hiền. Chúng tôi ngấm bóng thầy xa xa. Tâm hồn thầy thanh sạch. Sức trình bạch làm trong sắc trời. Giống thầy An làm tan biến mây mù và hiện cầu vồng lướt trên sông. Tiểu Khanh níu tôi, Tiểu Khanh ngửi ra mùi bột gạo của huyện Thanh Đàm, quê của Tiểu Khanh mà cũng là quê của thầy An, tên chữ của thầy là Linh Triệt. Chúng tôi có khả năng ngửi thấy tông tích người sống, cũng như đoán biết đến khi nào các búp lan rừng sẽ chậm rãi nở, sẽ phả hương tinh khiết.

Chúng tôi trầm dưới sông. Tôi với Tiểu Khanh đùa giỡn. Chúng tôi tự nhiên như hai thiếu niên đang vẫy vùng giữa sông, tin sông Tô Lịch nghìn năm mây phủ và tin chúng tôi đã mất dáng người. Tiểu Khanh cười khúc khích, trong lúc tôi làm trò. Nhưng thầy An trông thấy chúng tôi, mặc dầu chúng tôi vô hình, thầy gọi:

- Sao không học hành mà tắm dưới sông?

Chúng tôi rùng mình. Lần đầu tiên một người sống trông thấy chúng tôi. Tiếng thầy cất trên sông như tiếng

hồ, của người Giao Châu, gọi nước, gọi hồ. Chúng tôi biết thầy An không phải pháp sư, mà sao thầy trông thấy các hồ âm? Tiểu Khanh nói khẽ: Thầy trông thấy nỗi oan khiên ở đời. Chúng tôi trôi lên, quỳ trên sóng sông Tô Lịch.

Chúng tôi chấp tay, thưa, chúng tôi rất hiếu học mà khổ nỗi bị xiềng vào chân thành Đại La chìm sâu dưới nước. Chúng tôi thác oan nhưng lễ giáo vẫn giữ. Vẫn tin học lễ rồi mới học văn. Tin vào chữ Thánh Hiền. Tin vào tình yêu xứ này. Thầy nhìn chúng tôi chăm chú. Thầy biết chúng tôi là quý. Nhưng hôm ấy, chừng như thầy thương cảm và xúc động. Thầy nói Tiểu Khanh có thần thái sáng láng, còn tôi tuy bậm trợn vẫn giữ cốt cách có giáo dục. Hôm sau nữa, thầy An trở lại khúc sông vắng, bày hương án, làm lễ xá thủy thân. Thầy lập đàn giải oan, cúng Thành hoàng, rồi lấy bút nghiên viết lên mặt sông những chữ đại tự. Chữ thầy viết đến đâu, mặt sông lặng như trang giấy. Chữ thầy lan đến đâu, mặt nước thành mặt gương, phản chiếu. Chữ thầy thẳng, như sự ngay thẳng trong lòng thầy. Liễn mực cạn dần theo nét chữ thảo vừa viết trên sông, mà đã thoát lên trời cao. Nét chữ như nét roi. Nét chữ của một nho sĩ, mang sức mạnh của lương tri mà ghè đá, sóng nước, không cản nổi ý chí viết trên sông, viết lên cái chết oan của tuổi thanh xuân không phạm tội. Đến khuya, chúng tôi được thả.

Từ bấy, kiếp ma và kiếp đời. Chúng tôi vẫn là hồ âm, nhưng đã thành môn sinh của thầy Chu Văn An. Học thầy phải theo thầy, thầy An dạy, khi chúng tôi bước qua cổng Quốc Tử Giám.

Vũ trụ là những thời quán, mà mỗi thời quán dài ngắn tùy theo ký ức. Kiếp ma vô tận nên tôi đẩy ký ức. Tôi vẫn chưa quên buổi sáng trở về ngôi nhà cũ của thầy An dưới chân núi Chí Linh. Buổi sáng có sắc trắng chập chờn của cội mai già hiu hắt. Có sắc trắng hiu quạnh của bụi lái cô độc. Có sắc trắng nhờ của vài nhánh huệ lay lắt trước gió hú kéo lê lá khô qua nền nhà cũ.

Khi về đã lạnh vườn xưa, tôi biết thầy An muốn hét to vào hướng núi, muốn hét to vào xa vắng, muốn thả nước mắt rơi phương trời. Thiên nhiên không đáp trả tấm lòng thầy. Núi Chí Linh tịch liêu, bất lực với nỗi đau của thầy. Nỗi đau câm. Nỗi đau trong im lặng. Vì suốt đoạn đường thầy không một lần trò chuyện, không một lần cất tiếng. Thầy bước những bước dài, thẳng, không một lần quay lại. Tôi với Tiểu Khanh gánh sách và vật dụng cá nhân, tất tả từ kinh sư theo thầy về Chí Linh, từ buổi trưa thầy ra khỏi Cẩm Đình. Chúng tôi quẩy gánh như ma, lướt đi giữa phố phường kín cửa. Bóng chúng tôi lướt qua phố xá im phắc. Thiên hạ bạc như lớp vôi quét trên vách. Chúng tôi làm ma đã đành, thầy An vẫn còn sống mà các môn sinh của thầy, nhiều kẻ đậu đến đại khoa như Phạm Mạnh Su và Lê Bá Quát, không một ai đưa tiễn. Tất cả sợ. Sợ dấy vào mình “Thất trảm sớ.” Sợ sai nha của nịnh thần. Sợ mất phú quý. Chỉ một mình thầy An qua cửa Ô. Gần như một phát văng, tự nguyện, vẫn là phát văng. Tiểu Khanh khóc, vì thương thầy, chúng tôi ngậm ngùi rời Văn Miếu Môn.

Ký ức tôi vang động, như đã khảm vào não. Tôi hãy còn nhớ, khi thầy bắt Tiểu Khanh và tôi quỳ lạy tượng Khổng Tử và Tứ phối ở nhà Khải Thánh. Khi thầy đứng trên bục giảng, luận về Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư và Mạnh Tử,

cho chúng tôi chép vào vở. Tôi với Tiểu Khanh mang nhân dáng nhuyển thể, vì chìm dưới sông quá lâu, nên chúng tôi có thể treo trên xà nhà, hay trườn dưới mái, hoặc thoát ở ngọn cây, hoặc trầm dưới Thái hồ. Những ngày ở Quốc Tử Giám là những ngày nhĩm phúc. Tiểu Khanh được thầy An cho ở nhà Thái học sinh, dầy nhà xây tường ngang, lợp ngói đồng. Tôi được ở khu Tam xá, ba dãy, mỗi dãy hai lăm gian, phía gần bức tường vôi đắp gạch Bát Tràng, kết bạn cùng với các đồng môn. Với thầy An, không có học trò ma, chỉ có học trò của thầy. Mà đã là môn sinh thì phải học làm người. Xác ma nhưng biết chính trực, cốt cách tinh thần thì vẫn là người, như thầy dạy. Cấm ma mãnh. Thầy cấm tất. Học đạo của người quân tử và học cách ký thác lương tri của mình vào chữ. Chữ của người quân tử. Thầy bắt chúng tôi và các môn sinh mỗi ngày tập đồ chữ. Miệt mài cho đến khi nét chữ thật thẳng, như vết phóng. Chữ có thẳng, thì lòng mới ngay. Như thầy bảo. Các môn sinh phải tập viết ra sự ngay thẳng của lý trí mình. Cấm cong, cấm uốn, cấm run rẩy.

Giữ chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám, thầy An còn dạy thêm khoa lý số, phép tính xác xuất của thời phong kiến. Phép tính giản lược mà khó khăn: Tìm giới hạn của một cá nhân bằng cách tính hiệu năng của cá nhân đối với bách tính. Chúng tôi cần mẫn tu tập. Đôi lúc, tôi mê giọng đọc Luận Ngữ của Tiểu Khanh. Đôi lúc, tôi say nét chữ của Tiểu Khanh chép Nam Hoa kinh lên lá bàng. Tình yêu của một nho sĩ phải đẹp như tâm hồn của một nho sĩ. Tôi muốn trở thành nho sĩ để tình yêu thánh khiết của mình trong sáng vĩnh cửu. Nhưng tôi chỉ là ma da. Ma da của sông Tô Lịch. Một ma da tập làm người. Thầy An hiểu, thầy

thường khuyên nhủ: Ma vẫn phải trọng danh dự, để không ai khinh, để không nhục, để có thể nhìn thẳng vào mắt người sống mà không cúi đầu, không lạy lục, không van xin. Đôi khi thầy cho phép các môn sinh ra ngoài. Chúng tôi bay lượn khắp kinh kỳ, ngắm hoàng thành rực rỡ, nhìn mặt hồ Thiên Quang sáng khói phả từng giấc mơ. Nhìn những vầng mưa phát qua thôn Liên Thủy, chao xuống hồ, như nước giao với nước, thành làn hơi thở mỏng của Tiểu Khanh thu vào từng lời hứa. Tôi say Tiểu Khanh. Say Thăng Long, say nét hoài cổ thắm sắc vàng. Tôi vẽ chân dung Tiểu Khanh lên giấy bản. Vẽ từng lọn tóc, vẽ từng sợi, như chải tóc cho Tiểu Khanh. Vẽ ánh mắt nhu mì mà u hoài. Vẽ sóng mũi thanh của con gái Giao Châu. Vẽ chân mày hiếu học và khỏe môi biết vàng lời thầy.

Thăng Long rộn rã xe ngựa. Rộn rã phường tuồng. Rộn rã các vườn hoa Bình Than, Diên Hồng. Ngày ngày kếp Dương Khuong uốn éo với đào thương Dương Mầu. Các hoàng thân mê đắm Dương Mầu, đến nỗi Dương Mầu có mang với Dương Khuong vẫn được Cung túc vương Trần Nguyên Dục rước về. Rồi thánh thượng Trần Dụ Tông cũng đắm say với Dương Mầu, phục chức cho Đỗ Tử Bình, đã bị truất vì tham ô, đồ làm đình thần, được thăng lên làm Hành khiển Nghệ An. Đó là ngày cát hung mà thầy An tức uất. Giận dữ vì điểm suy vì nhà Trần đã thấy rõ. Chưa bao giờ chúng tôi thấy thầy giận đến như vậy. Thầy không ngớt quát tháo, xỉ vả triều chính vô đạo.

Đó là đêm thầy An thảo sớ. Chúng tôi rúc trên mái, bên trên thư phòng vắng vẻ của thầy An. Đêm thâu, vẫn nét chữ roi quất của một nho sĩ, có thể viết lên trời xanh, có thể viết xuống sông sâu, có thể ẩn xuống huyết đất thứ

chữ của người quân tử. Vắn nét chữ rắn của thầy An, rắn trên lá sớ mong manh, rắn tựa thầy lấy thép viết lên tàu lá chuối, để lá chuối ghi tẩm lòng sắt son của thầy.

Thấy quát bảy lần roi. Bảy lần thụ hiệu và tên cúng cơm của bảy nịnh thần hiện ra dưới vết đánh. Thầy hạ bút ký Văn Trinh Công. Không một do dự. Không một giọt mực thừa. Chúng tôi nín thở. Thu phòng lẩm liệt nét chữ. Tiểu Khanh siết lấy tay tôi sợ hãi. Chúng tôi hiểu, thầy đương đầu với xiêm nịnh. Mà xiêm nịnh trên đất nước này lúc nhúc, chúng cùng khắp. Chúng uy quyền và ngạo mạn. Chúng có thể đánh tàn tật bất kỳ kẻ nào. Chúng chỉ chờ dịp để giết thầy. Bắt thầy thú tội. Nhận tội phản triều đình. Chính chúng mới là kẻ có tội, song chúng tiếm danh vua, tiếm danh sơn hà. Chúng tôi thức đêm cuối cùng với thầy An ở Quốc Tử Giám.

Bảy trăm năm sau, tôi hãy còn nhớ. Bảy trăm năm nhu một thời quán. Bảy trăm năm trôi vụt, mà những lời tâm huyết cuối cùng của Chu Văn An hãy còn vang trên mặt Thái Hồ. Làm như thầy muốn mặt hồ phong phải giữ lấy dư âm, để lớp rêu ảm, xanh rì, còn giữ được lời thầy. Truyền cho hậu thế. Để mai này hậu thế biết ngày xưa, ở Quốc Tử Giám, các tôn sư đã dạy học như thế nào. Văn Miếu, nơi thầy được tòng tự. Văn Miếu nơi tiếng thầy sang sảng: Chữ thầy là chữ thật. Lời thầy là lời thật. Thầy dạy sao, thầy sống vậy. Mai này ra làm quan phải nhớ lời thầy dạy. Tiếng Chu Văn An sang sảng, nghiêm khắc: Thầy dạy những gì, môn sinh đã biết. Cấm tham ô. Cấm cửa quyền. Thấy sai phải cất tiếng. Không trái với lương tri mình. Đó là những lời cuối, trước khi Văn Trinh Công rời Văn Miếu Môn.

Thầy sẽ vĩnh viễn không bao giờ quay trở lại nữa, nơi thầy đã đào tạo biết bao môn sinh, biết bao khoa bảng, tiến sĩ, bảng nhãn, thám hoa... Thầy ra khỏi Văn Miếu khi trời đổ mưa. Buổi trưa ấy, nắng nhạt không đủ làm sáng mưa, nắng nhạt không sáng mặt người. Mưa cũng không đủ dội tắt nắng, giống lòng người buổi giao thời, không trông thấy rõ đâu là thiện, đâu là ác, không biết mưa hay nắng, chỉ trông thấy mái điện vàng ban áo gấm. Văn Trinh Công đứng đợi băng qua đường. Trông thấy già nua, nhỏ bé. Thầy cố giữ vạt áo thâm thật thẳng, cố giữ khăn nhiều quần chữ Nhất đừng lệch, cố giữ cốt cách của một vị thầy, và cố ôm trong lòng túi vải chứa lá sớ. Thầy ôm chặt túi vải vào mình, vì sợ ướt mưa, khiến chữ nhòe khiến sau này hậu thế không đọc được thực hiệu của bảy nịnh thần. Thầy ôm chặt vào lòng, vì sợ chúng giật, trước khi lá sớ đến tay Trần Dụ Tông. Không phải vì thầy sợ Trần Dụ Tông không kịp đọc để phê duyệt, mà vì thầy muốn Trần Dụ Tông phải gánh lấy trách nhiệm. Vì thầy biết Trần Dụ Tông sẽ bất động. Sẽ liếc mắt rồi phê “Bất đệ.” Không ngự lãm vì phạm lễ. Không ai được quyền dạy vua trăm thần. Thầy biết tất. Biết, nên thầy ôm chặt túi vải. Chúng có thể giật mất lá sớ rồi cho xe ngựa cán thầy. Chúng có thể xóa mọi vết tích mà thầy muốn hậu thế phải biết đến. Không phải quan triều nào cũng im lặng. Không phải nho gia nào cũng bán chữ Thánh Hiền. Còn Chu Văn An giữ tiết tháo.

Chúng tôi lẫn khuất sau lưng thầy. Núp sau bóng thầy với tất cả kinh sợ. Tiểu Khanh khóc vì biết thầy đương đầu với nguy hiểm. Không ai viết sớ xin chém kẻ cầm quyền, khi chính kẻ ấy giữ đao trong tay, chặn đồ tể. Vậy mà thầy viết. Vậy mà thầy đọc sớ trước mặt chúng. Chúng nham hiểm

bao nhiêu trò, làm sao thầy thoát. Chúng tôi nín áo thầy. Khi cổng Cẩm Đình hiện ra, thầy An lảng lảng, quay lại dặn chúng tôi về thu xếp hành trang về núi Chí Linh. Nếu thầy không trở ra, cứ về mà ở. Nếu thầy trở ra, thầy sẽ cùng về. Thầy điềm đậm. Sự trầm tĩnh của một nho sĩ. Giống thầy đã sắp đặt hết. Vì thầy hiểu chỉ có những hồn âm thác oan mới theo thầy, vì chúng tôi không còn gì để mất. Thầy sắp đặt hết. Trảm đầu thầy thì Trần Dụ Tông càng thêm tội. Không trảm thì thầy phải tự phát vãng vì lũ nịnh thần sẽ hãm hại một khi thầy còn ở kinh sư. Chúng tôi khóc, van lạy thầy đừng dăng só. Thầy quắc mắt: “Nho sĩ chết không khóc. Chết phải giữ đạo”. Rồi thầy dứt áo the thâm, bước vào Cẩm Đình. Bước chân của một nho sĩ mang sự quyết liệt khẳng khái của một nho sĩ. Chúng tôi chỉ kịp nhìn thấy vạt áo thâm thẳng tắp giữa hàng sai nha. Giữa đám quan hoạn. Giữa cung phi diềm dứa. Đám đông hiếu kỳ vây quanh cổng. Các tiếng xì xầm bàn tán. Vọng lên dần thành tiếng xôn xao. Rồi cả kinh thành rung động. Tin lan nhanh như làn nước: Văn Trinh Công dăng “Thất trảm só”.

*

Khi về đã lạnh vườn xưa. Bảy trăm năm sau tôi còn nhớ, khi về, vườn lạnh băng. Thầy muốn hét to vào núi, muốn hét to vào xa vắng, muốn thả nước mắt rơi phương trời. Tôi nhớ, vì đã khảm vào não. Chúng tôi đã đợi cho đến khi vắng mặt trời. Mỗi tiếng trống phiên làm đám đông có rúm vì nghĩ trống tử hình. Mỗi tiếng chuông ngân làm đám đông nghẹn, úp mặt, vì nghĩ chuông trảm thủ cấp. Khát khô môi. Khát mặn lưỡi. Vì cắn dập môi. Cắn dập lưỡi. Trong lạnh toát sợ hãi. Trong xanh muốt hy vọng. Hy vọng thầy An thay đổi đất nước. Thay đổi đất nước đã

tím bầm mặt. Nhưng Văn Trinh Công trở ra. Gương mặt thấy tuyệt vọng vì bất lực. Thầy đã hiểu thầy chỉ có thể lập đàn giải oan cho người chết, không thể giải oan cho người sống. Thầy đã hiểu một cá nhân thầy không thể vực dậy triều chính ngu muội. Thầy đã hiểu phải đi đến cùng phép tính của mình. Trần Dụ Tông phải gánh lấy phán xét của lịch sử. Chúng tôi về núi Chí Linh.

Triều Trần rồi vụt qua như một làn gió. Đi ngược làn gió, chúng tôi gánh sách qua các dãy phố kín cửa, cửa cái, cửa con đóng sập, để hiểu lòng người quay thoát. Hương thu còn dậy ở Đồng Xuân mà cả một phiên chợ dừng bán. Chúng tôi lướt qua các tấm phản bất động và các chảo đậu rán ngừng sôi. Lướt qua thau bún lạnh tanh lữ ruồi. Đôi mắt chúng xanh to như hạt đỗ, nhìn chúng tôi trùng trùng. Chúng cọt nhả rồi bay tản từng đàn rình rập. Chúng là lũ phi liêm mọc cánh. “Đừng dây với Chu An” là tiếng chó sủa khi qua bến đò. Bóng tôi với Tiểu Khanh va vào nỗi đau tê tái vì thương thầy. Mới trưa kia Thất trăm số làm chấn động, vì thầy lập thụy hiệu gian thần cho các quan đầu triều, nay đã bạc bẽo. Sách Dương Chu, Mặc Tử nặng vì chứa trong mình vũ trụ, sách Kinh Lễ của Khổng Phu nặng vì chứa phép làm người. Ngũ Viên và Nhị Thập Triết khiến chúng tôi mất sức, phải cố gánh thật nhিপ nhàng để theo kịp bước chân thầy. Bước chân của một nho sĩ nhẹ tênh, vì lòng không hổ thẹn.

Tôi muốn nghĩ đến những điều đẹp đẽ. Sắc vân tím trên áo của Tiểu Khanh hay sắc trưa huyền quang khi chúng tôi trốn tiết Hiến Văn lên ra cửa Thành Đức, bên hông Văn Miếu, đi viếng cảnh chùa. Có nghe tiếng chuông Chiêu Thiện Tự ngân nga bên Yên Lăng rồi vang sang tận

Hoài Đức trên tháp Quảng Nghiêm trước khi về lại Trấn Quốc mới hiểu vì sao chúng tôi thích giẫm lên tiếng đại hồng chung để gang bàn chân đỏ hồng những âm trầm. Tôi muốn nghĩ điều đẹp đẽ mà ký ức chứa bề bồng. Trương Hán Siêu gả con cho tù trưởng Nùng Ích Vãn xin đất, kết giao với quan hoạn Phạm Nghiêu Tu để xin chức Tham tri chính sự. Ký thế tự với thầy, mà trưa thầy đọc sớ, Trương Hán Siêu cáo ốm không vào triều. Văn của một nho sĩ phải hiển lộ. Văn của Trương Hán Siêu chỉ lộ lấy mà chưa phải bút Tả Thanh Thiên.

Bảy trăm năm, bay ngược gió, tôi nghiền ngẫm. Phép tính của một nho sĩ giản dị: Quốc gia ở tính nhân, ở lòng chính trực. Lấy một thân thầy chống với thời gian tà, lấy một thân thầy cảnh cáo lương tri quốc dân. Thầy hiểu lượng vàng mua chuộc, bỏ thóc nhấn chìm, chính vì vậy phải lấy một con người với hai tay trắng để chống với đám đông gây gộc, để sự can đảm càng thêm can đảm, để sự tự tin càng thêm tự tin, và chân lý càng thêm sáng. Số đông bao giờ cũng trắng, nên phép tính lũy thừa của thầy thêm vào thời gian, vì sự chính trực khi lũy thừa thời gian của lòng người sẽ tiến đến vô cực. Từ một cực tiểu trở thành cực đại mà không một triều chính nào có thể hãm.

Chu Văn An đã muốn hét to vào mai hậu, còn Cao Biền? Hãn muốn trở về đất này để trấn yểm thành Đại La thêm một lần nữa.

Chu Văn An gửi cho hậu thế:

$$\lim (Ct)^{tg} = \infty$$

Ct : chính trực

Tg : thời gian

6 tháng 8/ 2009

